

## QUYỂN V

### CHƯƠNG II :

## NƯƠNG CHỖ NGỘ MÀ TU

### MỤC MỘT :

## NÊU RA CÁI CĂN ĐỂ CHỈ CHỖ MÊ

### I. XIN KHAI THỊ CÁCH CỞI NÚT

Kinh : Ông Anan bạch Phật rằng : “Thưa Thế Tôn, tui Như Lai đã dạy Nghĩa Quyết Định Thứ Hai, nhưng nay tôi xem những người mở nút trong thế gian, nếu không biết đầu mối của nút ở đâu, thì tôi tin là người ấy rất cuộc không thể mở được. Thưa Thế Tôn, tôi và hàng Thanh Văn hữu học trong hội cũng giống như vậy. Từ vô thủy đến nay, chúng tôi cùng với các thứ vô minh cùng sanh cùng diệt. Tuy được căn lành đa văn như thế này, mang tiếng là xuất gia nhưng cũng như người sốt rét cách nhật ! Xin nguyện Đức Đại Từ thương xót kẻ chìm đắm mà chỉ bày cho, giờ đây chính nơi thân tâm thế nào là nút, do đâu mà mở ? Cũng khiến cho chúng sanh khổ nạn đời vị lai được khỏi luân hồi, không rớt vào ba cõi.”

Nói lời ấy rồi, Ông Anan và cả đại chúng năm vóc gieo xuống đất, khóc lóc thành khẩn, mong chờ lời khai thị vô thượng của Như Lai.

*Thông rằng* : Đoạn trước, Ông Phú Lô Na đã hỏi : “Hết thấy chúng sanh, do đâu mà có vọng khiến tự mình che

khuất tánh Diệu Minh, mà chịu sự chìm đắm ?” Ở đây Ông Anan hỏi : “Giờ đây, chính nơi thân tâm, thế nào là nút, thế nào là mở ?” Đó là đều muốn đi đến cùng cực cái vọng căn, nghiên cứu nhỏ nhiệm cái vô minh câu sanh, mới biết đầu gốc thắt nút mà phá trừ đi vậy.

Đoạn trước, đáp rằng : “Biết rõ cái mê là không có nguyên nhân, thì cái vọng cũng không có chỗ nào nương dựa. Còn không có chỗ sanh ra, muốn diệt dứt chỗ nào ?” Ở đây thì đáp : “Tướng phần và kiến phần không có tự tánh, cũng như các nhánh lau gác lên nhau. Xét cái tánh giao nhau đó, thì không và có đều là chẳng phải.”

Trước nói, “Tánh diên tự hết, hết tức Bồ Đề”. Đây nói, “Thấy biết mà không có thấy biết, đó chính là Niết Bàn”. Trước sau suốt thông như một. Chỉ là ở trước thuộc về kiến đạo, biết vọng tức là giác, giác tức Bồ Đề. Còn đây là phần tu đạo, lia cái thấy tức là Không, Không tức là Niết Bàn.

Nút là sự trói buộc nơi căn trần do mê, nên chìm sâu sanh tử. Mở là sự thoát khỏi căn trần do ngộ, nên thấy biết cái diệu thường. Đây là theo căn tai mà nghe ngược trở lại, thoát khỏi sự dính kết mà quay về bên trong, nhiếp phục tâm bám nắm, nhập Tri Kiến Phật, thuộc về công phu tu tập, nên gọi là Nghĩa Thứ Hai.

Có nhà sư hỏi Tổ Thạch Đầu : “Như thế nào là giải thoát ?”

Tổ Đầu nói : “Ai trói buộc ông ?”

Hỏi : “Như thế nào là Tịnh Độ ?”

Tổ Đầu nói : “Ai làm dơ ông ?”

Hỏi : “Như thế nào là Niết Bàn ?”

Tổ Đầu nói : “Ai đem sanh tử lại cho ông ?”

Nếu nơi đây mà được liền cái chỗ an lạc, thì còn hướng chi đến cái đệ nhị đầu mà làm kế sanh nhai !

## II. MƯỜI PHƯƠNG NHƯ LAI ĐỒNG MỘT LỜI CHỈ THỊ : SÁU CĂN LÀ ĐẦU NÚT SANH TỬ VÀ NIẾT BÀN

Kinh : Bấy giờ, Thế Tôn thương xót Ông Anan và hàng Hữu Học trong hội, và cũng vì tất cả chúng sanh đời vị lai mà tạo cái nhân xuất thế, làm cái đạo nhãn tương lai. Ngài lấy tay sáng ngời xoa đỉnh đầu Ông Anan. Tức thời, trong khắp các thế gian của chư Phật mười phương rung động sáu cách. Các Đức Như Lai nhiều như vi trần trụ các thế giới, mỗi Ngài đều có ánh sáng báu từ đỉnh đầu phóng ra. Các hào quang đó cùng lúc từ các cõi kia đến rừng Kỳ Đà, chiếu soi đỉnh đầu Như Lai. Tất cả đại chúng liền được cái chưa từng có.

Trong lúc đó, Ông Anan và cả đại chúng đều nghe các Đức Như Lai nhiều như vi trần trong mười phương, vô số miệng khác nhau đều dùng một lời, dạy Ông Anan : “Lành thay, Anan ! Ông muốn biết cái câu sanh vô minh, khiến ông lưu chuyển, cái căn mối nút sanh tử. Đó chính là sáu căn của ông, chứ chẳng phải vật gì khác ! Ông lại muốn biết Bồ Đề Vô Thượng, khiến chóng chứng Tánh Diệu Thường an lạc, giải thoát, tịch tịnh thì cũng chính là sáu căn của ông, chứ chẳng phải vật gì khác.”

Ông Anan tuy nghe pháp âm như thế, tâm còn chưa rõ, cúi đầu bạch Phật : “Làm sao cái khiến cho tôi luân hồi sanh tử hoặc an lạc diệu thường cũng chính là sáu căn, chứ không phải vật nào khác ?”

*Thông rằng* : Trước kia, Ông Anan có nói “Tâm tôi nào chỉ cúng dường Như Lai, mà cho đến ứng khắp hàng sa

quốc độ, phụng sự chư Phật và các thiện tri thức, phát tâm đại dũng mãnh làm tất cả những sự việc khó làm, là đều dùng tâm này. Cho dù hủy báng pháp mà vĩnh viễn lui sụt thiện căn, cũng là do cái tâm này.”

Tâm đã không hai như thế, thì sáu căn cũng không hai, cơ sao lại sáng ở nơi kia mà tối ở đây ư ? Chỉ là sáu căn này đầy thôi. Thuận với mà xuất ra, thế là trái với giác hợp với trần : liền vào ngay dòng sanh tử. Nghịch lại mà nhập vào, trái với trần hợp với giác : tức là ở trong cái chẳng sanh diệt. Giống như sắp tay, ngửa tay ! Xưa nay Như Lai không hề nói khác !

Thiền sư Bàn Am Thành thượng đường nói :

*“Một niệm tâm thanh tịnh  
Phật ở Ma vương điện  
Một niệm tâm ác sanh  
Ma vương vào Phật điện.”*

Thiền sư Hoài nói rằng : “Chỉ như thế mà tin lấy. Đó gọi là chân dẫm lên Thật Địa mà đi, rốt là không có pháp nào khác, cũng không có đạo lý nào khác. Lão tăng bày thẳng ra như thế, chỉ sợ rằng các ông thấy thỏ thả ưng, khắc thuyền tìm kiếm ! Sao vậy ? Thần lành, quỷ ác thì chủ nhân có trí đều không lãnh thọ.”

Nhưng Thiền sư Đại Mai Thường nghe tiếng kêu của con sóc cánh, bèn nói : “Tức là vật ấy, chẳng phải vật nào khác. Tất cả các ông hãy khéo tự hộ trì.”

Nói xong, thị tịch.

Thiền sư Vĩnh Minh Thọ ca ngợi rằng :

*“Sư khi mới đắc Đạo  
Thì, tức Tâm là Phật*

*Sau rốt dạy đồ chúng  
 Vật ấy, không vật khác  
 Cùng tột nguồn vạn pháp  
 Thấu đến xương ngàn Thánh  
 Chân vốn chẳng đổi dời  
 Ngại gì chuyện còn, mất."*

Tin được rằng Ngài Đại Mai cùng tiếng kêu của con sóc cánh không khác, thì còn có sanh tử Niết Bàn nào khác nhau ư ?

### III. THẤY RÕ TÁNH CỦA MỐI NÚT ĐỂ TỨC THỜI GIẢI THOÁT

**Kinh : Phật bảo Ông Anan :** “Căn, trần cùng nguồn. Trói mở không hai. Tánh của thức là hư vọng, cũng như hoa đốm giữa hư không. Anan, do cái trần mà phát ra cái biết, nhân cái căn mà có cái tướng. Cả tướng phần và kiến phần đều không có tự tánh, giống như các nhánh lau gác lên nhau.

*Thông rằng :* Căn thuộc về kiến phần, trần thuộc tướng phần. Chỉ đều do một niệm vô minh làm dính kín tánh trong lặng mà phát khởi, nên gọi là đồng nguồn. Chỉ ở nơi đầu nguồn mà xem thấy, thì kiến phần và tướng phần chưa thành hình, lúc ấy căn, trần ở đâu mà có ?

Từ lúc căn hợp với trần mà trôi xuôi thì gọi là buộc. Từ lúc căn ngược với trần mà trở về nguồn, thì gọi là mở. Cái trói chính là sáu căn, chứ không phải vật gì khác. Cái mở cũng là sáu căn, chứ không còn vật gì khác. Thể vốn không hai vậy. Trong cái thể không hai này mà soi xét, thì trói buộc chẳng là dơ, cởi mở chẳng là sạch. Nơi thể không hai đó, chưa từng có thêm bớt, đó là căn, trần vốn đồng

nguồn vậy, ai thấy là khác được ? Trói, mở vốn không hai, ai thấy được là hai ?

Sở dĩ phân biệt chia tách, là do cái thức vậy. Thức này hư vọng mà phân biệt, cũng như dụi mắt mà vọng thấy có không-hoa. Vốn nào có căn, trần lại vọng thấy căn, trần. Vốn nào có trói, mở mà vọng thấy trói, mở. Biết rõ cái thức này, có cũng như do dụi mắt, bèn chuyển thức về nguồn, thì con mắt trong sáng, nên chóng chứng an lạc giải thoát, tịch tịnh diệu thường. Chẳng phải ở nơi căn mà quay lại, nhưng ở nơi thức mà chuyển. Sao gọi là thức hư vọng giống như hoa đốm ? Chẳng phải bảo là lia cái thức tánh hư vọng mà riêng có cái gọi là tịch tịnh diệu thường đâu. Chỉ cần tin cái thức là hư vọng, thì diệu thường ở ngay nơi thức. Chỉ cần tin hoa đốm không tự tánh, thì con mắt sáng trong ở ngay tại không-hoa.

Bởi thế, do trần mà phát ra thức, chứ thức chẳng tự sanh. Nhân căn mà có tướng, chứ tướng không tự có. Ba cái căn, trần, thức giao nhau mà lập, như lau gác lên nhau, vốn không tự tánh. Cho tánh giao nhau là có thật, thì khi chưa giao nhau sao lại không có ? Cho tánh giao nhau là không có, thì khi đã gác lên nhau, làm sao lại có ? Đã chẳng phải là tánh *không*, lại chẳng phải là tánh *có*, nên nói là không có tánh. Tướng phần và kiến phần, cả hai đều không có tự tánh, hiện thể, đó là vô sanh. Cho nên, biết rằng trong cái căn mối nút sanh tử tự sẵn đủ tịch tịnh diệu thường vậy. Thế, chẳng đủ để tin rằng trói buộc hay cởi mở là không hai sao ?

Tổ Thạch Đầu dạy chúng rằng : “Pháp môn của ta, Phật trước truyền thọ, chẳng luận thiên định, tinh tấn, độ chỉ thấu đạt tri kiến của Phật. Tức tâm là Phật. Tâm, Phật,

chúng sanh, Bồ Đề, phiền não : tên khác mà một thể. Các ông phải biết, cái Tự Kỷ tâm linh, thể lia thường đoạn, tánh nó chẳng dơ sạch, lặng tròn đủ như nhiên. Phàm Thánh đồng đều, ứng dụng khắp cả, lia tâm, ý, thức. Ba cõi, sáu đường, duy tự tâm hiện. Trăng dưới nước, bóng trong gương, nào có sanh, diệt ? Các ông mà biết được nó thì có chỗ nào mà chẳng đầy đủ ?”

Đây là Đệ Nhất Nghĩa tối thượng vậy.

Chỗ nói, “*Bồ Đề, phiền não, khác tên mà một thể*”, chẳng phải là “*Căn, Trần đồng nguồn*” ư ? Chỗ nói, “*Thể lia đoạn thường, tánh nó chẳng dơ sạch*”, chẳng phải là chỗ nói “*Trói mở không hai*” đấy sao ? Chỗ nói, “*Ba cõi sáu đường, duy tự tâm hiện ; trăng trong nước, bóng trong gương, nào có sanh diệt*”, chẳng phải là chỗ “*Tướng phần, kiến phần không có tánh, cũng như hình cây lau gác nhau*” đấy sao ? Hình lau gác nhau, hoa đóm giữa hư không, cũng không có sanh diệt. Thế nên biết rằng Thức tánh là hư vọng, bèn an lạc giải thoát đó.

Kinh : “*Thế nên, giờ đây chính nơi thấy biết mà lập ra tướng có thấy biết, đó là cội gốc vô minh. Chính nơi thấy biết mà chẳng có tướng thấy biết, đó là Niết Bàn chân tịnh, vô lậu. Làm sao trong ấy lại còn có vật gì khác !*”

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà nói bài kệ :

*Thông rằng : “Trong thấy biết mà lập ra tướng thấy biết”, nghĩa là “Nhân cái Minh mà lập ra cái sở”. Do đó, biết rằng cái căn bản vô minh, cái gốc của sự thắt nút, cái căn mối nút sanh tử chính là cái thức vậy, mà chẳng phải chỉ là căn. Thấy biết mà không có tướng thấy biết, tức là “Thấy do lia cái thấy, thấy ấy là siêu việt”. Thế nên, phải biết*

rằng giải thoát khỏi cái thấy biết đó là cái quả vô lậu, đó là tịch tịnh diệu thường, là chuyển thức thành trí vậy, chứ cũng chẳng phải chỉ là căn. Bởi thế, trong bài kệ ở sau tụng rằng “Thức A Đà Na vi tế” hiển bày đầy đủ căn và thức không hai.

Thiền sư Thùy Lộc An thường đọc kỹ càng chỗ này : “Tri kiến lập tri, tức vô minh bốn. Tri kiến vô kiến, ấy tức là Niết Bàn.” Rõng nhiên khai ngộ, thường đọc tụng luôn.

Học trò bảo rằng : “Nên lấy bốn chữ làm câu !”

Ngài nói : “Đây là chỗ ngộ của ta, không thể chuyển đổi !”

Thời ấy gọi Ngài là An Lăng Nghiêm.

Khi thị tịch, đọc kệ rằng :

*“Chẳng thể đâu non mang lại được  
Há từ Kê Túc<sup>(1)</sup> truyền mai sau  
Từ xưa hiển thánh đều như thế  
Há nay đặt chuyện với ông đâu ?”*

Phó chúc xong, tự mình bước vào trong hòm, nằm nghiêng bên hữu.

Trải qua ba ngày, đệ tử mở quan tài khóc lóc, bèn trở dậy lên tòa thuyết pháp, quở trách răn dạy : “Còn mở nắp hòm của ta thì không phải là đệ tử của ta.”

Rồi bước vào trong hòm đi luôn.

Nếu chẳng được vô lậu chân tịnh, làm sao đến đi tự do như thế ?

---

<sup>1)</sup> Núi Kê Túc, nơi Đức Ca Diếp, vị được Đức Thích Ca truyền chánh pháp nhân tạng làm vị Tổ đầu tiên của Thiền tông, ngôi nhập định chờ Đức Phật Di Lặc tương lai.



## IV. KỆ TỤNG

Kinh :

“(Trong) Chân Tánh, hữu vi (là) không  
 Duyên sanh nên như huyễn  
 Vô vi, không khởi diệt  
 Chẳng thật, như không-hoa

*Thông rằng* : Hữu vi tùy theo duyên mà khởi diệt, đó là pháp sanh diệt. Vô vi không có chuyện khởi diệt, đó là pháp Niết Bàn. Trong chân tánh vốn không có tướng sanh tử hay Niết Bàn. Nút buộc do đâu mà khởi ? Cởi mở từ đâu mà có tên ? Thế nên, hữu vi là như huyễn, vô vi cũng là dụi mắt mà sanh, cả hai đều hư vọng. Ở đây, là tụng căn và trần đồng nguồn, trói và mở không hai. Ở trong chỗ đồng nguồn, không hai, thì thấy được hữu vô đều là hư vọng.

Tổ Bách Trượng nói : “Phật là người không cầu, tìm cầu tức là trái. Lý là lý không cầu, hễ cầu là mất. Nếu bám lấy sự không cầu, thế cũng lại giống với có cầu. Nếu bám lấy vô vi, thì đó cũng lại là hữu vi. Nên kinh Kim Cang nói : *Chẳng nắm giữ nơi pháp, chẳng nắm giữ cái chẳng phải là pháp, chẳng nắm giữ cái không phải là chẳng phải pháp.*”

Ngài lại nói : “Chỗ đặc pháp của Như Lai, pháp ấy không thật, cũng không hư. Chỉ suốt một đời tâm như gỗ đá, chẳng bị ám, giới, nhập, ngũ dục, bát phong chìm đắm, thì cái nhân sanh tử đoạn trừ, đi hay ở đều tự do, không bị tất cả nhân quả hữu vi ràng buộc, chẳng bị cái hữu lậu móc níu. Lúc ấy mới lấy sự không tự trói buộc làm nhân mà đồng sự lợi ích cho người. Lấy tâm không trụ trước mà ứng với hết thấy vật. Dùng cái huệ vô ngại mà cởi mở tất cả trói buộc, nên cũng nói là theo bệnh cho thuốc.”

Ở đây, Tổ Bách Trượng chỉ thẳng cái chân tánh chẳng sa vào hữu vô, đều chỉ bày phương tiện giải thoát, đó là chỗ nói "*Phát minh tức thành giải thoát vậy.*"

Kinh :

**Nói vọng để hiển chơn  
Vọng, chơn đều là vọng  
Còn không (phải) chơn, phi chơn  
Lấy đâu kiến, sở kiến ?**

*Thông rằng* : Các pháp hữu vi duyên theo căn trần mà sanh, nên gọi là hư vọng. Còn pháp vô vi thoát khỏi căn và trần, lìa tướng khởi và diệt, cố sao lại gọi là chẳng thật như hoa đốm ? Nói sanh diệt là vọng là để hiển cái chân của Niết Bàn, mà đã nói có chân để đối với vọng, thì chân cũng thành vọng, nên nói cả hai thứ đều vọng. Vì sao thế ? Vì có cái chân để đắc vậy. Như ở trong chân tánh, thì chân với chẳng phải chân đều bất khả đắc. Cái chân do lìa vọng là bất khả đắc. Cái chân do lìa chân cũng bất khả đắc. Tức là chân mà chẳng phải chân, tức là tánh mà không tánh, còn làm sao có được cái căn năng kiến và cái cảnh sở kiến ư ?

Thấy là Có, là cái thấy huyền. Thấy là Không, cũng là dụi mắt sanh ra. Phạm là có thấy, liền rơi vào nơi chốn, cho nên thấy có Niết Bàn để thành, tức là hư vọng đó vậy. Cái gọi là chân, vốn nào có vọng, hướng là cái chẳng phải chân hay chẳng chân, trong ấy chân còn không thể có, thì vọng từ đâu mà sanh ?

Có nhà sư hỏi Tổ Hoàng Bá : "Vọng hay chương ngại tự tâm, chưa rõ nay lấy gì để bỏ vọng ?"

Tổ nói : "Khởi lên cái vọng để bỏ vọng cũng thành ra vọng. Vọng vốn không gốc, chỉ nhân phân biệt mà có.

Ông chỉ nơi hai đầu phàm thánh chớ khởi suy lường, nhớ nghĩ, thì tự nhiên không có vọng. Lại toan tính đuổi bỏ nó là thế nào ? Tuyệt chẳng có được một mảy tơ nương bám, thì gọi là buông bỏ cả hai tay, ắt hiện thành Phật.”

Nhà sư hỏi rằng : “Đã không có chỗ nương bám, thì lấy gì trao truyền ?”

Tổ nói : “Lấy tâm truyền tâm.”

Nhà sư hỏi : “Nếu lấy tâm trao truyền, sao lại nói tâm cũng là không ?”

Tổ Bá nói : “Không đặc một pháp gọi là truyền tâm. Nếu ngộ tâm này, liền thật không thấy tâm, không thấy pháp.”

Nhà sư hỏi : “Nếu không có tâm, không có pháp, làm sao gọi là truyền ?”

Tổ Bá nói : “Ông nghe nói truyền tâm, bèn cho là có thể đặc. Bởi thế, Tổ Sư dạy :

*“Khi nhận được tâm tánh  
Mới là chẳng nghĩ bàn  
Rõ ràng không chỗ đặc  
Khi đặc chẳng nói tri.”*

Chỗ này mà muốn dạy cho tỏ hiểu, làm sao được ! Một chữ Tri còn chẳng tự mang lấy, mới có thể nói là chân.

Kinh :

**Ở giữa, không thật tánh  
Nên giống lau gác nhau  
Buộc, mở đồng một nhân  
Thánh phàm không hai lối  
Hãy xem tánh giao nhau**

**Có, không đều chẳng phải  
Mê lầm là vô minh  
Phát minh liền giải thoát**

*Thông rằng* : Ở giữa là ở giữa năng kiến và sở kiến. Do trần mà phát ra cái biết, thì cái biết ấy là thức, thuộc về năng kiến. Nhân căn mà có tướng, tướng là trần, thuộc về sở kiến. Ba cái căn, trần, thức này nương nhau mà có, vốn không có thật tánh, cũng như cây lau gác nhau, nương nhau mà đứng, nguyên không có tự tánh. Thử xem cái tánh của lau gác nhau, nếu cho là không thì khi nương nhau lại tựa hồ như có. Nếu cho là có, thì khi không nương nhau lại vốn là không. Chẳng phải là có chẳng phải là không, đó là không có tánh. Buộc đó, cũng là sáu căn này mà chẳng phải có chỗ bớt đi ; mở đó, cũng là sáu căn này mà cũng chẳng có chỗ tăng thêm, lấy đâu mà gọi mở ra là thánh, buộc lại là phàm ư ?

Vì chẳng thấu cái ý chỉ vô sanh, một niệm tự mình không biết, trong thì thấy có năng kiến, ngoài thì thấy có sở kiến, nên bị căn trần ràng buộc, không còn cái vốn liếng tự do. Cái mê mờ đó tức là cội gốc vô minh, cái chỗ cột buộc do đó mà khởi sanh vậy. Nếu như thật thấy được chỗ không có tánh, mà thoát khỏi sự dính kín, phát ra cái sáng chói vốn có của mình, khi ấy thì ánh sáng không theo căn và thấy chẳng cần mượn duyên. Sáu căn dùng thay nhau, siêu việt các hình tướng thế gian. Đó là cái nhân của "*Phát minh liền giải thoát*", là cái do đó mà có tên là cởi mở vậy.

Cột nút là câu sanh vô minh, cái căn mối nút sanh tử, nên là phàm phu, đó là do sáu căn này chứ không phải vật gì khác. Cởi mở chóng chứng an lạc, tịch tịnh diệu thường, gọi là thánh nhân, đó cũng do sáu căn này, nào có vật gì

khác ! Đồng sáu căn này, đâu có hai đường. Kia thì ràng buộc nơi hữu vi, giống như tánh Có của cây lau gác nhau, mà tánh thật ra chưa từng có. Nọ thì ràng buộc nơi vô vi, giống như tánh Không của cây lau gác nhau, mà tánh thực ra chưa từng không. Thấu đạt cái *chẳng phải có, chẳng phải không* này, *cái thấy không phạm không thánh*, mới có thể nói đến Chân Tánh vậy.

Có nhà sư hỏi Tổ Hoàng Bá : “Vốn đã là Phật, sao có bốn loại sanh, sáu đường, đủ thứ hình tướng chẳng đồng ?”

Tổ Hoàng Bá nói : “Chư Phật thể vốn tròn đủ, nào có tăng giảm. Trôi vào sáu đường, chốn chốn đều tròn đủ. Trong muôn loài ấy, mỗi mỗi đều là Phật. Ví như một cục thủy ngân, phân tán các nơi, mỗi hột đều tròn đủ. Như khi chẳng chia, chỉ là một khối. Đó là một tức tất cả, tất cả là một. Đủ thứ hình tướng ví như nhà cửa. Bỏ “nhà” của lửa, vào “nhà” của người ; bỏ thân người để đến thân của chư thiên ; cho đến “nhà” của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật, đều là do chỗ nắm, bỏ của ông mà có ra khác biệt. Tánh vốn xưa nay nào có khác biệt ?”

Rốt ráo thay lời nói này ! Ở ngay đây mà phát sáng được, thì có thể khiến hạng bạc địa phạm phu bước vào Thánh vị.

Kinh :

**Mở nút theo thứ lớp  
Sáu mở, một cũng mất  
Nơi căn, chọn viên thông  
Vào dòng, thành Chánh Giác !**

Thông rằng : “*Phát minh liền giải thoát*”, đây là Đốn Môn, sao còn có lời nói “*Mở nút theo thứ lớp*” ?

Đốn mà chẳng bỏ tiệm nên mới là pháp môn Viên Đốn vậy. Nếu là người đại căn, đại khí, một ngộ liền đến Phật địa, còn mượn gì đến tu chứng. Kế đó là hạng mà không gì bằng là chọn Nhĩ Căn Viên Thông, một căn về nguồn thì sáu căn liền giải thoát. Trước là tiêu mất sáu căn, kế đó mất luôn cái một. Đó là pháp môn của Đức Quán Thế Âm, nhập vào dòng, mất cái sở, rốt ráo tịch diệt hiện tiền mà thành chánh giác. Ngay trong Đốn Môn, có đại ngộ tiểu ngộ, kể không xiết, đâu phải không từng có thứ lớp ?

Xưa, Thiền sư Quán Khê Nhân ban đầu tham vấn Tổ Lâm Tế.

Tổ Lâm Tế nắm đứng Ngài hồi lâu.

Ngài nói : “Lãnh hội vậy.”

Tổ Lâm Tế buông ra nói : “Tha cho ông một gậy đó.”

Sau, Thiền sư Quán Khê trụ núi, mới dạy chúng rằng : “Ta gặp Tổ Lâm Tế, không có ngôn ngữ gì, mà cho đến nay no mãi chẳng đói !”

Sau, Ngài đến Tổ Mật Sơn, trước tự giao ước rằng : “Tương dương thì ở, còn không thì lật ngược thiền sàng.”

Khi vào nhà giảng, Tổ sai thị giả hỏi : “Thượng tọa đến thăm núi, hay vì Phật Pháp mà đến ?”

Ngài đáp : “Vì Phật Pháp mà đến.”

Tổ Sơn bèn lên tòa giảng, Ngài Quán Khê vẫn chẳng làm lễ.

Tổ Sơn hỏi : “Hôm nay rời chỗ nào ?”

Ngài đáp : “Lộ Khẩu.”<sup>(1)</sup>

Tổ Sơn nói : “Sao chẳng che lại đi !”

---

<sup>1)</sup> Lộ bày cái miệng.

Ngài Khê không có lời đáp.

Tổ Mạt Sơn thay thế nói rằng : “Sao đến trong ấy được !”

Ngài Quán Khê mới lễ bái, rồi hỏi : “Như sao là Mạt Sơn ?”

Tổ Sơn nói : “Chẳng lộ đỉnh.”

Ngài Khê hỏi : “Như sao là chủ của Mạt Sơn ?”

Tổ Sơn nói : “Chẳng phải tướng nam nữ.”

Ngài Khê hỏi : “Sao chẳng biến hóa đi ?”

Tổ Sơn nói : “Chẳng là thần, chẳng là quỷ, biến cái gì ?”

Ngài Quán Khê chịu phục, làm người giữ vườn ba năm.

Tổ Lâm Tế tha cho Ngài một gậy, đến đây mới liên tục.

Sau, Ngài nói : “Tôi ở chỗ Lâm Tế, được một lần thoát, tôi ở chỗ Mạt Sơn được một lần thoát.” Ngài lại nói : “Mười phương không tường vách, bốn mặt cũng không cửa. Bày trần trụi, sáng rực rỡ, không thể nắm !”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Ngài Quán Khê nói như thế, thì thử nói ở chỗ Lâm Tế được hay ở chỗ Mạt Sơn được ? Mặc dầu một mũi tên mà hai con chim, nhưng có lúc chạy đi, có lúc ngồi lại. Làm sao cho hợp ? Tóm lại, mở ra đều ở ta, cầm đến, ném đi nào do ai khác ?”

Ở chỗ này mà thấu suốt được, mới mất cái một, lúc ấy mới gọi là chân giải thoát !

Kinh :

Thức Đà Na vi tế

Tập khí thành dòng xiết

Sợ làm chân, phi chân

Ta thường chẳng khai diễn

*Thông rằng* : Sáu căn chẳng có thể làm phàm, làm thánh, mà cái làm chủ là thức vậy. Sáu thức đã tiêu mất, mà cái ngã kiến vẫn còn, đó là cảnh giới của thức thứ bảy. Sáu mở, một mất, là trở về biển Như Lai Tạng, đó là cảnh giới của thức thứ tám.

Ngài Mã Minh dạy : “Y vào Như Lai Tạng, có cái tâm sanh diệt hòa hợp với cái chẳng sanh diệt, chẳng phải là một, chẳng phải khác, gọi là Thức A Lại Da.” Thức này rất là vi tế, ngầm chứa chủng tử làm tập khí, chẳng biết được chỗ ẩn núp của nó. Tích chứa sanh ra sóng thức thành dòng chảy xiết, mà chẳng biết được chỗ sanh của nó. Thế nên gọi là vi tế. Vì y vào cái chẳng sanh diệt, nên gọi là Như Lai Tạng xuất triền,<sup>(1)</sup> tựa hồ như là chân vậy. Vì y vào tâm sanh diệt, nên gọi là Như Lai Tạng tại triền,<sup>(2)</sup> hình như chẳng phải chân vậy. Nhưng chân và chẳng phải chân, đều là cái thức ấy, cho nên khó mà phân biệt. Gọi đó là chân, thì sợ rằng nhận giặc làm con ! Mà gọi đó chẳng phải chân, thì e rằng nhận con cho là giặc. Do vậy, Đức Thế Tôn chẳng khinh xuất mà bàn đến vậy.”

Nếu có thể chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Cảnh Trí, chẳng phải chân, chẳng phải không chân, mới có thể nói đến Chân Như, Phật Tánh, Vô Thượng Bồ Đề vậy. Sau này không rõ được Tánh Tông, đó chỉ vì không thấu đáo Tướng Tông, lấy cái ngã kiến trong thức thứ bảy mà cho là Phật Tánh, lấy cái tướng sanh diệt trong từng sát na của thức thứ tám làm Chân Như, nên gọi là “*Mập mờ Phật Tánh, lầm lạc Chân Như*”. Nhận định chỗ đứng yên không chao động cho là cứu cánh, thế là một chưa tiêu mất vậy.

<sup>1)</sup> Ra khỏi trói buộc.

<sup>2)</sup> Còn trong trói buộc.



Có nhà sư hỏi Tổ Trường Sa Sầm : “Thức thứ sáu, thứ bảy và thứ tám, rốt ráo không có tự thể, thì sao lại nói là chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Cảnh Trí ?”

Tổ Sa chỉ dạy bằng bài kệ :

*“Bảy “sinh” y một “diệt”  
 Một “diệt” giữ bảy “sinh”  
 Một diệt, diệt cũng diệt  
 Sáu, bảy rốt không động.”*

(Thất sanh y nhất diệt  
 Nhất diệt trì thất sanh  
 Nhất diệt, diệt diệt diệt  
 Thất lục vĩnh vô thiên.)

Do đây mà xem, thì không những “Sáu mở, một mất”, mà lại còn “Bảy mở, một mất”. Vi diệu thay, vi diệu thay !

Kinh :

**Tự tâm nắm<sup>(1)</sup> tự tâm  
 Chẳng huyền, thành pháp huyền  
 Không giữ : không “chẳng huyền”  
 “Chẳng huyền” còn không sanh  
 Pháp huyền làm sao lập ?**

*Thông rằng* : “Trong Chân Tánh, hữu vi là không. Do duyên sanh nên như huyền”. Chân Tánh vốn là Không, sao lại có huyền sanh ra ? Do vì thức thứ tám, trong thì duyên với Chân Như, ngoài sanh ra các pháp hữu vi, nên là như huyền vậy. Kinh Giải Thâm Mật nói “A Lại Da Thức rất vi

---

<sup>1)</sup> Giữ.

tế. Hết thấy chủng tử như dòng xiết. Ta chẳng khai diễn với phàm ngu. E họ phân biệt chấp làm ngã.”

Đây là *tự tâm chấp lấy tự tâm*, chính là tự phân biệt mà chấp làm cái ngã. Một khi đã chấp làm ngã, thì ở trong cái chẳng phải huyễn lại sanh khởi pháp huyễn. Tánh trong lặng do đó mà phân, nút buộc do đó mà bắt đầu. Từ đó sáu căn đuổi theo sáu trần mà thành luân chuyển. Chẳng chấp lấy làm ngã, thì cái *chẳng phải huyễn* còn không có, hướng là cái *huyễn* do đâu mà lập ? Lặng trong hợp vào lặng trong, đồng nguồn không hai, do đó mà sáu căn thanh tịnh cùng mất đi cái một vậy. Sáu căn thuộc về huyễn, cái một thuộc về *chẳng phải huyễn*. Một và sáu đều tiêu mất, nên nói “*Chẳng huyễn còn không sanh, pháp huyễn làm sao lập ?*” Đây là sự chuyển thức thành trí, ở giữa khoảng nắm lấy và chẳng nắm lấy vậy.

Kinh Lăng Già nói “Phân biệt là thức, vô phân biệt là trí. Sanh diệt là thức, chẳng sanh diệt là trí.” Chỉ không phân biệt, thì đó là Chân Tánh bất sanh diệt. Do thế mà không bị thức ám che chướng.

Nhà sư hỏi Tổ Hoàng Bá : “Ngài Văn Thù cầm kiếm ở trước Đức Cù Đàm là thế nào ?”

Tổ Hoàng Bá nói : “Năm trăm vị Bồ tát đắc túc mạng trí, thấy nghiệp chướng đời quá khứ. Năm trăm ấy là ngũ ấm của ông sanh ra đó. Bởi thấy cái nghiệp chướng túc mạng này, nên cầu Phật, cầu Niết Bàn Bồ Tát. Do đó, Ngài Văn Thù dùng kiếm trí giải giết cái tâm có thấy Phật này vậy. Nên mới nói, Ông khéo giết.”

Nhà sư hỏi : “Cái gì là kiếm ?”

Tổ Bá nói : “Tâm giải thoát là kiếm.”

Nhà sư hỏi : “Tâm giải thoát đã là kiếm, dứt lìa cái tâm có thấy Phật, thì như cái hay dứt lìa cái tâm có thấy, làm sao trừ nó được ?”

Tổ Bá nói : “Lại dùng cái trí vô phân biệt của ông mà dứt lìa cái tâm có thấy phân biệt này.”

Nhà sư hỏi : “Như khởi ra cái tâm có thấy, có cầu Phật thì lấy kiếm vô phân biệt trí mà đoạn dứt ; thế còn cái kiếm trí ấy thì sao ?”

Tổ Bá nói : “Nếu thật là trí vô phân biệt giết được cái thấy có, thấy không, thì trí vô phân biệt ấy cũng bất khả đắc.”

Nhà sư hỏi : “Không thể lấy trí lại đoạn trí, không thể dùng gương để đoạn kiếm sao ?”

Tổ Bá nói : “Kiếm tự hại kiếm, kiếm kiếm hại nhau, tức là kiếm cũng bất khả đắc. Trí lại tự hại trí, trí trí hại nhau, tức là trí cũng bất khả đắc. Mẹ con chôn nhau, cũng là như thế.”

Các luận bàn vi diệu này, không những ở chỗ *Nắm lấy* không được phép ló đầu, mà ngay chỗ *Chẳng nắm lấy* cũng không có dấu vết. Nhỏ nhiệm càng nhỏ nhiệm thay ! Cần thấu rõ như thế, mới có thể nói tới việc chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Cảnh Trí.

Kinh :

Đó là Diệu Liên Hoa  
 Bảo Giác Kim Cương Vương  
 Như huyễn Tam Ma Đề  
 Gãy móng (tay) vượt Vô Học  
 Đây là pháp vô thượng  
 Một đường đến Niết Bàn  
 Của mười phương chư Phật.”

*Thông rằng* : Ban đầu, Ông Anan nói rằng từ vô thủy đến nay cùng với các thứ vô minh cùng sanh cùng diệt, không thể hàng phục được sắc nạn của Cô Ma Đăng Già, mới ân cần cầu xin cái phương tiện đầu tiên là Xa Ma Tha, Tam Ma và Thiên Na để đắc thành Bồ Đề của mười phương Như Lai. Nay, mười phương Như Lai khác miệng đồng một lời rằng : “Ông muốn biết cái câu sanh vô minh khiến ông lưu chuyển, cái căn mối nút sanh tử đó, chính là sáu căn của ông, không phải vật gì khác. Ông lại muốn biết cái Bồ Đề Vô Thượng khiến ông chóng chứng an lạc giải thoát, tịch tịnh diệu thường, thì cũng là sáu căn của ông chứ không phải vật gì khác.” Như thí dụ ở trước về băng và nước. Nước đông lại thành băng, đâu có vật gì khác để làm thành băng ? Băng tan thành nước, đâu có vật gì khác để làm ra nước ?

Sáu cái làm môi giới cho giặc, tự cướp của báu nhà mình, đó là sáu căn này vậy. Sáu mở một mắt, liền thành chánh giác, cũng là sáu căn này vậy. Tức vọng tức chân, tức chân tức vọng, trong ấy có diệu ngộ. Một chữ Diệu rất khó dùng ngôn ngữ để hình dung, phải chuyển thức thành trí. Tương ứng với Tánh Giác Diệu Minh, Bốn Giác Minh Diệu mới có thể nói đến Bồ Đề Vô Thượng. Ví như hoa sen, mọc ra từ bùn mà chẳng dơ nhiễm. Hoa sen thường còn vậy, huống là hoa Ưu Đàm, khác hẳn tướng thế gian, gọi là hoa ứng điềm lành, để chỉ cho sự phát minh một con đường tối thượng. Nhập chỗ thấy biết của Phật mới lãnh nhận nối.

Bảo Giác Kim Cương Vương, tức là Sơ Càn Huệ Địa trong Tâm Kim Cương vậy. Kim cương có thể phá hủy tất cả. Hàng Thập Địa đều gọi là Tâm Kim Cương, cũng vì là phá hủy cái “Địa” trước, tức cái gọi là gươm Huệ vậy. Một khi cái Giác này hiện ra, thì không những vô minh từ vô

thủy diệt ngay, mà cái Phật kiến, Bồ tát kiến cũng không có chỗ nào lộ đầu ra nữa.

Tam Ma Đề là chánh định. Nói là như huyễn vì như người huyễn đang làm mà vốn không có chỗ nào làm. Tức là Tịch mà Chiếu, tức là Chiếu mà Tịch, quên tình bật thức, không thể nghĩ bàn, tức là chỗ gọi là Kim Cương Tam Muội, văn, huân, tu vậy. Các pháp Xa Ma Tha, Tam Ma, Thiền Na nhiệm mầu này, độc chỉ bởi một phen ngộ. Một khi ngộ liền đến Phật địa, nên trong khoảng khảy móng tay mà vượt hàng Vô Học Nhị Thừa. Hàng Vô Học còn rơi vào công phu tu tập, còn chấp nơi vô kiến. Cái Chân Tánh này hiện tiền, thì hữu, vô đều lia hết, vượt lên một lần là vào thẳng, chẳng còn mượn công phu thứ bậc, là Đốn Môn vậy. Như Thái tử còn ở trong thai, đã quý hiển hơn hàng quan, hay như chim Tần Đà trong trứng, tiếng đã vượt hơn các loài chim. Há các loại thiền định, quán hạnh tầm thường có thể so sánh sao ? Nên nói “Pháp không gì sánh này chóng chứng tịch thường vậy.”

Nhà sư hỏi Tổ Càn Phong : “Một đường vào Niết Bàn của mười phương chư Phật, chưa rõ đầu đường ở chỗ nào ?”

Tổ Phong lấy cây gậy vạch một nét, bảo : “Ở trong ấy.”

Nhà sư xin Tổ Vân Môn chỉ thêm.

Tổ Môn cầm cây quạt đưa lên nói : “Cây quạt nhẩy tót lên tầng Trời Thứ Ba Mười Ba, xây đắp cái lỗ mũi của Đế Thích. Đánh con cá Lý Ngư ở biển Đông một gậy, mưa như cầm chậu đổ ! Hiểu chăng ? Hiểu chăng ?”

Tổ Hoàng Nam nói : “Càn Phong một phen chỉ đường, giúp đỡ kẻ sơ cơ. Vân Môn thông suốt chỗ biến hóa, nên khiến người sau không mới mẻ !”

Ngài Trúc Am tụng rằng : “Càn Phong khởi dùng sự  
chỉ bày. Vân Môn thôi đánh đồ vật vĩnh. Tự nhiên con Lý  
Ngư ở biển Đông xây đắp lỗ mũi của Đế Thích.”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Vào tay phương thuốc để cứu đời  
“Hương hoàn hồn” muốn cứu nguy ngay  
Một mai toát mồ hôi khắp hết  
Mới tin ai chẳng tiếc lông mày.”*

Đây là việc gì mà há nên nói lý giải thoát khiến người  
vào được ? Cần phải tự mình khai ngộ thấu suốt mới được  
cái kỳ diệu.



MỤC HAI :  
**CỘT KHĂN ĐỂ CHỈ MỐI NÚT  
VÀ CÁCH MỞ NÚT**

I. CỘT NÚT

Kinh : Khi ấy, Ông Anan và cả đại chúng nghe lời dạy từ bi vô thượng của Phật, kệ tụng cốt tủy, diệu lý trong suốt, mắt tâm mở tỏ, tán thán là pháp chưa từng có.

Ông Anan chấp tay đảnh lễ, bạch Phật : “Nay tôi nghe Phật mở lòng đại bi dạy cho những câu pháp về tánh chân thật thanh tịnh diệu thường, nhưng tâm còn chưa rõ thứ lớp mở nút của việc “*Sáu mở một mắt*”. Xin Phật rủ lòng đại bi thương xót hội này cùng với đời sau, bố thí cho pháp âm, để rửa sạch những cấu nhiễm nặng nề của chúng tôi.”

Liền khi ấy, Đức Như Lai nơi sư tử tòa, sửa áo Niết Bàn Tăng, vén áo Tăng Già Lê, dựa ghế thất bảo, đưa tay lên ghế, lấy cái khăn hoa do Trời Dạ Ma dâng cúng, rồi ở trước đại chúng, cột thành một nút, đưa cho Ông Anan xem và bảo rằng : “Cái này gọi là gì ?”

Ông Anan và đại chúng đều bạch Phật rằng : “Cái ấy gọi là nút.”

Lúc ấy, Như Lai lại cột khăn hoa thành một nút nữa và hỏi Ông Anan : “Cái này gọi là gì ?”

Ông Anan và đại chúng lại bạch Phật rằng : “Cái ấy cũng gọi là nút.”

Phật tuần tự cột khăn hoa như vậy, tất cả sáu nút. Mỗi khi cột xong một nút, đều lấy cái nút vừa cột xong trong tay, đưa hỏi Ông Anan : “Cái này gọi là cái gì ?”

Ông Anan và đại chúng cũng tuân tự đáp lại Phật : “Cái ấy gọi là nút.”

Phật bảo Ông Anan : “Khi Ta mới cột khăn thì ông gọi là nút. Cái khăn hoa này trước đây chỉ có một cái, cứ sao lần thứ hai, lần thứ ba, các ông cũng gọi là nút ?”

Ông Anan bạch Phật rằng : “Thưa Thế Tôn, cái khăn hoa thêu dệt quý báu này vốn chỉ một thể. Nhưng theo ý tôi nghĩ, Như Lai cột một lần, thì được gọi là một nút, nếu cột trăm lần, thì rốt phải gọi là trăm nút ; huống gì cái khăn này chỉ có sáu nút, chẳng lên đến bảy, cũng không dừng ở năm. Sao Đức Như Lai chỉ cho cái đầu tiên là nút, còn cái thứ hai, thứ ba thì không gọi là nút ?”

Phật bảo Ông Anan : “Cái khăn hoa báu này, ông biết nó vốn chỉ có một cái, đến khi Ta cột sáu lần thì ông gọi là có sáu nút. Ông xét kỹ xem, thể của khăn là đồng, nhân vì cột mà có ra khác. Ý ông thế nào ? Cột nút đầu tiên thì gọi là nút thứ nhất, như vậy cho đến cột lần thứ sáu thì gọi là nút thứ sáu. Nay Ta muốn gọi nút thứ sáu là nút thứ nhất, được không ?”

– Bạch Thế Tôn, không. Cả sáu nút mà còn, thì cái gọi là thứ sáu nhất định không phải là cái thứ nhất. Cho dù tôi có biện giải suốt đời cũng không làm sao cho sáu nút đổi tên được.

Phật bảo : “Thế đấy, sáu nút không đồng nhau. Xét theo bản nhân thì do một cái khăn tạo ra, nhưng rốt cuộc không thể làm cho sáu nút lẫn lộn với nhau. Sáu căn của ông cũng là như thế. Trong chỗ rốt ráo đồng nhau, sanh ra rốt ráo khác nhau.”

Phật bảo Ông Anan : “Chắc là ông không muốn thành ra sáu nút, và trông mong chỉ thành một thể, thì phải làm sao ?”



Ông Anan thưa : “Nếu còn những nút này thì sự phải trái nổi lên, trong đó tự sanh ra nào là nút này không phải nút kia, nút kia không phải là nút này. Nếu giờ đây, Như Lai cởi bỏ tất cả, thì nút chẳng sanh ra, ắt là không có đây, kia. Như thế còn không có cái gọi là một, thì lấy đâu có sáu ?”

Phật dạy : “*Sáu mở, một mất* cũng như vậy đó. Do từ vô thủy, tâm ông cuồng loạn, mà cái thấy-biết vọng phát ra. Vọng phát chẳng ngừng, nên cái thấy mệt mỏi phát sanh trần tướng. Ví như mắt mỏi thì có hoa đốm. Trong tánh trong lặng sáng suốt, không đâu mà lăng xăng sanh khởi tất cả thế gian, núi sông, đất đai, sanh tử, Niết Bàn... hết thảy đều là những tướng hoa đốm điên đảo mê đại cả.”

*Thông rằng* : Vốn y nơi một Tinh Minh mà chia ra thành sáu cái hòa hợp, trước đã nói rõ rồi, sao lại có ví dụ này ?

Ở đoạn trước thì do các trần sáng, tối, động, tĩnh... làm dính che tánh trong lặng mà phát khởi ra sáu căn, từ ngoài vào trong, cho nên chỉ cần chẳng theo các tướng sáng, tối, động, tĩnh... thì thoát khỏi sự che dính, ẩn phục vào trong, liền phát ra cái sáng chói vốn có, thì được sáu căn dùng thay nhau. Đó là ngược dòng mà toàn nhất, để chế phục cái bên ngoài vậy.

Nay đây thì do tâm cuồng loạn, cái thấy mệt mỏi phát ra trần tướng, là từ trong ra ngoài. Nên trừ được cái căn cột buộc thì trần tướng tự diệt mất. Ban đầu đắc nhân không, cho đến đắc Vô Sanh Nhẫn. Đây là mở tan tâm bị cột trói, để viên dung cái bên trong vậy. Trong tánh trong lặng sáng suốt, không do đâu mà sanh khởi lăng xăng. Cái mê vốn chẳng có nguyên nhân, gốc gác gì ; nhân nơi cái minh lập nên cái sở.

Cái thấy biết vọng phát ra này, là nguyên do của sự phát sanh mối nút. Cái trong lặng bỗng xoay ra có hư vọng sanh diệt. Sanh diệt ấy mà đã diệt, đó là tịch diệt hiện tiền. Sáu cái dùng này chẳng hiện hành, đó là nghĩa mở tan vậy.

Còn bị cột, thì nghe chẳng ngoài tiếng ; thấy chẳng vượt sắc. Nút này chẳng phải nút kia, nút kia chẳng phải nút này. Như mắt mệt mỗi thấy riêng hoa đốm. Đến khi cõi mở được, thì cái sáu đã tiêu, cái một cũng mất. Cái một còn không có tên gì để gọi, huống là thành sáu sao ? Như mắt trong sáng, vốn tự không có hoa đốm. Nên cột đó, thì gọi là sanh tử, mà chẳng hề tổn giảm. Mở đó, gọi là Niết Bàn, mà chẳng hề thêm lên. Như hoa đốm khi không mà khởi, diệt ; hư không có chỗ nào thêm bớt ? Thế nên, biết sanh tử là điên đảo thì sáu liền được mở. Biết Niết Bàn là hoa đốm, thì cái một liền tiêu vong. Ngược dòng toàn vẹn một, cái một dường chưa mất, đến khi một cũng mất thì tâm trí buộc liền mở thoát.

Nhà sư hỏi Thiên sư Phong Huyệt Chiếu : “Một tức sáu, sáu tức một. Một và sáu đều mất thì như thế nào ?”

Tổ Huyệt nói : “Một mũi tên bắn hai chim.”

Hỏi : “Ý chỉ thế nào ?”

Tổ Huyệt nói : “Thân mất, dấu tiêu.”

Ông Tú Tài Trương Chuyết ra mắt Tổ Thạch Sương.

Tổ Sương hỏi : “Tên gì ?”

Ông Chuyết đáp : “Họ Trương, tên Chuyết.”<sup>(1)</sup>

Tổ Sương nói : “Tìm cái khéo còn chẳng được thay, cái vọng từ đâu mà lại ?”

---

<sup>1)</sup> Vụng về.

Ông Trương Chuyết ngay dưới lời nói khế ngộ, bèn trình kệ :

*“Sáng trưng lặng chiếu khắp hà sa  
 Phàm thánh sinh linh chung một nhà  
 Một niệm chẳng sanh : toàn thể hiện  
 Sáu căn vừa động bị mây mờ  
 Đoạn trừ vọng tưởng, càng thêm bệnh  
 Hưởng tới Chân Như, ấy cũng tà  
 Tùy thuận duyên đời, không chướng ngại  
 Niết Bàn, sanh tử thấy không hoa.”*

(Quang minh tịch chiếu biến hà sa  
 Phàm thánh hàm linh cộng nhất gia  
 Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện  
 Lục căn tài động bị vân già  
 Đoạn trừ vọng tưởng trùng tăng bệnh  
 Thú hưởng Chân Như diệc thị tà  
 Tùy thuận thế duyên vô quái ngại  
 Niết Bàn, sanh tử đẳng không hoa.)

Như Ông Chuyết, quả là thâm đặc ý chỉ “Sáu mở Một tiêu”. Nào do thứ lớp mà đến đó sao ?

## II. CÁCH MỞ NÚT

Kinh : Ông Anan thưa : “Cái bệnh mệt mỏi kia giống như cái nút, làm sao cởi bỏ ?”

Đức Như Lai dùng tay cầm cái khăn có cột nút, kéo riêng mối bên trái rồi hỏi Ông Anan : “Như thế này mở ra được không ?”

– Thưa Thế Tôn, không thể.

Đức Thế Tôn lại dùng tay kéo mối bên phải rồi hỏi Ông Anan : “Như thế này mở ra được không ?”

– Thừa Thế Tôn, không thể.

Phật bảo Ông Anan : “Nay Ta lấy tay kéo mối bên phải, bên trái mà rốt cuộc chẳng mở ra được, vậy ông dùng cách nào mà mở ra ?”

Ông Anan thưa với Phật rằng : “Thưa Thế Tôn, phải ở ngay nơi trung tâm của nút, thì mở ra ngay.”

Phật bảo Ông Anan : “Đúng thế, đúng thế ! Nếu muốn hết cái nút, thì phải ở ngay nơi tâm của mối nút.

*Thông rằng* : Các nhà chú giải xưa nói : kéo mối bên trái, bên phải là dụ cho sự nương y vào hai bên *không, có*, nên không thể mở nút. Nên cần phải ở trong Viên Quán, nơi căn không sanh phân biệt, nơi cảnh không sanh bám nắm, thì nút mở ra. Phàm đợi quán rồi mới mở ra được, thế vẫn chỉ là kéo mối phải, mối trái mà thôi, nơi chỗ tâm của mối nút có ăn nhằm gì ? Chẳng như lời lẽ của nhà Thiền rất kín đáo nhiệm mầu vậy.

Tổ Thọ Thánh nói : “Nửa tháng trước dùng móc, nửa tháng sau dùng chùy.”

Nhà sư bèn hỏi : “Hiện đang đang giữa tháng thì thế nào ?”

Tổ Thánh nói : “Trâu đất đập vỡ trăng trên đầm trong.”

Ngài Thiên Đồng nêu ra : “Hai đầu đều có chỗ dùng, ấy là Thọ Thánh ! Liền quên công sức, có ai để dắc ? Tha đi ấy : đổi làm khách quý. Nắm đứng lại : chẳng còn dấu vết. Còn có dắc gì chẳng ? Đêm khuya ngọc nữ vất bỏ gấm dệt nơi nhà Tây !”

Lại Tổ Vân Môn dạy chúng rằng : “Ngày mười lăm về trước thì chẳng hỏi, ngày mười lăm về sau, thử nói một câu xem ?”

Rồi Ngài tự nói : “Ngày nào cũng là ngày tốt.”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Người tuổi Dần bốn mạng. Người tuổi Thân tương xung !”

Tổ Thạch Môn Thông nói : “Ngày mười lăm về trước, chư Phật sanh. Ngày mười lăm trở về sau, chư Phật diệt. Ngày mười lăm về trước chư Phật sanh, ông không được lia cái *Trong Ấy* của ta. Nếu lia cái *Trong Ấy* của ta, ta lấy móc móc ông. Ngày mười lăm về sau chư Phật diệt, ông không được trụ cái *Trong Ấy* của ta. Nếu trụ cái *Trong Ấy* của ta, ta lấy dùi dùi ông. Thử nói hiện nay ngày mười lăm, dùng móc là phải hay dùng dùi là phải ?”

Rồi tụng rằng :

*“Hiện ngay ngày mười lăm  
Móc dùi đồng thời dứt  
Vừa định hỏi thế nào  
Quay đầu (mặt) trời lại mọc.”*

Tổ Vân Môn thì chẳng thế : “Ngày mười lăm về trước, chư Phật vốn chẳng từng sanh. Ngày mười lăm về sau, chư Phật vốn chưa từng diệt. Ngày mười lăm về trước, nếu ông lia cái *Trong Ấy* của ta, ta cũng chẳng dùng móc móc ông. Cứ thế vác ngang cây trụ trượng, dẫm nát đôi giày cỏ. Ngày mười lăm về sau, nếu ông trụ nơi *Trong Ấy* của ta, ta cũng chẳng lấy dùi dùi ông. Cứ việc bẻ gãy cây trụ trượng, treo cao dây bát. Thử hỏi ngay ngày mười lăm, phải làm sao ?”

Bèn nói : “Trước, sau ngày mười lăm. Móc dùi dùng làm gì ? Sáng nay ngày mười lăm. Đúng lúc dùng dùi, móc ! Nhưng dùng làm sao đây ?”

*Rắn chết giữa đường, dùng đập đánh  
Giở không đáy ấy, dùng mang về.*

Nếu nơi cái tắc này mà được ra manh mối, thì cái tâm buộc trói bấy lâu tức thời mở thoát.

Kinh : “Anan, Ta thuyết Phật pháp, từ nhân duyên sanh, không phải chọn lấy thế gian, là các tướng hòa hợp thô phù. Như Lai phát minh các pháp thế gian và xuất thế gian, đều biết rõ cái bốn nhân của chúng, theo duyên gì mà có ra. Như vậy cho đến một giọt mưa ở ngoài hàng sa thế giới cũng biết số mục. Hiện trước mặt đủ thứ : cây tùng thẳng, cây gai cong, con học trắng, con quạ đen đều rõ nguyên do.

*Thông rằng* : Phật biết pháp thế gian và xuất thế gian đều do nơi tâm. Tùy theo nhiễm duyên thì có ra chín cõi. Tùy theo tịnh duyên thì có được Phật giới. Cái nhân duyên này mà hiểu được thì cho đến hàng sa giọt mưa cùng các thứ hiện tiền nhân gì, duyên gì đều biết nguyên do. Phật có hai Trí : Quyền Trí và Thật Trí. Thật Trí thì rõ Lý ; Quyền trí thì soi chiếu Sự Vật. Thế nên, biết được các thứ nguyên do là do Quyền Trí soi chiếu sự vật vậy. Pháp Thân Như Lai tròn đầy toàn khắp, không có một vật nào ở ngoài Pháp Thân, vậy có gì mà Như Lai không biết ư ?

Tổ Động Sơn thượng đường nói : “Bảo sơn tăng này nói gì thì được ? Cổ tức kim, kim tức cổ. Vì thế kinh Lăng Nghiêm nói “Cây tùng thẳng, cây gai cong, con học trắng, con quạ đen.” Có biết không ? Tuy nhiên như thế, chưa chắc là cây tùng cứ một mực thẳng, cây gai một mực cong, con học thì cứ trắng, con quạ thì cứ đen. Động Sơn này nói : “Trong ấy cũng có cây tùng cong, cũng có cây gai thẳng, cũng có con học đen, cũng có con quạ trắng.” Đứng lâu rồi, trân trọng !”

Hãy nói xem, Động Sơn chuyển Lăng Nghiêm hay bị Lăng Nghiêm chuyển ? Rốt cuộc làm sao hiểu lời nói đó ?

Kinh : “Thế nên, Anan, tùy nơi tâm ông mà chọn lựa trong sáu căn. Nếu trừ được cái nút của căn, thì trần tướng tự diệt, các vọng tiêu mất, còn đợi cái chân nào nữa ?

“Anan, nay Ta lại hỏi ông : Cái khăn hoa này hiện có sáu nút, có thể cùng một lúc mở ra tất cả để trừ hết được không ?”

– Thưa Thế Tôn, không. Những nút ấy vốn theo thứ lớp cột lại mà sanh, thì nay cũng phải theo thứ lớp mà mở. Sáu nút ấy tuy là đồng thể, nhưng cột lại không đồng thời, thì khi cởi nút, làm sao cùng một lúc mà trừ hết được ?

Phật dạy : “Cởi trừ sáu căn cũng giống như vậy. Căn ấy khi mới mở, thì trước hết được nhân không, đến khi Tánh Không tròn sáng thì giải thoát được pháp chấp. Giải thoát khỏi pháp chấp rồi, thì cả hai nhân không và pháp không đều chẳng sanh. Đó gọi là Bồ tát do Tam Ma Địa mà đắc Vô Sanh Pháp Nhãn.”

*Thông rằng* : “Một căn đã trở lại nguồn, sáu căn thành giải thoát”, thật rõ ràng như thí dụ này. Mê thì sáu căn cùng cột nút, ngộ thì sáu căn dùng thay nhau, có thứ lớp gì đâu ? Chỉ vì mê lại càng tích chứa thêm mê, mà có từ tinh tế đến thô phù ; ngộ thì càng ngộ, mà từ thô phù đến tinh tế. Chẳng phải là không có thứ lớp, nhưng chẳng phải nhổ thoát một căn rồi các căn kia theo thứ tự nhổ thoát theo. Lời Phật viên dung, vốn nào có vướng mắc. Như gọi là nút thứ nhất, thì nút thứ hai, thứ ba cũng đồng là nút mà không thể gọi là nút thứ nhất được. Tên thì khác nhau mà đồng là nút, thì cái thứ nhất là cái thứ sáu, cái thứ sáu là cái thứ nhất.

Người ta sanh ra, từ trong thai cho đến khi đầy đủ hình thể, sáu căn chẳng phải không có trước sau. Đến khi mười tám giới đã thành, thì căn có cái viên thông, cái chẳng viên thông. Theo cái viên thông, dư sức chứng đạo một ngày. Chẳng theo cái viên thông, trăm kiếp tu đạo chẳng đủ. Ngày và kiếp khác xa nhau, thì sáu căn có cái nhanh, chậm chẳng đồng. Thế nên, căn có cái dễ nhổ dứt, có cái khó nhổ dứt.

Khổng Tử nói “*Sáu mươi tuổi thì lỗ tai tùy thuận*”, đó là nhĩ căn đã chuyển hóa rồi vậy. Lại nói, “*Bảy mươi tuổi tùy theo tâm, mà chỗ muốn không ra ngoài khuôn phép*”, đó là ý căn đã chuyển hóa rồi, cũng có ít nhiều thứ lớp.

Cái cột nút này chẳng tích chứa trong một ngày, thì cởi mở cũng không phải trong khoảng khắc mà trừ được. Ban đầu, được nhân không, cho đến đắc Vô Sanh Nhẫn, tức là thứ lớp *Vào dòng mất cái sở*, để ám chỉ *Xoay lại cái nghe* là Viên Thông Đệ Nhất, chờ Ông Anan tự chọn đó. Nhân không là phá cái giả danh của năm ấm, nghĩa là đoạn được kiến hoặc vậy. Pháp không là phá cái thật pháp của năm ấm, nghĩa là đoạn được tư hoặc. Cho đến phá cái pháp trong sạch là Niết Bàn, thì vĩnh viễn đoạn dứt căn bản vô minh. Cả hai cái không ấy chẳng sanh, tức là Tánh Không bình đẳng. Cái *sở không* đã dứt thì cái *năng không* cũng diệt, cảnh và trí đều tiêu mất, năng và sở đều tịch diệt, đó tức là cái Định Thủ Lăng Nghiêm, “*Diệu Trạng Tổng Trì Bất Động Tôn*” vậy. Thế nên nói là đắc Vô Sanh Nhẫn.

Nhà sư hỏi Tổ Bách Trượng : “*Như thế nào là pháp yếu đốn ngộ của Đại thừa ?*”

Tổ Bách Trượng nói : “*Các ông trước dứt hết các duyên, ngừng thôi muôn sự. Thiện cùng chẳng thiện, thế gian*



cùng xuất thế gian, hết thấy các pháp đều không nhớ nghĩ, đều không dính líu. Buông bỏ thân tâm, bèn được tự tại. Tâm như gỗ đá, không có chỗ biện biệt. Tâm không chỗ động. Tâm địa nếu không, mặt trời trí huệ tự hiện. Cũng như mây tan thì mặt trời hiện ra vậy. Chỉ hết tất cả bám níu, tham, sân, yêu, giữ, thì các vọng tình sạch dơ đều dứt, trước năm đục, bát phong chẳng động, chẳng bị thấy, nghe, hay, biết buộc ràng, thế là tự nhiên đầy đủ thần thông diệu dụng, đó là người giải thoát. Trước hết thấy cảnh, tâm không tịnh hay loạn, chẳng thu nhiếp, chẳng tán loạn, suốt qua tất cả thanh sắc, không có chỗ vướng ngăn, gọi là đạo nhân. Thiện ác, phải trái đều chẳng vận dụng. Chẳng lấy mà cũng chẳng bỏ tất cả pháp, gọi là người Đại thừa. Chẳng bị tất cả thiện ác, có không, dơ sạch, hữu vi vô vi, thế và xuất thế, phước đức trí huệ buộc ràng, thế gọi là Phật huệ. Phải trái, tốt xấu, điều đúng điều sai, hết thấy thức tình thấy biết dứt sạch, không gì trói buộc được, chốn chốn đều tự tại an nhiên, gọi là Bồ Tát Sơ Phát Tâm, tiện bề chứng Phật địa.”

Tổ Bách Trượng lời lẽ nói ra thâm hợp với ý chỉ của kinh. Chẳng phải là người đại giải thoát làm sao có được lời giải thoát này ?



**MỤC BA :**  
**HỎI ĐẠI CHÚNG VỀ VIÊN THÔNG**

Kinh : Ông Anan và cả đại chúng nhờ Phật chỉ dạy, trí huệ viên thông, được không nghi lầm, cùng lúc chấp tay đánh lễ chân Phật, thưa : “Ngày nay chúng tôi thân tâm sáng suốt, vui thích mà được không ngăn ngại. Mặc dầu tỏ ngộ được nghĩa một và sáu mất hết, mà còn chưa rõ cội gốc viên thông. Thưa Thế Tôn, chúng tôi phiêu linh bơ vơ nhiều kiếp, may đâu lại được dự vào dòng giống của Phật, như đứa con mất sữa, bỗng nhiên gặp được mẹ hiền. Nếu nhân nơi đây mà được thành đạo, thì chỗ được sáu sáu đồng với nguồn tỏ ngộ, mà cùng với lúc chưa nghe không có sai khác. Xin Phật rủ lòng đại bi ban cho chúng tôi pháp bí mật trang nghiêm, thành tựu sự chỉ bày tối hậu của Như Lai.”

Nói xong lời ấy, năm vóc gieo xuống đất, lui ẩn vào trong tâm cơ sáu nhiệm, mong Phật tâm truyền.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo khắp các vị Đại Bồ tát và các vị lậu tận Đại A La Hán trong hội rằng : “Các ông là những vị Bồ tát và A La Hán sanh trong Phật Pháp mà đắc thành Vô Học. Nay Ta hỏi các ông : Trong lúc ban đầu phát tâm, trong mười tám giới, ngộ được viên thông ở giới nào, và do phương tiện gì mà vào Tam Ma Địa ?”

*Thông rằng* : Chỉ bày cái huệ giác viên thông, tức ở trước là *sáu mở một tiêu* cho đến đắc Vô Sanh Nhẫn. Do *sáu mở* mà thân suốt thông vô ngại. Do *một tiêu* mà tâm vô ngại. Tuy chưa đến chỗ sáu căn thanh tịnh, nhưng *nhỏ*

*một sáu tiêu, sáu tiêu một mất* nên đã sáng suốt không còn nghi lầm. Có điều chưa rõ gốc căn viên thông ở đâu. Căn nào là viên thông nhất ? Theo căn nào mà nhập để chứng viên thông ?

Theo căn viên thông mà chứng quả viên thông, với Anan thì nhân chỗ này mà thành đạo, với Như Lai thì đó là sự khai thị tối hậu, nên Ông Anan mới xin Phật mật trao cho pháp sâu nhiệm trang nghiêm.

Nếu luận về căn viên thông, thì trước đã bày rõ rằng mười phương Như Lai ở nơi mười tám giới mỗi mỗi tu hành đều đắc viên mãn Bồ Đề vô thượng, trong đó không có hơn kém. Nay lại bảo khắp các vị Bồ tát và A La Hán lúc mới đầu phát tâm ngộ Viên Thông ở giới nào, do phương tiện gì mà vào Tam Ma Địa ? So sánh căn viên thông, còn tự có thể nói được. Đến phương tiện ngộ nhập thì mỗi người tự biết, tự chứng, há lời nói có thể đến được ư ? Lời nói không thể đến, thì chỉ có thể tâm truyền.

Căn cứ vào sự cầu xin của Ông Anan, là mong Phật tâm truyền, chứ không lấy lời mà nói, còn Ông Anan cũng lấy tâm mà nhận lãnh, chứ không phải lấy sự nghe mà nghe. Không lấy lời nói mà truyền, đó là mật ngôn. Không lấy sự nghe mà nghe, đó là cội nguồn tỏ ngộ. Cho nên được mật ngôn của Phật, thì đồng với cội nguồn tỏ ngộ, nên tuy có nghe mà cũng như chưa nghe. Nghe mà chẳng nghe, đó là thực nghe. Bởi thế mới "*Lui ẩn vào trong tâm cơ sâu nhiệm, mà mong đắc vậy*".

Giả sử, Phật có thể ban cho, Ông Anan có thể đắc, thế chẳng phải là mật. Lấy đó mà chứng viên thông, thì chẳng phải là viên thông vậy. Ngộ là do tự ngộ, há ai có thể đưa cho mình ư ?

Thiền sư Bàn Sơn Tích thượng đường nói : “Một đường hương thượng, ngàn Thánh chẳng truyền. Người học một nhọc hình hài, như vượn bắt bóng !”

Bóng mà bắt được, thì cái Bí Mật Trang Nghiêm mới truyền được !

Tiết độ sứ Kinh Nam là Thành Nhuế, vào cúng dường Ngài Vân Cư, hỏi rằng : “Đức Thế Tôn có mật ngữ, Ngài Ca Diếp chẳng che giấu là thế nào ?”

Tổ Ứng gọi : “Thượng thơ !”

Ông Nhuế ứng tiếng : “Dạ !”

Tổ Ứng nói : “Hội chẳng ?”

Ông Nhuế nói : “Không hiểu.”

Tổ Ứng nói : “Nếu ông không hiểu, thì Thế Tôn có mật ngữ. Nếu ông mà hiểu, thì Ngài Ca Diếp chẳng che giấu !”

Thế nên biết chuyện này, chẳng tự ngộ suốt thì không thể được.

## I. VIÊN THÔNG VỀ THANH TRẦN

Kinh : Nhóm Ông Kiều Trần Na năm vị Tỳ kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : “Ở Lộc Uyển và ở Kế Viên, chúng tôi được nhìn thấy Như Lai khi mới thành Đạo. Chúng tôi do Âm Thanh của Phật mà tỏ ngộ Tứ Đế. Phật hỏi trong hàng Tỳ kheo, thì trước tiên tôi thưa là hiểu. Thế Tôn ấn chứng cho tôi tên A Nhã Đa (Hiểu), là Âm Thanh nhiệm mầu toàn vẹn. Tôi ở nơi âm thanh, đắc A La Hán.

“Phật hỏi về viên thông, như chỗ tu chứng của tôi, thì âm thanh là trên hết.”

*Thông rằng* : Ông Kiều Trần Na ban đầu ngộ hai chữ *khách trần*, đã được đặt tên là Giải. Ở nơi âm thanh của Phật tổ ngộ pháp Tứ Đế. Đức Phật ban đầu ở vườn Lộc Uyển chuyển ba pháp luân Tứ Đế. Một là, Tướng Chuyển. Hai là, Khuyên Tu Chuyển. Ba là, Chứng Chuyển.

Một là, Tướng Chuyển : chỉ bày cái tướng trạng, đây là Khổ, đây là Khổ Tập, đây là Khổ Diệt, đây là Đạo Khổ Diệt.

Hai là, Khuyên Tu : khiến nên tu, nên biết cái Khổ, nên biết Khổ Tập... nên biết Đạo.

Ba là, Làm Chứng : đưa mình ra làm chứng cho chân lý ấy. Khổ ta đã biết, chẳng cần trở lại biết, cho đến Đạo ta đã tu, không cần tu lại nữa.

Tổ ngộ Tứ Đế thì chỉ mới cởi bỏ được cái pháp sanh diệt, đó là tổ ngộ nơi hai chữ *khách trần*, nhân đó đắc A La Hán. Há bảo rằng âm thanh đều là sanh diệt, mà ta chẳng sanh diệt theo sao ? Âm thanh đều là *khách trần*, mà ta chẳng phải là *khách trần* sao ? Nhưng nói cái âm thanh nhiệm mầu, ẩn mật tròn vẹn, thì cái ẩn mật tròn vẹn ấy lại ở nơi âm thanh vậy. Há cho âm thanh là sanh diệt, mà nó là chẳng phải sanh diệt đấy chứ ! Cho âm thanh là *khách trần*, mà nó thật là chẳng phải *khách trần* đấy chứ ! Cái ngộ này là chỉ có Ông Kiều Trần Na tự biết, đâu nói với ai được, nên mới gọi là mật. Chỗ Chứng của ông là ở âm thanh, nên lấy âm thanh làm viên thông vậy.

Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn lúc ở với Tổ Bách Trượng, tâm trí thông minh, mà tham thiền chẳng được.

Đến khi Tổ Bách Trượng tịch, bèn đến tham học với Tổ Quy Sơn.

Tổ Quy Sơn nói : “Ta nghe ông ở chỗ Tiên sư Bách Trượng, hễ hỏi một thì đáp mười, hỏi mười đáp trăm. Cái thông minh lanh lợi đó là cái ý thức vọng tưởng của căn bản sanh tử. Giờ đây, khi cha mẹ chưa sanh ra, hãy nói một câu xem !”

Trí Nhân bị hỏi, lập tức ngẩn ngơ.

Bèn trở về liêu phòng, lấy hết sách vở từng đọc qua, tìm từ đầu chí cuối một câu để trả lời mà không thể nào có. Bèn tự than rằng “Bánh vẽ chẳng làm cho hết đói !” Mấy lần cầu xin Tổ Quy Sơn nói vỡ ra cho.

Tổ Sơn nói : “Nếu ta nói cho ông, ngày sau ông sẽ chửi ta. Cái ta nói ra đó là cái của ta, nào có ăn nhằm gì đến ông !”

Trí Nhân bèn đem hết sách vở đã đọc ra đốt sạch, nói : “Đời này chẳng có học Phật Pháp ! Cứ làm hoài một ông tăng cơm cháo khỏi nhọc mệt tâm thần ư ?”

Rồi khóc mà từ giã Tổ Quy Sơn.

Đến Nam Dương, thấy di tích của Huệ Trung Quốc sư bèn dừng ở đó.

Một hôm đang giã cỏ, tình cờ một miếng ngói văng chạm cây tre thành tiếng, bỗng nhiên tỉnh ngộ. Vội vàng trở vào tắm gội, hướng về núi Quy Sơn đánh lễ, ngợi ca rằng : “Hòa thượng từ bi, ơn hơn cha mẹ. Lúc ấy vì tôi nói ra, thì làm sao có được chuyện ngày nay.”

Rồi làm bài tụng :

*“Một chạm, mất sở tri  
 Nào còn mượn tu trì  
 Động thân, bày lối cổ  
 Chẳng rơi (vào) cơ lặng im*

*Nơi nơi không dấu vết  
 Oai nghi ngoài sắc thanh  
 Mười phương người đạt đạo  
 Đều nói : Thượng thượng căn."*

Tổ Quy Sơn nghe được, bảo với Ngài Ngưỡng Sơn :  
 "Tay ấy thấu suốt rồi."

Ngưỡng Sơn nói : "Đây là cái tâm cơ ý thức sách vở mà thành, để con đích thân tự khám nghiệm đã !"

Rồi Ngài Ngưỡng Sơn gặp Ngài Trí Nhân, hỏi : "Hòa thượng khen ngợi sư đệ phát minh được đại sự, ông hãy nói ra xem !"

Ngài Trí Nhân lại đọc bài tụng trước kia.

Ngưỡng Sơn nói : "Đây là sự kết tụ ghi nhớ mà thành. Nếu là chánh ngộ, thử nói ra cái khác đi !"

Ngài Trí Nhân bèn tụng :

*"Năm xưa nghèo, chưa thật nghèo  
 Năm nay nghèo, mới thật nghèo  
 Năm xưa nghèo không đất cắm dùi  
 Năm nay nghèo dùi cũng không có !"*

Ngưỡng Sơn nói : "Như Lai Thiên thì cho là ông hiểu, còn Tổ Sư Thiên<sup>(1)</sup> thì chưa mơ màng thấy !"

Ngài Trí Nhân lại tụng :

*"Tôi có một Cơ  
 Chớp mắt thấy Nó"*

---

<sup>1)</sup> Đời nhà Đường, Tổ Ngưỡng Sơn lập ra đề mục Tổ Sư Thiên trước tiên. Gọi chỗ tâm ấn của Tổ Đạt Ma truyền lại là Tổ Sư Thiên, cái pháp thiền tột mức riêng truyền ngoài giáo pháp. Gọi Như Lai Thiên chỉ cái ý tu chưa đến chỗ minh tâm kiến tánh.

*Vậy bằng chẳng hiểu  
Hãy gọi Sa di !*

Ngài Ngưỡng Sơn báo lại cho Tổ Quy Sơn : “Mừng cho Nhân sư đệ đã hội Tổ Sư Thiên.”

Tổ Huyền Giác nói : “Hãy nói xem Như Lai Thiên và Tổ Sư Thiên phân hay chẳng phân ?”

Tổ Trường Khánh Lăng nói : “Cùng lúc thông dong.”

Có nhà sư hỏi Hòa thượng Diệp Huyện Tỉnh về công án “*Cây bách trước sân*” của Tổ Triệu Châu.

Hòa thượng nói : “Ta không từ nan mà nói với ông, nhưng liệu ông có tin không ?”

Nhà sư nói : “Lời của Hòa thượng đáng kính trọng, đâu dám không tin !”

Hòa thượng nói : “Ông có nghe tiếng giọt mưa trước mái nhà chăng ?”

Nhà sư hoát nhiên mở tổ, bất giác la lên : “Chao ôi !”

Ngài bảo : “Ông thấy đạo lý gì ?”

Nhà sư dùng kệ đáp :

*“Giọt mưa đầu mái  
Rõ ràng rành rẽ !  
Phá nát càn khôn  
Ngay đó tâm dứt.”*

Như chỗ chứng của Ngài Trí Nhân và nhà sư trên đây, cũng lấy Âm Thanh là hơn hết vậy.

## II. VIÊN THÔNG VỀ SẮC TRẦN

Kinh : Ông Ưu Ba Ni Sa Đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : “Tôi cũng được



thấy Phật trong lúc mới thành Đạo. Tôi quán tướng bất tịnh, sanh lòng nhàm chán lìa bỏ rốt ráo, ngộ tánh của các sắc, từ tướng bất tịnh đến tướng xương trắng và vi trần, chung cuộc về hư không, cả hai, không và sắc đều Không, thành Đạo Vô Học. Đức Như Lai ấn chứng cho tôi cái tên Ni Sa Đà (Trần Tánh Không). Cái sắc tướng của trần đã hết, thì sắc nhiệm màu toàn vẹn. Tôi do Sắc Tướng mà đắc A La Hán.

“Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì sắc trần hơn cả.”

*Thông rằng* : Ông Ưu Ba Ni Sa Đà ham sắc trần nên Phật dạy dùng quán bất tịnh để đối trị. Cái sắc tuy là dễ ưa nhưng vì bất tịnh mà có thể sanh nhàm chán tột bậc, huống gì là các tướng xương trắng, vi trần sau khi chết đi.

Một là sinh chương ; hai là máu mủ hôi thối ; ba là đổi sắc ; bốn là bầm xanh ; năm là giòi bọ đục khoét, rã rời ; sáu là trơ xương ; tám là thiêu đốt ; chín là tất cả thể gian không giữ được. Đó là chín Pháp Quán Tướng. Khi chín pháp quán này thành tựu, sắc tánh rốt ráo quy về Không. Không mà không có chỗ Không, thế là Sắc và Không đều Không, đắc Trí Huệ Giải Thoát, thành đạo Vô Học. Cái sắc trần đã hết sạch, thì cái sắc màu nhiệm ẩn mật vẹn toàn. Há lìa ngoài sắc trần mà riêng có cái gọi là diệu sắc sao ? Há không cái sắc tướng mà cho cái năng không ấy là diệu sắc ư ? Há sắc tướng có sanh diệt, còn sắc tánh không sanh diệt mà cho là diệu sắc ư ? Phải chăng tâm không tham trước, thì tất cả sắc đều là diệu sắc ?

Chỗ Ngộ này của Ông Ni Sa Đà thật khó lấy lời lẽ mà thuật bày, chỉ có thể gọi là Diệu, là Mật, là Viên thôi vậy.

Xưa, có bảy hiền nữ đi chơi trong rừng, nơi bỏ thây ma.

Một cô chỉ xác chết nói : “Thầy thì ở đó, người ở chốn nào ?”

Một cô nói : “Sao ? Sao ?”

Các cô quán kỹ, mỗi người đều khế ngộ.

Cảm đến Trời Đế Thích rải hoa và nói : “Nguyện các chị Thần Nữ cần dùng cái chi, tôi sẽ suốt đời cung cấp.”

Các cô nói : “Chúng tôi thì tứ sự<sup>(1)</sup> và bẩy báu<sup>(2)</sup> đều có đủ, chỉ cần ba vật. Thứ nhất là cần một cây không rễ. Thứ hai là một mảnh đất không có âm dương. Thứ ba là một hang núi kêu không dội tiếng.”

Đế Thích nói : “Hết thầy món cần dùng, tôi đều có. Còn ba vật ấy tôi thật không thể có.”

Các cô nói : “Nếu Ngài không có các thứ ấy, thì làm sao giúp người ?”

Đế Thích ngỡ ngàng, bèn cùng các cô đến thưa với Phật.

Phật nói : “Này Kiều Thi Ca, các đệ tử Đại A La Hán của ta chẳng hiểu được nghĩa ấy. Chỉ có các Đại Bồ tát mới hiểu nghĩa ấy.”

Đây cũng là quán tướng bất tịnh mà chúng vậy.

Lại như Ngài Linh Vân nhân thấy hoa đào mà ngộ đạo, bèn có bài tụng :

*“Ba chục năm nay tìm kiếm-khách  
 Bao lần lá rụng lại đâm cành  
 Từ lần thấy được đào hoa đó  
 Đến mãi ngày nay chẳng muốn nghi.”*

Trình chỗ ngộ với Tổ Quy Sơn.

<sup>1)</sup> Y phục, ngọ cụ, y dược, ẩm thực.

<sup>2)</sup> Vàng, bạc, ngọc, châu, san hô, hổ phách, mã não.

Tổ dạy : “Theo duyên mà nhập, vĩnh viễn chẳng lui sụt mất mát, ông hãy khéo hộ trì.”

Ngài Huyền Sa nói : “Đích đáng thì thật đích đáng, nhưng dám chắc Lão huynh chưa thấu suốt trong đó !”

Ngài Linh Vân nói : “Sư huynh suốt được chưa ?”

Ngài Giác Phạm tụng rằng :

*“Người<sup>(1)</sup> thấy một lần không thấy lại  
Cành cành trắng đỏ, thấy dâu hoa  
Chẳng chịu khách trên thuyền câu cá  
Hóa ra trên đất cứu ngư, sò.”*

Ngài Đầu Tử tụng rằng :

*“Trước núi đào sanh, vườn cũ xuân  
Hoa ngập cành hồng, tỉnh lại thân  
Chỗ chúng, thôi ông đừng phụ lực  
Vẻ cười tuy mở, ý sanh sân  
Khói tỏa liễu xanh, oanh thả giọng  
Mưa xoi nham thạch, dựa xóm không  
Mặt trời lối dạng, không tin tức  
Ngựa gỗ hý vang quá Hán, Tần.”*

Theo chỗ thấy của Ngài Linh Vân, cũng lấy Sắc làm tột bậc.

### III. VIÊN THÔNG VỀ HƯƠNG TRẦN

Kinh : Ông Hương Nghiêm Đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, bạch rằng : “Tôi nghe

---

<sup>1)</sup> Linh Vân.

Như Lai dạy tôi quán sát chân chánh các tướng hữu vi. Khi ấy tôi từ giã Phật, đầu hôm về tịnh tọa trong nhà thanh trai, thấy các vị Tỳ kheo đốt hương trầm thủy, hơi hương vắng lặng bay vào trong mũi tôi. Tôi quán hơi hương ấy, chẳng phải là cây, chẳng phải là không, chẳng phải khói, chẳng phải lửa, bay đi không dính vào đâu, bay đến không từ nơi đâu. Do đó mà cái ý tiêu tan, phát minh vô lậu. Như Lai ấn chứng cho tôi cái hiệu là Hương Nghiêm. Cái hương trần vừa diệt, thì cái diệu hương bí nhiệm toàn vẹn. Tôi do cái hương trang nghiêm ấy đắc A La Hán.

“Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì hương trần là hơn cả.”

*Thông rằng : “Phàm là có tướng, thấy đều hư vọng. Thấy các tướng chẳng phải tướng, đó là thấy Như Lai. Như Lai ấy, là nghĩa Như của tất cả các pháp. Đến không từ đâu, đi không về đâu, thì gọi là Như Lai”. Đó là ý chỉ của Kinh Kim Cang Bát Nhã.*

Ông Hương Nghiêm được nghe lời dạy này, hằng tự để quán. Tinh cờ gặp mùi hương, bèn dậy phát minh, “Hương này là vắng lặng, vào trong mũi tôi, chẳng phải khói, chẳng phải lửa, chẳng phải cây, chẳng phải không, chẳng phải tự tướng, chẳng phải tha tướng, chẳng phải cộng tướng, chẳng phải vô nhân tướng, bay đi không dính vào đâu, bay đến không từ nơi đâu, vốn tự vô sanh”. Cái thấy này chính là cái thấy “Các tướng chẳng phải tướng, liền thấy Như Lai”. Thế nên đắc Vô Lậu.

Phàm phu chẳng được vô lậu vì ý căn chưa tiêu vậy. Ý căn mà chưa tiêu nên bám lấy hữu vi. Một khi bám lấy hữu vi, liền lọt vào sanh diệt. Ý căn tiêu liền chứng vô vi.

Vô vi là không sanh diệt. Thế nên hương trần thì chợt sanh chợt diệt, mà cái diệu hương kia thì nào có chuyện diệt sanh. Chỗ tỏ ngộ của Ông Hương Nghiêm thì cả thấy phân giải đều chẳng được. Thế nên nói là Mật, là Viên, chỉ có tự chứng biết thôi vậy.

Xưa, Thái sử Hoàng Sơn Cốc nhân bởi Ngài Viên Thông Tú phẩn khích nên đến chỗ Tổ Hối Đường xin chỉ chỗ “*Nhậm lệ*”.

Tổ Hối Đường<sup>(1)</sup> nói : “Như Đức Khổng Tử nói, “Các người cho ta là che giấu ư ? Ta không có chỗ nào giấu giếm !” Thế thì Thái sử lý luận làm sao ?”

Thái sử định đáp, Tổ Đường liền nói : “Chẳng phải, chẳng phải.”

Thái sử mờ mịt chẳng cùng.

Một hôm, cùng Tổ Hối Đường đang đi dạo núi, khi ấy cây nham quế nở thơm đầy.

Tổ nói : “Có nghe thấy hương hoa nham quế không ?”

Ông đáp : “Dạ, có.”

Tổ nói : “Ta không có chỗ nào giấu giếm vậy.”

Thái sử tiêu tan nghi ngờ, làm lễ mà thưa : “Hòa thượng, tâm lão bà từ bi quá tha thiết !”

Tổ cười đáp : “Chỉ mong ông đến được nhà thôi.”

Lại có vị ni sư ngộ đạo làm bài kệ :

*“Suốt buổi tìm xuân chẳng thấy xuân  
Giày rơm dẫm khắp mấy non mây*

---

<sup>1)</sup> Tổ Hối Đường Bửu Giác Thiền sư, tên là Tổ Tâm, đời Tống, tại Huỳnh Long Sơn. Nổi kể pháp của Tổ Huỳnh Long Nam Thiền sư.

*Về đây cười nắm hoa mai ngủ  
Xuân ở đầu cành đã trọn phần."*

Chỗ chứng của vị ni sư này và Ông Sơn Cốc cũng lấy diệu hương là hơn cả.

#### IV. VIÊN THÔNG VỀ VỊ TRẦN

Kinh : Hai vị Pháp Vương Tử Dược Vương, Dược Thượng cùng với năm trăm vị Phạm Thiên trong hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : "Từ kiếp vô thủy lâu xa, chúng tôi làm thầy thuốc cho đời, trong miệng thường ném cỏ cây, kim thạch của thế giới Ta Bà này, số mục lên đến mười vạn tám ngàn, như thế biết tất cả các vị đắng, chua, mặn, lạt, ngọt, cay... cùng các vị biến đổi do các vị kia hòa hợp mà sanh ra, nào lạnh, nào nóng, có độc hay không độc đều biết khắp cả. Được thừa sự các Đức Như Lai, rõ biết tánh của vị trần, chẳng phải không, chẳng phải có, chẳng phải tức là thân tâm, chẳng phải lìa thân tâm. Do phân biệt được tánh của mùi vị, do đó mà khai ngộ. Được Phật Như Lai ấn chứng cho anh em chúng tôi danh hiệu là Dược Vương, Dược Thượng Bồ tát, nay ở trong hội này làm Pháp Vương Tử. Chúng tôi nhân vị trần mà giác tỏ, lên bậc Bồ tát.

"Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của chúng tôi, thì do vị trần là hơn cả."

*Thông rằng* : Từ vô thủy kiếp đến nay làm thầy thuốc cho đời, chỉ có thể biết các vị, đủ để trị bệnh mà thôi. Đến khi phụng sự Như Lai mới biết tánh của mùi vị, không hay có, đều chẳng phải, không phải *Tức*, không phải *Lìa*. Phàm đều chẳng phải không hay có, chẳng *Tức* chẳng *Lìa*, đó là

cái thể vốn như thể của tâm mâu nhiệm tròn sáng trong Như Lai Tạng vậy. Do vị trần mà khai ngộ, giác tỏ tự tánh, nên vào địa vị Bồ tát. Chỗ gọi là giác đó, nghĩa là trong Như Lai Tạng, tánh của vị là Chân Không, tánh Không là Chân Vị, thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới. Tức vị là giác, tức giác là vị, cái ngộ này thật khó nói cho người vậy.

Ngài Đại Ngu<sup>(1)</sup> từ già Tổ Quy Tông.

Tổ hỏi : “Đi đến chỗ nào ?”

Đáp : “Đi các nơi học Ngũ Vị Thiên.”<sup>(2)</sup>

Tổ Quy Tông nói : “Các nơi có Ngũ Vị Thiên, ta trong ấy chỉ có một vị.”

Hỏi : “Thế nào là Một Vị Thiên ?”<sup>(3)</sup>

Tổ bèn đánh.

Ngài Đại Ngu nói : “Hiểu vậy, hiểu vậy !”

Tổ nói : “Nói đi, nói đi !”

Ngài Đại Ngu định mở lời, Tổ lại đánh.

Sau, có nhà sư đến Tổ Hoàng Bá kể lại chuyện trên.

Tổ thượng đường nói : “Đại sư Mã Tổ có được tám mươi bốn vị Thiên Tri Thức, vậy mà hỏi ai nấy cái chỗ đại tiện đầy đất, thì chỉ có Quy Tông là được chút ít.”

Chỉ có Tổ Hoàng Bá tỏ biết sâu xa cái Thiên Một Vị nên cùng Tổ Quy Tông thấy mặt nhau. Sau này, Tổ Hoàng

<sup>1)</sup> Tổ Cao An, tự Đại Ngu, tự hiệu Đại Ngu Sơn. Nổi pháp Tổ Quy Tông. Tổ Quy Tông nổi pháp Đức Mã Tổ.

<sup>2)</sup> Năm loại Thiên : ngoại đạo, phàm phu, Tiểu thừa, Đại thừa, Tối Thượng thừa.

<sup>3)</sup> Nhứt vị thiên. Là phép thiên mau tỏ ngộ, mau thâm nhập (tức đốn ngộ, đốn nhập).

Bá dùng cái cơ Thiên này để “bắt” Lâm Tế. Ngài Tế không khế ngộ được, bèn chỉ sang Tổ Đại Ngu. Gặp Tổ Đại Ngu, Lâm Tế kể lại nhân duyên ba lần bị đánh cho.

Tổ Ngu nói : “Hoàng Bá giúp ông trừ hết nỗi khốn khó, lại ở trong ấy mà hỏi có lỗi với không lỗi.”

Ngài Lâm Tế ngay nơi lời nói đại ngộ, bèn nói : “Té ra Phật Pháp của Hoàng Bá cũng chẳng có gì !”

Tổ Ngu nắm đứng lại hỏi : “Nói mau, nói mau !”

Ngài Lâm Tế thoi ba thoi vào sườn Tổ Đại Ngu.

Tổ thả ra, nói : “Thầy ông là Hoàng Bá, chẳng can dự gì đến ta.”

Tổ Ngu vừa muốn thi triển cái gia phong của Quy Tông, thì đã bị Lâm Tế đoạt mất, thế mới biết chỗ thấy của Lâm Tế vượt trước một bậc vậy.

Thiền sư Long Hưng Pháp Cư đã lớn tuổi mới gặp Tổ Hoàng Long và được ấn khả.

Ngài thượng đường nói : “Việc này cũng như thầy thuốc xem bệnh, hiện thời và chẳng tạp độc đầy bụng chưa dễ chữa trị. Vậy phải cho thuốc để chữa sự chóng mặt tối tăm do bệnh gây ra, rồi sau mới hết được. Còn cứ theo ý mình mà uống thuốc, thì chỉ thêm cuồng loạn, tăng thêm nặng mà thôi. Thế mà mong hết bệnh chẳng phải là lầm ư ? Cỏ trước pháp đường đã mọc dày, mà trong lòng không hổ thẹn !”

Ở nơi các tắc trên mà thông hội được, thì chẳng những biết được mùi vị ấy, mà còn có thể trị bệnh cho người.

## V. VIÊN THÔNG VỀ XÚC TRẦN

Kinh : Ông Bạt Đà Bà La cùng mười sáu vị Khai sĩ đồng bạn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân



Phật, bạch rằng : “Xưa kia, chúng tôi ở nơi Đức Phật Oai Âm Vương, nghe pháp mà xuất gia. Vào giờ tắm của các tăng, tôi theo thứ lớp vào phòng tắm, bỗng ngộ được tánh nước : đã chẳng rửa bụi, cũng chẳng rửa thân, khoảng giữa an nhiên, đắc Vô Sở Hữu. Chỗ học xưa không quên, cho đến ngày nay theo Phật xuất gia, được quả Vô Học. Đức Phật xưa ấy gọi tôi tên là Bạt Đà Bà La. Cái Diệu Xúc khai mở rõ ràng, thành bậc Phật Tử Trụ.

“Phật hỏi về viên thông, theo như chỗ chứng của tôi, thì do xúc trần là hơn cả.”

*Thông rằng* : Ngài Tuyết Đậu nêu ra việc xưa rằng : “Có mười sáu vị Khai sĩ<sup>(1)</sup> gặp giờ các tăng tắm, theo thứ tự vào phòng tắm, bỗng ngộ tánh nước. Các vị Thiền đức hiểu làm sao ?” Các vị ấy nói : “Cái diệu xúc khai mở rõ ràng, thành bậc Phật Tử Trụ.<sup>(2)</sup> Cũng cần xuyên thủng bảy lỗ tám hang<sup>(3)</sup> mới được.”

Tụng rằng :

*“Xong việc ông tăng thật rảnh rang  
Trên giường thẳng cẳng duỗi chân nằm  
Trong mộng từng thuyết viên thông ngộ  
Rửa nước thơm xong, nhè mặt khạc.”*

Cái này đã thành công án, về sau các vị Lão túc cùng nó phát minh rất nhiều.

---

<sup>1)</sup> Bọn Ông Hiền Hộ, mười sáu Cư sĩ Bồ tát.

<sup>2)</sup> Chỗ dựa nương của Phật tử.

<sup>3)</sup> Nghĩa là lời nói rối rắm, vu vơ. Các thành ngữ đồng nghĩa khác như : thất linh bát lạc, thất thượng bát lạc.

Thiền Quốc sư ban đầu ra mắt Tổ Long Nha, hỏi rằng :  
 “Trời không che, đất không chở, lý ấy thế nào ?”

Đáp : “Đạo thì hợp như thế.”

Phàm trải qua mười bảy lần thưa hỏi, Tổ chỉ đáp như vậy. Ngài lại xin dạy bảo, Tổ nói : “Đạo ấy về sau ông sẽ tự hiểu.”

Về sau, ở núi Thông Huyền, Ngài Thiền đang tắm, bỗng tỉnh ngộ chuyện trước, bèn đầy đủ oai nghi, hướng về chỗ Tổ Long Nha làm lễ, rồi nói : “Lúc ấy mà nói cho tôi, thì hôm nay nhất định phải bị mắng.”

Sau, Ngài đến tham học Tổ Pháp Nhãn.

Có nhà sư hỏi Tổ Pháp Nhãn : “Như thế nào là một giọt nước Tào Khê ?”

Tổ Nhãn nói : “Là Tào Khê một giọt nước.”

Nhà sư ngơ ngẩn lui ra.

Ngài đang ngồi một bên hoát nhiên khai ngộ, cái nghi vướng bấy lâu như băng tan rã. Đến đây mới được suốt bảy lỗ, tám hang.

Ngài làm bài kệ :

*“Thông Huyền chót dảnh  
 Chẳng phải nhân gian  
 Ngoài tâm không pháp  
 Ngập mắt núi xanh.”*

Tổ Pháp Nhãn nghe qua, nói rằng : “Một bài kệ này, khá khởi lên Tông của ta.”

Hòa thượng Thạch Thê nhân có thị giả mời đi tắm, bèn hỏi : “Đã chẳng rửa bụi, cũng chẳng rửa thân, ông làm thế nào ?”

Thị giả đáp : “Hòa thượng đi trước, rồi tôi đem thuốc tạo-giác<sup>(1)</sup> lại sau.”

Hòa thượng cười ha hả, cơ hồ bị thị giả một phen nhỏ nước miếng qua mặt !

Có nhà sư hỏi Thiền sư Thiên U Cái : “Có một cái Viện tên là Vô Cấu Tịnh Quang Thiền viện, sửa thành nhà tắm. Có người hỏi : “Đã là Vô Cấu Tịnh Quang, vì sao lại làm nhà tắm ?” Tôi không đáp được.”

Ngài Thiên U Cái đáp thay rằng :

*“Ba Thu đêm trăng sáng  
Việc gì lại họp nhau.”*

Ngài Đơn Hà lại tụng rằng :

*“Tuy là đáp tận ý sâu xa  
Khổ nổi đem ra chẳng được gần  
Muốn hiểu “xưa nay vô cấu” ấy  
Phải vào trong nước gặp trưởng nhân.”*

Con gái của Ông Long Đồ Phạm Tuân, từng được Tổ Tử Tâm ấn khả ở Kim Lăng, lập ra một nhà tắm, nơi cửa yết tắm bâng rằng : “Một vật cũng không, tẩy rửa cái gì ? Mấy bụi nếu có, khởi từ đâu lại ? Nói được một câu cho ra nghĩa lý, mới được vào nhà này mà tắm.

“Cổ Linh chỉ mới biết lau lưng ! Khai sĩ nào từng rõ tánh ! Muốn chứng Ly Cấu Địa, thì phải suốt thân chẳng nhiễm. Hết thấy đều bảo nước để rửa sạch cái dơ, nào hay nước cũng là trần (bụi). Dầu cho cả nước và dơ chóng trừ, đến đây cũng cần rửa sạch hết !”

---

<sup>1)</sup> Giống xà phòng, dùng để tắm.

Sau này cô xuất gia làm ni cô tên là Duy Cửu.

Các vị Tôn túc trong mộng nói mộng, mỗi mỗi chỉ ra cái “diệu xúc rõ bày”, có thể cùng mười sáu vị Khai sĩ cùng tham.

## VI. VIÊN THÔNG VỀ PHÁP TRẦN

Kinh : Ông Ma Ha Ca Diếp và Tỳ kheo ni Tử Kim Quang... liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng: “Trong kiếp xưa ở cõi này có Phật ra đời, tên là Nhật Nguyệt Đăng, tôi được thân cận, nghe pháp, tu học. Sau khi Phật diệt độ, chúng tôi cúng dường Xá Lợi, thắp đèn sáng mãi ; lại lấy vàng sắc tía đắp thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay, đời đời kiếp kiếp, thân thể thường toàn vẹn sáng ngời như vàng thắm. Nhóm Tỳ kheo ni Tử Quang này tức là quyến thuộc của tôi lúc đó, cũng đồng một thời phát tâm như tôi. Tôi quán sát sáu trần của thế gian thay đổi biến hoại, chỉ dùng pháp không tịch, tu định diệt tận, thân tâm mới có thể trải qua trăm nghìn kiếp như thời gian khảy móng tay. Tôi do cái pháp Không mà thành A La Hán. Đức Thế Tôn bảo tôi tu hạnh đầu đà bậc nhất. Pháp nhiệm mầu mở sáng, các lậu đều tiêu diệt.

“Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì do pháp trần là hơn cả.”

*Thông rằng* : Trước có nói các bậc diệt tận định đặc bậc Thanh Văn tịch diệt, duy Ngài Đại Ca Diếp, ý thức diệt đã lâu, mà hiểu biết đều tròn vẹn, chẳng nhờ tâm niệm. Ngài ngộ được các pháp là không tịch mà thành A La Hán. Sáu trần như sanh, là ở trong Không mà sanh ; sáu trần

như diệt, về nơi Không mà diệt. Trần có sanh diệt, tánh Không chẳng hoại. Trừ sạch pháp trần, đó là pháp Không. Cái ý chẳng duyên ra pháp, được không sanh diệt. Nên có thể vượt qua trăm ngàn kiếp như khảm móng tay. Cho đến nay, Ngài Ca Diếp vẫn giữ áo cà sa vàng của Phật, nhập định trong núi Kê Túc, chờ Đức Di Lặc hạ sanh mà trao lại, đó là sự linh nghiệm vậy.

Tỳ kheo ni Tử Kim Quang kiếp xưa là một cô gái nghèo. Thuở ấy, Ngài Ca Diếp làm người thợ đúc. Cô lấy vàng nhờ người thợ đúc thếp vàng mặt Phật, nguyện đời đời kiếp kiếp làm vợ chồng không tình ân ái. Cảm ứng được chín mươi một kiếp sanh cõi trời, thân thường toàn vẹn vàng chói. Nay gặp Phật xuất gia, quả nhiên thỏa được nguyện xưa.

Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác tinh thâm hết ba tạng kinh điển, rành Thiên Thai Chỉ Quán, pháp môn viên diệu. Trong cả bốn oai nghi thường sáng rõ pháp thiền quán. Sau, nhân Thiền sư Khê Lãng khuyến khích, cùng Thiền sư Đông Dương Sách đến Tào Khê. Mới vừa đến, đi quanh Tổ ba vòng, rồi chống trượng đứng yên.

Tổ nói : “Phàm là Sa môn, đầy đủ ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh. Đại đức từ phương nào lại, mà tỏ ra quá nhiều ngã mạn ?”

Huyền Giác nói : “Việc sanh tử là lớn lao, cái vô thường rất nhanh chóng !”

Tổ nói : “Sao chẳng hội cái vô sanh, tỏ suốt cái không chóng ?”

Huyền Giác nói : “Thế tức vô sanh, rõ vốn không chóng.”

Tổ nói : “Y vậy.”

Khi ấy đại chúng đều kinh ngạc. Ngài Huyền Giác mới đầy đủ oai nghi làm lễ Tổ, chốc lát từ giã.

Tổ nói : “Về gấp thế sao ?”

Huyền Giác nói : “Vốn tự chẳng động, nào có sự gấp ư ?”

Tổ nói : “Ai biết là chẳng động ?”

Huyền Giác nói : “Đó là Ngài tự sanh phân biệt.”

Tổ nói : “Ông thật là được cái ý chỉ vô sanh.”

Huyền Giác nói : “Vô sanh mà có ý ư ?”

Tổ nói : “Không có ý thì ai phân biệt ?”

Huyền Giác nói : “Phân biệt cũng chẳng phải ý.”

Tổ khen ngợi : “Hay lắm, hay lắm, ít ra hãy ở lại một đêm.”

Thời ấy gọi Ngài là “*Một Đêm Giác*”.

Chỗ này, nếu chẳng diệt ý căn từ lâu, đắc vô sanh nhãn, thì đâu có thể ứng đáp như âm vang dội theo tiếng vậy được. Từ Ngài Kiều Trần Na đến đây là sáu vị Thánh. Nói là diệu âm, diệu sắc, diệu hương, diệu xúc, đều gọi là Diệu, vì không ràng buộc nơi trần vậy. Đây chính là do sáu trần mà chứng viên thông.

## VII. VIÊN THÔNG VỀ NHÃN CĂN

Kinh : Ông A Na Luật Đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : “Tôi lúc mới xuất gia, thường thích ngủ nên Phật la tôi là loài súc sanh. Tôi nghe Phật mắng, khóc lóc tự trách, suốt bảy ngày không ngủ, hư cả hai con mắt.

“Đức Thế Tôn dạy tôi tu pháp Lạc Kiến Chiếu Minh Kim Cương Tam Muội. Tôi chẳng do con mắt, xem thấy mười phương rỗng suốt rõ ràng như xem trái cây trong bàn tay. Như Lai ấn chứng cho tôi, thành A La Hán.

“Phật hồi viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì xoay cái thấy trở về bản tánh, đó là thứ nhất.”

*Thông rằng* : Ông A Na Luật Đà là con Vua Bạch Phạn,<sup>(1)</sup> với Phật là anh em chú bác. Trong đời quá khứ dâng cho một vị Bích Chi Phật một bữa cơm, cảm ứng được chín mươi một kiếp có cái vui như ý. Phật thương la rằng “Ôi, ôi, sao lại ngu. Như loài ốc, loài sò ngủ một giấc cả ngàn năm, chẳng nghe tên hiệu của Phật.” Từ đó, ông cố gắng đến mù cả mắt, bèn được một nửa phần thiên nhãn.

Đại Trí Luận nói “Thiên nhãn của Ông A Na Luật do tứ đại tạo sắc, thanh tịnh được một nửa. Thiên nhãn của Phật cũng là tứ đại tạo sắc mà thanh tịnh khắp cả.”

Cái Tam Muội Lạc Kiến Chiếu Minh Kim Cang là pháp môn xoay cái thấy trở về nguồn tánh. Minh thuộc sở, chiếu thuộc năng. Trong chỗ minh, cái chiếu thường soi tỏ. Trong chỗ chiếu, cái thấy thấy suốt. Chiếu từ đâu mà lại ? Thấy từ đâu khởi ra ? Cho đến chỗ thấy mà không có chỗ thấy, chiếu soi mà không có chỗ chiếu soi, liền được Kim Cương Tam Muội. Đó là thể của cái chiếu, nguồn của cái thấy vậy. Kim Cương phá nát tất cả, thấy và chiếu đều tiêu vong, ấy là Tam Muội Chánh Định, tức là cái bản thể Tịch Chiếu vậy. Vui theo cái quán chiếu này, nghĩa là xoay cái thấy trở về nguồn tánh. Cho đến được thiên nhãn, thì cũng chẳng phải chỗ luận bàn đến được.

Ngài Đức Sơn khi mới đến Tổ Long Đàm, tuốt vào pháp đường, nói : “Lâu nay vang tiếng Đầm Ròng (Long Đàm), nay đến nơi, đầm lại chẳng thấy, mà rồng cũng chẳng hiện.”

---

<sup>1)</sup> Em Vua Tịnh Phạn.

Tổ Đàm tiến lên, nói : “Ông đã đích thân đến Long Đàm (Đầm Rồng). Căn cứ vào cơ duyên lúc mới đến này thì đáng nhận y bát của Long Đàm.”

Một buổi tối, đang đứng hầu Tổ.

Tổ Long Đàm nói : “Khuya rồi sao chẳng về nghỉ ?”

Đức Sơn chỉnh tề bước ra rồi trở lui, nói : “Ngoài tối lắm.”

Tổ Đàm đốt cây đuốc giấy đưa cho Ngài Đức Sơn, Ngài định cầm lấy, Tổ Đàm liền thổi tắt. Đức Sơn hoá nhiên đại ngộ, bèn lễ bái.

Tổ hỏi : “Ông thấy cái gì ?”

Ngài Sơn nói : “Từ nay trở đi, không còn nghi cái đầu lưỡi của Lão Hòa thượng trong thiên hạ nữa.”

Hôm sau, Tổ Long Đàm lên tòa giảng, nói với đại chúng : “Trong đây có một gã răng như dao kiếm, miệng như chậu máu, một gậy đánh cho chẳng quay đầu, mai kia hướng lên đỉnh núi cô cao, lập đạo ta ở đó.”

Đức Sơn đem bộ Sớ Sao kinh Kim Cương Ngài đã viết từ trước, chất trước pháp đường, cầm cây đuốc mà nói rằng : “Có cùng tột các lý lẽ diệu huyền cũng như một mảy lông để giữa thái hư ! Thấu suốt hết các mấu chốt của đời cũng như một giọt nước rơi vào biển cả !”

Rồi đốt sạch, làm lễ từ giã Tổ mà ra đi.

Như cái pháp nhãn Ngài Đức Sơn đắc, so với Ông A Na Luật Đà nhiều ít giống nhau.

Tổ Lâm Tế lúc sắp tịch, nói bài kệ :

*“Theo dòng không dứt, hơi đâu hỏi tại sao  
Chân chiếu vô biên, lấy chi nói ta-người*



*Cái lia tướng, lia danh kia, người chẳng nhận  
Kiếm bén đứt lông, dùng rồi phải gấp mài."*

Tổ lại nói với đại chúng : "Sau khi ta diệt độ, không được diệt mất Chánh Pháp Nhãn Tạng của ta."

Ngài Tam Thánh bước ra, thưa : "Sao dám diệt mất Chánh Pháp Nhãn Tạng của Hòa thượng !"

Tổ Tế nói : "Về sau, có người hỏi, ông nói thế nào với họ ?"

Ngài Thánh liền hét.

Tổ Tế nói : "Ai biết Chánh Pháp Nhãn Tạng của ta, hướng về con lừa mù ấy mà diệt mất."

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*"Nửa đêm y bát truyền Huệ Năng  
Rối loạn Hoàng Mai, bảy trăm tăng  
Một chi Lâm Tế, Chánh Pháp Nhãn  
Lừa mù diệt mất, người đắc đâu ?  
Tâm tâm ấn nhau  
Tổ Tổ truyền dặng  
Khỏa bằng núi, biển  
Biến hóa đại bàng  
Chỉ danh ngôn ấy khó suy lường  
Đều là thủ đoạn thoát bay lên !"*

Đến chỗ này thì Chánh Pháp Nhãn Tạng còn lại diệt mất, hướng gì là thiên nhãn kia ?

## VIII. VIÊN THÔNG VỀ TỶ CĂN

Kinh : Ông Châu Lợi Bàn Đạc Ca liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : "Tôi thiếu

tụng trì, không có tánh đa văn. Ban đầu gặp Phật, nghe pháp xuất gia, ghi nhớ một câu kệ của Như Lai trong một trăm ngày, thì nhớ trước quên sau, nhớ sau quên trước. Phật thương tôi ngu muội, dạy tôi an cư, đều hòa hơi thở ra vào. Tôi quán hơi thở, cùng tột sự nhỏ nhiệm của các tướng sanh, trụ, dị, diệt, các hành trong từng sát na, thì tâm hoá nhiên được đại vô ngại, cho đến các lậu đều sạch hết, thành A La Hán. Trước pháp tọa của Phật, được ấn chứng thành quả Vô Học.

“Phật hỏi tôi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì xoay hơi thở theo về Không, đó là thứ nhất.”

*Thông rằng* : Đây là vị Tỳ kheo đọc thuộc lòng chữ “Chữu” là cái chổi vậy. Đời quá khứ là pháp sư mà bỏn sẻn pháp, nên bị quả báo ngu độn. Tuy ít đa văn, nhưng ít bị tán loạn, nên có thể điều tức mà thấu nhập. Sự thô tế của hơi thở là do tâm sanh diệt. Tâm dần dần ngừng nên hơi thở từ từ vi tế. Tâm và hơi thở nương lẫn nhau, mà đến cùng tột các tướng sanh, trụ, dị, diệt, các tướng rất vi tế của các hành trong khoảng sát na, thì hơi thở tức là không hơi thở, tâm là vô tâm. Trong khoảng sát na, thấu nhập Kim Cang Càn Huệ Địa, nên được hoá nhiên vô ngại. Cảnh giới ngộ này, thì ngôn ngữ, nghĩ suy không thể đến được.

Xưa, Thượng thư Mạc Tương khi làm quan xứ Tây Thục, ra mắt Thiền sư Nam Đường Tĩnh, hỏi chỗ tâm yếu. Tổ bảo hãy hướng về chỗ tốt mà tỉnh thức. Vừa bước vào cầu tiêu, bỗng nghe mùi hôi, vội lấy tay bịt mũi, bèn chột tỉnh ngộ. Liên trình bài kệ :

*“Xưa nay cốt cách thích phong lưu  
Cười cho ai đó hướng ngoài cầu*

*Muôn sai ngàn khác, không đâu kiếm  
Đắc cái xưa nay ở mũi đầu."*

Tổ Nam Đường đáp rằng :

*"Một pháp vùa thông, pháp pháp Như  
Dọc ngang diệu dụng còn tìm đâu  
Rấn xanh khỏi hộp, quân ma nếp  
Bích nhãn Hồ Tăng cười gạt đầu."*

Đây cũng là xoay hơi thở theo về Không, mà bỗng nhiên chứng nhập. Có thể cùng thầy Tỳ kheo tụng chữ "Chối" thấy mặt nhau !

## IX. VIÊN THÔNG VỀ THIỆT CĂN

Kinh : Ông Kiều Phạm Bát Đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : "Tôi mắc khẩu nghiệp, trong kiếp quá khứ coi thường, giỡn cợt Sa môn nên đời đời kiếp kiếp mắc tật nhai lại như trâu. Như Lai chỉ dạy tôi pháp môn "Nhất Vị Thanh Tịnh Tâm Địa", tôi diệt được tâm thức, vào Tam Ma Địa. Quán biết cái vị không phải thân thể, không phải món vật, liền đó được vượt thoát các lậu của thế gian, trong thoát hết thân tâm, ngoài mất tan thế giới, xa lìa ba cõi như chim xổ lồng, rời hết dơ nhiễm, tiêu mất trần tướng, pháp nhãn thanh tịnh, thành A La Hán. Như Lai ấn chứng cho tôi thành đạo Vô Học.

"Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi thì trả cái vị, xoay cái biết về gốc tánh, đó là thứ nhất."

*Thông rằng* : Ông Kiều Phạm Bát Đề lười khác người mà biết mùi vị. Do có tật nhai lại như trâu, mà trâu là loài

vật, chỉ biết cây cỏ mà thôi, nay hình dáng cái lưỡi như trâu, mà phân biệt rõ được các vị, là do nơi cái gốc của lưỡi. Quán xét mùi vị, xoay lại cái biết, thì vị có nhiều thứ mà cái biết này không hai. Cái biết này lúc chưa xoay lại, thì tâm thức chưa diệt, đó là hữu lậu. Xoay cái biết về Không, biết mà không có chỗ biết, nên là vô lậu. Cái biết này chẳng do căn sanh nên không phải thân, không do cảnh mà có, nên không phải vật. Không phải thân nên trong thoát hết thân tâm ; không phải vật, nên ngoài mất tan thế giới. Do vậy, lìa tâm dơ nhiễm, tiêu mất ngoại trần, được ý sanh thân, thường ở cõi trời, được người, trời cúng dường. Phật vì muốn xóa đi nghiệp nhạo báng nên cho Ngài xâu chuỗi ngọc, dạy niệm Phật, gọi là pháp môn “Nhất Vị Thanh Tịnh Tâm Địa”. Từ vô thủy đến nay, các nghiệp do căn lưỡi tạo ra, lập tức thanh tịnh, do đó được tâm tịch diệt, vào định bình đẳng, bèn nếm mùi đạo vậy.

Ngài Ngưỡng Sơn đem trái cây cho Tổ Quy Sơn.

Tổ nhận lấy, hỏi : “Ở đâu mà có vậy ?”

Ngài Ngưỡng Sơn nói : “Trong vườn nhà.”

Tổ Quy Sơn nói : “Đã ăn chưa ?”

Đáp : “Chưa dám nếm, trước dâng lên Hòa thượng.”

Tổ nói : “Là ai đó ?”

Ngài Ngưỡng Sơn nói : “Là Huệ Tịch.”

Tổ nói : “Đã là ông đó, sao lại bảo ta nếm trước ?”

Ngài Ngưỡng nói : “Hòa thượng thì nếm ngàn nếm vạn.”

Tổ Quy Sơn bèn ăn mà nói : “Còn chua chát.”

Ngài Ngưỡng nói : “Chua chát vẫn là tự biết.”

Tổ Quy Sơn không nói gì.

Lại Tổ Huyền Sa cùng Ông Vi Giám Quân đang ăn trái cây.

Ông Vi hỏi : “Như thế nào là dùng hàng ngày mà chẳng biết ?”

Tổ Sa cầm trái cây đưa lên, nói : “Ăn đi.”

Ông Vi ăn trái cây xong, lại hỏi nữa.

Tổ Sa nói : “Chỉ cái ấy là dùng hàng ngày mà chẳng biết !”

Ngài Nguỡng Sơn nói *tự biết*. Ngài Huyền Sa nói *chẳng biết*. Đó là, biết mà chẳng biết, chẳng biết mà biết. “*Trả mùi vị, xoay cái biết về gốc tánh*”, là phải thấy như thế, biết như thế, mới gọi là Pháp Nhân Thanh Tịnh.

## X. VIÊN THÔNG VỀ THÂN CĂN

Kinh : Ông Tất Lăng Già Bà Ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật rồi thưa rằng : “Lúc ban đầu mới phát tâm theo Phật vào đạo, thường nghe Như Lai dạy về những việc không thể vui được trong thế gian. Đang khi khát thực trong thành, giữa đường, tâm suy nghĩ về pháp môn Phật dạy, thành linh bị gai độc đâm chân, toàn thân đau đớn. Tâm niệm tôi có biết sự đau đớn ấy ; tuy biết đau đớn mà cũng biết cái tâm thanh tịnh không có cái đau và cái biết đau. Tôi lại suy nghĩ, vậy thì chỉ một thân lại có hai cái biết. Nhiếp tâm chẳng bao lâu thân tâm bỗng nhiên rỗng không, trong khoảng hai mươi một ngày, các lậu đều tiêu hết, thành quả A La Hán, được Phật ấn chứng là bậc Vô Học.

“Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi thì thuần một giác tánh, tan mất cái thân, đó là thứ nhất.”

*Thông rằng* : Ông Tất Lăng Già Bà Ta gọi thần sông là “con Tỳ”.<sup>1)</sup> Vì trong các đời trước có thói quen quý tộc, hiện tại không thể bỏ quên thân thể. Nên khi gai độc đâm vào chân, toàn thân đau đớn bèn tỉnh nhập.

Tuy có cái biết để biết cái đau, nhưng cái biết là tâm thanh tịnh, lìa ngoài năng và sở, sự đau đớn không thể đến được. Đau là cái bị biết, thì cái biết có thể biết nó. Còn cái biết là cái hay biết, thì cái đau không thể làm nó đau. Một cái có sự đau, một cái không đau. Đã biết có đau lại biết không đau, thế thì một thân lại có hai cái biết sao ?

Cái biết vốn chỉ một cái Chân, biết đau tức là vọng. Do đó, nhiếp tâm niệm : ngoài thì quên mất thân thể, chỗ biết đều mất ; trong quên mất tâm, cái hay biết cũng tan.

<sup>1)</sup> Tỳ : đây tứ gái.

Ông Trưởng lão Tất Lăng Già Bà Ta hay sợ đau mắt ; ông đi khát thực thường phải qua sông Hằng. Đến bờ sông, khảy móng tay rồi nói : “Tứ gái nhỏ, ngừng lại, đừng cho chảy.” Nước liền rẽ hai cho ông đi qua. Bà Thần sông Hằng đến nơi Phật bạch rằng : “Đệ tử Phật, Ông Tất Lăng Già Bà Ta, thường hay mắng tôi là : Tứ gái nhỏ, ngừng lại, đừng cho chảy.”

Đức Phật dạy Ông Tất Lăng Già Bà Ta xin lỗi, ăn năn với Bà Thần sông Hằng.

Ông Tất Lăng Già Bà Ta liền chấp tay, nói với Bà Thần sông : “Cô tứ gái nhỏ, nay ăn năn xin lỗi cô.”

Đại chúng cười rộ. Nói rằng sao xin lỗi mà lại còn mắng vậy.

Đức Phật dạy Bà Thần sông Hằng : “Bà thấy Ông Tất Lăng Già Bà Ta chấp tay ăn năn xin lỗi chẳng ? Ăn năn xin lỗi không có kiêu căng, nhưng còn lời nói. Nên biết chẳng phải hung dữ. Người này năm trăm đời đến nay thường đầu thai vào nhà Bà La Môn. Hằng ý mình sang, khinh hèn người khác, là chỗ thói quen xưa nay. Chỉ miệng nói mà thôi, lòng không có kiêu ỷ. Các vị A La Hán cũng y như vậy : tuy dứt lia các sự ràng buộc, sui khiến sai biểu, nhưng dường còn thừa thói cũ.”

Thân và tâm bỗng nhiên rỗng không, liền chứng vô học. Chỉ còn một cái giác thanh tịnh, nên gọi là thuần một giác tánh. Ở trong cái thuần giác, thì năng và sở đều xa lìa. Thế mới tan mất cái thân, thân đã tan biến, thì thoát khỏi lập tức các việc không thể vui thích của thế gian.

Xưa, Đức Tứ Tổ Ưu Bà Cúc Đa có gặp một người bám trước thân kiến xin cứu độ.

Tổ nói : “Cầu pháp cứu độ thì phải tin lời ta, chẳng trái lời ta dạy.”

Người ấy nói : “Đã đến cầu Thầy, thì phải nghe lời răn dạy.”

Tổ bèn biến ra một bờ núi hiểm trở, trên chót có nhô ra một cây cao. Tổ dạy người ấy trèo lên cây. Lại ở dưới cây, hóa ra một cái hố lớn, sâu rộng ngàn tầm. Tổ dạy buông chân, người ấy tuân lời, buông hai chân ra. Dạy buông một tay, người ấy thả một tay. Lại dạy thả tay kia, người ấy đáp rằng : “Nếu thả luôn tay kia thì rớt xuống hố chết mất.”

Tổ nói : “Trước đã cam kết là tuân lời dạy, nay sao trái với ta !”

Khi ấy, người kia sợ thương thân liền diệt, thả tay rơi xuống, thì chẳng thấy cây, thấy hố đâu cả. Liền chứng đạo quả.

Ngài Huyền Sa ban đầu muốn đi khắp nơi tìm hỏi thiện tri thức. Quả gói ra khỏi núi, ngón chân bị vấp chảy máu, đau nhức.

Ngài than : “Thân này chẳng phải có, đau từ đâu đến ?”

Bèn trở về Tổ Tuyết Phong.

Tổ Tuyết Phong hỏi : “Cái gì là Huyền Sa Sư Bị Đau òa ?”

Ngài nói : “Trợn đời chẳng dám đối gạt người.”

Lại một ngày nọ, Tổ kêu lại hỏi : “Bị Đầu đà sao chẳng đi khắp nơi mà học hỏi ?”

Ngài nói : “Đạt Ma chẳng đến Đông Độ, Nhị Tổ chẳng qua Tây Thiên.”

Tổ ưng nhận.

Ngài Vân Môn mới đầu ra mắt Tổ Mục Châu. Tổ Châu vừa thấy, liền đóng cửa. Ngài Vân Môn bèn gõ cửa.

Tổ Châu hỏi : “Ai ?”

Ngài đáp : “Tôi đây.”

Tổ nói : “Làm gì thế ?”

Mục Châu nói : “Việc mình chưa rõ, xin thầy chỉ bày.”

Tổ Châu mở cửa, nhìn một cái, liền đóng lại. Cứ vậy, liên tiếp gõ cửa ba ngày. Đến ngày thứ ba, Tổ Châu mở cửa, Vân Môn bèn sấn vào. Tổ Châu nắm đứng lại, hét : “Nói, nói !”

Vân Môn suy nghĩ, thì Tổ Châu bèn xô ra, nói : “Cái đồ vô dụng hết xài !”

Rồi đóng sập cửa, làm kẹt một chân của Vân Môn. Vân Môn liền triệt ngộ.

Tổ chỉ qua tham vấn Tuyết Phong.

Như hai ngài Huyền Sa, Vân Môn cũng là sự trở lại của Tất Lăng Già Bà Ta vậy ! Còn mình đây cũng bị đau chân mà tập khí chẳng chịu trừ.

## XI. VIÊN THÔNG VỀ Ý CĂN

Kinh : Ông Tu Bồ Đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : “Tôi từ mệnh mộng



kiếp đến nay, tâm được vô ngại, tự nhớ thọ sanh, kiếp số nhiều như cát sông Hằng. Lúc còn trong thai mẹ đã biết tánh không tịch, như thế cho đến cả mười phương đều rỗng không và cũng khiến chúng sanh chứng đắc tánh Không. Nhờ Như Lai phát minh tánh Giác là Chân Không, tánh Không tròn sáng, đắc A La Hán, tức thời nhập vào Biển Không quý báu sáng ngời của Như Lai, đồng Phật tri kiến, được ấn chứng thành Vô Học. Tánh Không Giải Thoát, tôi là đầu hết.

“Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, các tướng nhập vào phi tướng, phi và sở phi đều hết, xoay các pháp về Không, đó là thứ nhất.”

*Thông rằng* : Ông Tu Bồ Đề từ mênh mông số kiếp đến nay rõ được tánh Không, nhưng chỉ biết ngả theo cái Không mà thôi. Nhờ Phật phát minh tánh Giác là Chân Không, mới biết cái Không sanh trong Đại Giác cũng như một bọt nước sanh trong biển lớn, thế nên nói là cái Biển Không quý báu sáng ngời. Ngả qua cái Không thì chẳng toàn vẹn. Chân Không là toàn vẹn. Ngả về cái Không thì chưa giải thoát. Chân Không tức Giải Thoát. Chẳng đón nhập Chân Không, thì còn ở trong cái thấy của Nhị thừa, chưa đồng với cái thấy biết của Phật vậy.

*Các tướng nhập vào phi tướng*, ban đầu chỉ là cái Không đơn thuần, nghĩa là làm không các tướng. Cái phi và sở phi đã mất hết, kể đó dùng cái không Không, tức là không luôn cái không tướng. Ban đầu là xoay các tướng về Không, rồi xoay các pháp về Không. Tướng nhân, tướng pháp đều Không, nên trở vào trong Biển Không quý báu sáng ngời, như ngồi yên trong núi mà thấy Pháp Thân Như Lai. Phật cũng nói “Ông Tu Bồ Đề thấy trước Pháp Thân của Ta.”

Đây là một chỗ để nghiệm ra là đồng với cái thấy biết của Phật.

Nhà sư tên Trí Thường ra mắt Đức Lục Tổ.

Tổ hỏi rằng : “Ông từ đâu đến đây, muốn cầu chuyện gì ?”

Đáp rằng : “Thưa, gần đây tôi đến Hồng Châu, núi Bạch Phong, lay ra mắt Hòa thượng Đại Thông, được chỉ dạy cái nghĩa thấy tánh thành Phật, mà chưa giải quyết nổi nghi ngờ. Từ xa đến đây làm lễ, mong Hòa thượng chỉ bày.”

Tổ nói rằng : “Vị kia nói gì, ông thử thuật lại xem.”

Đáp rằng : “Trí Thường này đi đến đó, trải qua ba tháng mà chưa được dạy bảo. Vì thiết tha với pháp, nên một đêm một mình vào phương trượng cầu hỏi :

“Như sao là bản tâm, bản tánh của tôi ?

“Ngài Đại Thông bèn nói : “Ông có thấy hư không chăng ?”

“Đáp : “Dạ, thấy.”

“Hỏi : “Ông thấy hư không có tướng dạng gì không ?”

“Đáp : “Hư không vô hình, nào có tướng mạo gì.”

“Ngài Đại Thông nói : “Ông hãy thấy bản tánh cũng như hư không, rốt ráo không có một vật để thấy, gọi là chánh kiến. Không một vật để biết, gọi là thật biết. Không có xanh, vàng, dài, ngắn. Chỉ thấy cái bốn nguyên thanh tịnh, cái giác thể tròn đầy sáng suốt, thì gọi là thấy tánh thành Phật, cũng gọi là cái thấy biết của Như Lai.” Kẻ học đạo này tuy nghe dạy như vậy mà chưa rõ hiểu chắc chắn, xin Hòa thượng chỉ dạy.”

Tổ nói : “Chỗ dạy của vị ấy vẫn còn nằm trong tri kiến, nên khiến ông chưa rõ, nay ta chỉ cho ông bài kệ :

“Chẳng thấy một pháp, là còn cái không thấy  
 Thật như mây nổi che mặt trời  
 Chẳng biết một pháp, là giữ cái không biết  
 Lại như thái hư sanh điện chớp  
 Cái thấy biết ấy vừa khởi lên  
 Nhận lầm, bao giờ hiểu phương tiện  
 Ông trong nhất niệm tự biết lấy Chẳng Phải<sup>(1)</sup>  
 Thì cái linh quang chính mình thường rõ hiện.”

Trí Thường nghe kệ xong, tâm ý rỗng nhiên, bèn trình bài kệ :

“Không đâu, khởi thấy biết  
 Bám tướng, tìm Bồ Đề  
 Tình còn một niệm “ngộ”  
 Sao thoát khỏi xưa mê  
 Tự tánh Giác nguyên thể  
 Theo chiếu uống trôi lăn  
 Chẳng vào Tổ Sư thất  
 Mờ mịt chạy hai đầu.”

Thế có thể nói là “Nhất niệm biết chẳng phải” thì cái chẳng phải (phi) và cái chỗ chẳng phải (sở phi) đều dứt hết. Từ Ông A Na Luật Đà đến đây là năm vị Thánh, nói là xoay cái thấy, quay hơi thở trở về, đem cái mùi vị trở lại, xoay cái pháp về nguồn, đều là ngược dòng về một. Đó là do sáu căn mà chứng viên thông vậy. Cái xoay ngược cái nghe của Đức Quan Âm kể riêng ra với chỗ này, vì là cực quả của Viên Thông, gần với địa vị Phật, nên để ở sau chót.

---

<sup>1)</sup> Tự tri Phi.

## XII. VIÊN THÔNG VỀ NHÃN THỨC

Kinh : Ông Xá Lợi Phát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : “Tôi nhiều kiếp đến nay, cái thấy từ tâm được trong sạch. Như thế mà thọ sanh, kiếp số nhiều như cát sông Hằng. Các pháp thế gian và xuất thế gian, thấy thấy biến hóa, trong một cái thấy đều thông suốt, được không chướng ngại. Tôi ở giữa đường gặp Ca Diếp Ba, anh em hợp ý nhau, nói pháp nhân duyên, ngộ được cái tâm không bờ cõi, theo Phật xuất gia. Tánh giác hằng thấy tròn đầy sáng ngời, được đại vô úy, thành A La Hán, làm trưởng tử của Phật, từ miệng Phật mà sanh, do pháp mà hóa sanh.

“Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì cái thấy của tâm phát sáng, sáng khắp cái thấy biết, đó là thứ nhất.”

*Thông rằng* : Ông Xá Lợi Phát lúc còn trong bụng mẹ, thì bà mẹ biện luận sáng láng hơn người cậu. Ông Cậu bảo : “Thằng bé này sanh ra, trí huệ không ai địch nổi.” Rồi sang Nam Ấn học pháp, không rãnh thời giờ để cắt móng tay, đó là Tỳ kheo Trường Trảo.<sup>(1)</sup>

Lúc chín tuổi, Ngài Xá Lợi Phát đã biện luận khuất phục mọi người, vua trong nước rất quý trọng. Ngài làm bạn với Ông Mục Kiên Liên, kết ước với nhau, hễ được mùi vị cam lồ của chánh pháp thì cùng hưởng với nhau.

Mục Kiên Liên giữa đường gặp Tỳ kheo Mã Thắng, hỏi : “Thầy của ông thuyết pháp gì ?”

---

<sup>1)</sup> Móng Tay Dài.

Mã Thắng đáp : “Các pháp theo duyên sanh, các pháp theo duyên diệt ; Thầy ta, Đại Sa môn, thường y như thế thuyết.”

Ông Mục Kiên Liên tỏ sáng, chứng Sơ Quả ; vội qua báo cho Xá Lợi Phất, nghe xong Xá Lợi Phất cũng chứng Sơ Quả.

Cả hai ông cùng đến ra mắt Phật. Từ xa trông thấy hai người, Phật bảo với đại chúng : “Đó là hai đại đệ tử của Ta, một người trí huệ đệ nhất, một người thần thông đệ nhất.”

Ngài Xá Lợi Phất, cái thấy của tâm rất sáng lẹ, theo Phật xuất gia, bảy ngày thông suốt hết Phật Pháp, trong mười lăm ngày đắc A La Hán, nên gọi là Trí Huệ đệ nhất, làm trưởng tử của Phật. Cái thấy của tâm không thuộc về căn hay thức, nên có thể bên trong phát ra sáng ngời, sáng khắp cái thấy biết, tánh giác của cái thấy tròn đầy sáng rõ, được đại vô úy. Cái Thấy chưa suốt thì có nghi, có sợ, còn Ngài Xá Lợi Phất chín tuổi nghị luận đã đắc vô úy, đến đây lại thông đạt hết Phật Pháp, mới gọi là đại vô úy.

Thiền sư Trường Khánh Lăng ban đầu ra mắt Tổ Tuyết Phong, hỏi : “Một con đường từ xưa các thánh truyền thụ, xin thầy chỉ bày cho.” Tổ Phong im lặng hồi lâu. Ngài làm lẽ mà lui ra. Tổ Phong bèn mỉm cười.

Ngài đi qua lại Tổ Tuyết Phong và Huyền Sa như vậy trong suốt hai mươi năm, ngời thiền rách hết bảy cái bồ đoàn, mà chẳng rõ được chuyện ấy. Một ngày kia, cuốn bức sáo lên, hốt nhiên đại ngộ, bèn làm bài tụng :

*“Đã lầm to, đã lầm to !*

*Cuốn bức sáo lên thấy thiên hạ*

*Có người nào hỏi, ấy Tông gì  
Cầm cây phát tử nhằm miệng đánh."*

Tổ Tuyết Phong nói với Tổ Huyền Sa : "Ông ấy tỏ suốt rồi vậy."

Huyền Sa nói : "Chưa chắc. Đây là do ý thức thuật lại thôi, phải cần xét lại mới được."

Đến tối, các sư đến làm lễ, Tổ nói với Ngài Khánh Lăng : "Đầu đà Bị chưa chịu ông, nếu thật ngộ, trước chúng hãy nói ra đi !"

Ngài Lăng lại làm bài tụng :

*"Ở trong muôn tượng lộ riêng thân  
Chỉ người tự nhận ấy mới gần  
Ngày xưa lầm lạc tìm đường đến  
Ngày nay trong lửa thấy ra băng."*

Tổ Phong quay sang nói với Tổ Huyền Sa : "Không thể là sự trước thuật của ý thức đâu !"

Òi, thấy ra băng trong lửa, là một cái nhìn thông suốt, được không chướng ngại. Thiền sư Lăng khá gọi là có mắt vậy.

### XIII. VIÊN THÔNG VỀ NHĨ THỨC

Kinh : Ngài Phổ Hiền Bồ tát từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : "Tôi đã từng làm Pháp Vương Tử cho các Đức Như Lai như số cát sông Hằng. Mười phương Như Lai dạy các đệ tử có căn cơ Bồ tát tu hạnh Phổ Hiền, là do tôi mà đặt tên.

"Thưa Thế Tôn, tôi dùng cái nghe của tâm mà phân biệt tất cả thấy biết của chúng sanh. Nếu ở phương nào khác, cách ngoài hằng sa thế giới, có một chúng sanh trong

tâm phát khởi hạnh Phổ Hiền, thì liền ngay khi ấy, tôi cỡi voi sáu ngà, phân thân thành trăm, ngàn đến chỗ người ấy. Dầu cho người ấy nghiệp chướng còn sâu dày, chưa thấy tôi được, tôi cũng âm thầm xoa đầu, ủng hộ an ủi khiến cho người ấy được thành tựu.

“Phật hỏi về viên thông, tôi nói chỗ bản nhân của tôi là phát sáng cái nghe của tâm, tự tại mà phân biệt, đó là thứ nhất.”

*Thông rằng* : Hạnh khắp pháp giới là Phổ, địa vị gần với Phật gọi là Hiền. Đức Phổ Hiền đã chứng quả vị, nói lại cái bản nhân của mình là từ cái Nghe của tâm phát sáng, mọi phân biệt đều tự tại. Tận khắp pháp giới rỗng rang như hư không, không đâu mà tâm chẳng nghe đến. Biết rành người tu Hạnh Phổ Hiền mà ủng hộ cho, ấy là trong sự biết rành đó ; có một loại tam muội tự tại, chẳng có một mảy tơ tạo tác, là do đã chứng Pháp Thân, nên đây khắp pháp giới, nơi nào vừa khởi niệm, nơi đó có ngay hạnh nguyện. Đó là đức và dụng vô ngại : Thể là dụng, dụng là thể, nên gọi là tự tại.

Đức Quan Âm theo căn tai mà xoay lại cái nghe, nên được tịch diệt hiện tiền. Đức Phổ Hiền theo nhĩ thức mà phát sáng, nên được tự tại trong phân biệt. Nói là hiện tiền thì chưa từng chẳng phân biệt. Nói là tự tại, thì chưa từng không tịch diệt. Chỗ chứng của hai vị Thánh thật không có chỗ hơn kém.

Ngài Đàm Dực ban đầu vào Lư Sơn theo học Ngài Viễn Công. Sau trở về Hội Kê, ở núi Tần Vọng, tụng kinh Pháp Hoa. Trải qua mười hai năm, cảm Đức Bồ tát Phổ Hiền hóa thân người nữ, mặc áo quần màu, xách lồng tre, một con heo trắng và hai củ tỏi, đến trước Ngài, nói : “Thiếp

vào núi hái rau quyết, mặt trời đã xế, sói cộp tung hoành, trở về thì khó sống, xin ở nhờ một đêm.” Ngài hết sức từ chối, mà người con gái kêu khóc không thôi, bèn bảo nghỉ ở giường cỏ. Nửa đêm cô kêu la đau bụng, xin Ngài xoa bóp giùm. Ngài từ chối vì giữ Giới, không được chạm tay. Cô gái càng kêu la quá lắm. Ngài mới lấy cây tích trượng quán vãi vào rồi ở xa mà xoa cho. Sáng hôm sau, cô gái hóa áo quần thành mây lành, heo biển thành voi trắng, hai củ tỏi biến thành hai bông sen, bay lên không mà bảo rằng : “Ta là Bồ tát Phổ Hiền, đến để thử ông đó.”

Quan Thái Thú ở đây là Mạnh Nghi, tâu lên vua, vua ra lệnh xây chùa Pháp Hoa. Chuyện này cũng giống chuyện Đức Quan Âm thử Ngài Ngô Đạo Tử.

Việc phân thân thị hiện, xoa đầu an ủi thì không kể xiết. Ở Trung Hoa như thế, thì ngoài hàng sa thế giới cũng có thể biết là như vậy.

Có nhà sư hỏi Tổ Trường Sa : “Vì sao Đồng tử Thiện Tài đi dạo thế giới trong thân Bồ tát Phổ Hiền suốt vô lượng kiếp mà không khắp hết ?”

Tổ Sa nói : “Ông từ vô lượng kiếp đến nay dạo chơi được khắp hết chăng ?”

Hỏi : “Như sao là Thân Phổ Hiền ?”

Tổ Sa nói : “Ở trong Hàm Nguyên điện, lại chạy kiếm Trường An !”

Lại có nhà sư từ già Tổ Đại Tỳ.

Tổ hỏi : “Đi đâu thế ?”

Nhà sư đáp : “Đến núi Nga Mi, làm lễ Đức Phổ Hiền.”

Tổ Tỳ dựng đứng cây phát tử, nói : “Văn Thù, Phổ Hiền chỉ tại trong này !”



Nhà sư vẽ một vòng tròn, ném về sau lưng.

Tổ Tuy nói : “Thị giả ! Dem thêm trà cho vị sư này !”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Biết pháp thì sợ  
Khinh địch thì mất  
Trong nước phân sũa  
Phải là ngỗng chúa !”*

Nhà sư ấy đã nói là đi lễ Đức Phổ Hiền, lại vất ra sau lưng, khó khởi ngài Đại Tuy kiểm điểm. Lại rõ được trong ấy chẳng ? Lại chạy tìm Trường An, thì nào có thể ?

#### XIV. VIÊN THÔNG VỀ TỶ THỨC

Kinh : Ông Tôn Đà La Nan Đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : “Lúc tôi mới xuất gia, theo Phật vào đạo, tuy đầy đủ giới luật, mà trong tam ma địa thì tâm thường tán động, chưa được vô lậu. Thế Tôn dạy tôi và Ông Câu Hy La quán đầu mũi trắng. Lúc bắt đầu tu quán ấy trải qua ba lần bảy ngày, thấy hơi thở trong mũi ra vào như khói. Thân tâm bên trong sáng rõ, rộng suốt khắp thế giới, khắp hết thành rộng không, sáng sạch, như ngọc lưu ly. Tướng khói lần lần hết mất, hơi thở hóa thành trắng. Tâm khai ngộ, các lậu hết sạch thì các hơi thở ra vào hóa thành hào quang, soi khắp mười phương thế giới, đắc A La Hán. Thế Tôn thọ ký cho tôi sẽ đắc Bồ Đề.

“Phật hỏi về viên thông, tôi dùng sự tiêu mất hơi thở, yên lặng lâu thì phát ra sáng suốt, sáng suốt tròn khắp thì diệt hết các lậu, đó là thứ nhất.”

*Thông rằng* : Ông Nan Đà là em ruột của Phật, rất thương vợ nên tâm thường tán động. Phật dùng nhiều phương tiện điều phục cho mà đắc quả. Trước điều khiển hơi thở là y nơi căn, từ thô vào tế, từ tế vào Không, đó là xoay lại các căn. Cách quán lỗ mũi trắng này là y nơi thức. Hơi thở ban đầu như khói, kế hóa thành trắng, sau cùng thành quang minh, đó là phát từ thức. Hơi thở trong mũi, sao lại như khói ? Hơi thở do gió và lửa khởi ra, làm động cái phiền não trước, nên hình dạng như khói. Đến khi tịnh quán phát sáng, thân tâm rộng suốt, phiền não trước dần dần tiêu, nên hơi thở nơi mũi hóa thành trắng. Tâm khai ngộ, hết sạch các lậu, không còn phiền não, cái sáng suốt bên trong phát chiếu ra, thì thấy thế giới như ngọc lưu ly, thế hơi thở chẳng hóa thành quang minh ư ? Hai thứ này, các đạo gia dưỡng sanh cho là bí truyền ; còn nếu nơi căn viên thông mà chứng được, thì há chẳng phải là hột giống Phật ư ?

Xưa, Ngài Bách Trượng đang đi cùng Tổ Mã Tổ, thì thấy một bầy vịt trời bay qua.

Tổ nói : “Cái gì thế ?”

Ngài Trượng nói : “Vịt trời.”

Tổ nói : “Đi đâu rồi ?”

Ngài Trượng nói : “Bay qua rồi.”

Tổ bèn nắm mũi Bách Trượng kéo mạnh, Ngài đau quá la lên.

Tổ nói : “Còn nói bay qua nữa thôi ?”

Ngài Bách Trượng liền tỉnh ngộ, về liêu thị giả, tấm tức khóc lớn.

Vị thị giả khác hỏi : “Ông nhớ cha mẹ ư ?”

Đáp : “Không.”

Hỏi : “Bị người mắng chằng ?”

Đáp : “Không.”

Hỏi : “Thế chuyện gì khóc ?”

Đáp : “Lỡ mũi tôi bị Đại sư vắn đau quá mà chằng thấu triệt.”

Hỏi : “Có nhân duyên gì chằng khế hợp được ?”

Đáp : “Ông đi hỏi lấy Đại sư đi !”

Vị thị giả ấy đi hỏi Mã Tổ : “Thị giả Hoà Hải Bách Trượng có nhân duyên gì không khế hợp, đang kêu khóc ở trong phòng, xin Hòa thượng nói cho con !”

Đại sư nói : “Đó là hẩn hiểu vậy, ông hãy tự mình hỏi lấy hẩn ta xem.”

Vị ấy về phòng nói với Bách Trượng : “Hòa thượng nói ông hiểu rồi, bảo tôi về tự hỏi ông ?”

Bách Trượng ha hả cười lớn.

Vị thị giả nói : “Vừa mới khóc, sao giờ lại cười ?”

Bách Trượng nói : “Hồi nãy khóc, bây giờ cười !”

Vị thị giả chằng hiểu sao cả.

Hôm sau, Tổ Mã Tổ lên tòa giảng, đại chúng vừa nhóm họp, thì Bách Trượng bước ra cuốn chiếu. Tổ liền xuống tòa. Bách Trượng đi theo đến phương trượng. Tổ nói : “Hồi nãy ta chưa hề mở lời, tại sao ông lại cuốn mất chiếu ?”

Bách Trượng nói : “Hôm qua bị Hòa thượng vắn lỗ mũi đau quá !”

Tổ nói : “Hôm qua ông lưu tâm chỗ nào ?”

Bách Trượng nói : “Lỡ mũi hôm nay lại không đau.”

Tổ nói : “Ông thật biết rõ chuyện hôm qua.”

Ngài Bách Trượng làm lễ rồi lui ra.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

“Con vịt trời, biết sao đây ?  
 Mã Tổ vừa thấy, nói cùng nhau  
 Nói hết núi mây, trắng biển, tình  
 Như xưa, chẳng hội, liền bay mất  
 Muốn bay chăng ?  
 Nắm đứng lại  
 Nói, nói !”

Lại có người nói được, thì phải như Bách Trượng lỗ mũi đau mà chẳng thấu triệt, mới được quang minh chiếu mười phương thế giới, đốn chứng viên thông.

## XV. VIÊN THÔNG VỀ THIỆT THỨC

Kinh : Ông Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : “Tôi từ bao kiếp đến nay, biện tài vô ngại, tuyên thuyết Khổ, Không, thấu suốt Thật Tướng. Như thế cho đến các pháp môn bí mật của hàng sa Như Lai, tôi đều ở trong chúng khai thị một cách vi diệu, được vô sở úy. Đức Thế Tôn biết tôi có đại biện tài, nên dạy tôi tuyên dương bằng pháp luân âm thanh. Tôi ở trước Phật, giúp Phật chuyển pháp luân, nhân phát lên tiếng rống sư tử, thành A La Hán. Thế Tôn ấn chứng cho tôi thuyết pháp hơn hết thảy.

“Phật hỏi về viên thông, tôi dùng pháp âm hàng phục tà ma ngoại đạo, tiêu diệt các lậu, đó là thứ nhất.”

*Thông rằng* : Đây là lấy thiệt căn tuyên dương chỗ toàn vẹn một ngàn hai trăm công đức, nên chẳng dùng sự ném vạ để hiển bày thiệt thức. Rõ biết cái Khổ không có Khổ tướng, cái Không không có Không tướng, gọi là hiểu thấu

sâu xa Thật Tướng. Ngay nơi Khổ, Không mà thuyết Thật Tướng, đó là pháp môn bí mật. Khai thị một cách vi diệu, rộng suốt đến nguồn pháp, nên được vô úy. Phật dùng ba Pháp luân “thân, khẩu, ý” mà ứng vật không vướng mắc. Ông Phú Lô Na chỉ dùng pháp luân âm thanh mà thành A La Hán. Trong thì tiêu diệt các lậu, mật chứng Thật Tướng ; ngoài thì rộng nói pháp bí mật, hàng phục tà ma ngoại đạo. Biện tài vô ngại, là người thuyết pháp số một, đều do thiệt thức mà được viên thông vậy.

Tọa chủ Lượng ra mắt Ngài Mã Tổ. Tổ nói : “Nghe nói Tọa chủ giảng Kinh, Luận thông suốt lắm, có phải không ?”

Thầy Lượng nói : “Dạ, không dám.”

Tổ nói : “Lấy cái gì giảng ?”

Thầy Lượng nói : “Lấy tâm giảng.”

Tổ nói : “Tâm như tay thợ đàn giỏi, Ý như con hát hòa theo, làm sao giảng được kinh !”

Thầy Lượng cãi lại rằng : “Tâm đã chẳng giảng được, chẳng lẽ hư không giảng được sao ?”

Tổ nói : “Vậy mà hư không giảng được !”

Thầy Lượng không chịu, bèn bỏ đi ra.

Vừa xuống thềm, Ngài Mã Tổ gọi lớn : “Tọa chủ !”

Thầy Lượng quay đầu lại, hoát nhiên đại ngộ. Bèn lễ bái.

Tổ nói : “Cái ông thầy độn căn này, lễ bái làm gì !”

Thầy Lượng về chùa, nói với thính chúng rằng : “Tôi giảng kinh không ai bì kịp, thế mà hôm nay bị Đại sư Mã Tổ hỏi cho một câu, tất cả công phu trước giờ đều như băng rã tiêu tan.”

Bèn vào núi Tây Sơn, không còn dấu vết.

Há chẳng tiêu diệt các lậu hay sao ?

Thiền sư Bàn Am Thành nói trước đại chúng : “Này các nhân giả ! Hãy biết nay tôi hét lên một tiếng, có thể thấu đáo cả ngũ giáo.”

Im lặng một lúc, rồi hét lớn một tiếng mà hỏi : “Có nghe không ?”

Đại chúng đáp : “Có nghe.”

Thiền sư nói : “Nay các ông có nghe một tiếng hét này, thế là *Có*, tức là vào Tiểu thừa giáo.”

Rồi hỏi tiếp : “Giờ các ông có nghe không ?”

Đáp : “*Không* nghe.”

Thiền sư nói : “Giờ các ông *không* nghe, thì một tiếng hét này là *Không*, đó là vào Đại Thừa Thủy Giáo. Khi tôi mới hét, các ông đã bảo rằng *Có* ; hét xong âm thanh tiêu mất, các ông lại nói rằng *Không*. Nhưng nói *không*, nghĩa là trước kia là *có* ; nói rằng *có*, thì bây giờ là *không*. Thế là *Chẳng Có*, *Chẳng Không*, đó là vào Đại Thừa Chung Giáo. Khi tôi có hét, *có* chẳng phải là *có*, nhân nơi *không* mà *có*. Khi không hét, *không* chẳng phải là *không*, nhân nơi *có* mà *không*. Ấy là *Tức Có Tức Không*, là vào Đốn Giáo. Tôi ở nơi một tiếng hét, chẳng khởi ra cái Dụng của tiếng hét, thì *Có* và *Không* chẳng lập, ngộ và hiểu đều mất. Khi nói *Có*, mảy lông chẳng lập. Khi nói *Không*, rộng khắp hư không. Tức một tiếng hét này, tức là trăm ngàn vạn ức tiếng hét. Trăm ngàn vạn ức tiếng hét tức là *một* tiếng hét này. Đó là vào Viên Giáo.”

Các lời biện luận ghê gớm này, người nghe đều phải khuất phục, há chẳng hàng phục được ma oán ư ?

## XVI. VIÊN THÔNG VỀ THÂN THỨC

Kinh : Ông Ưu Bà Ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : “Chính tôi được theo Phật

vượt thành xuất gia, được chính mình thấy Phật sáu năm khổ hạnh chuyên cần. Đích thân thấy Như Lai hàng phục các ma, chế ngự ngoại đạo, giải thoát các lậu tham dục của thế gian. Nhờ Phật dạy cho giới luật, như thế cho đến ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, các tánh nghiệp và giá nghiệp thấy đều thanh tịnh, thân tâm tịch nhiên, thành A La Hán. Tôi là cái mẫu mực trong chúng của Như Lai. Phật ấn chứng cho tôi giữ giới thân tâm hơn cả trong chúng.

“Phật hỏi về viên thông, tôi do lấy việc giữ gìn cái thân, mà thân được tự tại ; lần đến giữ gìn cái tâm, mà tâm được thông suốt ; rồi sau cả thấy thân tâm đều thông suốt, nhạy bén, đó là thứ nhất.”

*Thông rằng* : Đức Như Lai sáu năm cần khổ, những cái gì ngoại đạo không làm nổi, Ngài đều làm hết. Thế nên có thể chế phục các ngoại đạo, lại giải thoát các lậu tham dục của thế gian, mà tà ma không thể quấy phá. Tức là các thứ binh khí của chúng đều hóa thành hoa sen, nên các ma chịu phục. Đều là do thân giữ giới hạnh, ba ngàn tám vạn không đâu chẳng tròn đủ, bởi thế tà ma ngoại đạo chấp tay mà thân phục. Đi, đứng, nằm, ngồi, mỗi thứ có hai trăm năm chục, đối với ba tụ tịnh giới thành ra ba ngàn, lại lấy ba ngàn phối hợp với ba cái của thân,<sup>(1)</sup> bốn cái của miệng<sup>(2)</sup> là bảy chi thành ra hai vạn một ngàn. Lại phối hợp với bốn phần phiền não, thành tám vạn bốn ngàn. Phật chế định luật này là giới hạnh của Sa môn, khiến cho thân tâm đều thanh tịnh. Bốn lỗi lầm dơ dục như sát, đạo, dâm, vọng thì tánh của chúng vốn là tội, không đợi phải ngăn cấm,

---

<sup>1)</sup> Sát, đạo, dâm.

<sup>2)</sup> Vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ.

phạm liền thành nghiệp, nên gọi là tánh nghiệp. Còn lại thì nhân có phạm mới ngăn cấm. Trước khi chế định mà phạm thì không tội, nên gọi là giá nghiệp. Hai nghiệp đều trừ sạch liền được không tịch.

Ban đầu dùng sự giữ gìn thân, thì thân được tự tại, ấy gọi là tánh nghiệp thanh tịnh. Lần đến giữ gìn tâm, thì tâm được thông suốt, ấy gọi là giá nghiệp thanh tịnh. Giữ gìn thân rồi đến tâm, tâm là cái thân của thức, cái thức về thân đã diệt, nên chân trí hiện bày trước mắt. Giới trong sạch là trí huệ, bèn được đạo đệ nhất. Đó là Ông Ưu Bà Ly giữ giới số một, làm mẫu mực trong chúng vậy. Cho đến khi cả thân tâm đều thông suốt, nhay bén là vào chỗ ngộ vậy, há đợi giữ gìn riêng thân ư ?

Tôn giả Bà Tu Bàn Đầu<sup>(1)</sup> thường ngày ăn chỉ một bữa, không nằm, sáu thời lễ Phật, trong sạch không dục, làm chỗ nương về của chúng.

Tổ Thứ Hai Mười là Ngài Tôn giả Xà Dạ Đa muốn độ cho Ngài, trước hết hỏi chúng kia rằng : “Vị Đầu đà Biến Hành này hay tu Phạm hạnh, có thể đắc Phật Đạo không ?”

Đại chúng nói : “Thầy chúng tôi tinh tấn, sao lại không thể ?”

Tổ nói : “Thầy các ông cùng với đạo cách xa vậy. Giả sử có khổ hạnh trải qua nhiều kiếp như bụi cũng là cái gốc hư vọng đó.”

Đại chúng nói : “Tôn giả chứa nhóm được đức hạnh gì mà xét bàn thầy chúng tôi ?”

Tổ nói : “Ta chẳng cầu đạo, cũng chẳng điên đảo. Ta chẳng lễ Phật, cũng chẳng khinh mạn. Ta chẳng ngồi hoài,

---

<sup>1)</sup> Dịch là Biến Hành.



cũng chẳng giải đãi. Ta chẳng ăn một bữa, cũng chẳng ăn lộn xộn. Ta chẳng tri túc, mà cũng chẳng tham dục. Tâm không có chỗ mong cầu, gọi đó là đạo.”

Khi ấy. Ngài Biến Hành nghe xong, trí vô lậu liền phát, hoan hỷ ca ngợi.

Tổ lại nói với đại chúng ấy rằng : “Hiểu lời ta chẳng ? Ta sợ dĩ làm thế, vì tâm cầu đạo của người ấy tha thiết. Phàm là dây đàn căng thì đứt nên ta chẳng tán thưởng mà khiến giúp người trụ nơi chỗ an lạc, vào trí huệ chư Phật.”

Tổ lại nói với Ngài Biến Hành : “Ta vừa rồi ở trước chúng mà ức hiếp ông, trong lòng ông không buồn chứ ?”

Ngài Biến Hành nói : “Tôi nhớ lại bảy kiếp trước, sanh ở nước Thường An Lạc, thầy là Trí giả Nguyệt Tịnh thọ ký cho tôi chẳng bao lâu sẽ chứng quả Tư Đà Hàm. Lúc ấy có Bồ tát Đại Quang Minh ra đời. Tôi vì đã già nên chống gậy lạy ra mắt.

“Thầy la rằng : “Trọng con khinh cha, sao lại thô lậu thế ?”

“Khi ấy, tôi tự cho là không có lỗi, xin thầy dạy cho.

“Thầy nói : “Ông làm lễ Bồ tát Đại Quang Minh, lại để cây gậy dựa vào mặt Phật vẽ trên vách. Vì lỗi coi thường này mà mất quả thứ hai.”

“Tôi tự ăn năn là từ xưa đến nay, nghe lời dữ thì như gió như vang, hưởng hồ nay được uống cam lồ vô thượng mà lại sanh buồn phiền ư ? Xin Ngài rủ lòng đại từ, chỉ dạy diệu đạo cho.”

Tổ nói : “Ông trồng các đức đã lâu, sẽ kế vị Tông ta.”

Bèn phó chúc bài pháp kệ :

*“Dưới lời hợp Vô Sanh  
 Đồng với pháp giới tánh  
 Nếu tỏ hiểu như thế  
 Thông suốt hết sự, lý.”*

Đây là Tổ Thứ Hai Mười Một.

Ồi, chẳng tu phạm hạnh mà mong được Vô Thượng Bồ Đề, thì xưa giờ chưa hề nghe vậy.

## XVII. VIÊN THÔNG VỀ Ý THỨC

Kinh : Ông Đại Mục Kiền Liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : “Ban đầu tôi giữa đường khát thực thì gặp ba anh em họ Ca Diếp Ba là các Ông Ưu Lâu Tần Loa, Già Gia và Na Đề, tuyên nói thâm nghĩa nhân duyên của Như Lai, tôi liền phát tâm, được rất thông suốt. Như Lai ban cho tôi áo cà sa đắp thân, râu tóc tự rụng. Tôi ngao du mười phương, được không chướng ngại, thần thông hiển phát, được chúng cho là hơn cả, thành A La Hán. Không chỉ Thế Tôn, mà mười phương Như Lai đều khen sức thần thông của tôi là tròn sáng trong sạch, tự tại vô úy.

“Phật hỏi về viên thông, tôi do xoay về bản tánh trong lặng, ánh sáng của tâm mở phát, như lắng nước đục lâu thành trong sáng, đó là thứ nhất.”

*Thông rằng* : Con người không thể tròn sáng, trong sạch là do ý thức trôi lạc theo trần, do đó tâm bị cái hình sử dụng, chẳng phải là cái thần sử dụng. Nếu thức không trôi lẫn mà quay về bản tánh diệu trạm, thì như lắng nước đục, lâu ngày trong sáng, ánh sáng của tâm mở phát, thần thông tự tại, cái ý thức được không-ngăn ngại. Trong lục

thông, chỉ có lậu tận thông là nội chứng, còn năm cái kia đều thuộc về sự dùng bên ngoài. Kinh Viên Giác nói : “Như Huyền Tam Muội, như mâm dân tăng trưởng.” Thế nên tích tập lâu ngày, mới thật trong sáng.

Nhà sư Bảo Chí, ban đầu chỉ tập định, định lâu ngày bỗng nhiên được thần thông.

Thiền sư Đặng Ấn Phong, mùa Đông ở núi Hành Nhạc, mùa Hạ ở núi Thanh Lương. Trong năm Nguyên Hòa, Ngô Nguyên Tế khởi binh, chống lại triều đình. Quân triều đình cùng giặc giao tranh không phân thắng bại. Thiền sư nói : “Ta phải đi giải bỏ hoạn nạn này.” Bèn ném cây gậy lên không, bay thân qua đến. Tướng sĩ hai bên ngược lên xem, sự việc hợp với giấc mộng báo trước, tâm tranh đấu mất ngay.

Sư đã hiện thần thông lạ lùng, e làm mê lầm đại chúng, bèn vào núi Ngũ Đài, trước động Kim Cương, trước khi thị tịch, dạy chúng rằng : “Người ở các nơi khi thị tịch, ngồi mà chết, nằm mà chết, ta đều thấy cả, còn có ai đứng mà chết chưa ?”

Đại chúng đáp : “Dạ, có.”

Ngài nói : “Còn có ai đứng ngược đầu chưa ?”

Đại chúng nói : “Dạ, chưa từng thấy.”

Thiền sư Phong bèn đứng ngược đầu mà hóa, áo quần vẫn xuôi theo thân mình. Khi chúng khiêng đi làm lễ hỏa táng, vẫn sững sững chẳng động. Người xem xa gần thấy vậy, lạ lùng khen ngợi không dứt.

Ngài có một người em gái làm ni cô, khi ấy cũng ở đấy bèn tát tai mà la rằng : “Lão huynh khi sống thì chẳng theo pháp luật, lúc chết lại hoa mắt lừa người !”

Rồi lấy tay xô ngã âm xuống.

Cho nên thần thông là quả vị, mà người sáng mắt cũng chẳng màng.

Tổ Ngưỡng Sơn lên tòa giảng, có nhà sư Ấn từ trên không bay đến. Tổ Ngưỡng Sơn nói : “Mới vừa rời chỗ nào ?”

Đáp : “Ấn Độ.”

Tổ nói : “Rời đó khi nào ?”

Đáp : “Hồi sáng nay.”

Tổ nói : “Sao chậm quá vậy !”

Đáp : “Còn vui chơi non nước.”

Tổ nói : “Du hý thần thông thì chẳng phải không có. Nhưng đối với Phật Pháp, Xà lê phải cần lão tăng mới được.”

Đáp rằng : “Định qua Đông Độ làm lễ Đức Văn Thù, lại gặp Tiểu Thích Ca.”

Rồi lấy ra kinh điển Phạn bằng lá bối đưa cho Tổ Ngưỡng Sơn, rồi nương không trung mà đi.

Tổ Ngưỡng Sơn dạy chúng rằng : “Ta nay hướng về các ông mà nói chuyện phía thánh. Hãy chớ đem tâm mà níu, đậu. Chỉ hướng vào cái Biển Tánh chính mình, như Phật mà tu. Chẳng cần đến tam minh và lục thông. Vì sao thế ? Vì đó là chuyện ngọn ngành rốt chót của thánh. Như nay chỉ cốt rõ tâm, đạt gốc, hễ đạt gốc thì lo gì cái ngọn, mai kia sẽ tự đầy đủ hết trong ấy. Nếu chưa đạt cái gốc, dầu cho đem vọng tình mà học cái việc ấy cũng không được. Các ông há chẳng thấy Hòa thượng Quy Sơn nói : Tình phàm thánh hết, thể lộ Chân Thường, sự lý không hai, tức Như Như Phật.”

Đây là con đường chánh pháp tròn sáng, trong sạch vậy. Từ Ngài Xá Lợi Phất đến đây, nói rằng : “Cái thấy của tâm, cái nghe của tâm, ánh sáng của tâm, đó là chẳng do

căn, chẳng do cảnh, thoát hết căn trần, rốt ráo không tập khí mê lầm. Đây là do sáu thức mà chúng viên thông vậy.”

### XVIII. VIÊN THÔNG VỀ HỎA ĐẠI

Kinh : Ông Ô Sô Sắt Ma ở trước Đức Phật, chấp tay đảnh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : “Tôi thường nhớ, trước kia trong kiếp xa xôi, tánh khí nhiều tham dục. Có Phật ra đời, hiệu là Không Vương dạy rằng : “Người đa dâm thành đống lửa hồng.” Ngài dạy tôi quán khắp các khí nóng, lạnh nơi trăm vóc tứ chi. Tôi quán như thế mà thần quang lặng đứng ở trong, hóa cái tâm thức đa dâm thành lửa trí huệ. Từ ấy, các Đức Phật đều gọi tôi tên là Hỏa Đầu. Tôi dùng sức Hỏa Quang Tam Muội mà thành A La Hán. Tâm phát đại nguyện khi các Đức Phật thành đạo, tôi làm lực sĩ ở bên Phật mà dẹp phục tà ma quấy phá.

“Phật hỏi về viên thông, tôi quán sát các hơi ấm nơi thân tâm, lưu thông không ngại, các lậu đã tiêu, sanh ra ngọn lửa đại trí quý báu, chứng Vô Thượng Giác, đó là thứ nhất.”

*Thông rằng* : Trong đoạn trước, về bảy đại, nói tánh lửa là Chân Không, Tánh Không là Chân Lửa, bản nhiên thanh tịnh, toàn khắp pháp giới. Vì Hỏa Quang Tam Muội vốn sẵn đủ cái lực không thể nghĩ bàn, nên Ông Hỏa Đà Kim Cang mới dùng cái thần quang lặng động, hóa cái tâm đa dâm thành ra ngọn lửa trí huệ. Chánh ở nơi chỗ bắt đầu động của chân hỏa mà phản bốn hoàn nguyên, quay về thanh tịnh, thành ra trí huệ. Người đa dâm thì hơi nóng bức bách phát ra, sống thì làm lửa dục, chết thì làm lửa nghiệp. Nghiệp lực lừng mạnh, thành đống lửa lớn.

Bồ tát Di Lặc nói : “Trai gái qua lại với nhau, đôi bên giao hợp, cái bất tịnh chảy ra. Chư Thiên cõi Dục Giới, tuy

hành dâm dục, không có cái bất tịnh này, nhưng ở căn môn có hơi gió xuất ra, thì hơi nóng bức bèn hết. Các Trời ở cõi Tứ Thiên Vương, khi giao hợp thì cái nóng bức bèn hết. Như cõi Tứ Thiên Vương, cõi Trời Thứ Ba Mười Ba là Đạo Lợi Thiên cũng thế. Cõi Trời Phần Thiên thì ôm lấy nhau, cái nóng bức liền hết. Cõi Trời Tri Túc, chỉ cần nắm tay nhau, cái nóng bức liền hết. Cõi Trời Hóa Lạc nhìn nhau mà cười thì cái nóng bức liền hết. Cõi Trời Tha Hóa Tự Tại, chỉ đưa mắt nhìn nhau, thì cái nóng bức liền hết.”

Đó há chẳng phải là lòng dục càng giảm thì cái chốn ở càng cao ư ?

Cô Ma Đẳng Già lòng dâm tiêu tan hết, liền chứng Quả Thứ Ba. Ông Hỏa Đầu Kim Cang các lậu đã tiêu, chứng Vô Thượng Giác, thì có gì lạ đâu ?

Ngài Quy Sơn đang đứng hầu Tổ Bách Trượng.

Tổ Trượng hỏi : “Ai đó ?”

Ngài Quy Sơn nói : “Dạ, tôi.”

Tổ Trượng nói : “Ông bới trong lò xem có lửa không ?”

Ngài Quy Sơn bới, rồi nói : “Không có lửa.”

Tổ Trượng đứng lên, tự mình bới sâu xuống được chút lửa, đưa ra cho xem và nói : “Ông nói là không có, thế cái gì đây ?”

Quy Sơn do đó phát ngộ, làm lễ tạ ơn và trình chỗ hiểu.

Tổ nói : “Đây mới là đường rẽ tạm thời thôi. Kinh nói rằng : “Muốn rõ nghĩa Phật Tánh phải xem thời tiết nhân duyên.” Thời tiết đã đến thì như mê bỗng ngộ, như quên bỗng nhớ, mới biết cái vật ấy của ta chẳng do người mà được. Bởi thế Tổ Sư nói : “Ngộ rồi đồng chưa ngộ, không tâm cũng không pháp.” Chỉ cái tâm không phạm thánh hư

vọng là cái Tâm Pháp bỗng lai, vốn tự sẵn đủ. Ông nay đã thế, hãy khéo hộ trì.”

Ngày hôm sau, Ngài cùng Tổ Bách Trượng vào núi làm việc.

Tổ Trượng nói : “Đem được lửa đến không ?”

Ngài Quy Sơn nói : “Đem đến được.”

Tổ nói : “Ở đâu, nào ?”

Ngài Quy Sơn bèn cầm lên một cành củi, thổi hai cái, đưa cho Tổ Trượng.

Tổ nói : “Như con trùng dịch với cái cây.”

Ngài Diệu Hỷ nói : “Nếu Tổ Bách Trượng không có lời nói sau, thì sẽ bị thầy Diển tòa khinh lăm.”

Đây cũng là do hỏa đại mà lên Vô Thượng Giác vậy. Há phải quán sát cái khí nóng lạnh trong thân mới chứng viên thông ư ?

## XIX. VIÊN THÔNG VỀ ĐỊA ĐẠI

Kinh : Ngài Trì Địa Bồ tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : “Tôi nhớ xưa kia, khi Đức Phật Phổ Quang xuất hiện giữa đời, tôi làm Tỳ kheo, thường ở nơi các nẻo đường bến đò, chỗ đất hiểm trở eo hẹp không đúng quy tắc, có thể làm hư hại ngựa xe, tôi đều đắp bằng. Hoặc làm cầu cống, hoặc gánh đất cát, siêng năng khó nhọc như thế trải qua vô lượng Phật xuất hiện ra đời. Hoặc có chúng sanh ở nơi chợ búa, cần người mang đồ vật thì tôi tình nguyện mang hộ đến nơi, để đồ xuống là đi ngay, không lấy tiền thuê.

“Khi Đức Phật Tỳ Xá Phù ra đời, thế gian phần nhiều đói kém, tôi cũng giúp người không kể gần xa, chỉ

lấy một đồng tiền. Hoặc có xe bò bị lún sinh lầy, tôi dùng thân lực đẩy giúp bánh xe, gỡ khỏi khổ não. Vị vua trong nước thời ấy thiết trai thỉnh Phật, lúc ấy tôi sửa sang đường đất bằng phẳng chờ Phật đi qua. Đức Phật Tỳ Xá xoa đánh đầu tôi mà nói : “Hãy bình đẳng nơi tâm địa, tức đất đai thế giới, tất cả đều bình.” Tâm tôi liền khai ngộ, thấy vi trần nơi thân thể cùng với vi trần tạo thành thế giới đều bình đẳng không sai biệt. Tự tánh của vi trần không xát chạm nhau, cho đến các thứ đao binh cũng không chỗ nào đụng chạm. Tôi ở trong pháp tánh ngộ vô sanh nhẫn, thành A La Hán. Hồi tâm về, nay vào trong địa vị Bồ tát, nghe các Đức Như Lai bày chỗ Tri Kiến Diệu Liên Hoa của Phật, thì tôi chứng minh trước tiên mà làm vị Thượng thủ.

“Phật hỏi về viên thông, tôi do chánh quán hai thứ trần nơi căn thân và nơi thế giới đều bình đẳng không sai biệt, vốn là Như Lai Tạng mà hư vọng phát ra trần tướng. Trần tướng tiêu tan, trí huệ liền tròn sáng, thành Đạo Vô Thượng, đó là thứ nhất.”

*Thông rằng* : Các pháp bình đẳng, nào có cao thấp. Tâm địa nếu bình đẳng, phân biệt chẳng sanh thì chẳng thấy mọi tướng dây kia, cao thấp, tức là tất cả đều bình. Bồ Tát Trì Địa do dây mà ngộ nhập Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh. Tánh Sắc Chân Không, Tánh Không Chân Sắc, tự tánh của vi trần không xát chạm nhau, vốn tự bình đẳng, vốn tự vô sanh vậy. Vi trần này dây bên trong là thân trần, do vi trần tích tập ; ngoài là giới trần, cũng do vi trần tích tụ. Vi trần ấy nguyên là không tự tánh, chỉ có trong hư vọng. Hiện là chốn hư vọng, ngay đây là vô sanh, tức đó là Diệu Chân Như Tánh.



Cái sắc thân này của ta, chính là Diệu Chân Như Tánh. Tức cái cội Sắc này cũng là Diệu Chân Như Tánh. Tánh vốn không hai, sắc trần nào có sai biệt. Đã không sai biệt, thì cho đến đao binh cũng không có chỗ nào để dụng chạm. Ngộ pháp tánh ấy thì xúc chạm vốn chẳng sanh ra, xúc tức là không xúc, đó là vô sanh nhẫn, vào tri kiến Phật. Nhập tri kiến Phật thì gọi là trí, tức là sắc trần vốn chẳng phải sắc trần, thế nên trần tự tiêu tan. Đó là chẳng lia sắc trần mà thấu đạt trí huệ, thì trí huệ tròn đầy. Trí huệ tròn khắp mới tự chứng sáng suốt được cái pháp Liên Hoa mẫu nhiệm mà thành Vô Thượng Giác.

Tổ Quy Sơn một hôm chỉ dóm ruộng hỏi Ngài Ngưỡng Sơn : “Mẫu ruộng kia, phải dậu kia cao dậu này thấp ?”

Ngài Ngưỡng Sơn nói : “Lại là dậu kia cao, dậu này thấp !”

Tổ nói : “Ông không tin, đứng ở giữa mà nhìn hai dậu xem.”

Ngài Ngưỡng Sơn nói : “Chẳng cần phải đứng giữa, mà cũng không trụ hai dậu.”

Tổ Quy Sơn nói : “Nếu thế thì đổ nước vào xem, nước hay làm bằng phẳng vật.”

Ngài Ngưỡng Sơn nói : “Nước cũng vô định, xứ cao bằng cao, xứ thấp bằng thấp !”

Tổ Quy Sơn bèn thôi.

Như hai cha con Quy, Ngưỡng hai bên chẳng lập, mà Trung Đạo cũng chẳng thềm ở, thế có thể nói là khéo bình tâm địa, nên tất cả đều bình.

Có Hòa thượng Đả Địa, lãnh được ý chỉ của Giang Tây Mã Tổ, thường che giấu chỗ sáng suốt. Phàm có người tu học

đến hỏi, thì chỉ lấy cây gậy đánh xuống đất mà chỉ bày. Thời ấy gọi Ngài là Đả Địa<sup>(1)</sup> Hòa thượng. Hôm nọ, bị nhà sư kia dẫu mất cây gậy, rồi mới hỏi. Ngài chỉ há miệng ra mà thôi.

Nhà sư hỏi học trò của Ngài : “Hòa thượng thường ngày có người hỏi liền đánh xuống đất, ý chỉ thế nào ?”

Người học trò liền lấy một miếng củi trong bếp lửa bỏ vào nồi.

Chẳng có thâu suốt hết “Trần tiêu trí tròn đầy”, đặc vô sanh nhĩn thì chẳng có thể hiểu được ý chỉ này.

## XX. VIÊN THÔNG VỀ THỦY ĐẠI

Kinh : Ngài Nguyệt Quang Đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : “Tôi nhớ hằng sa kiếp về trước, có Đức Phật ra đời, hiệu là Thủy Thiên, dạy hàng Bồ tát tu tập pháp quán về nước, để vào tam ma địa. Quán ở trong thân, tánh nước không gì ngăn ngại : ban đầu từ nước mắt, nước mũi, cho đến tất cả các thứ tân, dịch, tinh, huyết, đại tiểu tiện, xoay vần trong thân, đồng một tánh nước. Thấy nước trong thân cùng nước các biển hương thủy của các cõi Phật ở ngoài thế giới đều bình đẳng không sai biệt.

“Khi ấy, tôi mới thành tựu pháp quán này, chỉ mới thấy nước, chưa được không thân. Lúc đó, đang làm Tỳ kheo, ngồi thiền trong phòng, tôi có người học trò lên nhòm cửa sổ thấy trong phòng chỉ toàn nước trong, đầy khắp cả phòng ngoài ra không thấy gì khác. Nhỏ dại không biết, lấy một miếng ngói ném vào trong nước, chạm vào nước phát ra tiếng, ngó quanh rồi bỏ đi.

---

<sup>1)</sup> Đả Đấ.

“Sau, tôi xuất định liền cảm thấy đau tim, cũng như Ông Xá Lợi Phất bị quỷ Vi Hại đập. Tôi tự suy nghĩ : Nay đã đắc quả A La Hán, duyên bệnh đã lìa từ lâu, vì sao hôm nay bỗng sanh đau tim, chẳng lẽ lại bị lui sụt ?

“Khi ấy, đồng tử vừa đến, nói cho tôi nghe sự việc trước. Tôi mới bảo rằng : “Khi người lại thấy nước, hãy mở cửa vào trong nước, lấy miếng ngói ấy ra.” Đồng tử vâng lời.

“Tôi lại nhập định, đồng tử lại thấy nước với miếng ngói rõ ràng, bèn mở cửa lấy ra.

“Sau khi xuất định, thân thể tôi lại như cũ.

“Tôi đã gặp vô lượng Phật, như thế cho đến Đức Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai mới được mất sạch thân, cùng với các biển hương thủy của mười phương thế giới đồng một tánh Chân Không, không hai, không khác. Nay ở nơi Đức Như Lai, được tên là Đồng Chân, dự hội Bồ tát.

“Phật hỏi về viên thông, tôi do quán thấy tánh nước, một vị suốt thông, đắc vô sanh nhẫn, tròn đủ Bồ Đề, đó là thứ nhất.”

*Thông rằng* : Mặt trăng là Thủy Tinh vậy. Tánh nước tròn sáng, nên hiệu là Nguyệt Quang. Mới đầu hết, tu tập quán về nước, quán sát tánh nước không gì ngăn ngại. Tinh huyết bên trong, biển các cõi nước bên ngoài, hình tướng của nước tuy khác, nhưng tánh nước không ngăn ngại. Vì chẳng ngăn ngại nhau, nên mới tựu thành pháp quán này thì chỉ thấy nước, đây là cái định Mười Biến Xứ vậy. Nhập định thì có, xuất định thì không. Mười Biến Xứ là : Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Đất, Nước, Lửa, Gió, Không, Thức. Như

quán tướng màu xanh thì tất cả chỗ đều xanh. Cái quả của định này tùy tâm biến hiện. Định Hỏa Quang cũng vậy, tuy được định này, nhưng căn bản vô minh vẫn còn, nên chưa hết nhân duyên của bệnh, chưa mất được thân, vẫn còn ngã kiến, tức đó là căn bản vô minh.

Chỉ thấy là nước, hết thấy đều là nước, nên miếng ngói ném vào cũng hóa thành nước. Ngài Xá Lợi Phất nhập định ở bờ sông Hằng, bị quỷ Vi Hại đánh, khi xuất định thấy đầu đau. Phật dạy : “Ông mà không có định lực thì thân thể tan nát rồi.” Vi Hại là tên của Vua quỷ Dạ Xoa, có oán thù đời trước với Ông Xá Lợi Phất.

“*Phù Tràng Vương Sát*”, thì theo kinh Hoa Nghiêm, trong biển Hoa Tạng có một hoa sen lớn, trong hoa sen ấy có các biển Hương Thủy. Mỗi một biển Hương Thủy là chủng tử của thế giới cõi Phật. Thế giới Hoa Tạng ở trong biển Hương Thủy nên gọi là Phù Tràng Vương Sát. Mười hai lớp Hoa Tạng xếp cao như cây phướn (tràng). Cao hơn hết nên gọi là Vua (Vương).

Ngài Nguyệt Quang mới chứng Pháp Thân, mới được mất đi cái thân biến dịch, cùng với các biển Hương Thủy đồng tánh Chân Không. Trong Như Lai Tạng, Tánh Thủy là Chân Không, Tánh Không là Chân Thủy, bản nhiên thanh tịnh, toàn khắp pháp giới, một vị suốt thông, cùng mất luôn cái tướng chằng ngăn ngại nhau. Đây là y theo thủy đại mà chứng viên thông, gặp vô lượng Phật, mới thành tựu được. Há dễ nói sao ?

Ngài Động Sơn từ già Tổ Vân Nham.

Khi sắp đi, Ngài hỏi : “Trăm năm sau, bỗng có người hỏi : “Có được chút ít cái chân thật của thầy không ?” Thì trả lời thế nào ?”

Tổ Nham im lặng hồi lâu, nói : “Chỉ thế đó.”

Ngài Động Sơn trầm ngâm.

Tổ nói : “Này Xà Lê Giới, nhận lãnh việc ấy, rất cần thẩm xét tinh tế.”

Ngài còn nghi ngờ.

Sau này nhân đi qua dòng nước thấy bóng mình mà đại ngộ, có bài kệ rằng :

*“Rất kỳ nơi khác tìm  
Càng xa mình lấm lấm  
Ta nay tự mình qua  
Chốn chốn đều gặp Nó  
Nó nay chính là ta  
Ta nay chẳng là Nó  
Cần phải hiểu như thế  
Mới kế hợp Như Như.”*

Ngài Động Sơn đến đây mới được mất thân, tánh đồng Chân Không, không hai, không khác.

Hòa thượng Thuyền Tử khi sắp từ giả bạn đồng học là Ngài Đạo Ngộ, nói với Ngài Đạo Ngộ rằng : “Sau này có vị Tòa chủ giảng kinh lạnh lợi thì chỉ đến, nhé !”

Ngài Đạo Ngộ đến Kinh Khẩu, gặp lúc Ngài Giáp Sơn thượng đường có vị tăng hỏi : “Như sao là Pháp Thân ?”

Ngài Giáp Sơn nói : “Pháp Thân không có tướng.”

Hỏi : “Như sao là Pháp Nhãn ?”

Ngài Sơn đáp : “Pháp Nhãn không có vết.”

Đạo Ngộ bất giác bật cười.

Ngài Giáp Sơn bèn xuống tòa hỏi Đạo Ngộ : “Vừa rồi đáp lại vị tăng, chắc có chỗ không đúng, khiến Thượng tọa bật cười, mong Thượng tọa chẳng tiếc từ bi dạy cho.”

Đạo Ngô nói : “Hòa thượng bậc nhất ra đời mà chưa có thầy, hãy đến Hoa Đình tham học Thuyền Tử Hòa thượng đi.”

Hỏi rằng : “Hỏi thăm có được chăng ?”

Đạo Ngô nói : “Người ấy trên thì không miếng ngồi che đầu, dưới thì không chút đất để cắm dùi !”

Giáp Sơn bèn thay y phục đến thẳng Hoa Đình.

Ngài Thuyền Tử vừa thấy, bèn hỏi : “Đại đức trụ chùa nào ?”

Đáp : “Chùa tức chẳng trụ, trụ tức chẳng giống.”

Hỏi : “Chẳng giống thì chẳng giống cái gì ?”

Đáp : “Chẳng phải là pháp trước mắt.”

Hỏi : “Vậy học được cái gì ?”

Đáp : “Chẳng phải chỗ đến của tai mắt.”

Nói rằng : “Một câu hợp đầu ngữ, muôn kiếp đóng cọc lửa. Khám phá xong rồi vậy !”

Ngài Thuyền Tử lại nói : “Thả nợ xuống ngàn thước, ý chỉ tại đầm sâu, ngoài lưới câu ba tấc, sao ông không nói ?”

Giáp Sơn định mở miệng, Ngài liền dùng cây sào đánh rớt xuống nước. Vừa leo lên thuyền, lại hét : “Nói, nói !” Giáp Sơn định mở miệng, lại đánh. Giáp Sơn bỗng nhiên đại ngộ, bèn gật đầu ba cái.

Ngài Thuyền Tử nói : “Sợ nợ đầu cần theo ông giỡn, chẳng phạm sóng trong ý tự riêng. Chút ít đó là nổi thầy vậy.”

Giáp Sơn bèn hỏi : “Quãng nợ, thả câu, ý thầy thế nào ?”

Đáp : “Nợ thả nước trong, nào định ý hữu vô.”

Giáp Sơn nói : “Lời mang huyền diệu mà không lộ,<sup>(1)</sup> đầu lưới luận đàm mà chẳng đàm.”

<sup>1)</sup> lộ : đường.

Ngài Thuyền Tử nói : “Câu hết sóng trên sông, cá vẫy vàng mới gặp.”

Giáp Sơn bèn bịt tai.

Ngài Thuyền Tử nói : “Như thế, như thế. Quả nhiên gã Tòà chủ lanh lợi !”

Bèn phó chúc rằng : “Ông về sau, chỗ ẩn thân cần không dấu vết, chỗ không dấu vết chớ ẩn thân. Ta hai mươi năm ở Dục Sơn chỉ rõ biết việc này. Ông nay đã được, về sau chẳng được nương dừng phố xá, xóm làng ; chỉ hướng về núi sâu, bên cái bữa lớn, tìm lấy một người, nửa người, tiếp tục chớ để đứt mất.”

Ngài Giáp Sơn từ giã ra đi, cứ luôn ngó trở lại.

Ngài Thuyền Tử bèn gọi : “Xà lê, Xà lê !”

Giáp Sơn quay đầu.

Thuyền Tử dựng mái chèo lên, nói : “Ông sắp nói là có từ biệt.”

Rồi lật thuyền xuống nước mà lia đời.

Sau này, ở Hoa Đình, có am chủ Tánh Không gửi thơ cho Thiền sư Tuyết Đậu Trì, viết : “Tôi sắp thủy táng đó.”

Sau đó, Ngài Tuyết Đậu Trì đến nơi, thấy vị này vẫn hầy còn, bèn làm bài kệ bỡn rằng : “Thương thay lão Tánh Không. Quyết muốn nuôi cá trạch. Đi chẳng dẫn tánh đi. Chỉ lo nói với người.”

Ngài Tánh Không cười, rằng : “Đợi Huynh đến chứng minh đó !”

Rồi báo với đại chúng.

Đại chúng họp lại, Ngài dạy pháp yếu rồi đọc bài kệ :

“Ngồi chết, đứng mất  
Chẳng bằng thủy táng !”

Một, dỡ củi lửa  
 Hai, dỡ dào mỏ  
 Buông tay là đi  
 Ngại gì, khoái sướng  
 Ai bạn tri âm ?  
 Hòa thượng Thuyền Tử !  
 Ai kể nghiệp quý trăm ngàn năm ?  
 Một khúc ngư ca ít người sướng."

Bèn ngồi trong một cái ảng, xuôi dòng trôi xuống. Chúng đều chạy theo cho đến cửa biển nhìn theo muốn mút mắt. Sư lấy cái gàu tát nước mà trở lại, chúng che mắt xem, nước không vào chút nào. Rồi Ngài lại theo dòng mà đi, sướng lên rằng :

"Năm nay Thuyền Tử về cố hương  
 Chốn không tung tích, diệu không lường  
 Chân phong riêng gửi tri âm đó  
 Tiêu sắt thổi ngang, chốn hợp tan."

Tiếng tiêu vang vọng giữa khoảng trời xanh mênh mông trong chốc lát, rồi thấy Ngài quăng ống tiêu lên không mà mất.

Đây quả là một vị lưu thông,<sup>(1)</sup> đặc vô sanh nhãn vậy.

Có nhà sư hỏi Tổ Vân Môn : "Phật Pháp như bóng trăng trong nước, có thật chẳng ?"

Tổ Môn nói : "Sóng xanh không dường thấu."

Hỏi : "Hòa thượng từ đâu mà vào được ?"

Tổ Môn nói : "Lời hỏi ấy lại từ đâu đến ?"

---

<sup>1)</sup> Nhất vị lưu thông.



Hỏi : “Chính ngay lúc ấy thì như thế nào ?”

Tổ Môn nói : “Trùng điệp lối quan sơn.”

Cần phải đến gặp Thuyền Tử mới được !

## **XXI. VIÊN THÔNG VỀ PHONG ĐẠI**

Kinh : Ngài Lưu Ly Quang Pháp Vương Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : “Tôi nhớ hằng sa kiếp về trước, có Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Thanh, khai thị Tánh Bốn Giác Diệu Minh cho hàng Bồ tát, và dạy quán thế giới và thân chúng sanh này đều là do sức lay động như gió của vọng duyên chuyển biến ra. Tôi lúc bấy giờ quán sự an lập của không gian, quán sự trôi chuyển của thời gian, quán cái ngừng, cái động của thân, quán cái động niệm của tâm thức, các cái động đều không hai, bình đẳng không sai biệt. Khi ấy, tôi giác ngộ rằng cái tánh của các động này đến không từ đâu, đi không đến đâu. Tất cả chúng sanh điên đảo trong mười phương nhiều như vi trần đồng một hư vọng. Như vậy cho đến tất cả chúng sanh trong một tam thiên đại thiên thế giới, như hàng trăm con muỗi mòng nhốt trong một đồ vật vo ve kêu loạn ở trong gang tấc, rồi rít ồn ào.

“Tôi gặp Phật chưa bao lâu thì được vô sanh nhẫn. Khi ấy, tâm khai mở, mới thấy cõi Phật Bất Động ở phương Đông ; làm vị Pháp Vương Tử thừa sự mười phương Phật, thân tâm phát ánh sáng, rộng suốt không ngại.

“Phật hỏi về viên thông, tôi do quán sát sức lay động như gió vốn không chỗ nương, ngộ Bồ Đề Tâm, vào tam ma địa, hợp cùng một diệu tâm của mười phương chư Phật, được truyền dạy, đó là thứ nhất.”

*Thông rằng* : Phương Đông có Lưu Ly Quang Như Lai, hạnh nguyện cũng như Phật Di Đà không khác. Vị Pháp Vương Tử cũng như Đức Quan Âm, Thế Chí vậy.

Sao là quán sát sức lay động như gió không chỗ nương mà vào tam ma địa ?

Tánh gió là động, do động mà có tiếng nên Phật Vô Lượng Thanh chỉ dạy hàng Bồ tát quán các chúng sanh của thế giới này cũng như hàng trăm con muỗi mòng nhốt trong một đồ vật, vo ve kêu loạn, đều là sức lay động của vọng duyên chuyển biến ra. Cái động của gió thì rất vi tế, mà sức của gió thì rất lớn, đầy khắp pháp giới. Cái động và dừng của thân, cái động niệm của tâm thì gần mà có thể thấy. Còn cái chuyển đổi của không gian, cái trôi chảy của thời gian thì xa xôi nên khó thấy. Dầu khó thấy hay dễ thấy, đều là cái động này. Tánh của cái động này đến không từ đâu, đi không đến đâu, toàn khắp thế gian, không có nơi chốn. Vì không nơi chốn, nên vốn không sanh diệt. Vì không sanh diệt, vốn tự chẳng động. Ở chỗ ấy mà quán sát, đặc vô sanh nhẫn, tức là ngộ Bồ Đề, vào tam ma địa vậy. Đây là trong cái động có tánh chẳng động, chẳng phải là lìa ngoài cái động mà có riêng cái gọi là chẳng động.

Phương Đông thuộc Chấn. Chấn là động. Phương Đông có cõi Phật Bất Động, tức là động mà tĩnh, đây là ý chỉ của Bốn Giác Diệu Minh vậy. Tánh Giác Diệu Minh vốn tự chẳng động. Bốn Giác Minh Diệu là động mà chẳng động. Nói tóm lại, tất cả chỉ là một Tánh Diệu Chân Như. Mười phương chư Phật cùng một diệu tâm này. Nếu lìa động để cầu tĩnh, tức là chẳng phải diệu vậy. Cái bốn giác cứng bền như kim cương trong sáng, phong và kim xát nhau, nên ánh sáng như lưu ly, rỗng suốt không ngại. Truyền

một diệu tâm, thì không những tự chứng viên thông mà còn khiến chúng sanh trong thế giới, hễ có tánh động này đều chứng suốt một viên thông vậy.

Sa di Cao ban đầu ra mắt Tổ Dược Sơn.

Tổ Dược Sơn hỏi : “Ở đâu đến ?”

Đáp : “Nam Nhạc đến.”

Tổ hỏi : “Đi đến đâu ?”

Đáp : “Đến Giang Lăng thọ giới.”

Tổ hỏi : “Thọ giới để làm gì ?”

Đáp : “Để khỏi sanh tử.”

Tổ nói : “Có một người chẳng thọ giới, cũng chẳng có sanh tử để khỏi, ông có biết chăng ?”

Sa di Cao ngay dưới lời nói, đại ngộ mà nói : “Như thế thì giới của Phật nào có dùng !”

Tổ Sơn nói : “Sa di này còn treo môi răng đấy.”

Thầy Cao lễ bái rồi lui ra.

Ngài Đạo Ngô đến đứng hầu, Tổ Dược Sơn nói : “Vừa rồi có anh Sa di què giò, có được chút ít hơi hám.”

Đạo Ngô nói : “Chưa thể tin hoàn toàn, cần khám nghiệm mới được.”

Đến tối, Tổ Dược Sơn thượng đường gọi rằng : “Sa di mới đến hỏi sáng đâu rồi ?”

Thầy Cao bước ra khỏi chúng, đứng.

Tổ Dược Sơn hỏi : “Ta nghe Trường An rất náo nhiệt, ông có biết chăng ?”

Thầy Cao nói : “Nước con hằng yên ổn.”

Tổ Sơn hân hoan hỏi : “Chú do xem kinh mà được hay do hỏi pháp mà được ?”

Thầy Cao nói : “Chẳng do xem kinh được, cũng chẳng do hỏi pháp được.”

Tổ Sơn nói : “Vậy có người chẳng xem kinh, chẳng hỏi pháp, vì sao chẳng được ?”

Thầy Cao nói : “Không nói chẳng có được, chính vì kẻ kia chẳng chịu nhận lãnh.”

Tổ Sơn quay lại nhìn Đạo Ngô.

Ngài Vân Nham thì nói : “Chẳng tin đạo !”

Ngài Đầu Tử tụng rằng :

*“Hưng vong mây đến với mây đi  
Y không quốc độ, bất trần ai  
Đỉnh Tu Di ấy, cây không rễ  
Chẳng đợi gió xuân, hoa tự khai.”*

Như chỗ thấy của Sa di, thật là thấy cội Phật Bất Động ở phương Đông, chẳng bị sức gió vọng duyên chuyển đổi vậy.

Ngài Ma Cốc chống tích trượng đến Ngài Chương Kính, đi quanh thiền sàng ba vòng, động tích trượng một cái, ngang nhiên mà đứng.

Tổ Kính nói : “Phải, phải.”

Ngài lại đến Nam Tuyền, đi quanh thiền sàng ba vòng, động tích trượng một cái, ngang nhiên mà đứng.

Tổ Tuyền nói : “Chẳng phải, chẳng phải.”

Ngài Ma Cốc nói : “Ngài Chương Kính nói “Phải”, Hòa thượng vì sao nói “Chẳng Phải” ?”

Tổ Tuyền nói : “Chương Kính thì phải, chính ông chẳng phải.”

Đây là sức gió chuyển, rốt cuộc hư hoại.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

“Chính ông chẳng phải  
 Kìa xem cuốn, mở  
 Tợ trái, tợ co  
 Khó anh, khó em  
 Thả ra : kìa đã đến thời  
 Nắm lại : ta nào lạ chỗ  
 Trượng vàng một động, thái cô<sup>(1)</sup> nêu  
 Thiền sàng ba vòng, nhàn du hý  
 Tùng lâm rồi rấm, thị phi sanh  
 Tưởng tượng, trước sọ khô thấy quý.”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

“Êy lằm, kìa lằm !  
 Rất kỳ nắm bỏ  
 Bốn biển sóng bằng  
 Trăm sông đổ lại  
 Ý cổ cao xa mười hai cửa  
 Cửa cửa đường hoang, luống tiêu điều  
 Chẳng tiêu điều  
 Thiền giả khéo cầu “Không-Bệnh” thuốc.”

Nếu biết cái thuốc “Không-Bệnh”, thì thị phi ở chốn  
 tùng lâm nào có sanh ra, tự chẳng gió nào chuyển được.

## XXII. VIÊN THÔNG VỀ KHÔNG ĐẠI

Kinh : Bồ tát Hư Không Tạng liền từ chỗ ngồi đứng  
 dậy, đánh lễ dưới chân Phật mà thưa rằng : “Tôi cùng Đức

---

<sup>1)</sup> Thái : lớn ; cô : độc trội.

Như Lai chứng được thân vô biên nơi Phật Định Quang. Lúc ấy, tay tôi cầm bốn hạt bảo châu lớn soi sáng mười phương cõi Phật số như vi trần đều hóa thành hư không. Lại nơi tự tâm, hiện gương tròn lớn, trong ấy phóng ra mười thứ hào quang vi diệu quý báu, tràn khắp mười phương, cùng tốt bờ cõi hư không. Các cõi Phật đều vào trong gương “Đại Viên Cảnh” ấy, nhập vào thân tôi. Thân đồng hư không chẳng có gì ngăn ngại, thân lại khéo vào vi trần quốc độ rộng làm Phật sự, được đại tùy thuận. Đại thần lực này là do tôi chánh quán bốn đại không chỗ nương, vọng tưởng sanh diệt và hư không không hai, cõi Phật vốn đồng. Do phát minh được tánh đồng, đặc vô sanh nhẫn.

“Phật hỏi về viên thông, tôi do quán sát hư không vô biên, vào tam ma địa, diệu lực tròn sáng, đó là thứ nhất.”

*Thông rằng* : Bồ tát Hư Không Tạng đã cùng Như Lai ở nơi Phật Định Quang, chứng đặc Ba Thân, Bốn Trí. Trong ba Thân, thì chỉ trọng Pháp Thân, nên nói “Đặc Thân Vô Biên”. Bốn Trí thì chỉ trọng Đại Viên Cảnh Trí, nên nói “Lại ở nơi tâm, hiện gương tròn lớn.”

Pháp Thân vô biên, hư không không ranh giới, vì sao lại có thể cùng với bốn đại chẳng hề ngăn ngại nhau ? Bởi do để quán bốn đại không chỗ nương, tánh sắc là Không, nên bốn đại là thanh tịnh, giống như ngọc báu. Dùng sức quán chiếu, soi sáng mười phương hóa thành hư không. Tức bốn đại là hư không, hư không là Pháp Thân, có gì ngăn ngại ! Vốn là một Đại Viên Cảnh Trí, vì sao phóng ra mười thứ ánh sáng ? Ấy là do tu hành mười thứ Ba La Mật, tròn đầy vi diệu vậy.

Gồm hết trong gương tự tại phát hiện, tràn khắp mười phương, cùng tốt bờ mé hư không. Chỉ một cái gương thu

nhiep hết, thì gương ấy là thân, và thân tức là gương vậy. Ba Thân tức là bốn Trí, bốn Trí đó là Ba Thân. Thân, Trí dung hợp nhau, tâm và cảnh đều chuyển hóa, nên nói “Các cõi Phật đều nhập vào trong gương, hòa vào thân tôi.” Ánh sáng và bóng ảnh giao nhập lẫn nhau, không thể phân biệt. Vì thân là trí, nên đồng hư không, chẳng ngăn ngại nhau. Vì trí là thân, nên khéo vào các cõi nước ; rộng làm Phật sự, thuyết pháp Tam thừa, được đại tùy thuận. Thấy vọng tưởng sanh diệt tức là hư không, hư không và vọng tưởng sanh diệt không hai. Thấy cõi nước tức là Phật Tánh, Phật Tánh và cõi nước không khác. Lý chẳng ngại sự, sự chẳng ngại lý. Ở trong tánh đồng mà phát minh được, đặc vô sanh nhẫn, chứng Hư Không Vô Biên Thân, diệu lực tròn sáng, thân và cõi nước nhập vào nhau, đó là chỉ chứng “Lý Sự Vô Ngại Pháp Giới”.

Nếu gương-gương chiếu nhập lẫn nhau, trùng trùng lưới báu, một tức tất cả, tất cả tức một, mới là “Sự Sự Vô Ngại Pháp Giới”. Chỉ Như Lai chứng, nên Ngài Bồ tát Hư Không Tạng còn ở trong hàng đệ tử vậy. Đó là vì còn mắc vướng trong Hư Không Vô Biên Xứ, còn thân để đặc vậy.

Tổ Hoàng Bá nói : “Chân Pháp Thân Phật giống như hư không. Đây là tỷ dụ Pháp Thân tức hư không, hư không tức Pháp Thân. Người thường nói rằng Pháp Thân cùng khắp hư không, trong hư không hàm chứa Pháp Thân mà chẳng biết rằng Pháp Thân tức hư không, hư không tức Pháp Thân đó vậy. Nếu nói nhất định có hư không thì hư không chẳng phải là Pháp Thân. Nếu nói nhất định có Pháp Thân, thì Pháp Thân chẳng phải là hư không. Chỉ đừng khởi ra cái hiểu biết về hư không, thì hư không tức Pháp Thân. Chỉ không khởi ra cái hiểu biết về Pháp Thân, thì Pháp Thân tức hư không. Hư không và Pháp Thân không có tướng

khác nhau. Sinh tử và Niết Bàn không khác tướng. Là tất cả tướng, tức đó là Phật.”

Như lời nói của Tổ Hoàng Bá đây, thật là thấy rõ cái Thân Vô Biên của Hư Không Tạng Bồ tát vậy.

Tổ Tào Sơn hỏi Thượng tọa Đức : “Chân Pháp Thân Phật, giống như hư không, ứng vật hiện hình, như trăng trong nước, làm sao nói cái đạo lý ứng hiện đó ?”

Thầy Đức nói : “Như lừa dòm giếng.”

Tổ Sơn : “Nói thì quá lắm, mà chỉ nói được tám tướng !”<sup>(1)</sup>

Thầy Đức nói : “Hòa thượng thì thế nào ?”

Tổ Sơn nói : “Như giếng dòm lừa.”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Lừa dòm giếng, giếng dòm lừa  
Trí gồm khắp, không gì ngoài  
Trần đầy, thanh tịnh có thừa  
Sau cùi chỏ ai phân ấn  
Trong nhà chẳng chứa sách, thơ  
Khung cử nào quản chuyện thoi đưa  
Màu sắc dọc ngang ý tự khác !”*

Rõ chỗ này thì có thể biết “Khéo vào cũi nước”, như giếng dòm lừa. Vốn tự chẳng sanh, thì hợp với hư không !

### XXIII. VIÊN THÔNG VỀ THỨC ĐẠI

Kinh : Đức Di Lạc Bồ tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : “Tôi nhớ vi trần kiếp về trước, có Đức Phật ra đời tên là Nhật Nguyệt Đăng

---

<sup>1)</sup> tám tướng thành đạo.



Minh, tôi được xuất gia theo Đức Phật ấy, nhưng tâm còn trọng danh đời, thích giao du với hàng vọng tộc. Lúc ấy, Đức Thế Tôn dạy tôi tu tập định Duy Tâm Thức vào tam ma địa. Trải nhiều kiếp đến nay, dùng tam muội ấy phụng sự hằng sa Phật, cái tâm cầu danh đời diệt hết không còn. Đến khi Đức Phật Nhiên Đăng ra đời, tôi mới đắc thành “Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm Tam Muội”. Cho đến tận hư không các cõi nước của Như Lai dơ, sạch, có, không, đều là sự biến hóa hiện ra của tâm tôi. Thừa Thế Tôn, tôi thấu rõ Duy Tâm Thức như thế, nơi thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai. Nay được thọ ký, kế tiếp làm Phật.

“Phật hỏi về viên thông, tôi do để quán mười phương đều Duy Thức, thức tâm tròn sáng, chứng nhập Viên Thành Thật Tánh, xa lìa Y Tha Khởi Tánh và Biến Kế Chấp Tánh, đắc vô sanh nhẫn, đó là thứ nhất.”

*Thông rằng : “Tôi do để quán mười phương Duy Thức”.* Hai chữ *Duy Thức* ý vị thật sâu xa. Chữ *Duy* che mất cái cảnh đang có, chữ *Thức* rút về tâm không. Lại nữa, *Thức* để nói tắt cả mọi sự *hiện bày*, *Duy* để nói *che hết*. *Hiện bày* tắt cả ấy, là nói tắt cả hữu tình đều có tám thức, sáu vị tâm sở, cùng hai kiến phần và tướng phần được biến hiện ra, đều là sai biệt nhau, cùng với cái lý Không để hiển bày Chân Như, tắt cả các pháp như vậy đều chẳng rời thức, cho nên dùng chữ thức để hiển bày tắt cả vậy. *Che hết* là vì hạng phàm phu chấp rằng lìa ngoài tâm thức thật có các pháp, nên dùng chữ *Duy*, để che hết cái kiến của phàm phu vậy.

Thức tâm tròn sáng, chứng nhập Viên Thành Thật Tánh là do ban đầu tu tập định Duy Tâm Thức, đến chỗ thành tựu Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm Tam Muội, đã chuyển

thức thành trí, nên nói là nhập vào Viên Thành Thật Tánh. Khi chưa chuyển được thức, ban đầu bị cảnh trói buộc, đó là thô hoặc,<sup>(1)</sup> gọi là Biến Kế Chấp. Kế đó là bị pháp trói buộc, đó là tế hoặc,<sup>(2)</sup> gọi là Y Tha Khởi.

*“Tâm trọng danh đời, ưa giao du với hàng vọng tộc”,* đó là tướng dạng của Biến Kế Chấp. *“Cái tâm cầu danh đời diệt hết không còn”,* đó là tướng dạng của Y Tha Chấp vậy. Cho đến *“Thấu rõ Duy Tâm Thức như thế, nơi thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai”* là tướng dạng của Viên Thành Thật Tánh vậy.

Kinh Giải Thâm Mật nói : “Biến Kế Chấp là như người nhắm mắt ; Y Tha Khởi là như hiện ra xanh, vàng ; Viên Thành Thật là như mắt trong sáng.”

Luận Bảo Trọng nói, “Như người thấy vật động dậy cho là rắn, nhưng khi nhìn kỹ thấy là sợi dây, thì cái tâm nghi là rắn không phải đoạn trừ mà tự hết. Đó là lìa Biến Kế Chấp. Nhưng dây vẫn còn. Lại xem kỹ lưỡng nó mà nói “Chẳng phải dây mà là sợi gai” ; liền cái tâm chấp là dây lại chẳng đoạn trừ mà tự hết. Đó là lìa Y Tha Khởi Chấp.”

Sợi gai và dây vốn là một, có bện lại gọi là dây, không bện gọi là gai, là để dụ cho tánh và thức vốn là một. Có trói buộc thì gọi là thức, không trói buộc gọi là tánh. Đến chỗ rõ thấy Duy Thức thì ngoài thức không có tánh ; thức đó là tánh. Tức Đệ Bát Thức là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh vậy.

Đã lìa Y Tha Khởi cùng Biến Kế Chấp, ắt tiêu tan chủng tử sanh diệt, mà y theo cái Chân Tánh chẳng sanh, chẳng diệt, nên đắc vô sanh nhẫn. Đó là tất cả cõi nước dơ sạch,

<sup>1)</sup> Lầm lạc to lớn.

<sup>2)</sup> Lầm lạc nhỏ nhiệm.

có không đều là chỗ biến hiện của tâm. Ta chẳng phân biệt, thì hiện đây là tịch diệt, ngay nơi tướng phần chứng vô sanh nhãn.

“*Thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai*”, ấy là Lý tức Pháp Thân, Trí tức Báo Thân, Hạnh tức Hóa Thân. Trí tức Văn Thù, Hạnh tức Phổ Hiền, Bi tức Quán Thế Âm, đều từ Nhất Tâm lưu xuất. Ta không có sự phân biệt, thì hiện đây là tịch diệt, ngay nơi kiến phần chứng vô sanh nhãn.

Ngài Pháp Nhãn tụng rằng :

*“Ba cõi Duy Tâm  
Mắt thanh, tai sắc  
Sắc chẳng đến tai  
Thanh nào chạm mắt !  
Mắt sắc, tai thanh  
Vạn pháp thành khác  
Muôn pháp chẳng duyên  
Nào quán như huyễn ?  
Đất đại sông núi  
Chi bền, chi biến ?”*

Tổ Pháp Nhãn, thức tâm tròn sáng, mới nói được lời tròn vẹn này.

Tổ Bàn Sơn dạy rằng : “Ba cõi không pháp, nơi nào cầu tâm ? Bốn đại vốn không, Phật nương đâu trụ ? Trăng sao chẳng động, lặng đứng không ngân. Đối mặt trình nhau, còn chuyện gì nữa !”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Ba cõi không pháp  
Nơi nào cầu tâm ?  
Mây trắng làm lọng*

*Nước chảy làm đàn  
 Một khúc, hai khúc, không người hiểu  
 Đêm mưa ao vắng, nước thu trong."*

Có nhà sư hỏi Tổ Thạch Sương : "Muôn cửa đều đóng thì chẳng hỏi, muôn cửa đều mở thì thế nào ?"

Tổ Sương nói : "Chuyện trong nhà thì thế nào ?"

Nhà sư không đáp được. Trải qua nửa năm, mới nói được rằng : "Không người tiếp được y."

Tổ Sương nói : "Nói thì nói cho lắm, mà chỉ nói được tám tướng."

Nhà sư nói : "Hòa thượng thì thế nào ?"

Tổ Sương nói : "Không người biết được y !"

Ngài Đầu Tử tụng rằng :

*"Điện xưa cao ngất trăng phủ từng  
 Sương ngưng, tuyết lộ, nói không cùng  
 Đối sao, năm ngấm, nhà ngàn núi  
 Phật, Tổ không nhân, biết HẮN chân !"*

Bồ tát Di Lạc tu tập định Duy Tâm Thức, vào tam ma địa. Nay Tổ Bàn Sơn lại nói : "Nơi nào cầu tâm ?" Tổ Thạch Sương thì nói : "Không người biết được y !" Hai chuyển ngữ này, đời đời sau hạ sanh. Bồ Xứ thành Phật sẽ trùng trùng khai diễn.

#### XXIV. VIÊN THÔNG VỀ KIẾN ĐẠI

Kinh : Ngài Đại Thế Chí Pháp Vương Tử cùng với năm mươi hai vị Bồ tát đồng tu liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : "Tôi nhớ hằng sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời, hiệu Vô Lượng Quang.

Thuở ấy, mười hai vị Như Lai kế nhau thành Phật trong một kiếp. Đức Phật sau cùng, hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang, Ngài dạy tôi pháp Niệm Phật Tam Muội. Ví như có người, một bên thì quên nhớ, một bên thì chuyên quên thì hai người ấy, dầu gặp cũng như không gặp, dầu thấy cũng là không thấy. Nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai bên nhớ mãi, khắc sâu và tâm niệm, như thế từ đời này qua đời khác, như hình với bóng, chẳng hề xa cách nhau, mười phương Như Lai thương tưởng chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu con trốn tránh tuy nhớ cũng chẳng được gì. Con mà nhớ mẹ, như mẹ nhớ con, thì đời đời mẹ con không hề ngăn cách. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện giờ hay mai sau nhất định thấy Phật, cách Phật không xa. Chẳng nhờ phương tiện, tâm tự khai ngộ, như người ướp hương, thân có mùi thơm. Đây gọi là Hương Quang Trang Nghiêm. Nhân địa căn bản của tôi là dùng tâm niệm Phật, vào vô sanh nhẫn. Nay tôi ở cõi này tiếp dẫn người niệm Phật về nơi Tịnh Độ.

“Phật hỏi về viên thông, tôi không riêng lựa chọn mà nhiếp trọn cả sáu căn, tịnh niệm nối tiếp nhau, đắc tam ma địa. Đó là thứ nhất.”

*Thông rằng* : Quán kinh nói, “Dùng ánh sáng trí huệ, chiếu khắp tất cả. Nay rời ba đường, được vô thượng lực, gọi là Đại Thế Chí.” Bạn đồng tu có năm mươi hai vị Bồ tát cũng đủ để chứng nghiệm chuyện vãng sanh Tịnh Độ là dễ thành tựu. Phạm người niệm Phật không được trong khoảnh khắc như gảy móng tay mà thấy Phật, chỉ vì niệm năm dục thế gian, vì đó là niệm trói buộc. Còn tịnh niệm kế tiếp nhau, như con nhớ mẹ, thì ngay hiện giờ hay về sau nhất định thấy Phật. Miệng niệm tâm nhớ, tai mắt chuyên

nhất, mỗi mỗi oai nghi, đều nhiếp trọn cả sáu căn, nhất tâm không loạn. Trong chánh định như thế, chắc chắn thấy được Phật, cách Phật không xa, ánh sáng trí huệ rực rỡ, chẳng mượn tu hành mà tự thành khai ngộ, như người xông ướp hương, chẳng mong thơm mà tự thơm. Đây là nguyện lực của Phật A Di Đà nhiệm mầu không thể nghĩ bàn vậy.

Ngài Đại Thế Chí đã dùng tâm niệm Phật mà đắc vô sanh nhẫn. Lại tiếp dẫn người niệm Phật về Tịnh Độ, thì tự giác giác tha đầy đủ hạnh Bồ tát chân thật.

Sáu căn đều thuộc về kiến phần. Ở đây chú trọng về sự thấy Phật, nên dùng kiến đại để mà thu nhiếp. Kiến đại sao lại để sau thức đại ? Bởi vì trước phải chuyển thức thứ tám để chứng Hậu Đắc Trí rồi sau chuyển năm thức trước. Đã chuyển thức thành trí, sanh về Tịnh Độ của Phật là cái quả cùng cực, cơ sao ở sau lại còn pháp môn *Xoay Lại Cái Nghe* của Đức Quan Âm ? Phàm cái chỗ quý báu của chuyện vãng sanh Tịnh Độ, chứng viên thông thì không phải chẳng những tự cho mình mà thôi, mà là độ thoát chúng sanh. Chánh như ba mươi hai Ứng Thân, chốn chốn nơi nơi đều là Tịnh Độ, đều chứng viên thông, thì sau mới tròn đủ quả Phật vậy.

Thiền sư Vĩnh Minh Thọ, thuở nhỏ tụng kinh Pháp Hoa, năm Hạnh<sup>(1)</sup> đầy đủ trong sáu tuần lễ. Sau tham học với Thiền Quốc sư, phát rõ tâm yếu, đến ngọn núi Thiên Thai của Ngài Trí Giả tu định trong chín tuần,<sup>(2)</sup> chim chóc làm tổ trên áo. Ngài làm hai cái thăm, khấn bói : một là, một đời thiền định ; hai là, tụng kinh, muôn thiện trang

<sup>1)</sup> Bó thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, chỉ quán.

<sup>2)</sup> Tuần : mười ngày.

nghiêm Tịnh Độ. Rồi chí thành cầu nguyện, bảy lần đều rút được tưng kinh, muôn thiện. Bèn chuyên tu tịnh nghiệp. Tưng kinh ba năm, trong lúc thiền quán, thấy Đức Quan Âm rót cam lồ vào miệng, bèn được biện tài.

Vua Trung Ý thỉnh Ngài trụ trì chùa Linh Ẩn, hai năm sau sang chùa Vĩnh Minh. Khóa biểu mỗi ngày có một trăm lễ tám việc, không hề gián đoạn. Học giả đến tham học thì Ngài chỉ Tâm làm tông chỉ, lấy Ngộ làm phép tắc. Mỗi đêm lại sang nơi khác để tu hành niệm Phật.

Vua Trung Ý than rằng : “Từ xưa đến nay, chưa có ai chuyên tâm tha thiết cầu sanh Tây Phương cho bằng !”

Bèn làm điện Tây Phương Hương Nghiêm để Ngài hoàn thành chí nguyện. Đệ tử đến một ngàn bảy trăm người. Ngài thường cùng đại chúng thọ Giới Bồ tát, thí thực cho quý thân, hàng ngày phóng sanh đều hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ. Làm trăm pho sách, nhan đề là Tông Cảnh Lục, lại viết các quyển Vạn Thiện Đồng Quy và Chỉ Về Tịnh Độ.

Sau khi Ngài diệt độ, tháp ở trong núi, thì có một nhà sư từ Lâm Xuyên đến nói : “Khi tôi bệnh nặng, chết xuống cõi u minh, được thả về. Tôi thấy trong điện Diêm Vương có tượng một vị tăng, Diêm Vương tự thân đánh lễ, tôi hỏi : “Tượng ấy là ai ?”

“Vị Chủ lại nói rằng : “Đó là Thiền sư Thọ ở Chấm Châu. Nghe rằng Ngài đã vãng sanh bậc thượng phẩm ở Tây Phương. Diêm Vương kính trọng Ngài nên lễ bái.”

Ông Dương Kiệt, tự là Thứ Công, phu nhân Kinh Châu cũng trong mộng thấy Ông Kiệt ngồi trên đài hoa sen, tiêu dao tự tại. Trước kia ông Dương Kiệt thấy mặt trời như cái mâm vọt lên, có điều tỏ ngộ, làm bài kệ rằng :

“Trai lớn thì cưới vợ  
 Gái lớn thì lấy chồng  
 Hỏi công phu : nhàn lắm !  
 Lại nói lời vô sanh.”

Rất nên cùng Ông Bàng cư sĩ thẩm tra !

Khi ông sắp từ biệt cõi đời, có bài kệ :

“Không chi để mến  
 Không chi để bỏ !  
 Trong khoảng thái hư  
 Ở, à, thế, đó !  
 Từ an tới an  
 Tây Phương Cực Lạc.”

Đó là Ngài Vĩnh Minh Thọ và Ông Dương Kiệt đều sanh về Tịnh Độ, sáng tỏ pháp Niệm Phật Tam Muội, như con nhớ mẹ.

Tổ Động Sơn có nói : “Đối với đạo thì chớ đi, còn quay về thì nghịch lại với cha.”

Có nhà sư hỏi Tổ Tào Sơn : “Con quay về với cha, sao cha chẳng thềm nhìn đến ?”

Tổ Sơn nói : “Lý hợp như thế đấy !”

Nhà sư hỏi : “Thế thì ân tình cha con ở đâu ?”

Tổ Sơn nói : “Thế mới thành ân tình cha con.”

Nhà sư hỏi : “Thế nào là ân tình cha con ?”

Tổ Sơn nói : “Đao búa chặt chẳng rời.”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Rèm biếc buông rồi, lệnh vua chưa xuống. Màn hoa đã khép, thấy nghe khó thông ! Động nhằm đầu lông, trăng lên song cửa. Im dời



một bước, hạc ra lông bạc. Có biết chăng ? Thoát thân một sắc, không lưu bóng. Chẳng tọa đồng phong, lạc đại công."

Lại có nhà sư hỏi Tổ Hộ Quốc : "Như thế nào là cha mẹ xưa nay ?"

Tổ Quốc nói : "Ấy đâu chẳng bạc."

Nhà sư hỏi : "Lấy gì phụng hiến ?"

Tổ Quốc nói : "Ân cần không cơm gạo, trong nhà chẳng hỏi thân."

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*"Ra cửa khắp đời không tri kỷ  
Vào nhà ngập mắt : chẳng ai thân  
Nhà không đê m lạnh, không gì có  
Trời xanh, trăng sáng : cũng bạn gần."*

Hai tắc trên thật rõ ràng Tự Tánh Di Đà, Duy Tâm Tịnh Độ, phải thấy như thế mới là cái thấy chân chánh.

Xưa, có vị ni cô ra mắt Tổ Vân Nham.

Tổ Nham hỏi : "Cha cô còn không ?"

Ni cô nói : "Dạ, còn."

Tổ Nham hỏi : "Tuổi bao nhiêu ?"

Ni cô nói : "Sáu mươi lăm."

Tổ Nham nói : "Cô có người cha chẳng phải sáu mươi lăm tuổi, cô biết hay chăng ?"

Ni cô nói : "Chẳng phải là cái như-vậy-đến ư ?"

Tổ Nham nói : "Cái như-vậy-đến vẫn còn là con cháu."

Ngài Động sơn nói : "Dù được cái chẳng-như-vậy-đến cũng là con cháu !"

Ô hô ! Cha mẹ xưa nay đâu có dễ thấy ! Nên thấy được cha mẹ xưa nay thì thấy Tự Tánh Di Đà mà Thiền Tịnh viên dung, đều thuộc về cảnh giới không thể nghĩ bàn vậy.



## QUYỂN VI

### MỤC BỐN :

### VIÊN THÔNG VỀ NHĨ CĂN

Kinh : Khi ấy, Đức Quán Thế Âm Bồ tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, thưa rằng : “Thưa Thế Tôn, tôi nhớ hằng sa kiếp về trước, có Đức Phật ra đời, hiệu là Quán Thế Âm, từ Đức Phật ấy tôi phát tâm Bồ Đề. Đức Phật ấy dạy tôi, từ Nghe, Suy Nghĩ và Tu, thấu vào Tam Ma Địa.

*Thông rằng* : Chọn lựa chỗ viên thông thì căn tai là bậc nhất. Vào sâu một cửa, sáu căn liền thanh tịnh. Chỉ có chỗ chứng của Đức Quán Thế Âm rất là tròn đủ, nhiệm mầu. Âm thanh mà chẳng nói là nghe mà nói là Quán,<sup>(1)</sup> là dùng trí chiếu soi, chẳng dùng thức tai mà nghe vậy. Sáu căn dùng lẫn nhau, ở đây đủ làm chứng rồi. Theo sự Nghe, Nghĩ, Tu, thấu vào Tam Ma Địa. Nghe ở tai, nghĩ ở tâm, tu trong sự làm, thì sanh thánh huệ vô lậu, nên vào chánh định. Bèn văn sau nói “*Vào dòng mát cái sở theo thứ lớp vậy*”.

Tổ Bách Trượng gọi cả chúng ra cày ruộng. Bỗng một nhà sư nghe tiếng trống liền vác cày cười lớn mà bỏ về.

Tổ Trượng nói : “Tài thay !”

Đây là pháp môn *Quán Âm Nhập Lý* vậy.

Tổ Trượng về viện, mới kêu nhà sư ấy, hỏi : “Hồi nãy thấy cái đạo lý gì mà làm như thế ?”

---

<sup>1)</sup> Soi chiếu.

Nhà sư nói : “Hồi nãy bụng đói, nghe tiếng trống thì về kiếm đồ ăn.”

Tổ Trương cười xòa.

Như vậy thì cửa vào Đạo của vị tăng này nào có mượn đến Nghĩ và Tu mà đắc đâu ?

Kinh : “Ban đầu, ở trong cái nghe, vào dòng mất đi tướng sở (chỗ nghe). Chỗ vào đã vắng lặng, hai tướng động, tịnh rõ ràng chẳng sanh ra. Như vậy tiến thêm lần, cái nghe và chỗ nghe đều hết. Chẳng dừng lại nơi sự hết cái nghe và chỗ nghe thì cái giác và chỗ giác đều không. Không-Giác cùng tột tròn vẹn thì năng không và sở không đều diệt. Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền (trước mặt). Tức thì vượt khỏi thế gian lẫn xuất thế gian, tròn sáng khắp mười phương, được hai điều tột bậc : Một là, trên hợp với Bản Giác Diệu Tâm của mười phương chư Phật, cùng với chư Phật Như Lai đồng một sức Từ ; hai là, dưới hợp với tất cả mười phương chúng sanh trong sáu đường, cùng với các chúng sanh đồng một Bi gương.”

*Thông rằng* : Vào dòng mất sở, cho đến cái nghe và chỗ nghe đều hết, tức là mới mở khỏi căn, trước hết được Nhân Không vậy. Chẳng dừng lại nơi sự hết cái nghe và chỗ nghe, cái giác và chỗ giác đều Không, tức là Tánh Không tròn sáng, thành pháp giải thoát vậy. Không-Giác cùng cực vẹn toàn, năng không và sở không đều diệt mất, tức là đã giải thoát khỏi pháp, cái không cũng chẳng sanh vậy. Sanh diệt đã diệt, đó là tịch diệt hiện tiền, tức là vào Tam Ma Địa, đắc Vô Sanh Nhân.

Bài kệ trong kinh Pháp Hoa :

“*Chân quán, Thanh Tịnh quán  
Rộng lớn Trí Huệ quán  
Bi quán cùng Từ quán  
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.*”

*Chân Quán*, đó là hai tướng động tịnh chẳng sanh ra. *Thanh Tịnh Quán* là hết cái năng sở của Nghe, Giác, Không vậy. *Rộng lớn Trí Huệ Quán*, đó là Không-Giác cùng tột vẹn toàn, cho đến tịch diệt hiện tiền vậy. Đồng một lực Từ, đó là Từ quán. Đồng một Bi ngưỡng, đó là Bi quán. Không-Giác cùng tột tròn vẹn, đó là cái Giác quán ra khỏi tư duy vậy. Không và sở không diệt mất thì thân tâm không thể đến được. Sanh diệt đã diệt, trọn cả hai bên sanh diệt đều lia vậy. Tịch Diệt hiện tiền, đó là Thường Chân Thật vậy.

Lấy kinh chứng minh cho kinh, ý nghĩa mùi vị tự đầy đủ vậy.

Ngài Tô Tử Do luận hai kinh Lăng Nghiêm và kinh Kim Cang, hợp với Đức Quán Thế Âm, là lấy Nghe, Nghĩ, Tu làm Viên Thông Đệ Nhất. Ngài nói : “Ban đầu ở trong cái nghe vào dòng mất sở, cho đến chỗ tịch diệt hiện tiền. Nếu có thể như thế, thì trong khoảng khảy móng tay trái khắp ba cái Không<sup>(1)</sup> liền cùng chư Phật không khác.” Ngài lại đọc chỗ kinh Kim Cang nói về bốn quả vị : “Tu Đà Hoàn gọi là vào dòng, nhưng không có chỗ vào, chẳng vào sắc thanh hương vị xúc pháp, gọi là Tu Đà Hoàn.” Mới than rằng : “Chỗ chứng của Tu Đà Hoàn tức là chỗ Đức Quán Thế Âm gọi là ban đầu ở trong cái nghe, vào dòng mất sở đó ư ? Vào dòng thì vong sở, chỉ không vào sáu trần, an nhiên thường trụ, ấy là vào dòng vậy. Đến Tư Đà Hàm, gọi là

<sup>1)</sup> Nhân Không, Pháp Không, Không Không.

một lần đi lại, mà thật chẳng có gì đi lại. A Na Hàm, gọi là chẳng trở lại, mà thật không có sự chẳng trở lại, bởi vì *đi* thì nhập trần, *lại* thì về gốc. Tư Đà Hàm, tuy có thể trở lại, nhưng chưa thể không đi. A Na Hàm chẳng những không *đi* mà cũng không *lại*. Cho đến A La Hán thì cái ý *đi-lại* đều hết, không có pháp nào để đắc. Thế nên, cái gọi là bốn quả vị kỳ thật chỉ một pháp, nhưng trải qua ba cái Không mà về sâu cạn khác nhau. Lời của kinh, gốc vốn phù hợp, mà đời chẳng nêu rõ ra, nên nói cho tỏ hiểu.”

Ngài Tử Do bởi thấy được thiện tri thức mà phát minh ý chỉ của hai kinh, tuy hình như mới lạ, mà chủ yếu từ trong ngược lưu xuất ra, cho đến chỗ gọi là “*Trong khoảng khắc gãy móng tay, trải khắp ba cái Không, cùng chư Phật không khác*”. Chẳng có đốn ngộ triệt để làm sao nói được lời này.

## I. ĐIỀU LỤC VÔ TÁC THÀNH TỰU BA MƯƠI HAI ỨNG THÂN

Kinh : “Thưa Thế Tôn, do tôi cúng dường Đức Quán Âm Như Lai, nhờ Ngài truyền thụ cho tôi Như Huyền Văn Huân, Văn Tu Tam Muội, cùng chư Phật Như Lai đồng sức Từ, khiến thân tôi thành tựu ba mươi hai Ứng Thân vào các cõi nước.

*Thông rằng* : Như huyền là người huyền gây làm mà vốn không làm. Đó là để nói sự huân tu ứng với cơ, tức làm mà không làm, quên tình tuyệt hiểu, chẳng thể nghĩ bàn.

Gọi là Văn Huân, Văn Tu là huân tu, đều chẳng rời ngoài Tánh Nghe vậy. Nhân y vào tánh nghe mà huân tu, tâm thuần nhất thì bỏ cái nghe, các sự ràng buộc lạc lăm hết ráo, Tam Muội hiện bày trước mắt, đó là Kim Cang Càn Huệ Địa vậy. Nói là Kim Cang vì phá nát các pháp mộng

huyền. Kim Cang thường trụ chẳng hoại, đó là cái chân thật thường hằng vậy. Đâu phải lia ngoài như huyền mà riêng có cái gọi là chân thật sao !

Có nhà sư hỏi Tổ Tào Sơn : “Nơi tướng cái gì chơn ?”

Tổ Sơn nói : “Tức tướng tức chơn.”

Hỏi : “Làm sao hiển bày ?”

Tổ Sơn dựng đứng cây phát tử.

Lại hỏi : “Gốc huyền đâu chơn ?”

Tổ Sơn nói : “Gốc huyền nguyên chơn.”

Hỏi : “Ngay khi huyền làm sao hiển bày ?”

Tổ Sơn nói : “Tức huyền tức hiển !”

Hỏi : “Như thế thì trước sau chẳng rời nơi huyền !”

Tổ Sơn nói : “Tìm cái tướng huyền không thể được !”

Ông Cung Phụng Hạo Nguyệt hỏi Tổ Trường Sa : “Trong giáo pháp nói ý huyền, thế có chăng ?”

Tổ Sa nói : “Đại đức nói cái gì thế !”

Hỏi : “Thế thì ý huyền là không có sao ?”

Tổ Sa nói : “Đại đức nói cái gì thế !”

Hỏi : “Thế thì ý huyền là chẳng có chẳng không hay sao ?”

Tổ Sa nói : “Đại đức nói cái gì thế !”

Hỏi : “Như tôi ba lần bày tỏ, trọn chẳng hiểu được chỗ ý huyền, Hòa thượng rõ hiểu như thế nào cái ý huyền trong giáo pháp ?”

Tổ Sa nói : “Đại đức có tin là tất cả pháp vốn chẳng thể nghĩ bàn chăng ?”

Đáp : “Lời chân thật của Phật đâu dám chẳng tin.”

Tổ Sa nói : “Đại đức nói tin, thì trong hai cái tin, đó là cái tin nào ?”

Đáp : “Như chỗ tôi biết, trong hai cái tin, đó gọi là tin theo duyên.”

Tổ Sa nói : “Theo giáo pháp nào mà sanh ra được cái tin nhờ duyên ?”

Đáp : “Kinh Hoa Nghiêm nói, Đại Bồ tát trong trí huệ không chướng không ngại, tin rằng tất cả cảnh giới thế gian là cảnh giới Như Lai. Lại nói, chư Phật Thế Tôn biết suốt tất cả pháp thế gian cùng pháp Phật, tánh không sai biệt, quyết định không hai. Lại nói, Phật Pháp và thế gian pháp, như thấy được cái chân thật của chúng, tất cả đều không sai biệt.”

Tổ Sa nói : “Chỗ nêu ra trong kinh giáo về cái tin nhờ duyên của Đại đức chưa rõ ráo lắm. Hãy nghe lão tăng tỏ rõ cái ý huyền trong giáo pháp cho Đại đức. Như người nào thấy huyền vốn là chơn, đó gọi là người thấy Phật. Pháp pháp viên thông, không sanh, không diệt ; không sanh diệt đó là Phật Thân.

“Thấy được như thế là đồng Phật Từ Lực. Từ tức như huyền, ba mươi hai Ứng Thân, Ứng cũng như huyền. Chốn chốn tịch diệt hiện bày trước mắt, đó là Kim Cang Tam Muội.”

**Kinh : “Thưa Thế Tôn, nếu các Bồ tát vào Tam Ma Địa, tiến tu vô lậu, cái hiểu biết siêu việt hiện ra tròn vẹn, tôi hiện ra Thân Phật, vì họ thuyết pháp, khiến cho giải thoát.**

*Thông rằng* : Đức Sơ Tổ Đạt Ma tức Hóa Thân của Quán Thế Âm Đại Sĩ vậy.



Thời ấy, trong nước có hai vị thầy, một tên là Phật Đại Tiên, thứ hai tên là Phật Đại Thắng Đa, vốn cùng Tổ học Tiểu thừa thiên quán với Ngài Phật Đà Ba Đà. Thầy Phật Đại Tiên gặp được Tôn giả Bát Nhã Đa La, bỏ Tiểu thừa theo Đại thừa. Cùng với Tổ truyền hóa, thời ấy gọi là hai Pháp cam lồ. Còn Thầy Phật Đại Thắng Đa lại phân học trò làm sáu Tông : thứ nhất là Hữu Tướng, thứ hai là Vô Tướng, thứ ba là Định Huệ, thứ tư Giới Hạnh, thứ năm Vô Đắc, thứ sáu Tịch Tĩnh.

Tổ bùi ngùi than : “Ông thầy của họ đã kẹt vào trong dấu chân trâu, lại còn chi ly phân thành sáu tông rối rắm. Nếu ta không trừ cho thì đời đời trói buộc trong tà kiến.”

Nói rồi, hiện thần lực, đến chỗ tông Hữu Tướng, hỏi rằng : “Tất cả các pháp, cái gì gọi là thật tướng ?”

Trong chúng kia có vị tôn trưởng là Tát Bà La đáp rằng : “Ở trong các pháp tướng, các tướng chẳng đổi lẫn nhau, đó là thật tướng.”

Tổ nói : “Tất cả các tướng mà chẳng thay đổi ấy, nếu gọi là thật tướng phải định thế nào ?”

Người ấy nói : “Trong các tướng, thật không có định, nếu định các tướng, sao gọi là thật ?”

Tổ nói : “Các tướng bất định thì gọi là thật tướng, nay ông dùng cái bất định để được cái gì ?”

Người ấy nói : “Nãy tôi nói bất định là chưa nói đến các tướng, nay nói các tướng, thì nghĩa của chúng cũng như thế.”

Tổ nói : “Ông nói bất định cho là thật tướng, vậy thì định mà bất định, tức chẳng phải là thật tướng.”

Người kia nói : “Định mà đã bất định, thì chẳng phải là thật tướng. Biết cái ngã là chẳng có, thế nên bất định bất biến.”

Tổ nói : “Nay ông nói bất biến thì sao gọi là thật tướng ? Còn có biến có đổi, nghĩa ấy cũng vậy thôi.”

Người ấy đáp : “Bất biến thì còn, vì còn mà chẳng còn, nên biến đổi thật tướng, để định nghĩa này.”

Tổ nói : “Thật tướng bất biến, có biến là chẳng thật, trong hữu và vô nào gọi là thật tướng.”

Thầy Tát Bà La biết Thánh sư hiểu thâm sâu, liền lấy tay chỉ hư không nói : “Đó là cái hữu tướng của thế gian mà cũng có thể trống không, hiện cái thân tôi đây, được giống thế không ?”

Tổ nói : “Như rõ thật tướng bèn thấy chẳng phải tướng ; như rõ cái chẳng phải tướng, thì cái hình sắc cũng vậy. Hiện ở trong sắc, chẳng mất cái thể của hình sắc, ở ngay trong cái chẳng phải tướng mà chẳng ngại với cái có. Rõ được như thế, ấy gọi là thật tướng.”

Chúng kia nghe xong, tâm ý sáng láng, kính lễ tin nhận.

Tổ thoạt nhiên biến mất, đến chỗ tông Vô Tướng, hỏi rằng : “Các ông nói không có tướng, thì lấy gì làm chứng đó ?”

Trong chúng kia có Thầy Ba La Đề đáp rằng : “Tôi rõ không có tướng, vì tâm kia chẳng hiện bày.”

Tổ nói : “Tâm ông chẳng hiện, lấy gì mà rõ ?”

Người ấy nói : “Tôi rõ vô tướng, tâm không lấy bỏ, ngay khi rõ biết, cũng không có gì đảm đương.”

Tổ nói : “Nơi các thứ có thứ không, tâm không lấy bỏ, lại không có đảm đương thì những sự rõ biết không có vậy.”

Người ấy nói : “Vào Tam Muội của Phật còn không có chỗ đắc, huống chi là không có tướng, mà muốn biết đó ?”

Tổ nói : “Tướng đã chẳng có biết, cái gì gọi là Có-Không ; còn không có chỗ đắc, lấy gì gọi là Tam Muội ?”

Người ấy nói : “Tôi nói chẳng chứng là chứng cái không có chỗ chứng, chẳng phải Tam Muội, nên tôi nói Tam Muội.”

Tổ nói : “Chẳng phải là Tam Muội ấy, sao gọi tên đó ? Ông đã chẳng chứng, chẳng phải chứng, sao chứng ?”

Ba La Đề nghe Tổ phân tách rõ rệt bèn ngộ Bản Tâm, lễ tạ Tổ sư, sám hối lỗi trước.

Tổ thọ ký rằng : “Ông sẽ đắc quả, chẳng bao lâu chứng đó. Nước này có ngoại đạo, dẹp nó chẳng lâu gì.”

Nói rồi, bỗng nhiên biến mất.

Tổ đến chỗ tông Định Huệ, hỏi rằng : “Các ông học định huệ đó là một hay là hai ?”

Trong chúng kia có Thầy Bà Lan Đà đáp rằng : “Cái định huệ này của tôi chẳng phải một, chẳng phải hai.”

Tổ nói : “Đã chẳng phải một hay hai, sao gọi là định huệ ?”

Người ấy nói : “Trong định chẳng phải định, nơi huệ chẳng phải huệ, một tức chẳng phải một, hai cũng chẳng phải hai.”

Tổ nói : “Đối một chẳng có một, đối hai chẳng có hai, đã chẳng phải định huệ thì bày ra định huệ nào ?”

Người ấy nói : “Chẳng một, chẳng hai mà định huệ biết được ; còn chẳng phải định chẳng phải huệ cũng lại như vậy.”

Tổ nói : “Huệ chẳng phải định, làm sao mà biết ? Chẳng một chẳng hai, cái gì là định, cái gì là huệ ?”

Ba Lan Đà nghe qua, tâm nghi liền tan mất.

Tổ đến chỗ thứ tư là tông Giới Hạnh, hỏi rằng : “Cái gì là giới, thế nào là hạnh, là một hay hai ?”

Trong chúng ấy có một hiền giả đáp rằng : “Một hai hai một, đều do đó sanh ra, y theo giáo pháp không có nhiệm trước, đó gọi là giới hạnh.”

Tổ nói : “Ông nói y theo giáo, tức là có nhiệm ô, một với hai đều phá hết, sao nói y theo giáo, hai cái này trái nghịch, chẳng đúng với hạnh. Trong ngoài chẳng sáng tỏ, sao gọi là giới ?”

Người ấy nói : “Tôi có trong ngoài, kia đã biết hết. Đã được suốt hiểu, bèn đó là giới hạnh. Nếu nói trái nghịch, đó đều là phải là trái, còn nói đến chỗ trong sạch, thì tức giới tức hạnh.”

Tổ nói : “Đều là phải đều là trái, sao nói là trong sạch ? Đã được suốt thông, sao nói đến trong ngoài ?”

Hiền giả nghe đó, bèn tự thẹn chịu phục.

Tổ đến chỗ tông Vô Đắc, hỏi rằng : “Mấy ông nói là không đắc, không đắc thì đắc cái gì ? Đã không có chỗ đắc, lại cũng không đắc cái đắc ư ?”

Trong chúng kia có Thầy Bửu Tịnh đáp rằng : “Tôi nói không đắc chẳng phải là không đắc cái đắc, nay nói đắc cái đắc, không đắc chính là đắc.”

Tổ nói : “Đắc đã chẳng đắc, đắc cũng chẳng phải đắc, đã nói là đắc cái đắc, đắc cái đắc là đắc cái gì ?”

Người ấy nói : “Thấy đắc chẳng phải đắc, chẳng phải đắc tức là đắc, nếu thấy là chẳng đắc, gọi là đắc cái đắc.”

Tổ nói : “Đắc đã chẳng phải đắc, đắc cái đắc là không đắc, đã không có chỗ đắc, hiện nào đắc cái đắc ?”

Thầy Bửu Tịnh nghe qua liền trừ lười nghi.

Tổ đến chỗ tông Tịch Tĩnh, hỏi rằng : “Sao gọi là tịch tịnh ?<sup>1)</sup> Ở trong pháp đây, cái gì là yên, cái gì là lặng ?”

Trong chúng ấy có vị Tôn giả đáp rằng : “Tâm này chẳng động, đó gọi là lặng ; nơi pháp không nhiễm gọi đó là yên.”

Tổ nói : “Bốn tâm chẳng lặng, mới cần mượn lặng yên. Xưa nay vốn lặng, nào cần dùng đến lặng yên ?”

Người ấy nói : “Các pháp vốn Không, vì là Không Không, nên trong Không Không ấy, gọi là lặng yên.”

Tổ nói : “Không Không đã là Không, các pháp cũng thế, lặng yên vô tướng, nào còn lặng, nào còn yên ?”

Tôn giả ấy nghe Tổ chỉ dạy, hoá nhiên khai ngộ, nên cả sáu chúng đều nguyện quy y.

Do đó giáo hóa khắp miền Nam Thiên Trúc, tiếng khắp năm phương Ấn Độ. Cứ theo sáu phái kia, cũng biết lui bỏ để tu Vô Lậu, nên Tổ hiện thần lực, khiến cho giải thoát.

Đây là chỗ ứng hóa thứ nhất của Đức Quán Thế Âm vậy. Nguyên xưa là như thế.

**Kinh :** “Nếu các hàng Hữu Học, tu pháp lặng yên được mâu sáng, chỗ thắng diệu vẹn tròn hiển hiện, tôi ở trước kẻ ấy, hiện thân Độc Giác, vì họ thuyết pháp, khiến cho giải thoát. Nếu các hàng Hữu Học, đoạn mười hai nhân duyên, duyên dứt thì thắng tánh nhiệm mâu trở vượt hiện ra tròn vẹn, tôi ở trước kẻ ấy, hiện thân Duyên Giác, vì họ thuyết pháp, khiến được giải thoát.

**Thông rằng :** Bạc Bích Chi Phật có hai loại : Một là sanh đời không Phật, xét thấu sự vật biến chuyển, tự giác vô

---

<sup>1)</sup> Lặng yên.

sanh, gọi là Độc Giác. Hai là sanh đời có Phật, vâng theo giáo pháp của Phật, xét thấu nhân duyên mà ngộ Đạo, gọi là Duyên Giác. Lặng yên mầu sáng không phải là Bản Giác Mầu Sáng (Diệu Minh), mà nhân pháp tu tịch tịnh lặng yên mà đắc. Đoạn dứt mười hai nhân duyên, từ cái vô minh diệt cho đến khổ não diệt. Duyên đoạn thì thắng tánh hiện, do diệt nên được chứng, đều được chỗ thắng diệu hiện ra toàn vẹn. Đó là chỉ nhờ vào lý trí, riêng mình tỏ biết cái nhiệm mầu, riêng mình tỏ biết cái nhân duyên, chưa thể hồi tâm hướng về Đại thừa, nên chưa thật giải thoát.

Thiền sư Ngưu Đầu Dung ẩn nường hang đá, có sự lạ lùng là trăm chim ngậm bông đến. Tứ Tổ xa thấy khí tượng, biết chỗ ấy có người, mới tự thân tìm hỏi. Tổ hỏi nhà sư ở chùa : “Chốn này có đạo nhân chăng ?”

Đáp : “Người xuất gia, ai chẳng phải là đạo nhân ?”

Tổ nói : “Vậy ai là đạo nhân ?”

Nhà sư không có lời đáp.

Một nhà sư khác nói : “Từ đây vào núi khoảng mười dặm, có một ông Thầy Dung lưỡi biếng, thấy người chẳng đứng dậy, chẳng chấp tay chào, không phải là đạo nhân ư ?”

Tổ bèn vào núi, thấy Thầy Dung ngồi thẳng tự nhiên. Tổ hỏi rằng : “Ở đây làm gì ?”

Thầy Dung nói : “Quán tâm.”

Tổ nói : “Quán là người nào, tâm là vật gì ?”

Thầy Dung không đáp được, liền đứng dậy làm lễ, nói : “Đại đức quê quán nơi nào ?”

Tổ nói : “Bản đạo chẳng nhất định ở đâu hoặc Đông hoặc Tây.”

Thầy Dung nói : “Lại biết Đạo Tín Thiền sư chăng ?”

Tổ nói : “Hỏi kẻ khác ấy làm gì ?”

Thầy Dung nói : “Bấy lâu hướng về thịnh đức, mong lễ ra mắt một phen.”

Tổ nói : “Đạo Tín là bản đạo vậy.”

Thầy Dung nói : “Nhân sao đến đây ?”

Tổ nói : “Độc chỉ đến hỏi thăm nhau. Lại không có chỗ nghỉ chằng ?”

Thầy Dung chỉ phía sau, chỉ có một am nhỏ, bèn dẫn Tổ đến đó, chung quanh am chỉ thấy loài hổ, báo. Tổ bèn đưa hai tay làm vẻ sợ.

Thầy Dung nói : “Dường còn cái ấy vậy.”

Tổ nói : “Cái ấy là cái gì ?”

Thầy Dung không nói được.

Chốc lát, Tổ trở lại chỗ tảng đá Thầy Dung ngồi thiền, viết lên đó một chữ Phật. Thầy Dung xem thấy, giật mình.

Tổ nói : “Dường còn cái ấy vậy.”

Thầy Dung chưa hiểu, cúi đầu xin nói chỗ chơn yếu. Tổ trao cho pháp môn Đốn Giáo, sẵn đủ muôn hạnh Bồ tát.

Thầy Quật Đa Tam Tạng xứ Tây Vực khế ngộ nơi lời dạy của Lục Tổ. Sau ngao du Ngũ Đài, thấy một nhà sư lập am tĩnh tọa.

Thầy Tạng hỏi : “Ngồi một mình làm gì ?”

Đáp : “Quán tịnh.”

Thầy Tạng nói : “Quán, đó là người nào ? Tịnh đó là vật gì ?”

Nhà sư làm lễ, hỏi : “Lý ấy thế nào ?”

Thầy Tạng nói : “Ông sao chẳng tự quán tự tịnh ?”

Vị sư ấy ngẩn ngơ.

Thầy Tạng nói : “Ông ở phái nào ra ?”

Đáp : “Tổ Tú Thiên sư.”

Thầy Tạng nói : “Xứ Tây Vực của tôi, kẻ thấp nhất trong ngoại đạo còn chẳng sa vào cái kiến giải này, là trở trở ngòai không, đối với đạo ích gì ?”

Vị sư lại hỏi : “Vị Tôn sư của Thầy Tạng là ai ?”

Thầy Tạng nói : “Thầy tôi là Lục Tổ. Sao ông chẳng sớm đến Tào Khê cho rõ chơn yếu ?”

Vị sư liền sang tham vấn Lục Tổ. Tổ dạy giống như Thầy Tạng. Nhà sư liền ngộ nhập.

Nếu Thầy Dung cùng nhà sư này chẳng gặp Tứ Tổ, Lục Tổ, thì đã chứng Độc Giác, Duyên Giác rồi vậy. Mong gì có ngày giải thoát ư ?

**Kinh : “Nếu các hàng Hữu Học, đắc Tứ Đế Không, tu Đạo Đế, nhập Diệt Đế, thắng tánh hiện ra tròn vẹn, tôi ở trước người ấy hiện thân Thanh Văn, vì họ thuyết pháp, khiến cho giải thoát.**

*Thông rằng* : Pháp Tứ Đế là Biết Khổ, Đoạn Tập, Chứng Diệt, Tu Đạo. Cho đến vào Diệt Tận Định, ham mê cái vui Tịch Diệt, không có ý độ sanh, gọi đó là Thanh Văn, y vào tiếng dạy mà tu Đạo vậy.

Tổ Quy Sơn đang ngồi, Thầy Ngưỡng Sơn đi vào.

Tổ Quy Sơn nói : “Huệ Tịch nói mau, chớ sa vào ấm, giới !”

Ngưỡng Sơn nói : “Huệ Tịch đây chõ tin hiểu cũng chẳng lập.”

Tổ Quy nói : “Ông chõ tin hiểu chẳng có lập. Chẳng tin, chẳng lập.”



Ngưỡng Sơn nói : “Chỉ đó là Huệ Tịch, còn tin gì nữa ?”

Tổ Quy nói : “Nếu như thế là Định Tánh Thanh Văn.”

Ngưỡng Sơn nói : “Huệ Tịch đây, Phật cũng chẳng lập.”

Tổ Vân Cư Ứng sai thị giả đem cái khố cho một Đạo giả ở am.

Đạo giả nói : “Tự có cái khố của mẹ sanh rồi, chẳng nhận.”

Tổ Ứng lại sai thị giả hỏi : “Khi cha mẹ chưa sanh, thì mặc cái gì ?”

Đạo giả không lời đáp.

Về sau, tịch ; có xá lợi đem đến Tổ Ứng.

Tổ Ứng nói : “Dù cho được tám học bốn dấu, chẳng bằng khi ấy thốt được một lời chuyển ngữ.”

Vị Đạo giả này, quyết nhận cái khố mẹ đẻ, thật đó là định tánh Thanh Văn. Ngưỡng Sơn lại có thể nói một lời chuyển ngữ rằng, “Huệ Tịch đây, Phật cũng chẳng lập”, thật là thấy mặt mày lúc chưa sanh.

**Kinh :** “Nếu các chúng sanh muốn tâm tỏ ngộ, chẳng phạm dục trần, muốn thân trong sạch, tôi ở trước người ấy, hiện thân Phạm Vương vì họ thuyết pháp, khiến cho giải thoát.

*Thông rằng :* Phạm Vương, Chúa Trời cõi Sắc tên là Thi Khí, đây gọi là Đảnh Kế, ở đỉnh cõi Sơ Thiên. Bạc Độc Giác, Thanh Văn ở cõi trời Tứ Không. Ở dưới là Phạm Vương. Dưới cõi Phạm Thiên là Lục Dục Thiên. Chẳng phạm dục trần, chẳng những không muốn cái dục thanh sắc thô kệch của nhơn gian, mà cái vui của trời Tha Hóa Tự Tại cũng chẳng ưa, muốn tiến đến Tứ Thiên, do niệm xả nên trong

sạch, muốn được cái thân trong sạch không hỷ, không lạc vậy.

Tổ Nam Dương Trung Quốc sư hỏi Thiền sư Tư Không Sơn Bản Tịnh rằng : “Ông từ đây về sau thấy lời lẽ kỳ đặc thì như thế nào ?”

Tổ Tịnh nói : “Không một niệm tâm ham.”

Quốc sư nói : “Đó là chuyện trong nhà ông.”

Lại có nhà sư hỏi Trung Quốc sư : “Như sao là giải thoát ?”

Quốc sư nói : “Các pháp chẳng đến nhau, ngay đây là giải thoát.”

Nhà sư nói : “Như thế là đoạn dứt đi vậy.”

Quốc sư nói : “Đã nói với ông là các pháp chẳng đến nhau, đoạn cái gì ?”

Từ chỗ tự hiện thân Phật thuyết pháp, đến đây là năm Pháp Giải Thoát, đều chỉ rút về một đường hướng thượng. Từ chỗ Đế Thích về sau, chỉ khiến cho thành tựu mà thôi. Phật Pháp và thế gian pháp, nếu thấy được cái chân thật, cả thảy nào có khác nhau.

Kinh : “Nếu các chúng sanh muốn làm Chúa cõi Trời, thống lãnh chư Thiên, tôi ở trước người ấy, hiện thân Đế Thích, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Đế Thích có nhiều tên : Một là Thích Đề Hoàn Nhân, hai là Kiều Thi Ca ; ở đỉnh Tu Di, bốn phía, mỗi phía là tám cõi trời, hợp lại là ba mươi hai cõi trời, đều thống lãnh hết.

Tôn giả Tu Bồ Đề một hôm đang thuyết pháp, vua Đế Thích rải hoa xuống.

Tôn giả hỏi : “Hoa này từ trời được ư ? Từ đất được ư ? Từ người được ư ?”

Đế Thích rằng : “Chẳng phải vậy.”

Tôn giả nói : “Từ đâu mà được ?”

Đế Thích liền đưa tay lên.

Tôn giả nói : “Như vậy, như vậy.”

Xưa, Đức Thế Tôn dùng ngọc Ma Ni chỉ bày cho Vua Trời ở năm phương. Mỗi vị nói là xanh, vàng, đỏ, trắng. Thế Tôn đưa tay lên mà chỉ bày, thế mà đều không thấy. Thế Tôn nói : “Ta lấy ngọc thật chỉ bày cho các ông, mà đều chẳng biết.” Vua Trời ở năm phương do đó ngộ nhập.

Đế Thích nay trước Tôn giả đưa tay lên, cái dụng thật là thân thiết. Vua Đế Thích cũng tỏ hiểu Thiền vậy.

**Kinh :** “Nếu các chúng sanh muốn Thân Tự Tại, đi khắp mười phương, tôi ở trước người ấy, hiện thân Tự Tại Thiên, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng :* Trời Tự Tại tức Trời Tha Hóa Tự Tại. Mượn chỗ gây làm của kẻ khác, lấy làm cái vui riêng mình, đó là trên đỉnh Dục Giới. Hoặc nói có riêng chỗ ở của Ma Vương, thì cũng gồm trong Trời Tự Tại.

Tôn giả Ưu Ba Cúc Đa hành hóa nhiều nơi, người được độ rất nhiều. Do đó, cung ma chấn động, Ba Tuần lo sợ, bèn dùng hết ma lực để phá chánh pháp. Tôn giả bèn nhập định, xem xét nguyên do. Ba Tuần được dịp, lén cầm chuỗi ngọc tròng vào cổ Ngài. Tôn giả xuất định, bèn lấy ba thân chết của người, chó và rắn, hóa làm tràng hoa, dỗ Ba Tuần rằng : “Ông cho tôi chuỗi ngọc, thật rất đẹp quý. Tôi có tràng hoa để dâng đáp nhau.”

Ba Tuần rất mừng, đưa cổ ra nhận, bỗng biến thành ba thứ thân chết, giò bọ nhoi đục sinh thối. Ba Tuần gớm ghét, dùng hết thần lực mà chẳng dời chuyển, bèn bay lên cõi trời Lục Dục, báo các Chúa Trời, cùng xin Phạm Vương, cầu được thoát khỏi.

Mỗi vị đều nói : “Đệ tử của Phật thập lực đủ mọi thân biến, chúng tôi là hạng phàm lậu làm sao trừ nổi ?”

Ba Tuần nói : “Thế thì làm sao ?”

Phạm Vương nói : “Ông nếu hồi tâm với Tôn giả, liền có thể trừ dứt.”

Bèn nói bài kệ, khiến cho hồi hướng :

*“Đã do đất trượt té  
Phải do đất đứng dậy  
Lìa đất cầu đứng dậy  
Làm gì có lý ấy.”*

Ba Tuần nghe dạy rồi, liền xuống khỏi cung trời, lễ dưới chân Tôn giả, thiết tha sám hối.

Tôn giả nói : “Từ nay trở đi, đối với Phật Pháp, ông không còn làm rồi hại nữa chăng ?”

Ba Tuần nói : “Tôi thề hồi hướng Phật Đạo, vĩnh viễn dứt lìa điều ác.”

Tôn giả nói : “Nếu như thế, ông có thể tự miệng mình xưng lên lời quy y Tam Bảo.”

Ma Vương chấp tay, xưng ba lần. Tràng hoa đẹp hết. Bèn vui vẻ nhảy nhót, làm lễ Tôn giả mà nói bài kệ rằng :

*“Kính lạy Đấng Tam Muội  
Đệ tử Thánh Mười Lực  
Tôi nay nguyện hồi hướng  
Chẳng còn sự yếu hèn.”*

Xem bài kệ Phạm Vương, thật là lý nhiệm mầu của hồi hướng. Chẳng phải là Hóa Thân Bồ tát đó sao ?

Kinh : “Nếu các chúng sanh muốn Thân Tự Tại, bay đi trên hư không, tôi ở trước người ấy, hiện thân Đại Tự Tại Thiên, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Trời Đại Tự Tại tức là Ma Hê Thủ La Thiên. Ba mắt tám tay, cỡi trâu trắng, cầm phát trắng, ở đỉnh cõi sắc, nên bay đi trên hư không.

Kinh Niết Bàn nói : “Sao gọi là kho bí mật ? Giống như chữ (∴) ba điểm, chụm dính lại thì chẳng thành chữ Y, tản ra cũng chẳng thành ; như Ma Hê Thủ La Thiên, trên mặt có ba mắt, mới thành được chữ Y. Ba điểm riêng nhau, cũng chẳng thành được. Ta cũng như thế, cái pháp giải thoát cũng chẳng phải Niết Bàn. Thân của Như Lai cũng chẳng phải Niết Bàn. Ma Ha Bát Nhã cũng chẳng phải Niết Bàn. Ba pháp, mỗi cái khác nhau, cũng không phải Niết Bàn. Nay Ta an trụ ba pháp như thế, vì chúng sanh mà gọi là nhập Niết Bàn, giống như chữ Y của đời.”

Tổ Nham Đầu thượng đường, nói : “Ta thường nghiên cứu kinh Niết Bàn, trong bảy, tám năm thấy hai ba đoạn nghĩa, giống như lời nói của nhà Thiên.”

Rồi lại nói : “Thôi ! Thôi !”

Khi ấy, có một nhà sư bước ra làm lễ, xin thầy nói ra.

Tổ Đầu nói : “Giáo ý của ta như chữ Y (∴) ba điểm. Thứ nhất, hướng về phương Đông hạ một điểm, điểm khai mắt của các Bồ tát. Thứ hai, hướng về phương Tây hạ một điểm, điểm mạng mạch của các Bồ tát. Thứ ba, hướng phương trên hạ một điểm, điểm đánh của các Bồ tát. Đây là đoạn nghĩa thứ nhất. Lại nói, giáo ý của ta giống như banh mở

cửa trên mặt của Ma Hê Thủ La Thiên, dựng đứng một con mắt lẻ. Đây là đoạn nghĩa thứ hai. Lại nói, giáo ý của ta như trống tầm độc,<sup>(1)</sup> đánh một tiếng xa gần nghe đến đều chết ráo. Đây là đoạn nghĩa thứ ba.”

Khi ấy, Thượng tọa Tiểu Nghiêm hỏi : “Như sao là trống tầm độc ?”

Tổ Đầu hai tay đặt trên gối, thẳng thân, nói : “Hàn Tín lâm triều vậy.”

Thầy Nghiêm không có lời lẽ.

Tổ Phù Sơn Viễn thượng đường : “Chư Phật ra đời dựng nên giáo pháp chẳng lia trí nhãn Ba Thân, cũng như ba con mắt của trời Ma Hê Thủ La. Vì sao ? Một con thì giọt nước rỉ chẳng thông, tăng tục khó biện. Một con thì đại địa ven mở, mười phương suốt khắp. Một con thì cao thấp trong một cái nhìn, muôn loại xem bằng. Tuy nhiên như thế, bốn phận nhà sư ở chỗ đường lối ngăn trở nhau phải có chánh nhãn thông thiên mới được. Bởi thế mới nói ba đời chư Phật chẳng biết có.<sup>(2)</sup> Loài hồ ly cái, trâu trắng đực lại biết có. Hãy nói hồ ly cái, trâu trắng đực biết có là có cái gì ? Am hiểu ư ?”

*Đêm thu mưa giăng ngàn nhà vắng  
Ngày lụn tựa dài một tiếng tiêu.*

Ba mắt trên mặt của Ma Hê Thủ La Thiên như ba điểm của chữ Y. Tông môn mượn đó xướng lên lẽ huyền. Chớ nói là không lời, âm thanh ấy như sấm !

<sup>1)</sup> Tiếng của cái trống độc hay giết người. Kinh Niết Bàn nói : Âm thanh thường trụ của Phật Tánh hay giết hại tội ngũ nghịch, thập ác của chúng sanh.

<sup>2)</sup> Hữu vi.

Kinh : “Nếu các chúng sanh muốn thống lĩnh quý thần, cứu hộ cõi nước, tôi ở trước người ấy, hiện thân Thiên Đại Tướng Quân, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Thiên Đại Tướng Quân thống lĩnh quý thần, làm Thượng Tướng của Đế Thích.

Ngài Thiên Thai Trí Giả ban đầu trụ ở Ngọc Tuyền.

Quan Công Đại Tướng Quân ứng mộng, nói : “Tôi cùng con là Quan Bình cai trị núi này lâu rồi vậy.”

Ngài Trí Giả thuyết cho giới ba Quy Y.

Quan Công thề nguyện làm Hộ Pháp. Đến nay vẫn cứu hộ cõi nước, vẫn rất linh hiển.

Thầy Truyền Sơn Phổ đến Tổ Hoàng Long thỉnh ý chỉ, hỏi rằng : “Ông Anan hỏi Tổ Ca Diếp : Ngoài áo cà sa, Thế Tôn phó truyền pháp gì ?

“Tổ Ca Diếp gọi lớn : Anan !

“Anan ứng tiếng : Dạ.

“Tổ Ca Diếp nói : Ngã rời cây cột phước trước cửa !

“Ý chỉ thế nào ?”

Tổ Nam Công <sup>(1)</sup> nói : “Ông ra khỏi đất Thục từng đến Ngọc Tuyền chăng ?”

Đáp : “Đã từng đến.”

Lại hỏi : “Từng ở lại chăng ?”

Đáp : “Một đêm rồi đi.”

Tổ Nam Công nói : “Đạo tràng của Trí Giả, Quan tướng quân dâng cúng, cùng kết duyên nhau lúc nào mà ngại.”

---

<sup>1)</sup> Hoàng Long.

Thầy Phổ lặng im. Giây lâu hỏi lý trước. Tổ Nam Công cúi đầu.

Thầy Phổ bước ra rất hời hợt, nói : “Nghĩa hủ Tây Xuyên không làm tiêu một cái khắc nhỏ của lão này.”

Còn Tổ Thúc Nham Chân thượng đường : “Tiên đức nói, “Việc này như đốt mai rùa. Đốt bèn thành diêm bày ra tốt xấu, không đốt thành không biết”. Đốt cùng chẳng đốt, liền là hoa mắt. Thượng Lam<sup>(1)</sup> thì chẳng thế, không cố chấp, không nhất định. Hư không cõi ngựa, đất hạn đi thuyền. Núi Nam khởi mây, núi Bắc mưa xuống !”

Bèn cầm cây gậy lên, nói rằng : “Cây gậy hóa làm Thiên Đại Tướng Quân đi khắp bốn thiên hạ. Có giữ tiết hay chẳng giữ tiết, có giới hạnh hay chẳng giới hạnh, nhất thời tau cùng trời Đế Thích.”

Bèn hét, nói :

*“Trượng phu tự có chí xông trời  
Chẳng hướng đường đi Như Lai đi.”*

(Trượng phu tự hữu xung thiên chí  
Mạc hướng Như Lai hành xứ hành.)

Liền đánh vào bàn một cái.

Hai vị Tôn túc đây, đều đem Đại Tướng Quân mà thuyết pháp. Tức là vì Đại Tướng Quân mà thuyết pháp vậy.

Kinh : “Nếu các chúng sanh muốn thống lĩnh thế giới, bảo hộ chúng sanh, tôi ở trước người ấy, hiện thân Tứ Thiên Vương, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

---

<sup>1)</sup> Tự xưng.



*Thông rằng* : Tứ Thiên Vương ở giữa núi Tu Di. Mặt trời mặt trăng đi qua vòng trước cung. Đó là thần của Đế Thích bảo hộ cho bốn cõi thiên hạ.<sup>(1)</sup>

Quan Lục Đại Phu hỏi Tổ Nam Tuyền : “Thiên Vương ở địa vị nào ?”

Tổ Tuyền nói : “Nếu là Thiên Vương, thì chẳng phải địa vị.”

Ông Lục nói : “Đệ tử nghe nói Thiên Vương ở Sơ Địa.”

Tổ Tuyền nói : “Đáng dùng thân Thiên Vương để được độ, liền hiện thân Thiên Vương, vì đó thuyết pháp.”

Thử nói xem Nam Tuyền nói Giáo hay nói Tông ?

Kinh : “Nếu các chúng sanh muốn sanh nơi Thiên Cung, sai khiến quỷ thần, tôi ở trước người ấy, hiện thân Thái tử của Tứ Thiên Vương, vì họ thuyết pháp khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Theo phẩm Phổ Môn, có thần Cháp Kim Cang không có Quốc Thái tử. Nhưng sai khiến quỷ thần là Thần Cháp Kim Cang tức là một loại Quốc Thái tử vậy.

Thái tử Na Tra, con Tỳ Sa môn Thiên vương, mỗi nửa đêm theo hầu Tuyên Luật sư, hoặc đỡ chân cho khỏi té, hoặc đàm luận thắng cảnh Ngũ Đài Sơn. Đó là chỗ Nhị thừa không biết nổi. Đây là ghi chép lại rõ ràng trong truyện Luật Sư.

Có nhà sư hỏi Thiền Quốc sư : “Thái tử Na Tra lóc thịt trả lại cho mẹ, chẻ xương trả lại cho cha. Sau đó hiện lại bốn thân, vận dụng đại thân lực, ở trên tòa sen, vì cha mẹ thuyết pháp ; chưa rõ như thế nào là thân Thái tử ?”

---

<sup>1)</sup> Tứ Đại Châu.

Đáp rằng : “Mọi người đều thấy Thượng tọa hỏi.”

Nhà sư ấy hỏi : “Như thế tức cõi Đại Thiên đồng một Chân Tánh vậy.”

Quốc sư nói : “Phảng phất tựa khúc đàn mới nghe, lại bị gió thổi thành điệu khác.”

Ngẫm nghĩ chỗ này thì thân Thái tử, thân Bồ tát mọi thứ chọn xét đều chẳng có ra được.

**Kinh : “Nếu các chúng sanh muốn làm Vua cõi người, tôi ở trước người ấy, hiện thân Vua, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.**

*Thông rằng* : Từ Vua Kim Luân, cho đến Vua Túc Tán đều là Vua của loài người vậy. Kinh Pháp Hoa chỉ nói đến Tiểu Vương, đều là chỉ Vua trong loài người.

Vua Văn Tông nhà Đường rất thích con sò. Quan Sử miên duyên hải lúc trước thường chuyển dâng, người phải nhọc mệt. Một hôm, trong ngự cổ có con chẻ chẳng mở ra. Vua lấy làm lạ, liền đốt hương cầu khẩn ; bèn mở ra, thì thấy hình dung của vị Bồ tát, tướng thanh tịnh đầy đủ. Vua bèn lấy hộp bằng cây hương đàn đỏ mà đựng, gắm tốt bao trên, hiến cho chùa Hưng Thiện, để cho chúng tăng chiêm ngưỡng, lễ bái. Vua hỏi quần thần đây là điềm lành gì ? Bèn tâu ở núi Thái Nhất chỉ có Thiền sư Chính, rõ sâu Phật pháp, xin chiếu mời hỏi. Vua liền xuống chiếu mời sư đến để hỏi việc ấy.

Tổ Chính nói : “Thần nghe sự ứng hóa trong Phật sự là không phải không có nhân duyên. Việc này mới khai mở cái lòng tin của Bệ hạ đấy. Nên trong Khế Kinh có nói : Đáng dùng thân này để được độ, liền hiện thân này, vì đó thuyết pháp.”

Vua nói : “Thân Bồ tát đã hiện mà chưa nghe thuyết pháp.”

Tổ Chính nói : “Bệ hạ thấy đấy là thường ư ? Là phi thường ư ?”

Vua nói : “Sự lạ ít thấy, Trẫm rất tin vậy.”

Tổ Chính nói : “Bệ Hạ đã nghe thuyết pháp rồi vậy.”

Lòng vua vui vẻ, ra chiếu cho chùa chiền trong thiên hạ, mỗi nơi đều lập tượng Quan Âm, để đền đáp việc tốt lành đặc biệt ấy.

Con sò đó dùng cái không nói mà nói, Tổ Chính dùng lời nói mà nói ; đều là Hóa Thân đó vậy.

Kinh : “Nếu các chúng sanh muốn làm chủ gia đình danh tiếng, thế gian kính nhường, tôi ở trước người ấy, hiện thân Trưởng Giả, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Bạc Trưởng Giả có đủ mười đức là dòng dõi sang quý, địa vị cao, giàu lớn, oai thế mạnh mẽ, trí sâu xa, tuổi thọ, hạnh trong sạch, đầy đủ lễ nghi, trên khen, dưới phục, giống như bậc nguyên lão của quốc gia.

Ông Lý trưởng giả tên là Thông Huyền, người Đông Bắc Thái Nguyên, hoặc gọi là bậc Tôn Thất nhà Đường. Năm Thứ Bảy Khai Nguyên, ở ẩn nơi Thỏ Khám núi Phương Sơn, làm bộ Hoa Nghiêm Hiệp Luận gồm bốn mươi pho. Cọp quỳ đội kinh, rồng thần hóa suối. Ngày có Thiên nữ hầu phụng, đêm thì ánh sáng của trăng thay đuốc. Ngày thị tịch, chim thú buồn kêu, khí sáng tột trời. Tuổi thọ chín mươi sáu.

Ông Trương Vô Tận cho là Đức Văn Thù, Phổ Hiền hiện huyền thân, đâu biết chẳng phải Đức Quan Âm hiện huyền thân vậy ư ?

Kinh : “Nếu các chúng sanh thích đàm luận những danh ngôn, giữ mình trong sạch, tôi ở trước người ấy, hiện thân Cư Sĩ, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Nghe rộng hiểu nhiều, chẳng cần quan tước, của cải giàu có, giữ chí liêm khiết, gọi là Cư Sĩ.

Ông Bàng Uẩn, hiệu Đạo Huyền, người xứ Hành Dương sớm ngộ sự mỗi nhọc của đời, chí tìm cầu chân lý.

Ban đầu, ra mắt Tổ Thạch Đầu, hỏi rằng : “Chẳng cùng muôn pháp làm bạn lứa, ấy là người nào ?”

Tổ Đầu lấy tay bịt miệng, bèn hoát nhiên tỉnh ngộ.

Ngày nọ, Tổ Đầu hỏi : “Từ khi gặp Lão tăng đến nay, việc hàng ngày của ông thế nào ?”

Cư sĩ đáp : “Nếu hỏi việc dùng hàng ngày, tức không có chỗ mở miệng.”

Bèn trình kệ :

*“Việc hàng ngày không khác  
 Riêng ta tự an bằng  
 Mỗi mỗi không nắm, bỏ  
 Chốn chốn chẳng chống ngăn  
 Lộn xộn ai bày nhĩ ?  
 Non Khuê bật bụi trần  
 Gánh nước cùng vác củi  
 Đó : diệu dụng, thần thông.”*

Tổ Đầu bằng lòng, hỏi : “Ông dùng áo đen hay trắng ?”

Cư sĩ nói : “Nguyện theo chỗ thích.”

Bèn chẳng cạo, nhuộm.

Sau đến tham vấn Đức Mã Tổ, hỏi rằng : “Chẳng cùng muôn pháp làm bạn lứa, ấy là người nào ?”

Ngài Mã Tổ nói : “Đợi ông hợp một ngụm hết nước Tây Giang, ta sẽ vì ông nói !”

Cư sĩ ngay lời nói nhận liền huyền chỉ. Bèn ở lại tham học hai năm.

Có bài kệ rằng :

*“Có trai chẳng cưới  
Có gái chẳng gả  
Cả nhà sum vầy lại  
Cùng nói lời Vô Sanh.”*

Từ đó cơ phong nhanh lẹ, các nơi đều hướng về.

Cư sĩ xứ Đông Độ, phải lấy họ Bàng làm đầu. Vợ chồng, trai gái đều lên Vô Thượng Giác. Đó là hậu thân của Duy Ma, Kim Túc rộng nói pháp môn Bất Nhị. Cũng chẳng là xưa cũ vậy.

Kinh : “Nếu các chúng sanh muốn trị cõi nước, chia rõ bang ấp, tôi ở trước người ấy, hiện thân Tế Quan, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Như Lai dùng bốn việc để dẫn dắt chúng sanh, cùng họ đồng sự. Lời dễ hiểu, cơ dễ hợp. Nhưng Tế Quan ấy, đều ý tài nghệ, đều chấp nghị luận, chẳng phải đồng bậc thì khó thể nói cùng. Nên hiện thân Tế Quan ở đời để cùng loại vậy.

Ông Hiến Công Biện Triệu Thanh ngoài bốn mươi tuổi dẹp bỏ thanh sắc, chí tâm vào tông giáo. Gặp Tổ Phật Huệ ở Nam Thiên. Ngày ngày ông đều lân la đến, Tổ Huệ chẳng thốt một lời. Sau giữ Thanh Châu, ngoài việc chánh quyền, phần nhiều tĩnh tọa. Bỗng sét nổ lớn kinh hồn, liền khế ngộ.

Làm bài kệ rằng :

*“Công sở lặng ngồi yên trên ghế  
 Nguồn tâm chẳng động như nước trong  
 Một tiếng sét âm, khai cửa đánh  
 Kêu lên xưa trước tự nhà mình.”*

Tổ Huệ nghe được, cười rằng : “Ông Triệu ưa nói văn vẻ vang rân, nhỉ.”

Có Ông Phú Trịnh Công Bật, ban đầu đối với tông môn chưa có chỗ hướng vào, Ông gắng khuyên, viết thơ rằng : “Trộm nghĩ, như Ngài, cực kỳ giàu sang như thế, dư dật đạo đức như thế, đầy đủ phước thọ an vui như thế, cao quý nhàn hạ hư ẩn như thế, chỉ có chỗ chưa lưu ý sâu xa, là một chuyện đại sự nhân duyên của Như Lai mà thôi. Nếu hay thành thật chuyên cầu chỗ chứng ngộ, ắt có ngày xin làm môn hạ chúc mừng.”

Trịnh Công nhờ Ông thức tỉnh khuyến khích, ngày đêm chẳng bỏ, tinh tấn trong đạo. Nghe Thiền sư Ngung, chủ Đầu Tử, bèn đến gạn hỏi chỗ nghi. Gặp Tổ Ngung đang lên tòa, thấy Ngài nhìn lại như voi chúa quay đầu, hơi tỉnh ngộ, bèn giữ lễ đệ tử. Tổ bảo thị giả cho vào thất.

Tổ Ngung liền nói : “Tướng Công đã vào, Phú Bật còn ở ngoài !”

Ông nghe qua, mồ hôi toát ướt lưng, bèn đại ngộ.

Viết bài kệ gởi Viên Chiếu :

*“Vừa gặp Ngung Công, ngộ nhập tâm  
 Được truyền lén lút lão sư tâm  
 Đông Nam chớ nói non sông cách  
 Ngày đối linh quang với diệu âm.”*

Đây là dùng thân Tế Quan, vì Tế Quan thuyết pháp mà được chứng vậy. Thật đủ làm khuôn mẫu cho đời.

Kinh : “Nếu các chúng sanh thích những số thuật, nhiếp giữ thân tâm, tôi ở trước người ấy, hiện thân Bà La Môn, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Bà La Môn đây gọi là Tịnh Hạnh, rất tôn sùng ngoại đạo, như thờ lửa, nước, tức là hạng số thuật, nhiếp tâm, vệ sanh để tự an vậy. Số thuật hòa hợp với xem tướng, phương pháp thiên văn xem sự thịnh suy.

Tổ Cư Ma La Thập dòng dõi Bà La Môn, nên xem bói họa, phương nhiều điều đúng kỳ lạ, số thuật của Ngài kể ra không hết.

Ông Thị Lang Lý Hạo lúc nhỏ xem Thủ Lăng Nghiêm, như về đất cũ ; sau đến Minh Quả Đầu Thành nhập thất.

Tổ Ứng Am vỗ vào ngực, nói : “Ông Thị Lang chết rồi đi đâu, nhỉ ?”

Ông hỡi hùng toát mồ hôi.

Tổ Am quát đuổi ra.

Ông rút lui tham cứu. Chưa bao lâu thì đến chỗ áo diệm, làm bài kệ gởi cho Ông Nghiêm Khương Triều, bạn đồng tham, rằng :

*“Cửa có quán Tôn Tấn  
Nhà có vợ Cam Chí  
Đêm ngủ rồi sáng dậy  
Ai ngộ với ai mê.”*

Tổ Am khen tốt.

Có Thầy Dục Yên Chi cũng học đã lâu với Tổ Ứng Am, có hơi tự phụ.

Ông tặng bài kệ rằng :

*“Chẳng cần sơn phấn tự phong lưu  
Đường thiền mấy nổi đến đây thôi  
Qua suốt xưa nay chuông cũ nhất  
Đến đi trong ấy chịu ăn đòn.”*

Xem sự giao du của Ông Lý, đó là lấy hạnh Bà La Môn mà được chứng. Thường thường đều có, đâu chỉ một mình Cam Chí có Tịnh Hạnh thôi đâu.

Kinh : “Nếu có người trai muốn học xuất gia, giữ các giới luật, tôi ở trước người ấy, hiện thân Tỳ kheo, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Đại sư Tăng Già, người xứ Tây Vực, từng nằm nghỉ ở nhà Bà Hạ Bạt, thân bồng lớn cao hơn giường chông phải đến ba thước, làm người người đều kinh hãi. Kế đó hóa ra hình Quan Âm mười một mặt. Trong nhà càng thêm tin trọng, bèn sửa nhà thành chùa.

Vua Trung Tông sai sứ thỉnh vào đạo tràng, tôn làm Quốc sư. Thường ở riêng một thất, trên đỉnh đầu có một cái lỗ, vẫn dùng nùi chỉ tơ nhét lại. Đêm thì mở ra, hương thơm từ trong lỗ ấy bay ra, đến sáng, hương thơm trở lại trong đánh, rồi lại lấy nùi tơ nhét bít lại. Khi thị tịch, vua đưa đến xứ Lâm Hoài, xây tháp cúng dường.

Vua Trung Tông hỏi Thầy Vạn Hồi rằng : “Đại sư Tăng Già là người nào thế ?”

Thầy Hồi đáp : “Đó là hóa thân của Đức Quan Âm vậy. Phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa nói : “Đáng dùng thân Tỳ kheo, Tỳ kheo ni để được độ, liền hiện thân, mà nói pháp cho”. Chỗ này là như vậy đó.”



Khi sư đến Trường An, Thầy Vạn Hồi lay ra mắt rất tôn kính.

Sư vỗ vai thầy, nói : “Ông nhỏ sao ở lại lâu, đi được rồi đó.”

Sư tịch chưa trọn tháng, Thầy Hồi cũng tịch luôn.

Thầy Tiệm Nguyên làm thị giả nơi Tổ Đạo Ngô. Một hôm theo Tổ đến nhà đàn việt phúng điếu.

Thầy Nguyên vỗ trên quan tài, nói : “Sống ư, chết ư ?”

Tổ Ngô nói : “Sống cũng không nói, chết cũng không nói !”

Thầy Nguyên nói : “Vì sao mà không nói ?”

Tổ Ngô nói : “Không nói ! Không nói !”

Về đến giữa đường, Thầy Nguyên nói : “Hôm nay Hòa thượng phải nói ra cho tôi. Nếu không nói, thì đánh Hòa thượng.”

Tổ Ngô nói : “Đánh thì cứ đánh, nói thì không nói.”

Thầy Nguyên bèn đánh.

Tổ Ngô về chùa nói : “Ông nên rời chốn này, sợ rằng thầy Tri sự biết được thì không tiện.”

Thầy Nguyên bèn lay từ già, ẩn nơi chùa trong làng.

Trải qua ba năm, bỗng nghe Đồng tử tụng kinh Quan Âm đến chỗ, “*Dáng dùng thân Tỳ kheo để được độ, tức hiện thân Tỳ kheo*”, hốt nhiên đại ngộ. Liên đốt hương, ở xa mà lay : “Mới biết lời Tiên sư để lại chẳng hư lắm. Chính tôi tự chẳng hiểu, lại hờn oán Tiên sư.” Bèn đến Tổ Thạch Sương, bày cúng trai sám hối.

Thế là một câu “*Tỳ kheo...*” này đủ rồi giải thoát. Trí lực Quan Âm nhiệm mầu, thế nên chẳng thể nghĩ bàn vậy.

Kinh : “Nếu có người gái muốn học xuất gia, giữ các cấm giới, tôi ở trước người ấy, hiện thân Tỳ kheo ni, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Giới luật Tỳ kheo có hai trăm năm mươi điều. Cấm giới của Tỳ kheo ni phạm là năm trăm điều. Rõ ràng là hơn Tỳ kheo, vì tánh nữ kém phần cao sáng, nên dùng cấm luật làm giới vậy.

Ni Lưu Thiết Ma đến Tổ Quy Sơn.

Tổ nói : “Trâu nái già, người đến ư ?”

Ni Ma nói : “Ngày mai ở Đài Sơn có hội trai lớn, Hòa thượng có đi chăng ?”

Tổ Quy Sơn đuổi thân nằm.

Ni Ma liền lui ra.

Có nhà sư hỏi Tổ Phong Huyệt : “Tổ Quy Sơn nói : Trâu nái già, người đến ư ? Ý chỉ như thế nào ?”

Tổ Huyệt nói : “Chốn sâu mây trắng rỗng vàng múa.”

Nhà sư hỏi : “Còn như Lưu Thiết Ma nói : Ngày mai ở Đài Sơn có hội trai lớn, Hòa thượng có đi chăng ? Ý chỉ như thế nào ?”

Tổ Huyệt nói : “Trong tâm xanh sóng, ngọc thả kinh.”

Nhà sư hỏi : “Quy Sơn bèn bày ra thế nằm, ý chỉ như thế nào ?”

Tổ Huyệt nói :

*“Lè phè già nghỉ ngày vô sự  
Rảnh ngủ cao nằm đối núi xanh.”*

Tổ Tuyết Đậu tụng rằng :

“Tùng ngồi ngựa sắt nhập bao thành  
 Lệnh xuống nghe rằng sáu nước trong<sup>(1)</sup>  
 Đường về, như nắm roi vàng hởi  
 Đêm sâu hành ngự với ai cùng.”

Tổ Thiên Đồng tụng rằng :

“Trăm chiến công thành lão thái bình  
 Hơn thua ai chịu nhọc đo tranh  
 Ngựa vàng roi ngọc nhàn suốt buổi  
 Gió trong trăng sáng một đời sang.”

Về các Tỳ kheo ni, cơ duyên ngữ cú rất nhiều, đều bày chuyện hướng thượng, nào thuật hết được, nên lục ra để làm khuôn mẫu.

Kinh : “Nếu có người trai thích giữ năm giới, tôi ở trước người ấy, hiện thân Cư Sĩ Nam, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng : Năm giới tức là giới Sát, Đạo, Dâm, Vọng Ngữ và Uống Rượu. Cư sĩ nam tức là cận sự nam, giữ sự trong sạch, hay giúp việc cho Tỳ kheo vậy.

Vị đạo nhân Thứ Mười Ba ở Tiên Châu Sơn Ngô thường hỏi đạo các vị Thiên đức, đến quy y Ngài Khai Thiện. Rồi kết am ở bên trái, dâng cấp hầu hạ. Đêm mồng Tám tháng Ba, đời Thiện Hưng, bỗng nhiên tỏ ngộ, làm bài kệ trình Ngài Thiện rằng :

“Xưa nay không nút, vá  
 Chạm đến rõ ràng ngay

---

<sup>1)</sup> Yên.

*Đã là ngàn vàng báu  
Nào phải động dụng gì."*

Ngài Thiện đáp lại bài kệ :

*"Đất nứt nở rồi vui khoái thay  
Tử sanh, phàm thánh sạch liền ngay  
Dưới núi Tiên Châu cười ha hả  
Chẳng phụ cùng nhau tâm xưa rày !"*

Cư sĩ nam này cũng là giải thoát.

**Kinh : Nếu có người gái tự giữ năm giới, tôi ở trước người ấy, hiện thân Cư Sĩ Nữ, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.**

*Thông rằng :* Cư sĩ nữ gọi là cận sự nữ, giữ sự trong sạch, thường giúp việc cho Tỳ kheo ni vậy.

Cô Du Đạo Bà, người xứ Kim Lăng, làm nghề chiên bánh dầy ở chợ, theo chúng tham hỏi Tổ Lang Gia Khởi. Tổ Khởi lấy chỗ Vô Vị Chơn Nhơn của Tổ Lâm Tế nói mà bày chỉ. Một hôm, nghe người ăn xin ca bài Liên Hoa Lạc rằng "Chẳng nhờ Liễu Nghị truyền thơ tín, duyên đâu đến được Động Đình Hồ", bỗng đại ngộ, bưng mâm bánh dầy ném xuống đất.

Chồng cô là Bàn Nghệ nói rằng : "Bà điên ư ?"

Cô Bà vỗ tay, nói : "Chẳng phải cảnh giới của ông."

Bèn đi ra mất Tổ Khởi.

Tổ xa trông, biết chỗ sở đắc, hỏi : "Cái gì là Vô Vị Chơn Nhơn ?"

Cô Bà nói :

*"Có một Vô Vị Chơn Nhơn  
Sáu tay ba đầu nở lực sân"*

*Một nẻo Hoa Sơn phân hai lối  
Muôn năm nước chảy chẳng hay xuân."*

Từ đó, danh tiếng nổi lên. Cô thường tụng bài Bất An Nhân Duyên của Mã Tổ.

Cô nói : "Mặt trời mặt trăng, hư không chớp nháng. Tuy là dứt yên đầu lưỡi nạp tăng trong thiên hạ, nhưng rõ ràng chỉ nói được một nửa."

Không ngờ cô cư sĩ mà thuyết pháp như vậy, há không có trăm ngàn ức Hóa Thân ư ?

Kinh : "Nếu có người nữ lập thân nội chính, để sửa sang nước nhà, tôi ở trước người ấy, hiện thân Nữ Chúa hay thân Quốc Phu Nhân, đại gia mệnh phụ, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Lập thân trong nội chính để sửa sang nước nhà, dùng món ngon quý làm việc cúng tế, các việc này chẳng có gì không là Phật sự.

Tổ Chí Công nói : "Kinh đô, huyện đô mệnh mông lại là Bồ Đề Đại Đạo." Lại nói, "Đại Đạo chỉ là trước mắt, vậy mà trước mắt khó thấy. Muốn biết chân thể của Đại Đạo, nào lìa sắc thanh ngôn ngữ."

Đạo gần đến như vậy đó. Há cho người nữ là chẳng sẵn đủ ư ?

Phu nhân Ông Mân Súly là Thôi Thị Phụng Đạo. Bà tự xưng là Luyện sư. Sai sứ đưa y phục đến Tổ Trường Khánh, nói rằng : "Luyện sư sai đến, xin hồi tin."

Tổ Khánh nói : "Bảo Luyện sư lãnh nhận hồi tin."

Giây lát, sứ đến trước mặt Tổ dạ lớn, rồi liền trở về.

Hôm sau, Tổ Khánh vào phủ.

Luyện sư nói : “Cảm tạ Đại sư hôm qua hồi tin.”

Tổ Khánh nói : “Xin được xem cái hồi tin hôm qua.”

Luyện sư bung mở cả hai tay.

Ông Súy hỏi Tổ Khánh rằng : “Luyện sư vừa trình tin, Đại sư vừa ý chẳng ?”

Tổ Khánh nói : “Gần gần chút ít.”

Luyện sư hỏi : “Chưa rõ Đại sư ý chỉ thế nào ?”

Tổ Khánh im lặng giây lâu.

Luyện sư nói : “Chẳng thể nghĩ bàn, Phật pháp Đại sư thật sâu xa.”

Đoạn công án này thật giống pháp môn Bất Nhị của Đức Duy Ma Cật.

Phu nhân nước Tần, Bà Kế Thị Pháp Chân, tự ở góa, xa lánh phồn hoa, thường ăn chay, học tập pháp hữu vi. Nhân Tổ Đạo Huệ bảo thị giả Khiêm đến hỏi thăm con của Ngụy Công. Công giữ Thầy Khiêm lại, thầy dùng đạo Tổ mà dạy cho.

Bà Chân ngày nọ hỏi Thầy Khiêm : “Kính Sơn Hòa thượng bình thường dạy người thế nào ?”

Thầy Khiêm nói : “Hòa thượng chỉ dạy cho người khán *“Con chó không có Phật tánh”*, cùng với lời nói, *“Cái lược tre”*. Chỉ không được mở lời, không được nghĩ lường, không được hướng về chỗ khởi ra mà hiểu, không hướng về chỗ mở lời mà nhận lãnh. Con chó lại có Phật tánh không ? Không ! (Vô) Chỉ như vậy dạy người khán.”

Bà Chân liền tin chân thành. Trong đêm ấy, ngồi ra sức nghiệm cứu lời nói ấy, bỗng nhiên rỗng suốt không ngại.

Thầy Khiêm từ già trở về.

Bà Chân tự mình viết kệ nói trường hợp vào đạo trình Tổ Huệ.

Bài chót viết :

*“Suốt ngày xem kinh văn  
Như gặp người quen cũ  
Chớ nói còn có ngại  
Mỗi cũ, mỗi lần tân (mới).”*

Những đại gia mệnh phụ được chứng không ít. Ai mà không được sự gia hộ lạng lẽ của Đại Sĩ, khiến có chỗ thành tựu ư ?

Kinh : “Nếu có chúng sanh không phá nam căn, tôi ở trước người ấy, hiện thân đồng nam, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Tôn giả Vi Đà mười đời đồng chơn. Đồng tử Thiện Tài từ Nam tham hỏi trở về, qua tám chín chục tuổi, cũng có tên Đồng tử. Đó là vì nam căn chưa hư vậy.

Thầy Phật Nhựt Bốn Không ban đầu đến Thiên Thai, nói rằng : “Nếu có người đoạt được cơ của tôi, tức là thầy tôi vậy.”

Tìm đến ra mắt Tổ Vân Cư, hỏi rằng : “Hai rồng tranh châu, con nào được ấy ?”

Tổ Cư nói : “Trút hết nghiệp thân đi, thì cùng ông tương kiến.”

Thầy Không nói : “Nghiệp thân đã trút.”

Tổ Cư nói : “Châu ở chốn nào ?”

Thầy Không chẳng đáp được, mới thành thật xin nhập thất, lúc ấy tuổi mới mười ba.

Bốn năm sau, viếng Tổ Giáp Sơn, vừa vào cửa gặp Thầy Duy Na.

Thầy Duy Na nói : “Chốn này chẳng chứa kẻ hậu sanh.”

Thầy Không nói : “Tôi đây chẳng tìm chỗ ở trú, tạm đến làm lễ ra mắt Hòa thượng.”

Duy Na bạch lại Tổ Giáp Sơn. Tổ Sơn cho gặp.

Thầy Không chưa bước lên thêm, Tổ Sơn liền hỏi : “Ở đâu tới ?”

Thầy Không đáp : “Vân Cư đến.”

Tổ Sơn nói : “Bèn nay ở tại chốn nào ?”

Thầy Không đáp : “Tại trên chót đỉnh Giáp Sơn.”

Tổ Sơn nói : “Lão tăng hành niên ở Khảm, Ngũ Quý lâm Thân.”

Thầy Không định lên thêm.

Tổ Sơn nói : “Ba Đạo thêm bấu theo chỗ nào bước lên ?”

Thầy Không rằng : “Ba Đạo thêm bấu ngay khúc ngoặt này, một đường hướng thượng, xin thầy trực chỉ.”

Tổ Sơn bèn đón chào. Thầy Không mới bước lên thêm lễ bái.

Tổ Sơn hỏi : “Thầy Xà lê cùng đi với người nào ?”

Đáp : “Mộc Thượng tọa.”

Tổ Sơn nói : “Sao chẳng đến cùng gặp lão tăng ?”

Đáp : “Hòa thượng thấy y đôi phần.”

Tổ Sơn hỏi : “Tại chốn nào ?”

Đáp : “Tại trong nhà giảng.”

Tổ Sơn bèn cùng đến trong nhà giảng. Thầy Không liền cầm cây gậy ném trước mặt Tổ Sơn.



Tổ Sơn nói : “Chẳng phải Thiên Thai dắc ư ?”

Đáp : “Chẳng phải Ngũ Nhạc sanh.”

Tổ Sơn nói : “Chẳng phải Tu Di dắc ư ?”

Đáp : “Cung trăng cũng chẳng gặp.”

Tổ Sơn nói : “Như thế tức từ người được vậy ?”

Thầy Không nói : “Tự mình còn là oan gia, từ người nhận được mà làm gì ?”

Tổ Sơn nói : “Trong tro nguội có một hạt đậu nổ.”

Tổ gọi Thầy Duy Na sắp xếp nơi chỗ cửa sổ mở.

Thầy Không nói : “Chưa rõ cửa sổ mở lại nói được không ?”

Tổ Sơn nói : “Đợi cửa sổ mở nói được, thì nói cho ông.”

Hôm sau, Tổ Giáp Sơn thượng đường, hỏi : “Ông khách đến hôm qua ở đâu ?”

Thầy Không bước ra, lên tiếng dạ.

Tổ Sơn nói : “Thầy trước khi chưa đến Vân Cư, thì ở đâu ?”

Đáp : “Tại Thiên Thai Quốc Thanh.”

Tổ Sơn nói : “Ta nghe Thiên Thai có nước chảy róc rách, sóng biếc lặng trong. Cám ơn thầy ở xa đến. Ý này như thế nào ?”

Đáp : “Ở lâu hang núi, chẳng mang chùm gởi.”

Tổ Sơn nói : “Đó còn là xuân ý, thu ý thì làm sao ?”

Thầy Không im lặng giây lâu.

Tổ Sơn nói : “Xem ông chỉ là đứa chống ghe. Rốt cuộc chẳng phải người giỡn sóng.”

Hôm sau, nhóm chúng cất việc. Thầy Duy Na khiến Thầy Không vận tải trà.

Thầy Không nói : “Tôi vì Phật Pháp mà đến, chẳng phải vì vận tải trà mà đến.”

Thầy Duy Na rằng : “Đó là vâng lời sự phân định của Hòa thượng.”

Thầy Không nói : “Tôn lệnh của Hòa thượng thì được.”

Mới đem trà đến chỗ làm việc, khuia chén trà gây ra tiếng.

Tổ Sơn quay ngó lại.

Thầy Không nói : “Trà đậm năm ba chén, ý tại bên vạc trà.”

Tổ Sơn nói : “Bình có thể rót trà, trong giỏ bao nhiêu chén ?”

Thầy Không nói : “Bình có thể rót trà, trong giỏ không một chén.”

Bèn rót trà. Chúng đều đưa mắt nhìn.

Thầy Không nói : “Đại chúng ngóng cổ trông mong, xin Thầy một lời.”

Tổ Sơn nói :

*“Rắn chết giữa đường đừng đánh giết.*

*Giỏ không đáy ấy đừng mang về.”*

Thầy Không nói : “Tay cầm bùa soi đêm, mấy ai hay trời sáng.”

Tổ Sơn nói : “Này đại chúng, có người rồi ! Về thôi ! Về thôi !”

Liên bỏ công việc làm chung, trở về chùa. Chúng đều khen ngợi, ngưỡng mộ.

Ôi, Đồng tử giác ngộ thật có vậy. Như Phật Nhật cùng Tổ Giáp Sơn gõ xướng, thật lạ lùng.

Kinh : “Nếu có người xử nữ thích thân xử nữ, chẳng cầu sự xâm bạo, tôi ở trước người ấy, hiện thân đồng nữ, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Người không dâm trong tạo vật thì có thể đếm được vậy. Vì từ chỗ chẳng sạch, thì chẳng sạch chẳng đáng ham thích. Bị người xâm bạo, thì xâm bạo chẳng đáng ham thích. Vì ham vui bao nhiêu, thì càng tiêu tụy bấy nhiêu. Huống gì gây nghiệp quả sanh tử, không có lúc ngừng nghỉ sao ?

Ông Bàn cư sĩ, con gái là Linh Chiếu, trinh tiết vượt đời, nêu cốt cách cho người, thường cung cấp cháo rau sớm tối.

Ông Bàn đang ngồi, hỏi Cô Chiếu rằng : “Người xưa nói, “Rành rành trăm ngọn cỏ, rành rành ý Tổ Sư”, hiểu thế nào đây ?”

Cô Chiếu nói : “Già cả rồi mà lời lẽ như thế !”

Ông Bàn nói : “Theo cô thì sao ?”

Cô Chiếu đáp : “Rành rành trăm ngọn cỏ, rành rành ý Tổ Sư !”

Bàn cư sĩ liền cười.

Ngày nọ, cư sĩ nhân xuống cầu bị ngã. Cô Chiếu thấy, liền đến nằm bên cha.

Cư sĩ nói : “Người làm gì vậy ?”

Cô Chiếu đáp : “Thấy cha ngã xuống đất, con đến đỡ dậy.”

Tổ Đơn Hà đến thăm cư sĩ, gặp Cô Chiếu đang rửa rau.

Tổ Hà hỏi : “Cư sĩ có nhà chăng ?”

Cô Chiếu thả rổ rau xuống, khoanh tay đứng sững.

Tổ Đơn Hà lại hỏi : “Cư sĩ có nhà chẳng ?”

Cô Chiêu bưng rổ mà đi. Tổ Hà bèn trở về.

Chốc lát, cư sĩ về đến, Cô Chiêu nói lại chuyện trước.

Cư sĩ nói : “Thầy Đơn Hà còn đây ư ?”

Cô Chiêu đáp : “Về rồi.”

Cư sĩ nói : “Đất đỏ bôi trâu nái.”

Cư sĩ sắp nhập diệt, bảo Cô Chiêu rằng : “Xem mặt trời gần trưa, đúng Ngọ thì báo.”

Cô Chiêu bèn nói : “Mặt trời đúng Ngọ rồi, nhưng có nguyệt thực.”

Cư sĩ ra cửa xem. Cô Chiêu liền lên chỗ ngồi của cha, chấp tay ngồi tịch.

Cư sĩ cười, nói : “Con gái ta lanh lợi quá.”

Ông bèn hoãn lại bảy ngày sau mới tịch.

Đời truyền rằng Cô Linh Chiêu là Cổ Phật hóa thân ở trong cõi đời này chứng quả Như Lai, cùng Long Nữ không khác, đều là không thể nghĩ bàn vậy.

**Kinh :** “Nếu có chư Thiên muốn ra khỏi bậc trời, tôi hiện thân Trời, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng :* Từ Đế Thích trở lên các Thiên Chủ, đều là bậc Bồ tát Sơ Địa hiện thân để giáo hóa các vị trời vậy, cho nên không nói là “Ra khỏi”. Các vị trời thuần lạc, ít tâm tinh tấn, tất là sanh nơi nhân gian, “không” được năm trước mới có thể chứng quả. Cho nên thích làm người, muốn làm người cũng không nói được là “Ra khỏi”. Chỉ có hạng Trời, Rồng, Tám Bộ, hẳn phải thoát khỏi loài mình, sau mới thành tựu. Nếu phân thân biến hóa, chẳng ở trong vòng luật lệ này.

Khi ấy, trong nhà Đức Duy Ma Cật, có một vị Thiên nữ thấy các trời, người đến nghe thuyết pháp, bèn hiện thân dùng hoa trời rải lên các vị Bồ tát và các đại đệ tử. Hoa đến Bồ tát đều liền rơi xuống, đến các đại đệ tử thì dính chẳng rớt. Tất cả đệ tử, dùng thần lực phủi hoa mà chẳng phủi được.

Khi ấy, Thiên nữ hỏi Ngài Xá Lợi Phất : “Vì sao phủi hoa ?”

Đáp rằng : “Hoa này chẳng như Pháp, vì thế phủi đi !”

Thiên nữ nói : “Chớ nói hoa này chẳng như Pháp, vì sao thế ? Vì hoa này không có chỗ phân biệt. Nhân giả tự sanh tướng phân biệt đó. Nếu theo Phật Pháp xuất gia mà có chỗ phân biệt, thế là chẳng như Pháp. Nếu không có chỗ phân biệt, đó là như Pháp. Hãy nhìn các vị Bồ tát, hoa chẳng dính bám, vì đã dứt lìa tất cả tướng phân biệt. Ví như khi người sợ, ma quỷ mới được dịp. Cũng thế, vì đệ tử sợ sanh tử, cho nên sắc, thanh, hương, vị, xúc được thừa dịp vậy. Đã lìa sợ sệt, tất cả năm dục chẳng thể làm gì. Sự kết tập chưa hết, thì hoa dính thân. Sự kết tập dứt hết, hoa chẳng dính vậy.”

Ngài Xá Lợi Phất nói : “Thiên nữ ở nhà này đã được bao lâu ?”

Đáp rằng “Tôi ở nhà này như sự giải thoát của Ngài.”

Ngài Xá Lợi Phất nói : “Ở đây lâu thế sao ?”

Thiên nữ đáp : “Sự giải thoát của Ngài cũng là lâu sao ?”

Xá Lợi Phất lặng thinh chẳng đáp.

Thiên nữ nói : “Bậc đại trí kỳ cựu như sao mà lặng im ?”

Đáp rằng : “Sự giải thoát không có lời để nói, cho nên đối trong ấy, tôi chẳng biết nói sao.”

Thiên nữ nói : “Lời nói, văn tự đều là tướng giải thoát. Vì sao như thế ? Giải thoát ấy là chẳng trong chẳng ngoài, chẳng ở hai bên. Văn tự cũng chẳng trong chẳng ngoài, chẳng ở hai bên. Thế nên, Ngài Xá Lợi Phất, chớ lia văn tự mà nói giải thoát. Vì sao như thế ? Tất cả các pháp chính là tướng giải thoát.”

Ngài Xá Lợi Phất nói : “Chẳng phải vì lia dâm, nộ, si là giải thoát sao ?”

Thiên nữ nói : “Phật vì người tăng thượng mạn, nói lia dâm nộ si là giải thoát. Nếu người không có tăng thượng mạn, Phật nói tánh dâm nộ si tức là giải thoát.”

Ngài Xá Lợi Phất nói : “Lành thay ! Lành thay ! Thiên nữ ! Cô đắc chỗ gì, chứng được pháp gì, biện luận đến như thế ?”

Thiên nữ nói : “Tôi không đắc, không chứng, nên biện luận như vậy. Vì sao như thế ? Có đắc, có chứng tức trong Phật Pháp là người tăng thượng mạn.”

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Thiên nữ : “Đối nơi Ba Thừa, chí cô cầu gì ?”

Thiên nữ đáp : “Cần pháp Thanh Văn giáo hóa chúng sanh nên tôi làm Thanh Văn. Cần pháp Nhân Duyên giáo hóa chúng sanh, nên tôi làm Bích Chi Phật. Cần pháp Đại Bi giáo hóa chúng sanh, nên tôi là Đại thừa. Ngài Xá Lợi Phất, như người vào rừng Chiêm Bạc, chỉ ngửi hương Chiêm Bạc, chẳng ngửi hương nào khác. Cũng thế, như vào nhà này, chỉ nghe hương công đức Phật, chẳng thích nghe hương công đức của Thanh Văn và Bích Chi Phật.”

Bấy giờ Đức Duy Ma Cật nói với Ngài Xá Lợi Phất : “Vị Thiên nữ này đã từng cúng dường chín mươi hai ức chư Phật, đã hay du hý Bồ tát thân thông. Chỗ nguyện đầy

đủ, đắc Vô Sanh Nhân, trụ bậc Chẳng Lui Sụt. Vì bốn nguyện nên tùy ý thị hiện, giáo hóa chúng sanh.”

Đây là Quán Thế Âm chăng ? Chẳng phải Quán Thế Âm chăng ?

Kinh : “Nếu có các Rồng muốn ra khỏi bậc Rồng, tôi hiện thân Rồng, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Loài Long Thần rất biết kính trọng Tam Bảo, nên kho tàng dưới biển ở Long cung chứa đầy Phật Pháp. Họ nghe Pháp mà được giải thoát cũng dễ dàng. Như trong kinh Pháp Hoa, Đức Bồ tát Văn Thù dạy Cô Long Nữ.

Khi ấy, Ông Xá Lợi Phất nói với Long Nữ rằng : “Cô nói là chóng đắc Đạo Vô Thượng, việc ấy khó tin. Vì sao như thế ? Thân nữ dơ bẩn, chẳng phải là pháp khí, làm sao có thể đắc Bồ Đề Vô Thượng ? Đạo Phật tốt với mệnh môn, qua vô lượng kiếp cần khổ bồi hạnh, tu đủ các ba la mật, rồi sau mới thành. Lại thân người nữ còn năm chướng ngại. Một là chẳng được làm Phạm Thiên Vương ; hai là Đế Thích ; ba là Ma Vương ; bốn là Chuyển Luân Thánh Vương ; năm là thân Phật. Làm sao thân nữ chóng đắc thành Phật ?”

Lúc ấy, Long Nữ có một ngọc báu giá trị ba ngàn đại thiên thế giới, cầm dâng lên Phật. Phật liền nhận ngọc.

Long Nữ nói với Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất rằng : “Tôi dâng ngọc báu, Thế Tôn thu nhận, việc ấy nhanh chẳng ?”

Đáp rằng : “Rất nhanh.”

Long Nữ nói : “Dùng thần lực, Ngài xem tôi thành Phật còn nhanh hơn thế.”

Chúng hội đương thời đều thấy Long Nữ trong khoảng khắc hốt nhiên biến thành ra trai, đủ hạnh Bồ tát, liền qua thế giới Vô Cấu Nam Phương ngồi tòa sen báu, thành Đẳng Chánh Giác, ba mươi hai tướng, tám chục thứ tốt, khắp vì mười phương tất cả chúng sanh diễn thuyết diệu pháp.

Khi ấy, nơi thế giới Ta Bà, Bồ Tát, Thanh Văn, Trời, Rồng, tám bộ, người cùng Quỷ Thần đều xa thấy Long Nữ ấy thành Phật.

Đó là chỗ thuyết pháp thành tựu của Đức Văn Thù.

Biết đâu chỗ thành tựu của Đức Quan Âm chẳng lại như thế ư ?

Kinh : “Nếu có Được Xoa muốn thoát loài mình, tôi ở trước người ấy, hiện thân Được Xoa, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Được Xoa gọi là nhanh nhẹ, cũng gọi là dò xét, tức là để giữ thành trì cửa Trời vậy.

Thầy Thích Thanh Hư tụng Kim Cang Bát Nhã, ba nghiệp đều chuyên nhất, thường trì tụng nơi núi rừng, có diêm lành bảy con nai thuần lành thuận theo. Khi thầy nhập hạ tại Thiếu Lâm, trên đỉnh núi có một cái thất thờ Phật, không ai dám đến, cho là nhà của quỷ thần.

Từng có một thầy Luật sư ỷ vào giới hạnh, đêm nọ đến tụng luật thì thấy một người cao lớn cầm giáo đâm mình, lê lét khốn khổ xuống núi, đi không nổi, mất hết khí lực.

Lại còn có nhà sư trì chú Hỏa Đầu Kim Cang, ai cũng tôn trọng. Đại chúng nói với thầy rằng : “Chú lực của thầy vô song, có thể ở nơi đó được chăng ?”

Đáp rằng : “Đây há sợ ư ?”



Liên cầm hương đèn và ngồi trì chú. Chốc lát, vị thần xuất hiện, lấy tay nắm cằm lôi đi, ném xuống khe nước. Suốt bảy ngày chẳng nói được, tinh thần hôn mê đảo lộn.

Thầy Thanh Hư nghe được, nói rằng : “Hạ thú, quỷ vật dám thế ư ?”

Liên sang đó tụng kinh như thường. Đêm nghe trên không dường như có tiếng rất hung ác, liền niệm chú Quan Âm Thất Nhất Diện. Lại nghe trong điện như có tiếng hai con trâu đánh nhau, tượng Phật đều rung rinh. Chú cũng đã mất hiệu nghiệm. Trở lại trì tụng kinh Kim Cang, tượng tự như một cái gút vững chắc, thì ảnh hưởng đều dứt.

Từ đó, người ở không còn lo sợ. Há cũng là nghe tứ cú kệ mà chóng được giải thoát đó ư ?

Có nhà sư hỏi Tổ Đạo Ngô Chơn : “Thế nào là thể Chân Như ?”

Đáp : “Dạ Xoa quỳ gối, con người đen thui.”

Hỏi : “Thế nào là dụng Chân Như ?”

Đáp : “Gậy Kim Cang đập bể núi Thiết Vi.”

Tức đây là chỗ dẫn ra “Thần Kim Cang, quỷ Dạ Xoa”, cũng đủ phát minh việc hưởng thượng. Há đâu chẳng phải Chân Như sao ?

Kinh : “Nếu có Càn Thát Bà muốn thoát loài mình, tôi ở trước người ấy, hiện thân Càn Thát Bà, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.”

*Thông rằng* : Càn Thát Bà gọi là Tầm Hương, là Thần Nhạc của Đế Thích.

Nhân dịp Vua Càn Thát Bà hiến nhạc cho Đức Thế Tôn, khi ấy núi sông đất đai, hết thảy đều khởi tiếng đàn.

Ngài Ca Diếp đứng lên nhảy múa.

Vua hỏi : “Ca Diếp há chẳng phải là A La Hán, các lậu đã hết, sao còn sót tập khí cũ ?”

Phật rằng : “Thật không còn tập khí cũ, chớ phỉ báng pháp.”

Vua lại gảy đàn ba phen thì Ngài Ca Diếp cũng ba phen nhảy múa.

Vua nói : “Không phải Ca Diếp nhảy múa sao ?”

Phật rằng : “Thật chẳng từng nhảy múa.”

Vua nói : “Thế Tôn sao có vọng ngữ ?”

Phật rằng : “Chẳng có vọng ngữ. Ông đánh đàn, núi sông đất đai gỗ đá hết thấy đều nổi tiếng đàn, chẳng phải sao ?”

Vua nói : “Thật vậy.”

Phật rằng : “Ông Ca Diếp cũng lại như thế. Vì thế thật chẳng từng nhảy múa.”

Vua bèn tin nhận.

Cổ đức tụng rằng :

*“Nhè nhẹ gảy lên một tiếng đàn  
Vang tiếng Tam Thiên với Đại Thiên  
May có Âm Quang hay ý ấy  
Mới dùng tay (áo) lựa rước khói xuân.”*

Tổ Huyền Sa hỏi nhà sư : “Thành Càn Thát Bà, ông hiểu thế nào ?”

Đáp : “Như mộng như huyễn.”

Tổ Pháp Nhãn riêng gõ vật chỉ bày đó.

Hai tấc công án này thịnh hành. Thật là thân Càn Thát Bà còn ở đây nói pháp.

Kinh : “Nếu có A Tu La muốn thoát loài mình, tôi ở trước vị ấy, hiện thân A Tu La, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : A Tu La gọi là Phi Thiên,<sup>(1)</sup> lại gọi là Vô Tửu,<sup>(2)</sup> vì sên mà chẳng do uống rượu. Lại gọi là Không Đoan Chánh, vì nữ đẹp mà nam xấu vậy.

Tổ Lâm Tế nói : “Ông nói Phật có sáu thân thông chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chư thiên, thần tiên, a tu la, đại lực quỷ cũng có thân thông, có phải là Phật chẳng ? Kẻ học đạo chớ lầm ! Như A Tu La cùng Trời Đế Thích đánh nhau, thua trận, dẫn tám vạn bốn ngàn quyến thuộc chun trốn trong lỗ cọng sen, không là thánh ư ?

“Như chỗ nêu ra của sơn tăng, đó đều là nghiệp thông, y thông.<sup>(3)</sup> Phạm như lục thông của Phật, thì vào sắc giới chẳng bị sắc lầm gạt, vào thanh giới chẳng bị tiếng lầm gạt, vào hương giới chẳng bị hương lầm gạt, vào vị giới chẳng bị mùi lầm gạt, vào xúc giới chẳng bị xúc lầm gạt, vào pháp giới chẳng bị pháp lầm gạt. Vì lẽ thông đạt sáu thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều là Không tướng, làm sao trói buộc. Đạo nhân *không-chỗ-nương* này tuy là xác phạm năm ấm, chính là bậc địa hành thần thông.”

Khiến cho A Tu La nghe được pháp này mà đem hồi hướng lục thông, chẳng có tự ý vào cái thần thông nương dựa vậy. Thì sao có sự không thể giải thoát ư ?

<sup>1)</sup> Chẳng phải trời.

<sup>2)</sup> Không rượu.

<sup>3)</sup> Nghiệp thông, y thông : thần thông từ nghiệp, thần thông có nương dựa.

Kinh : *Thêm vào rằng* : “Nếu có Ca Lôu Na muốn thoát loài mình, tôi ở trước vị ấy, hiện thân Ca Lôu Na, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Theo bản dịch kinh Pháp Hoa, Bích Chi Phật tuy gồm hai ý Độc Giác, Duyên Giác mà thật chỉ là một Bích Chi vậy. Kinh này đối với Độc Giác, Duyên Giác chia làm hai, mới thiếu một loài Ca Lôu Na, đối với phẩm Phổ Môn chẳng phù hợp, nay bổ khuyết thêm. Ca Lôu Na gọi là Kim Xí Diệu, cánh màu vàng, dương ra dài ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, xem rỗng biển nào mạng sắp hết thì dùng cánh quạt tách nước biển, bắt lấy mà ăn.

Thuở Ông Xá Lợi Phất sáng lập vườn Cấp Cô Độc, cùng với Lao Độ Sai tranh thắng. Thầy Sai hóa rồng dữ muốn hại Ông Phất. Ông Phất hóa ra chim Diệu Xí chụp xé mà ăn.

Về sau có nhà sư hỏi Tổ Hưng Dương Phẫu rằng : “Ta Kiệt<sup>(1)</sup> xuất biển, càn khôn sạch. Đối mặt trình nhau sự thế nào ?”

Tổ Phẫu nói : “Diệu Xí Diệu Vương trùm vũ trụ. Trong kia ai kẻ ló đầu ra ?”

Nhà sư hỏi : “Bỗng gặp lúc ló đầu, lại làm thế nào ?”

Tổ Phẫu nói : “Như (chim) cất, bắt (chim) cưu, ông chẳng rõ. Trước lầu ngự nghiệm mới hay Chân.”

Nhà sư nói : “Như thế ắt khoanh tay ngạy ngược, lui thân ba bước !”

Tổ Phẫu nói : “Dưới núi Tu Di con rùa đen ngu ngốc. Chẳng đợi dạy lại chuyện *Điểm dấu trên trán*.”

---

<sup>1)</sup> Vua Rồng.

Tổ Thiên Đồng tụng rằng :

*“Chiếu chỉ xuống, hiệu lệnh phân  
 Trong cõi : thiên tử ; ngoài ải : tướng quân  
 Chẳng chờ sấm chớp nổ sâu  
 Ai hay gió tạt mây đi  
 Cơ quan ấy liên miên, hề, tị có kim vàng chỉ ngọc  
 Trước mặt ấn rộng không, hề, nguyên không  
 dấu dấu vết trùng.”*

Đây là dùng Kim Xí Điều phát minh việc hưởng thượng, thì không đối thủ, nên Kim Xí Điều hẳn là thuyết pháp đệ nhất.

Kinh : “Nếu có Khẩn Na La muốn thoát loài mình, tôi ở trước vị ấy, hiện thân Khẩn Na La, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Khẩn Na La gọi là Nghi Nhân, vì thân người mà có sừng, thấy đó dâm nghi. Đây là Thần Pháp Nhạc của Thiên Đế. Càn Thát Bà tấu nhạc thế gian. Khẩn Na La thì tấu nhạc xuất thế gian. Tấu pháp Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, sáu Ba La Mật thì nhạc phàm tục không thể sánh.

Hiện đời này, thân Già Lam chùa Thiếu Lâm từng hiện thần lực, hai chân nhảy vượt hai hòn núi Thái Thất và Thiếu Thất, cầm gậy đuổi giặc. Giặc sợ, vỡ tan chẳng dám vào chùa. Sư trong chùa vì lẽ ấy nên phần nhiều học quyền bồng. Mỗi khi điều động dẹp giặc, chỉ tụng danh hiệu Khẩn Na La Vương Bồ tát, do đó không khiếp sợ, thường thường thắng địch. Hoặc nói rằng “Tức là Quan Âm Bồ tát hóa thân vậy”.

Thầy Phong Huyệt làm người coi vườn ở Tổ Nam Viện. Một hôm, Tổ Nam Viện đến vườn, hỏi rằng : “Một gậy phương Nam làm sao thương lượng ?”

Thầy Huyệt rằng : “Thương lượng kỳ đặc !”

Chập lâu, Thầy Huyệt lại hỏi : “Nơi đây Hòa thượng làm sao thương lượng ?”

Tổ Nam Viện dơ gậy lên, nói :

*“Dưới gậy : Vô Sanh Nhẫn  
Đang cơ : chẳng thấy Thầy.”*

Thầy Huyệt ngay ấy hoát nhiên đại ngộ.

Pháp bóng của Tổ Lâm Tế ít có truyền lại, mà pháp bóng của Khẩn Na La cho đến nay thương lượng cũng chưa rồi. Có khác ư ? Không khác ư ?

Kinh : “Nếu có Ma Hô La Già muốn thoát loài mình, tôi ở trước họ, hiện thân Ma Hô La Già, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Ma Hô La Già gọi là Đại Mãng,<sup>(1)</sup> bò đi bằng bụng, cũng gọi là Rồng Đất gìn giữ già lam vậy.

Tổ Thứ Mười Ba là Tôn giả Ca Tỳ Ma La, đi trong núi chừng vài dặm đường, gặp một con trăn lớn. Tổ đi thẳng chẳng để ý đến, trăn mới quấn quanh thân Tổ. Tổ nhân đó truyền cho pháp tam quy y. Trăn nghe xong mà lui đi.

Tổ đến hang đá, một ông già mặc áo trắng bước ra, chấp tay chào hỏi.

Tổ hỏi : “Ông ở chốn nào ?”

---

<sup>1)</sup> Trăn lớn.

Đáp rằng : “Xưa tôi từng làm Tỳ kheo, rất thích sự lặng yên. Có nhiều kẻ mới tu đến học đạo, tôi bực chuyện ứng đáp, khởi tưởng sân hận. Mạng hết, dọa làm thân trần, ở trong hang này đã ngàn năm nay. Vừa rồi gặp được Tôn giả, được nghe giới pháp, nên cảm tạ vậy.”

Tổ hỏi rằng : “Núi này còn có ai ở không ?”

Đáp : “Cách đây mười dặm, có cây lớn che năm trăm con rồng lớn, Thọ Vương ấy tên Long Thọ, thường vì chúng rồng nói pháp. Tôi cũng được nghe.”

Tổ bèn đến đó.

Long Thọ bước ra đón, nói : “Núi sâu cô tịch, rồng rắn ở đây, Đại đức Chí Tôn, việc gì phải đến đây ?”

Tổ nói : “Tôi chẳng phải bậc Chí Tôn, đến thăm Hiền giả đó.”

Long Thọ nghĩ thầm rằng : “Thầy này đắc đạo nhãn quyết định tánh minh chăng ? Là đại thánh kế tục chân thừa chăng ?”

Tổ nói : “Tuy ông nói trong lòng, tôi đã biết ý. Chỉ việc xuất gia, lo gì tôi chẳng thánh ?”

Ông Long Thọ nghe xong, ăn năn tạ lỗi. Tổ liền độ thoát cho. Đến năm trăm chúng Rồng, đều thọ giới cụ túc.

Bài kệ truyền pháp rằng :

*“Pháp chẳng ẩn chẳng hiển  
Nói đầy Chân Thật Tế  
Ngộ pháp ẩn hiển này  
Chẳng ngu cũng chẳng trí.”*

Chỉ cái chẳng ngu chẳng trí này thì rồng rắn cũng đều có thể độ thoát vậy.

Kinh : “Nếu có chúng sanh thích loài người, tu làm người, tôi hiện thân người, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Ở trước, nào là vua chúa, tể quan, trưởng giả, cư sĩ, trọn bốn chúng, chẳng phải là người ư ? Sao còn có kẻ muốn tu làm loài người ? Ấy là chỉ hạng sĩ, nông, công, thương, là nói những người không để ý đến Tam thừa. Họ vẫn sẵn đủ Phật Tánh, suốt ngày từng thuyết pháp mà chẳng tự hay biết vậy.

Thiền sư Bàn Sơn Tích nhân đi dạo chơi phố chợ, thấy một người khách mua thịt heo nói với người hàng thịt rằng : “Thứ ngon, cắt cho một cân.”

Người hàng thịt ném dao xuống, khoanh tay nói : “Thưa Ngài, có cái nào chẳng phải thứ ngon đâu ?”

Sư nơi đây có chỗ tỉnh ngộ.

Lại ngày nọ ra cửa, thấy người ta xúm khiêng đám táng, phường ca đánh chuông ca rằng : “Vàng hồng quyết định về Tây lặn. Chưa rõ hồn linh đến chốn nao ?” Dưới trống, đám con hiếu khóc lên ai oán.

Sư bỗng nhiên thân tâm bay bổng, về nói lại với Đức Mã Tổ. Tổ ấn khả cho.

Hòa thượng Bửu Thọ ban đầu ở Tổ Bửu Thọ làm chủ cúng dường.

Tổ Thọ hỏi : “Trước khi cha mẹ sanh ra, đưa đây cái bốn lai diện mục ta xem !”

Sư đứng đến khuya, đáp lời chẳng khế hợp, sáng ngày từ giã ra đi.

Tổ Thọ hỏi : “Ông đi đâu ?”



Sư đáp : “Hôm qua, nhờ Hòa thượng hỏi, con chẳng hiểu được, nên sang phương Nam tham học thiện tri thức.”

Tổ Thọ nói : “Phương Nam cấm Hạ chẳng cấm Đông, ta ở đây cấm Đông chẳng cấm Hạ. Ông hãy kiết hạ ngay chốn phố phường. Thật là Phật Pháp thì trong chỗ đô hội, bụi trần đầy đầy thường thuyết chánh pháp !”

Sư chẳng dám bỏ đi.

Một hôm, giữa ngã tư thấy hai người đang cãi nhau. Một người hoa nắm tay, nói : “Mày thật là đồ không mặt mũi !”

Sư ngay đó đại ngộ. Chạy về ra mắt Tổ Bửu Thọ, chưa kịp mở lời, Tổ đã nói : “Ông hiểu rồi, khỏi cần nói !”

Sư bèn lễ bái.

Hai tắc này, chỉ hiện thân người, bèn hay thuyết pháp, há phải Đại Sĩ hiện ra rồi sau mới có thành tựu ư ?

Kinh : “Nếu có các Phi Nhân, vô hình hoặc hữu hình, hữu tướng hoặc vô tướng, muốn thoát loài mình, tôi ở trước kẻ ấy, đều hiện thân họ, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

*Thông rằng* : Trời, Rồng nói là *xuất* (ra). Trời hay chán sự vui, Rồng hay sợ khổ, vì tự có con đường xuất thân, rất dễ độ vậy. Loài Càn Thát Bà, nói là *thoát* (khỏi), vì nghiệp báo ràng buộc, rất khó giải thoát. Phi Nhân, Dược Xoa nói là *độ* (qua) vì đã chìm trong sự khổ sở tối tăm, như đắm trong biển lớn, ắt cần bè cứu vớt, đều gọi là độ thoát, nhưng trong ấy khó dễ chẳng đồng như thế. Loài vô hình, vô tướng là loài thần quý, tinh linh vậy. Loài hữu hình vô tướng là đất, cây, kim, đá vậy.

Kinh Du Già Diệm Khẩu, Tiêu Diện Quỷ Vương tức là Đức Quan Âm Đại Sĩ hóa hiện ra vậy.

Ở Trung Nhạc, có Hòa thượng Phá Táo Đọa lời lẽ việc làm không thể lường được. Trùng núi có cái miếu rất linh, trong điện chỉ để một cái bếp, xa gần cúng kiến chẳng ngớt.

Sư một ngày kia dẫn thầy đạo hầu đi vào miếu, lấy gậy gõ bếp ba cái, nói : "Ồi chà ! Cái này chỉ là đất sét nhồi thành, Thánh từ đâu đến, linh từ đâu ra mà nấu nướng sinh mệnh thế !"

Lại đánh ba cái. Bếp bèn bể ra rớt xuống.

Chốc lát, có một người áo xanh mũ cao hiện ra, làm lễ trước mặt sư.

Sư nói : "Người nào đây ?"

Đáp : "Tôi vốn là thần bếp miếu này, đã lâu chịu nghiệp báo. Ngày nay nhờ thầy nói pháp vô sanh, được thoát khỏi chốn này, sanh ở cõi trời, riêng đến tạ ơn."

Sư nói : "Đó là cái tánh vốn có của ông, chẳng phải ta gượng nói."

Vị thần lại làm lễ rồi biến mất.

Chút sau, thầy đạo hầu hỏi rằng : "Chúng con hầu Hòa thượng đã lâu, mà chẳng được bày dạy, thần bếp được yếu chỉ vấn tắt nào mà liền được sanh cõi trời ?"

Sư đáp : "Ta chỉ hướng về người ấy nói "Đó là đất sét hòa thành". Không có đạo lý gì riêng cho ông ta."

Thầy đạo hầu không có lời nào để nói.

Sư hỏi : "Hiểu chẳng ?"

Đạo hầu nói : "Chẳng hiểu."

Sư nói : "Cái tánh sẵn có, vì sao chẳng hiểu ?"

Thầy đạo hầu liền bèn lễ bái.

Sư nói : "Rớt rồi ! Rớt rồi ! Bể rồi ! Bể rồi !"

Về sau, Thiên sư Nghĩa Phong kể lại với An Quốc sư. Tổ An than rằng : “Vị ấy hiểu trọn vật-ngã nhất như, khá nói như trăng sáng giữa không, không đâu chẳng thấy. Thật khó có ra cái ngữ mạch của người ấy.”

Sư Phong hỏi : “Chưa rõ người nào có được ngữ mạch ấy ?”

Tổ An nói : “Người chẳng biết thì gọi là Phá Táo Đọa !”

Không biết là ai, há cũng chẳng phải là sự hóa hiện của Đức Quan Âm ư ?

**Kinh : “Đó gọi là ba mươi hai Ứng Thân Diệu Tịnh, vào các cõi nước. Đều là Diệu Lực Vô Tác của Văn Huân Văn Tu Tam Muội mà tự tại thành tựu.**

*Thông rằng* : Hiệp Luận nói, chỗ nói cái “*Diệu Lực Vô Tác tự tại thành tựu*”, là chỗ trong kinh Tạp Hoa xưng là “*Phổ Hiền Đối Hiện Sắc Thân*”, kinh Pháp Hoa xưng là “*Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội*” vậy. Bởi vì âm thầm xông khắp pháp giới, là cái căn lực từ thiện, chân tế bất động, ứng hiện khắp mười phương. Lấy cái Từ Bi của thánh hạnh ứng với cơ Không, thì giữ lấy hình thể bất tịnh, hình trạng dường như dễ sợ. Lấy cái Từ Bi của thiên hạnh ứng với cơ Trung, thì như ngựa hay thấy bóng roi, chạy đường thẳng lớn, không gì ngại sợ. Lấy cái Từ Bi của phạm hạnh ứng với cơ Giả, thì ngồi tòa sư tử, để chân ghé bấu, như người buôn bán giỏi, qua khắp các nước, vào ra đều lời lãi, không đâu chẳng có. Đó là ba thứ cơ Không, Giả và Trung, nói ra khiến cho chúng sanh thấy sự việc như thế, đây là Sắc Thân Tam Muội của kinh Pháp Hoa vậy.

Thần dụng Như Lai khắp mười phương, tùy căn mà đối hiện. Dùng nguyện lực đại từ bi chẳng bỏ chúng sanh,

nên trong một niệm là toàn khắp mà không có gây làm. Như địa vị Diệu Giác, chỗ lợi lạc cho chúng sanh thấy đồng pháp giới, tùy căn tùy thời, Đối Hiện Sắc Thân, chẳng làm mà dụng, chẳng gây mà ứng. Dùng Trí sáng rõ khắp nơi, chẳng thuộc nơi chốn, đồng tâm chúng sanh, tùy vật hiện hình, không đến không đi, đây là Đối Hiện Sắc Thân của kinh Tạng Hoa vậy. Đây là tùy duyên mà thị hiện, đều tức là Như Huyền, nên dùng Như Huyền Tam Muội, Văn Huân Văn Tu tự tại thành tựu.

Tổ Lâm Tế nói : “Chỗ nói của sơn tăng, chỉ là cái nghe pháp độc sáng rõ ràng hiện giờ trước mắt quý vị. Người này chốn chốn chẳng ngưng trệ, tự tại thông suốt mười phương ba cõi. Vào tất cả cảnh sai biệt mà chẳng hề thay đổi, trong khoảng sát na thấu nhập pháp giới, gặp Phật nói Phật, gặp Tổ nói Tổ, gặp La Hán nói La Hán, gặp ngạ quỷ nói ngạ quỷ. Đạo chơi tất cả quốc độ mà giáo hóa chúng sanh, chưa từng lìa Nhất Niệm, tùy chốn mà trong sạch, ánh sáng thấu suốt mười phương, muôn pháp Nhất Như. Nay quý vị ! Hàng đại trượng phu ngày nay mới biết bốn lai vô sự. Chỉ vì các ông tin chẳng đến, niệm niệm chạy cầu, bỏ đầu mà kiếm đầu, tự mình chẳng thể dứt !”

Chỗ thuyết pháp của Tổ Lâm Tế được cái chánh pháp nhân của Đức Quan Âm. Nếu tin được rằng xưa nay vô sự thì ba mươi hai Ứng Thân từ Diệu Lực Vô Tác liền được hiện tiền.

## II. BỐN CÔNG ĐỨC VÔ ÚY

Kinh : “Bạch Thế Tôn, tôi lại dùng Diệu Lực Vô Tác của Kim Cang Tam Muội Văn Huân Văn Tu này, cùng tất cả lực đạo chúng sanh mười phương ba đời đồng

**một bi ngưỡng, nên khiến các chúng sanh, nơi thân tâm tôi, được mười bốn thứ công đức Vô Úy.**

*Thông rằng* : Từ là nói về Lực, Lực đủ ứng khắp, nên gọi là Đại Từ. Bi là nói sự Ngưỡng, đáp ứng với ngưỡng vọng, nên gọi là Đại Bi. Chúng sanh sợ là sợ sanh tử vậy. Dùng cái Diệu Lực Vô Tác chẳng sanh chẳng diệt mà cứu vớt cho, để đến bờ bên kia, công đức ấy nói sao cho cùng !

Kinh Duy Ma Cật, “Đức Văn Thù Sư Lợi hỏi : Sanh tử đáng sợ, Bồ tát phải nương chỗ nào ?

“Đức Duy Ma Cật nói : Bồ tát trong chỗ sợ sanh tử, phải y vào lực công đức của Như Lai.

“Đức Văn Thù Sư Lợi lại hỏi : Bồ tát muốn y vào lực công đức Như Lai, nên trụ vào đâu ?

“Đáp rằng : Bồ tát muốn nương vào lực công đức của Như Lai, phải trụ vào việc độ thoát tất cả chúng sanh.”

Lại có cô cư sĩ Hưu Xá tự nói đắc An Ổn Tràng của Bồ tát : “Vì chúng sanh chưa lìa sanh tử, nên Bồ tát chẳng tự mình giữ lấy an ổn. Nếu hay vào sanh tử giáo hóa chúng sanh, thấu đạt sanh tử cho đến chúng sanh mà vẫn thường giáo hóa, thấy đều là hạnh Niết Bàn. Không khởi ra, không chìm mất, mới gọi là *Tràng an ổn, lìa lo*.”

Nên Văn Huân Văn Tu, dùng đó tự độ, cũng dùng đó độ tha, chính là sự an ổn.

Kinh : “Một là, do tôi không tự quán cái âm thanh, mà quán cái tánh quán, nên khiến cho chúng sanh khổ não mười phương kia quán âm thanh ấy liền được giải thoát.

*Thông rằng* : Cái tâm bức bách đau khổ của chúng sanh, tức là tâm của Bồ tát. Cái âm thanh mà chúng sanh xưng

hồ danh hiệu tức là cái âm thanh của Quan Âm vậy. Nếu quán âm thanh ấy thì chưa lìa thanh trần, bèn tựa như có khổ não. Nếu quán cái tánh quán, chỗ mà các khổ chẳng đến, liền đây giải thoát. Đây là cái Cơ Phản Văn Đệ Nhất vậy.

Có nhà sư hỏi Tương Châu Lịch Thôn Hòa thượng :  
 “Như sao là Quán Âm Thanh ấy mà liền giải thoát ?”

Tổ Thôn lấy đũa-gắp-than gõ cây củi, nói : “Ông nghe chẳng ?”

Đáp : “Nghe.”

Tổ Thôn nói : “Nào chẳng giải thoát ?”

Thật là khéo nói chỉ thú vi diệu mâu sâu của Lăng Nghiêm vậy thay !

Kinh : “Hai là, cái thấy-biết đã xoay lại, khiến các chúng sanh dầu vào lửa lớn, lửa chẳng thể đốt.

*Thông rằng* : Cái thấy-biết thuộc hỏa. Thấy-biết quay về sự trong lặng, tánh trong lặng tròn đầy, nên lửa chẳng đến được.

Thầy Linh Nhuận từng cùng bạn đạo lên núi đạo cảnh. Lửa ma trời bốn phía hợp lại. Chúng bạn đều chạy tán. Thầy Nhuận một mình yên bước trèo lên, kêu bạn đạo rằng : “Ngoài tâm không có lửa, lửa thiệt tự tâm. Cho là có lửa để tránh, làm sao khỏi lửa ?”

Lửa đến Thầy Nhuận thì lập tức tắt mất.

Kinh : “Ba là, quán cái nghe được xoay trở lại, khiến các chúng sanh bị nước lớn cuốn trôi, nước chẳng thể chìm.

*Thông rằng* : Nghe tiếng thuộc về thủy. Nhà y học cũng cho lỗ tai thuộc thận. Cái nghe xoay trở lại thì nước trở về nguồn, nên nước chẳng thể chìm.

Ông Cần Na Bạt Đà La, nghĩa là Công Đức Hiền, người Trung Thiên Trúc. Năm Thứ Mười Hai hiệu Nguyên Hy đến xứ Kiến Nghiệp, được Nam Tiều Vương Nghĩa Tuyên kính trọng. Vương có mưu nghịch, ông can gián đến chảy nước mắt mà chẳng nghe. Bị bại ở Lương Sơn, rút xuống dòng sông, ông một lòng niệm Quán Thế Âm Bồ tát, tay nắm được cành trúc. Nhìn thấy Đồng tử kéo lấy áo, nói : “Đứa con nít này hay vậy ư ?” Lên đến bờ, muốn cởi áo khoác tặng cho, nhưng Đồng tử bỗng biến mất tại chỗ.

Có nhà sư hỏi Tổ Bửu Phước : “Như sao là vào lửa chẳng cháy, vào nước chẳng chìm ?”

Tổ Phước nói : “Nếu là nước lửa, liền bị cháy, chìm.”

Đây thật là được cái mâu nhiệm của việc xoay trở lại, nên lời nói chặt gọn như vậy.

**Kinh : “Bốn là, diệt hết vọng tưởng, tâm không sát hại, khiến các chúng sanh vào các nước quý, quý không thể hại.**

*Thông rằng* : Yêu tinh, quỷ quái chẳng có thể gặp. Từ xưa, chỗ gọi là quỷ phương cũng là nhiều, nhưng chỉ có nước quỷ La Sát ở biển là hại hơn hết. Người đi biển bị hắc phong trôi dạt đến xứ ấy, thì có nam nữ xinh đẹp đem thức ăn uống đến ủy lạo, khiến cho người vui mà quên trở về. Thuyền sau tới thì bắt người trong thuyền trước ăn thịt hết. Ngày đầu tháng, ngày giữa tháng thì có Mã Vương đến độ thoát đoàn chúng ấy. Nương theo ngựa mà thoát, hoặc ở đầu hoặc ở đuôi, chỉ cần nhất tâm chẳng nhớ đến sự vui kia, thì về nước cũ. Hễ còn chút ít vương niệm thì rút xuống biển.

Thầy Chân Tây Sơn làm lời bạt kinh Diệu Pháp Liên Hoa rằng : “Tôi thuở nhỏ đọc phẩm Phổ Môn, tuy chưa rõ

sâu ý nghĩa, nhưng dùng ý cho rằng : Đây là ngụ ngôn của nhà Phật.”

Xưa, Ông Lý Văn Công, đời Đường, hỏi Thiền sư Dược Sơn rằng : “Thế nào là *Gió dữ thổi ghe trôi lạc vào nước quý ?*”

Sư nói : “Thằng nhỏ Lý Cao, hỏi chuyện ấy làm gì.”

Văn Công bỗng chợt phát sân lên mặt.

Sư cười nói : “Phát tâm sân nộ thế, đó là *Gió dữ thổi ghe trôi vào nước Quý* vậy !”

Ôi chao, Tổ Dược Sơn đáng gọi là khéo khai mở cho người vậy. Từ đó suy ra thì biết lợi đục bưng bưng đó là hầm lửa. Tham ái chìm đắm, đó là biển khổ. Một niệm trong sạch, lửa mạnh thành ao mát. Một niệm tỉnh thức, thuyền đến bờ kia. Tai nạn buộc ràng, tùy chỗ mà an. Ta không kinh sợ, gông cùm tự mở. Kẻ dữ xâm lấn, đối đãi ngang ngược, ta không giận ghét, như thú tự bỏ chạy. Người đọc kinh này, hành Quán như thế, ắt biết Đức Đại Sĩ tại núi Phổ Đà chân thật vì người. Chẳng phải lời nói suông.

Căn cứ theo Truyền Đăng Lục thì có câu “Này cái lão Vu Khoảnh, hỏi điều đó làm gì?”, thuộc về lời nói của Thiền sư Tử Ngọc. Câu truyện không giống hẳn, chỉ cốt hiểu được cái ý.

Kinh : “Năm là, nơi cái nghe huân tu thành tựu trong tánh nghe, sáu căn tiêu về bản tánh, đồng như cái tiếng, cái nghe, hay khiến chúng sanh đang khi bị hại, dao gậy từng khúc, khiến cho binh khí, dường như chém nước, như thổi ánh sáng, tánh không chao động.

Thông rằng : Tánh Nghe Viên Thông,<sup>(1)</sup> nào có hình trạng. Huân tu nơi cái nghe, thành tròn vẹn nơi tánh nghe,

---

<sup>1)</sup> Vẹn suốt.



ắt sáu căn tiêu về bản tánh, hóa thành tánh nghe. Ngoại vật được chạm xúc, đều đồng như cái nghe, cái tiếng. Dầu cho binh khí cũng như chặt nước, thổi ánh sáng vậy. Tánh nghe bất động, bền không kinh sợ. Đã không kinh sợ, ắt cái người *chẳng-thể-hoại* ở tại ta, mà dao kiếm gậy từng khúc vậy.

Vua nước Kế Tân, mang gương đến chỗ Tôn giả Sư Tử, hỏi rằng : “Thầy đắc uẩn-không chẳng ?”

Tổ nói : “Đã đắc uẩn-không.”

Vua hỏi : “Lìa sanh tử chẳng ?”

Tổ đáp : “Đã lìa sanh tử.”

Vua nói : “Đã lìa sanh tử, có thể cho tôi cái đầu !”

Tổ đáp : “Thân chẳng phải tôi có, nào tiếc gì cái đầu.”

Vua liền hươi gương chặt đứt đầu Tôn giả, sữa trắng vọt cao mấy thước. Cánh tay phải của vua liền rớt xuống đất, bảy ngày sau thì chết.

Pháp sư Triệu, khi lâm hình nói bài kệ :

*“Tứ đại nguyên chẳng có  
Ngũ uẩn hẳn đều không  
Đưa đầu cho gương sáng  
Đường giống chém gió xuân.”*

Đây có thể nói là Thuần Giác quên thân, tánh không chao động.

(Xét bộ Xuân Thu Thập Lục Quốc, sư Triệu đời Tấn niên hiệu Nghĩa Hy Thứ Mười, ở Trường An diệt độ trong diềm lành, không có việc bị hình).

Đời truyền rằng kinh Cao Vương Quan Âm, tụng đến gông cùm đều thoát sạch, rất là linh ứng, nhưng có người cho là ngụy kinh.

Kinh : “Sáu là, huân tu theo tánh nghe thuần sáng, sáng khắp pháp giới ắt các tối tăm chẳng có thể còn, khiến cho chúng sanh tuy có Được Xoa, La Sát, quỷ Cưu Bàn Trà, cho đến Tỳ Xá Già, Phú Đôn Na... ở gần bên cạnh cũng chẳng thể thấy.

*Thông rằng* : Quỷ thần lấy sự tối tăm thành tánh. Nhờ nơi tối tăm mà được dịp, còn ở nơi sáng suốt thì không thể hiện ra dấu vết, cho nên nói “*Chẳng thể còn*”. Hướng gì cái tối tăm kia là hữu hạn, mà ánh sáng ta thì vô biên. Ánh sáng thuần túy sáng rõ, chói rục nơi tối tăm, làm lòa con mắt, nên chẳng thể thấy.

Sư Ngộ Bốn nhậm giữ ở Động Sơn hai mươi năm. Thần Thổ Địa chẳng nhận thấy được.

Thần bạch Thầy Chủ sự : “Làm sao biết được mặt Hòa thượng một lần ?”

Thầy Chủ sự nói : “Hòa thượng đang dùng bữa tại trai đường, ông lật úp mâm cơm, Hòa thượng kêu lên, thì người sẽ thấy.”

Hôm sau, thần lật úp mâm cơm.

Sư kêu lên rằng : “Đáng tiếc vật thường trụ !”

Thần mới biết mặt sư một phen.

Ở chỗ Ngài Diêm Quan, có một Thầy Chủ sự, một hôm bỗng thấy một quỷ sứ đến tìm bắt.

Nhà sư ấy nói : “Tôi lãnh chức Chủ sự, chưa rảnh tu hành. Xin khát bả hôm, được chăng ?”

Quỷ sứ nói : “Đợi tâu với Diêm Vương, nếu chịu cho thì bả ngày sau sẽ đến, còn không thì chốc nữa sẽ lại.”

Nói xong biến mất. Bả ngày sau lại đến, tìm mãi nhà sư chẳng được !

Người đời sau nêu hỏi một vị tăng : “Như khi bị kiếm bắt, làm sao nghĩ định để hấn bỏ đi ?”

Tổ Động Sơn thay thế nói : “Bị hấn kiếm được rồi !”

Chỗ này cũng giống chuyện Tổ Nam Tuyên đến trang trại. Thần Thổ Địa báo trước cho trang chủ, ông này thiết trai cúng dường rất đầy đủ.

Thị giả hỏi : “Đã là đại thiện tri thức, vì sao lại bị quỷ thần rình thấy ?”

Tổ Tuyên nói : “Trước mặt Thổ Địa, lại thêm một phần cúng dường !”

Thật đáng cùng tham !

Kinh : “Bảy là, tiếng tăm tiêu trọn, thấy-nghe xoay lại nhập vào, lia các vọng trần, có thể khiến cho chúng sanh gông cùm, xiềng xích chẳng thể trói buộc.

*Thông rằng* : Có tiếng, có trần, chưa vào tánh nghe, bèn bị trần trói. Giờ tiếng tăm tiêu trọn, hai tướng động tịnh rõ ràng chẳng sanh. Cái thấy nghe xoay lại nhập vào, đến chỗ chẳng sanh diệt, liền lia các trần hư vọng, đó gọi là chân giải thoát vậy. Như đảm đương đại pháp, riêng cần sẵn đủ một con mắt lẻ !

Tổ Vân Môn đến trang trại Tổ Tuyết Phong, gặp một nhà sư bèn hỏi : “Thượng tọa hôm nay lên núi đó ư ?”

Nhà sư đáp : “Phải.”

Tổ Vân Môn nói : “Xin gửi một tấc nhân duyên, hỏi Hòa thượng trụ trì, chỉ chẳng được nói là lời của người khác.”

Nhà sư nói : “Được.”

Tổ Môn nói : “Thượng tọa lên tới núi, thấy Hòa thượng thượng đường, chúng vừa tụ tập, liền bước ra nắm đứng

lại nói rằng : Lão già này mang gông sắt trên cổ, sao chẳng cởi ra ?”

Nhà sư y theo lời của Tổ Môn.

Tổ Tuyết Phong thấy nhà sư nói thế, liền xuống tòa túm ngực nắm đứng, nói : “Nói mau, nói mau !”

Nhà sư không đáp được.

Tổ Phong buông ra, nói rằng : “Chẳng phải lời ông !”

Nhà sư đáp : “Chính lời của tôi.”

Tổ Phong nói : “Thị giả ! Đem gậy lại đây !”

Nhà sư rằng : “Chẳng phải lời của tôi, mà là của một vị Thượng tọa người Triết Giang ở xóm trên dạy tôi đến nói.”

Tổ Phong nói : “Đại chúng đến xóm trên rước vị thiện tri thức của năm trăm người đến !”

Cũng lại Tổ Vân Môn, đến Nga Hồ, nghe thượng đường rằng : “Chớ nói chưa rõ người ấy, vẫn hằng nổi nghệt đầy đất ! Giả sử rõ được đó, rành rành biết có chỗ đi, cũng là nổi nghệt đầy đất !”

Tổ Môn bèn hỏi Thầy Thủ tòa : “Vừa rồi ý Hòa thượng ra làm sao ?”

Thầy Thủ tòa đáp : “Nổi nghệt đầy đất !”

Tổ Môn nói : “Thầy Thủ tòa ở đây đã lâu, dầu bạc răng vàng mà nói lời thế ấy.”

Đáp rằng : “Thượng tọa lại như thế nào ?”

Tổ Môn nói : “Muốn nói bèn được, thấy bèn tiện thấy, nếu không thấy chớ nói loạn.”

Đáp rằng : “Chỉ như nổi nghệt đầy đất, lại là thế nào ?”

Tổ Môn nói : “Trên đầu mang gông, dưới chân mang cùm !”

Hỏi : “Thế thì chắc không có Phật Pháp vậy ?”

Tổ Môn nói : “Đó là cảnh giới Văn Thù, Phổ Hiền Bồ tát.”

Hai tắc này đáng để xem lẫn nhau.

Kinh : “Tám là, dứt cái tiếng, tròn vẹn cái nghe, khắp sanh sức Từ, có thể khiến cho chúng sanh đi qua đường hiểm, giặc không thể cướp.

*Thông rằng* : Cảm và ứng là một cơ, đây và kia là một Tâm vậy. Trong chẳng ứng, ngoài chẳng làm gì được. Nên tâm không có sự sát hại thì quỷ chẳng thể xâm phạm. Khắp sanh sức Từ, ắt giặc không thể cướp. Bởi vì, diệt cái tiếng thì trọn không có đối đãi. Tròn vẹn cái nghe tức đồng một thể, nên không thành thù địch để bị cướp vậy.

Thiền sư Đại Đồng ở Đầu Tử Sơn gặp ổ cướp làm loạn.

Có bọn cuồng cầm dao chĩa vào Tổ mà nói rằng : “Ổ dây làm gì ?”

Tổ bèn tùy nghi thuyết pháp, tên đầu đảng nghe xong bái phục, cởi áo dăng cho mà lui đi.

Am chủ Pháp Ngộ ở Tam Giác Sơn, nhằm thời ly loạn, có tên đầu đảng vào núi, hỏi : “Hòa thượng có của báu gì ?”

Tổ Ngộ nói : “Cái báu của nhà sư chẳng hợp với ông.”

Đầu đảng hỏi : “Là của báu gì ?”

Tổ Ngộ hét lên một tiếng.

Đầu đảng chẳng ngộ, cầm dao đâm tới.

Một đảng lãnh nhận, một đảng chẳng lãnh nhận, há chẳng phải định nghiệp ư ?

Tổ Nham Đầu thường nói với chúng rằng : “Lão già này khi đi, rống lớn một tiếng rồi đi.”

Ở Trung Nguyên giặc cướp nổi lên, đại chúng đều tìm nơi lánh trốn. Tổ Đầu đang hoàng ở yên. Một hôm giặc đến đông, trách rằng không dâng biểu, bèn lấy dao đâm. Tổ Đầu thân sắc tự nhiên, hét lớn một tiếng mà tịch. Tiếng hét nghe vang cả mười dặm.

Đây là định nghiệp nên chẳng tránh khỏi. Nhưng cái của báu của Tổ Tam Giác và Tổ Nham Đầu há bọn cướp có thể cướp được sao ?

Kinh : “Chín là, huân tu theo tánh nghe, lia các trần tướng, sắc không thể cướp níu, có thể khiến cho chúng sanh nhiều dâm lia xa tham dục.

*Thông rằng* : Huân tu theo tánh nghe ắt dục ái khô khan. Bởi do nước về căn nguồn, nên lửa chẳng thể đốt vậy. Tiếng trần đã tiêu tan, các trần khác đều thoát. Căn và cảnh chẳng cướp lẫn nhau, nên hình sắc chẳng mê hoặc được.

Cổ đức nói :

*“Lâu trông sâu căn lành  
Ở trần, trần chẳng xâm  
Nào giữ trần khỏi xâm  
Vốn bởi ta vô tâm.”*

Ngài Cứu Ma La Thập bỗng nghe trên vai có hai đứa con nít khóc.

Tổ Thập nói : “Đây là dục chướng vậy.”

Ngài nói với vua Tần ban cấp cho bốn người cung nữ, một lần giao hợp mà sanh hai con trai. Dục chướng liền dứt.

Đệ tử thấy vậy, chẳng gìn giữ giới luật.

Tổ Thập bèn túm nắm kim nhai nuốt mà nói : “Có thể như ta nuốt kim, mới có thể hành dục.”

Do đó, hết thầy chúng sợ hãi mà phụng trì giáo pháp.

Kinh : “Mười là, thuần âm không trần, căn cảnh viên dung, không năng sở đối, có thể khiến cho tất cả chúng sanh cảm giận lia lòng oán giận.

*Thông rằng* : Sân so với tham lại càng vi mật, rất khó nhổ khỏi. Nên lia trần thì có thể dứt tham, còn sân thì phải không có trần rồi sau mới dứt được vậy. Bên ngoài không có chỗ sở đối thì dễ, trong không có cái năng đối thì khó. Chẳng được căn cảnh viên dung, thuần lại càng thuần, khó nói lời này. Tuy nhiên, cũng có thể dùng sân giận mà làm Phật sự.

Như Thầy Từ Minh, ở Tổ Phần Dương hai năm, chưa được nhập thất, mỗi lần gặp là bị mắng nhiếc, hoặc chê bai các nơi khác, đến khi dạy bảo thì đều là chuyện phạm tục thô bỉ.

Một đêm nọ, thầy than rằng “Từ khi đến học pháp đã hai hạ, chẳng được chỉ bày, chỉ tăng thêm trần lao thế tục ; thậm nghĩ năm tháng trôi mau, việc mình chẳng rõ, mất đi sự lợi ích xuất gia.”

Lời chưa dứt, Tổ Dương quắc mắt, nói : “Ác tri thức ! Dám nói thêm nói bớt cho ta !”

Rồi nổi giận cầm gậy rượt.

Thầy Minh định kêu cứu. Tổ Dương bịt miệng, bèn đại ngộ, nói : “Mới biết đạo của Lâm Tế vượt khỏi thường tình.”

Từ đó, phục dịch bảy năm mới ra đi.

Sau, ở Từ Minh, Thầy Hoàng Long Nam thiết tha cầu khai thị.

Tổ Minh nói : “Ông học thiền Vân Môn ắt rành yếu chỉ. Như nói “Tha Động Sơn ba gậy”, là có hợp phần ăn gậy hay không hợp phần ăn gậy ?”

Thầy Nam đáp : “Có hợp phần ăn gậy.”

Tổ Minh nghiêm sắc mặt, nói : “Từ sáng đến chiều cắt réo quạ kêu lẽ ra đều phải ăn gậy !”

Tổ Minh lại hỏi : “Triệu Châu nói “Lão bà Đài Sơn, ta đã vì ông khám phá rồi vậy.” Thế đâu là chỗ Triệu Châu khám phá lão bà ?”

Thầy Nam toát mồ hôi chảng đáp được.

Ngày sau lại tới, Tổ Minh mắng nhiếc không dứt.

Thầy Nam nói : “Chửi mắng há là từ bi thí pháp ư ?”

Tổ Minh nói rằng : “Ông cho là chửi sao ?”

Thầy Nam ngay lời đại ngộ. Nhân trình kệ rằng :

*“Kiệt xuất tùng lâm thiệt Triệu Châu  
Lão bà khám phá, mất nguyên do  
Giờ đây bốn biển trong như kính  
Người đi chớ giận oán con đường.”*

Tổ Minh gật đầu.

Các thứ giận dữ này thì không xa lìa lại càng tốt.

Kinh : “Mười một là, tiêu tan trần tướng, trở lại Tánh Bản Minh, pháp giới thân tâm như ngọc lưu ly, sáng suốt không ngại, có thể khiến cho tất cả các kẻ u mê ám chướng lìa xa vĩnh viễn si tối.

*Thông rằng* : Tánh nghe chảng phải là tánh thấy, sao lại nói chữ Minh ? Minh tức là Giác vậy. Giác và sở giác đều không, nên sáng khắp pháp giới. Không-Giác cùng tột tròn vẹn, nên pháp giới, thân tâm như ngọc lưu ly, sáng suốt không ngại. Mới là sáu căn dùng lẫn nhau, thấy tức là nghe, nên nói rằng tiêu tan trần tướng, trở lại Tánh Bản Minh vậy.



Nghiệp bên trong có mười thứ làm che mất Pháp Thân, trong đó thâm, nộ, si là lớn nhất. Ngài Thiên Thai giải thích ba cái độc thông cả trong ngoài. Bên trong gọi là tư hoặc, bên ngoài gọi là vô minh. Bậc Nhị thừa thích khoái Niết Bàn là tham, chán ghét sanh tử là sân, không biết Trung Đạo là si. Bậc Bồ tát thì rộng cầu Phật Pháp là tham, la đuổi Nhị thừa là sân, chưa rõ Phật tánh là si. Đều là ba độc, mà si là gốc rễ, nên rất khó trừ nghiệp si vậy thay !

Tổ Bách Trượng nói : “Pháp đục là tham, sân, ái, thủ, cả thấy nhiều tên vậy. Pháp trong là Bồ Đề, Niết Bàn, giải thoát cả thấy nhiều tên vậy. Chỉ như nay soi tỏ nơi hai thứ trong đục, các pháp phạm thánh trọn chẳng có được chút tơ hào nào ái thủ. Đã chẳng ái thủ, mà nương trụ cái chẳng ái thủ cho là đúng, đó là Sơ Thiện, là trụ tâm điều phục, là người Thanh Văn, là người yêu thích bè chẳng bỏ, là đạo của Nhị thừa, là quả của thiền na. Đã chẳng ái thủ, cũng chẳng nương trụ cái chẳng ái thủ, đó là Trung Thiện, là Giáo Pháp nửa chừng, còn là vô sắc giới, tuy khởi sa vào đạo Nhị thừa, khởi sa vào dân Ma, vẫn còn là bệnh của thiền na, đó là chỗ trói buộc của Bồ tát. Đã chẳng nương trụ cái chẳng ái thủ, chẳng khởi tri giải chẳng-nương-trụ, đó là Hậu Thiện, là Giáo Pháp toàn mãn, khởi sa vào vô sắc giới, khởi sa vào bệnh thiền na, khởi sa vào Bồ tát thừa, khởi rớt vào vị Ma Vương, là các thứ trí chướng, địa chướng và hành chướng. Cho nên thấy Phật tánh chính mình, như đêm thấy sắc.

“Như nói, “Phật Địa đoạn dứt cả hai thứ ngu : một là vi tế sở tri ngu, hai là cực vi tế sở tri ngu.” Thế nên mới nói, “Có người đại trí phá bể hạt bụi, mở ra cuốn kinh”. Nếu thấu qua “Ba cú”, chẳng bị “Ba đoạn” giam. Hàng giáo điển nêu ví dụ là như nai nhảy ba cái ra khỏi lưới, gọi là

người ngoài ràng buộc, không có vật gì móc ràng được hẳn. Đó là thuộc về Nhiên Đăng Hậu Phật, là Tối Thượng thừa, là thượng thượng trí, là địa vị cao thượng trong Phật đạo. Người này là Phật, có Phật Tánh, là Đấng Đạo Sư, là người khiến sử được ngọn gió không chổ ngại, là trí huệ vô ngại. Về sau có thể sử dụng được nhân quả, phước trí tự do, làm cái xe chở chuyên nhân quả. Ở nơi sanh chẳng bị sanh lưu giữ, ở nơi tử chẳng bị tử ngăn ngại, ở nơi năm ấm như cửa mở hoác, đi ở tự do. Bằng có thể như thế thì chẳng luận giai cấp, yếu mạnh, chỉ có thể như thế thì cho đến thân kiến trùng thủy là quốc độ diệu tịnh, chẳng thể nghĩ bàn. Đây vẫn còn là lời nói mở trí. Vốn tự không ghẻ nhọn, chớ làm ra thương tích ! Dù là ghẻ Phật hay ghẻ Bồ tát các thứ. Hễ nói các pháp có, không... thì đều là thương tích cả.”

Ôi ! Tổ Bách Trượng từ bi, tận lực bày rõ chướng ngại vi tế của Tâm Tánh. Cần mỗi mỗi thấu qua, mới gọi là vĩnh viễn đoạn dứt si ám.

**Kinh :** “Mười hai là, viên dung hình tướng, trở lại tánh nghe, là đạo tràng bất động, thấm vào cõi đời mà không hoại thế giới, hay khắp mười phương, cúng dường chư Như Lai như số vi trần, bên mỗi mỗi Phật làm bậc Pháp Vương Tử, có thể khiến cho chúng sanh không con trong pháp giới muốn cầu con trai, sanh được con trai trí huệ phước đức.

*Thông rằng :* Đây là Tánh Chân Như thấm nhập thế gian, tùy làm sắc-không, khắp mười phương cõi, ấy là Bất Không Như Lai Tạng vậy. Quan Âm Đại Sĩ vốn là Pháp Vương Tử của Đức A Di Đà, mà bên mỗi mỗi vị Phật giúp việc không nhàm mỏi, thật là con giỏi vậy. Cho nên cầu con trai liền ứng.

Tổ Thứ Hai Mười Ba là Tôn giả Hạc Lạc, người nước Nguyệt Thị, cha tên là Thiên Thắng, mẹ là Kim Quang. Vì không có con, nên cúng cầu nơi đền Phướn Vàng Thất Phật, bèn mộng thấy trên đỉnh núi Tu Di có một thần đồng cầm chiếc kim hoàn nói rằng : “Ta đến vậy.” Tỉnh dậy thì có thai.

Năm Ngài bảy tuổi, đi dạo xóm làng thấy dân gian thờ cúng đâm thân, mới vào miếu la rằng : “Người bày đặt chuyện họa phước, dối gạt người ta, hao tiền tốn mạng, làm hại quá lắm.”

Lời dứt, hình tượng trong miếu bỗng nhiên đổ sập.

Do đó, người làng gọi là ông thánh con. Năm hai mươi hai tuổi, xuất gia, ba mươi tuổi gặp Tổ Ma Nả La Tôn giả, được phó pháp nối ngôi Tổ.

Kính : “Mười ba là, sáu căn viên thông,<sup>(1)</sup> sáng chiếu không hai, trùm mười phương cõi, thành Đại Viên Kính Không Như Lai Tạng, thừa thuận pháp môn bí mật của mười phương vi trần Như Lai, lãnh nhận không sót, có thể khiến cho chúng sanh không con trong pháp giới muốn cầu con gái, sanh được con gái đoan chánh, phước đức, dịu hiền, tướng tốt, mọi người yêu kính.

*Thông rằng* : Một căn về nguồn, sáu căn dùng lẫn, đó là viên thông. Chỉ bởi tròn vẹn mà sáng chiếu không hai, nên thành Đại Viên Cảnh Trí. Chỉ bởi thông suốt mà trùm mười phương cõi, nên là Không Như Lai Tạng. Thừa thuận Như Lai, nhận lãnh không sót, là đều có cái đạo của người nữ, nên cầu gái được gái.

---

<sup>1)</sup> Trọn suốt.

Cô Nguyệt Thượng Nữ <sup>(1)</sup> tướng tốt đoan nghiêm, mọi người yêu kính, kẻ cầu hôn nối gót đến, cô hiện thân dị, <sup>(2)</sup> chí cầu xuất gia.

Ông Xá Lợi Phất nhân đang vào thành gặp cô đi ra. Thăm nghĩ, chị này ra mắt Phật, chẳng biết đặc nhãn hay chưa đặc nhãn, ta phải hỏi xem.

Vừa đến gần, bèn hỏi : “Chị đi đâu thế ?”

Cô đáp : “Như Xá Lợi Phất đi vậy.”

Ông Xá Lợi Phất nói : “Tôi mới vào thành, cô mới ra thành, sao lại nói : “Như tôi đi vậy ?”

Cô hỏi : “Các đệ tử Phật phải nương đâu trụ ?”

Ông Xá Lợi Phất nói : “Các đệ tử Phật y nơi Đại Niết Bàn mà trụ.”

Cô nói : “Các đệ tử Phật đã y nơi Đại Niết Bàn mà trụ, nên tôi cũng như chỗ đi của Xá Lợi Phất vậy.”

Lại Ngài Văn Thù, hỏi Cô Am Đề Già rằng : “Sanh lấy gì làm nghĩa ?”

Cô đáp : “Sanh lấy sanh-mà-chẳng-sanh làm nghĩa sanh.”

Ngài Văn Thù : “Như sao là lấy sanh-mà-chẳng-sanh làm nghĩa sanh ?”

Cô đáp : “Nếu hay rõ biết bốn duyên địa, thủy, hỏa, phong chưa từng tự được, tuy có chỗ hòa hiệp mà chỉ tùy chỗ ứng hợp, đó là nghĩa sanh.”

Ngài Văn Thù hỏi : “Tử lấy gì làm nghĩa.”

Cô đáp : “Tử lấy tử-mà-chẳng-tử làm nghĩa tử.”

<sup>1)</sup> Con gái Đức Duy Ma Cật.

<sup>2)</sup> Bay lên hư không.

Ngài Văn Thù hỏi : “Như sao là tử lấy tử-mà-chẳng-tử làm nghĩa tử ?”

Cô đáp : “Nếu hay biết bốn duyên địa, thủy, hỏa, phong chưa từng tự được, tuy có chỗ lìa tan, mà chỉ tùy chỗ ứng hợp, đó là nghĩa tử.”

Cô Am Đề Già hỏi Ngài Văn Thù rằng : “Rõ biết cái lý sanh là chẳng sanh, thì vì sao lại bị sanh tử trôi vẩn ?”

Ngài Văn Thù nói : “Vì sức lực chưa đủ.”

Hai cô gái này, sanh đời có Phật, không chỉ đầy đủ phước đức, hiền diệu, mà còn phát minh việc hưởng thượng. Cũng là kiếp xưa nhận lãnh pháp môn bí mật mà thị hiện đó ư ?

Kinh : “Mười bốn là, trong Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới trăm ức mặt trời, mặt trăng này, các Pháp Vương Tử hiện ở thế gian có đến sáu mươi hai hàng sa số, tu Phật Pháp, nêu gương mẫu, giáo hóa chúng sanh, tùy thuận chúng sanh, trí huệ phương tiện, mỗi mỗi chẳng đồng. Do tôi đã được bốn căn Viên Thông phát ra diệu tính của căn tai, sau đó thân tâm vi diệu trùm chứa cùng khắp pháp giới nên có thể khiến cho chúng sanh trì niệm danh hiệu của tôi, so với những người trì niệm danh hiệu của sáu mươi hai hàng sa số Pháp Vương Tử ấy, hai hàng phước đức bằng nhau không khác.

“Bạch Thế Tôn, một danh hiệu của tôi cùng với rất nhiều danh hiệu kia không khác, là do tôi tu tập được chơn viên thông. Đó gọi là mười bốn sức thí vô úy, phước sẵn đủ khắp cho chúng sanh.

*Thông rằng* : Ban đầu, hết quán cái âm thanh liền được giải thoát là để tiếp bậc thượng thượng căn, chỉ soi thấy

năm uẩn đều Không tức vượt hết thảy khổ ách. Dùng cái quán quán tự tánh, nếu chẳng phải là quán hạnh vi diệu thì không thể hành được vậy.

Chót là chỉ trì niệm danh hiệu, phước sẵn đủ khắp cho chúng sanh, là để tiếp bậc trung hạ căn.

Nói rằng phước sẵn đủ khắp là khỏi bị nước lửa, cho đến được trai, có gái, không gì cầu chẳng được. Cho nên trong ba mươi hai Ứng Thân, nói giải thoát tức là chứng ngộ, còn lại là thành tựu, chỉ đầy cái phước mà thôi.

Chúng sanh phương này, căn tai lanh lợi, nhiều người nhận lãnh được Đạo, bởi thế sự giáo hóa của Đức Quan Âm trởi bật. Các căn khác chậm lụt, người được Đạo ít, cho nên sự giáo hóa của các vị Thánh khác kém hơn. Viên thông so với chẳng viên thông, như một ngày sánh với một kiếp, nên tự thâm chọn căn tai làm cái giáo thể phương này vậy.

Thiền sư Hoa Lâm Thiện Giác thường cầm tích trượng, ban đêm ra khoảng rừng dưới chân núi, mỗi lần bảy bước động gậy một cái mà xưng lên danh hiệu Quan Âm.

Sư Giáp Sơn hỏi : “Ở xa nghe Hòa thượng niệm Quan Âm, có phải chăng ?”

Tổ đáp : “Phải.”

Thầy Sơn nói : “Khi cỡi được đầu thì thế nào ?”

Tổ nói : “Lớ đầu thì cho ông cỡi, chẳng lớ đầu cỡi cái gì ?”

Thầy Sơn hết lời đối đáp.

Quán sát sư Bùi Hưu đến thăm, hỏi rằng : “Thầy có thị giả không ?”

Tổ nói : “Có một cặp, chỉ là không thể gặp khách.”

Ông Bùi hỏi : “Ở đâu ?”

Tổ bèn gọi : “Đại Không, Tiểu Không !”

Hai con cọp từ sau am liền đi ra. Ông Bùi thấy thế kinh hãi.

Tổ nói với hai con cọp rằng : “Có khách, hãy lui.”

Hai con cọp rống lên mà lui vào.

Ông Bùi hỏi : “Thầy giữ hạnh nghiệp gì mà cảm hóa được như vậy ?”

Sư mới im lặng chập lâu, hỏi : “Am hiểu chăng ?”

Ông Bùi đáp : “Dạ, không hiểu.”

Tổ nói : “Sơn tăng thường niệm Quan Âm vậy.”

Biết được chỗ nín lặng của Hoa Lâm, và chỗ chẳng lộ đầu tức là khéo quán Tánh vậy. Nếu không, hãy niệm Quan Âm.

Kinh : “Bạch Thế Tôn, do tôi đã được viên thông Đạo Vô Thượng Tu Chứng ấy, nên lại khéo được bốn đức mâu vô tác không-nghi-bàn.

“Một là, do tôi ban đầu được tánh nghe chí diệu, cái tâm thuần túy không còn tướng nghe, các sự thấy, nghe, hay, biết chẳng còn phân cách mà thành một Bảo Giác viên dung thanh tịnh, nên tôi có thể hiện ra rất nhiều hình dung mâu nhiệm, có thể nói ra vô biên thân chú bí mật.

“Trong ấy, hoặc hiện một đầu, ba đầu, năm đầu, bảy đầu, chín đầu, mười một đầu, cho đến một trăm lẻ tám đầu, ngàn đầu, vạn đầu, tám vạn bốn ngàn đầu Kim Cang như thế ; hoặc hiện hai tay, bốn tay, sáu tay, mười hai tay, mười bốn, mười sáu, mười tám, hai mươi, hai mươi bốn cho đến một trăm lẻ tám tay, ngàn tay, vạn tay, tám vạn bốn ngàn tay bất ẩn như thế ; hoặc hai mắt, ba mắt,

bốn mắt, chín mắt, cho đến một trăm lẻ tám mắt, ngàn mắt, vạn mắt, tám vạn bốn ngàn mắt báu thanh tịnh như thế ; hoặc Từ hoặc Oai, hoặc Định, hoặc Huệ, cứu độ chúng sanh được đại tự tại.

*Thông rằng* : Đồng từ lực Phật, nên có ba mươi hai Ứng Thân, đồng bi ngưỡng với chúng sanh, nên bố thí mười bốn sự Vô Úy, đã là Diệu Lực Vô Tác không thể nghĩ bàn, lại còn có bốn Diệu Đức Vô Tác không thể nghĩ bàn, là do tu chúng Vô Thượng Đạo. Cái Đạo Vô Thượng này thần diệu càng chẳng thể đo lường.

Ở trước, thuyết pháp cùng xưng danh hiệu, còn có thể suy lường được. Đến đây thì hình dung và thần chú, khiến chúng sanh đắc Đại Tự Tại quả là cảnh giới rất khó nghĩ bàn vậy. Tất cả cũng từ tánh nghe chí diệu lưu xuất.

Ban đầu, mất hết căn, trần, tâm yên định mầu nhiệm, nhưng cái mầu nhiệm đối với thô này chưa phải là cái mầu nhiệm tuyệt mọi đối đãi. Kế đó, trí, cảnh đều vong, năng-sở tịch diệt, nên nói là chí diệu. Ban đầu là xoay cái nghe lại, không còn cái cảnh. Đến đây tâm thuần túy không còn cái nghe, cái nghe đã bỏ mất, sáu căn đều hóa. Bởi thế, thấy, nghe, hay, biết không còn phân cách, mà thành một Bảo Giác viên dung thanh tịnh, tức chỗ gọi là tịch diệt hiện tiền vậy.

Vốn viên dung thanh tịnh nên ứng hóa không ngần. Đầu là chỗ tóm gồm của sáu dụng. Tay thể hiện lòng Bi tiếp đỡ. Mắt biểu hiện cái Trí soi tỏ. Đầu, tay, mắt, đều tám vạn bốn ngàn là đối với tám vạn bốn ngàn phiền não trần lao mà hiển pháp môn đối trị vậy.

Đức Lục Tổ nói : “Pháp môn này của ta, từ một Trí Huệ Bát Nhã sanh tám vạn bốn ngàn Trí Huệ. Vì sao thế ?



Vì người đời có tám vạn bốn ngàn trần lao. Nếu không có trần lao thì Trí Huệ thường hiện, chẳng lìa Tự Tánh.”

Quan Đại Phu Lục Tuyên hỏi Tổ Nam Tuyên : “Đức Bồ tát Đại Bi dùng mấy nhiều tay, mắt làm chi ?”

Tổ Tuyên nói : “Chỉ như quốc gia lại dùng Đại Phu làm chi ?”

Tổ Ma Cốc hỏi Tổ Lâm Tế : “Đại Bi ngàn tay, ngàn mắt, cái nào là chánh nhãn ?”

Tổ Lâm Tế nắm đứng, nói : “Đại Bi ngàn tay, ngàn mắt, thế nào là chánh nhãn ? Nói mau, nói mau !”

Tổ Cốc kéo Tổ Tế xuống thiền sàng, mà lên ngồi.

Tổ Tế xá chào, nói : “Chẳng rõ.”

Tổ Cốc định nói. Tổ Tế bèn hét, kéo Tổ Cốc xuống thiền sàng rồi lên ngồi.

Tổ Cốc bèn bỏ đi.

Lại Tổ Ma Cốc hỏi : “Đức Quan Âm mười hai mặt, cái nào là mặt chánh ?”

Tổ Tế xuống thiền sàng, nắm đứng, hỏi : “Quan Âm mười hai mặt hiện ở chốn nào ? Nói mau, nói mau !”

Tổ Cốc xoay mình định ngồi. Tổ Tế liền đánh. Tổ Cốc bắt cứng cây gậy, cùng kéo nhau về phương trượng.

Hai vị Tôn túc đây, mỗi vị đều hiển lộ thần thông đại bất khả tư nghì. Thấy được cái cơ đoạt nhau đó mới cho là đủ tay mắt Quan Âm.

Kinh : “Hai là, do sự nghe, nghĩ của tôi thoát khỏi sáu trần, như tiếng suốt qua bức tường, chẳng hề ngăn ngại, nên tôi có thể diệu dụng hiện ra mỗi mỗi hình, tụng

mỗi mỗi Chú. Hình ấy, Chú ấy có thể dùng Vô Úy thí cho chúng sanh. Thế nên mười phương cõi nước như vi trần đều gọi tôi là bậc Vô Úy Thí.

*Thông rằng* : Nghe, nghĩ viên thông, như tiếng qua tường. Vì vượt thoát sáu trần, chẳng hề chướng ngại, nên hiện hình tụng chú, hiện diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn. Tánh nghe chẳng thể nghĩ bàn, nên sức chú chẳng thể nghĩ bàn.

Trước thì dùng một Bảo Giác viên dung thanh tịnh cứu hộ chúng sanh được đại tự tại, ấy là dùng toàn lực mà dẫn dắt cho lên bờ Đạo, nên đầu, tay, mắt hoặc Từ hoặc Oai, hoặc Định hoặc Huệ đều đầy đủ, khiến cho giải thoát. Ở đây, chỉ hiện mỗi mỗi hình dạng, tụng mỗi mỗi Thần Chú, khiến cho chúng sanh không sợ hãi, nghĩa là chỉ không sợ sự khổ sanh tử chứ chưa đến đại tự tại vậy.

Xưa, có người bị bẫy để tế cho quỷ ăn, bị trói vào cột trong miếu. Nửa đêm có con mãng xà to lớn đến, sắp sửa ăn. Người ấy ngày thường chỉ thuộc mỗi một Chú Đại Bi, liền trì tụng không ngớt. Mãng xà chẳng thể đến gần, như có vật gì ngăn trở, rút cuộc bỏ đi. Trời sáng, mở khóa thấy người ấy không bị gì cả. Mọi người làm lạ, hỏi duyên cớ. Người đó nói vì tụng Chú Đại Bi mà được khỏi. Từ đó, cái miếu tà bị bỏ phế.

Năng lực thần chú có thể ban cho sự không sợ hãi, khái quát là vậy.

Thầy Trương Tăng Diêu vẽ tượng hình Ngài Bửu Chí, mới hạ bút, chưa biết định liệu sao. Ngài Bửu Chí liền dùng ngón tay vạch trên mặt, phân ra thành mười hai mặt Quan Âm diệu tướng tốt đẹp, hoặc Từ hoặc Oai. Thầy Tăng Diêu rút cuộc chẳng vẽ được.

Có nhà sư hỏi Thiền sư Văn Thù rằng : “Vì sao Tăng Diêu vẽ chân dung Tổ Chí Công chẳng được ?”

Tổ Thù đáp : “Không chỉ Tăng Diêu, mà Chí Công có vẽ cũng chẳng được.”

Nhà sư hỏi : “Vì sao Chí Công vẽ cũng chẳng được ?”

Tổ Thù nói : “Màu, vải chẳng đem đến được.”

Nhà sư hỏi : “Hòa thượng lại vẽ được hay không ?”

Tổ Thù nói : “Ta cũng chẳng vẽ được.”

Nhà sư hỏi : “Vì sao Hòa thượng vẽ chẳng được ?”

Tổ Thù nói : “Hắn chẳng màng nhan sắc của ta, bảo ta vẽ như thế nào ?”

Tổ Đơn Hà tụng rằng :

*“Thân quang rờ rờ, tướng nguy nguy*

*(sùng sùng)*

*Tay khéo làm sao thể hiện y*

*Thôi hỏi Tăng Diêu, Ngô đạo tử*

*Chí Công kia tự chẳng năng tri.”*

Ngay Chí Công cũng chẳng hay biết thì có thể rõ là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn vậy.

Kinh : “Ba là, do tôi tu tập cái Bốn Căn thanh tịnh, vốn diệu viên thông, nên qua mọi thế giới đều khiến cho chúng sanh xả bỏ thân cùng của báu, cầu tôi thương xót.

*Thông rằng* : Cái Bốn Căn thanh tịnh vốn diệu viên thông, tức là căn tai vậy. Xa lìa trần cấu, vốn không phiền não, nên gọi là thanh tịnh. Nhưng chúng sanh trong thế giới khổ vì phiền não, không thể giải thoát, nên thương xót khẩn thiết cứu vớt.

Lục độ mà Bồ tát tu, thì bố thí là trước hết, nên dạy làm bố thí, bỏ tham bỏ tiếc, lấy đó làm Nhân tu. Một pháp bố thí ấy, tức chẳng thấy người cho, chẳng thấy người nhận, cũng chẳng thấy có vật bố thí, thế gọi là Bố Thí Ba La Mật. Nếu chẳng được viên thông trong sạch thì chẳng thể rõ sự mầu nhiệm này vậy. Cho nên Quán Thế Âm Bồ tát nhận chuỗi ngọc báu của Bồ tát Vô Tận Ý<sup>(1)</sup> lại hiến dâng Phật. Ban đầu chẳng nhận, có thể thấy giới hạnh. Phụng sự Phật không mỗi một, có thể thấy sự tinh tấn. Chẳng tự thọ dụng, có thể thấy cái nhẫn. Cho và nhận đều vô tình, có thể thấy thiên định. Chỉ cầu phước đầy đủ cho chúng sanh, có thể thấy cái trí huệ. Nêu ra một việc bố thí mà sáu Ba La Mật đủ hết trong đó vậy. Há chỉ dạy một pháp bố thí thôi đâu !

Có nhà sư hỏi Tổ Bách Trượng : “Như nay hết thấy Sa môn đều nói rằng “Tôi y theo Giáo Pháp Phật, học mỗi một Kinh mỗi một Luận, mỗi một Thiên mỗi một Luật, mỗi một hiểu biết, mỗi một tỏ thông”, mà lãnh nhận bốn việc cúng dường của đàn việt, thì có tiêu được chăng ?”

Tổ Trượng nói : “Chỉ như giờ đây soi dùng (chiếu dụng) mỗi một thanh mỗi một sắc, mỗi một hương mỗi một vị, nơi tất cả các pháp hữu vô, trong mỗi mỗi cảnh đều không có mảy bụi giữ nhuốm (thủ nhiễm), cũng chẳng nương trụ tri giải. Cái người ấy mỗi ngày ăn vạn lượng vàng ròng cũng tiêu hết được. Chỉ như nay soi chiếu tất cả các pháp hữu vô, nơi cửa sáu căn quét ráo mọi tham ái. Có chút mảy lông chẳng xong thì dầu có nhận của thí chủ một hột gạo, một sợi chỉ đều là mang lông đội sừng, kéo cày chở nặng, mỗi mỗi phải bồi thường lại hết mới được. Vậy là chẳng y theo Phật. Phật là người không bám dính, người không

<sup>1)</sup> Phẩm Phổ Môn, kinh Pháp Hoa.

cầu kiếm, người không dựa nương. Giờ mà bốn ba tham lam tìm kiếm Phật, đều là nghịch lại vậy.”

Tin lời này, ắt gọi là tu tập Bốn Căn thanh tịnh, mới nên nhận bố thí của người.

Kinh : “Bốn là, tôi đắc Tâm Phật, chứng đến rốt ráo, nên có thể dùng đủ thứ quý báu cúng dường mười phương Như Lai. Cả đến chúng sanh sáu đường trong pháp giới, người cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu tam muội được tam muội, cầu sống lâu được sống lâu, như thế cho đến cầu Đại Niết Bàn được Đại Niết Bàn.

*Thông rằng* : Chứng đến rốt ráo, Trí Huệ tròn đủ vậy, nên có thể ban cho người cái vui xuất thế. Cúng dường Như Lai, phước ấy tròn đủ, nên có thể ban cho người cái phước thế gian. Điều tử trong cái chẳng thể nghĩ bàn mà thành tựu. Nếu thấy có cầu, có đắc, thì chỗ cho ra cũng là nhỏ hẹp. Được phước chẳng bằng được quả vị, được quả chẳng bằng được cực quả, nên đắc Đại Niết Bàn là tốt bậc.

Tổ Bách Trượng nói : “Chỉ như nay có người lấy bốn việc phước trí cúng dường bốn trăm vạn ức a tăng kỳ chúng sanh trong sáu đường thế giới, tùy theo chỗ thích cho đến hết tám mươi năm, lại nghĩ rằng : Nhưng các chúng sanh này đều phải già yếu, ta nên dùng Phật Pháp mà dẫn dắt cho, khiến họ đắc quả Tu Đà Hàm cho đến đạo A La Hán. Thí chủ ấy chỉ bố thí cho chúng sanh tất cả vật ưa thích, công đức đã là vô lượng. Huống là khiến cho đắc quả Tu Đà Hoàn, cho đến đạo A La Hán thì công đức vô lượng vô biên. Vậy mà chẳng bằng công đức người thứ năm mươi nghe kinh mà vui theo.

“Kinh Báo Ân nói rằng : Ma Da phu nhân sanh năm trăm thái tử đều đắc Bích Chi Phật, mà đều diệt độ, mỗi

vị đều được dựng tháp cúng dường. Mỗi một lần lễ bái, phu nhân than rằng : Chẳng bằng sanh một đứa con đắc Vô Thượng Bồ Đề, đỡ bớt tâm lực ta. Chỉ như nay trong trăm ngàn vạn chúng sanh, có một người đắc Đạo, thưởng bù ngay cho Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới !”

Than ôi ! Đức Quán Thế Âm đã đắc Tâm Phật, mà khiến cho chúng sanh đều đắc Tâm Phật, bi nguyện ấy thật chẳng thể nghĩ bàn.

Kinh : “Phật hỏi về viên thông, tôi do theo cửa tai, tròn soi tam muội, nhân tâm được tự tại, duyên theo tướng Nhập Lưu, đắc tam ma địa, thành tựu Bồ Đề, đó là đệ nhất.

“Bạch Thế Tôn, Đức Phật Như Lai ấy khen tôi khéo được pháp môn viên thông, ở trong đại hội thọ ký cho tôi hiệu là Quán Thế Âm. Do tôi thấy nghe thấu suốt mười phương nên danh hiệu Quan Âm cùng khắp mười phương thế giới.”

*Thông rằng* : Kinh Thư nói rằng “Sáng bốn mắt, thông bốn tai”, là nói lấy tai mắt của bốn phương làm tai mắt vậy. Lại nói rằng “Trời thấy tức là tự dân ta thấy. Trời nghe là tự dân ta nghe”. Đó là nói cái thấy nghe của trời vốn không thể thấy mà thấy được ở nơi dân vậy.

Đức Quan Âm đã lấy cái thấy nghe của mười phương làm cái thấy nghe, nên cái thấy nghe của mười phương tức là Quan Âm vậy. Danh ấy sao chẳng khắp mười phương ư ?

Tổ Bửu Phước hỏi nhà sư : “Ở đâu lại ?”

Đáp : “Quan Âm.”

Tổ Phước nói : “Vậy thấy Quan Âm chẳng ?”

Đáp : “Thấy.”

Tổ Phước nói : “Thấy bên trái hay thấy bên phải ?”

Đáp rằng : “Thấy thì chẳng trái qua trái phải.”

Tổ Pháp Nhân riêng nói rằng : “Như Hòa thượng thấy.”

Phù Thượng tọa dự pháp hội Kính Sơn, một ngày nọ trước đại diện Phật, có nhà sư hỏi : “Thượng tọa từng đến Ngũ Đài chưa ?”

Đáp : “Từng đến.”

Hỏi : “Lại thấy Văn Thù chăng ?”

Đáp : “Thấy.”

Hỏi : “Thấy ở chỗ nào ?”

Đáp : “Thấy trước điện Phật Kính Sơn.”

Tổ Tuyết Phong nghe lời ấy lấy làm lạ.

Tổ Lâm Tế nói : “Có một loại học nhân, hướng trong núi Ngũ Đài tìm Văn Thù, thật sớm hiểu lầm ! Ngũ Đài không Văn Thù. Ông muốn biết Văn Thù ư ? Chỉ là cái chỗ dùng trước mắt ông, trước sau chẳng khác, chốn chốn chẳng nghi, ấy là Văn Thù sống. Ông một niệm tâm không có ánh sáng sai biệt thì xứ xứ thấy là chân Phổ Hiền. Ông một niệm tâm tự nhiên mở trói, tùy chốn giải thoát, đây chính là Quan Âm tam muội pháp, đắp đổi chủ bạn. Ra thì lập tức ra, một là ba, ba là một. Hiểu được như thế mới xem kinh điển.”

Ôi ! Lời này của Tổ Lâm Tế nói ngay Tông giáo, thấy không sai biệt.



## MỤC NĂM : CHỈ PHÁP VIÊN TU

### I. PHÓNG HÀO QUANG, HIỆN ĐIỀM LÀNH

Kinh : Bấy giờ Đức Thế Tôn nơi tòa sư tử, từ trong năm vóc đồng phóng quang báu, rọi xa trên đánh mười phương Như Lai số như vi trần cùng các vị Pháp Vương Tử và các Bồ tát. Các Đức Như Lai kia cũng từ năm vóc đồng phóng quang báu, từ các thế giới số như vi trần đến rọi trên đánh Phật, rót vào đánh các vị Đại Bồ tát và A La Hán trong hội ; rừng cây ao hồ đều diễn pháp âm, ánh sáng giao nhau trùng trùng, như lưới tơ báu. Thấy trong đại chúng được cái chưa từng có, tất cả đều được Kim Cang tam muội. Liên khi ấy, trời mưa hoa sen trăm báu, xanh, vàng, đỏ, trắng xen nhau lẫn lộn, mười phương hư không thành sắc bảy báu. Núi sông, đất đai cõi Ta Bà này đồng thời chẳng hiện, chỉ thấy cõi nước vi trần mười phương hợp thành một cõi, phạm âm ca ngợi tự nhiên nổi khắp.

*Thông rằng* : Các vị Bồ tát, A La Hán chứng viên thông đều đã nhập vào cảnh giới bất khả tư nghì, cho nên Đức Phật từ trong cái bất tư nghì hiện khởi điềm lành, ứng ra quang báu. Cả hai chánh báo và y báo đều hiển viên thông. Chánh báo là năm vóc phóng quang, Phật Phật chẳng khác, hiển thị hai mươi lăm chỗ viên thông, thấy thấy là Đạo. Mỗi người ai cũng đủ hình vóc, nhưng Phật mới được toàn thể. Y báo là ánh sáng giao nhau trùng trùng, như lưới tơ báu, cho đến mười phương hư không thành sắc bảy báu, hiển bày mười tám giới, bảy đại đều là Như Lai Tạng Chân Như Diệu Tánh, giao nhau hòa lẫn, đồng một Biển-Không



Sáng Báu (Bửu Minh Không Hải) vậy. Cõi Ta Bà này hợp thành một cõi, là cái tượng “Trần tiêu, trở lại tánh nghe”<sup>(1)</sup> vậy. Rừng cây ao hồ đều diễn pháp âm, là cái tượng “Thuần âm, không trần” vậy. Cái Bảo Giác tròn sáng cùng khắp pháp giới, đã âm thầm xem sự *phản văn xoay về tánh nghe* làm đệ nhất cơ vậy.

Sư Động Sơn đến Tổ Ngụy Sơn, hỏi rằng : “Tùng nghe Trung Quốc sư có việc vô tình thuyết pháp, tôi chưa rõ thấu chỗ vi diệu ấy.”

Tổ Ngụy nói : “Ta trong ấy cũng có, chỉ thật khó được người.”

Sư nói : “Xin thỉnh Hòa thượng nói.”

Tổ Ngụy nói : “Cái miệng cha mẹ sanh, rốt chẳng vì ông nói.”

Hỏi rằng : “Lại có ai mộ đạo cùng thời với Thầy chẳng ?”

Tổ Ngụy rằng : “Thạch thất cách liền đây, có Vân Nham đạo nhân. Nếu có thể tìm đến ra mắt thì hẳn thỏa mãn ý nguyện của ông.”

Sư đến Tổ Vân Nham, hỏi rằng : “Vô tình thuyết pháp, kẻ nào được nghe ?”

Tổ Nham đáp : “Vô tình được nghe.”

Hỏi : “Hòa thượng lại nghe chẳng ?”

Tổ Nham nói : “Tôi nếu nghe, ắt thầy chẳng nghe tôi thuyết pháp vậy.”

Hỏi : “Tôi đây vì sao chẳng nghe ?”

Tổ Nham dựng đứng phất tử, nói : “Lại nghe chẳng ?”

Đáp : “Chẳng nghe.”

---

<sup>1)</sup> Trần tiêu văn phục.

Tổ Nham nói : “Ta thuyết pháp ông còn không nghe hướng là vô tình thuyết pháp.”

Hỏi : “Vô tình thuyết pháp, kinh giáo nào nói ?”

Tổ Nham nói : “Há chẳng thấy kinh Di Đà nói : nước, chim, cây rừng thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, cây cỏ vô tình hòa tấu vui ca.”

Thầy Động Sơn ngay đó tỉnh ngộ, mới thuật bài tụng :

*“Thật lạ lòng, thật lạ lòng !  
Vô tình thuyết pháp, chẳng nghĩ bàn  
Nếu đem tai ngóng càng không hiểu  
Nhãn xứ nghe thanh mới tỏ thông.”*

Thiền sư Vân Cư Hựu thượng đường : “Tất cả âm thanh là âm thanh Phật !”

Gõ thiền sàng, nói : “Phạm Âm trong xa khiến người thích nghe !”

Lại nói : “Tất cả sắc là sắc Phật !”

Bèn đưa phát tử lên, nói : “Nay Phật phóng quang minh, chiếu rõ thiệt tướng nghĩa. Người đã thấu đáo, đỉnh đội vầng làm. Người chưa thấu đáo, hợp như thế rõ, hợp như thế tin !”

Rồi gõ thiền sàng, xuống tòa.

Các vị Tôn túc đây đích thân đến dự Viên Thông Hội Thượng mà đi lại, nên trùng trùng diễn thuyết như thế.

## II. PHẬT BẢO NGÀI VĂN THÙ CHỌN CĂN VIÊN THÔNG

Kinh : Khi ấy, Đức Như Lai bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử rằng : “Ông nay xét xem trong hai mươi lăm vị Vô Học Đại Bồ tát và A La Hán đây, mỗi

vị trình bày phương tiện thành đạo lúc ban đầu, đều nói tu tập chỗ viên thông chân thật, chỗ tu hành của các vị thật không có hơn, kém, trước, sau sai khác. Nay ta muốn khiến cho Ông Anan khai ngộ, thì trong hai mươi lăm pháp tu hành, pháp nào hợp căn cơ ông ấy. Lại sau khi Ta diệt độ, chúng sanh cõi này vào Thừa Bồ tát, cầu đạo Vô Thượng thì pháp môn phương tiện nào được dễ thành tựu ?”

Ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử vâng ý chỉ lãnh của Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thừa oai thần Phật, nói kệ đáp lời :

*Thông rằng* : Chỗ tu hành của các vị thật không hơn kém, trước sau, sai khác, đều đã ngộ nhập Vô Thượng Bồ Đề, được Phật ấn chứng.

Tổ Hoàng Bá nói : “Từ Đức Như Lai phó pháp cho Ngài Ca Diếp đến nay, là dùng tâm ấn tâm, tâm tâm không khác. Ấn vào hư không thì ấn chẳng thành văn. Ấn vào vật thì ấn chẳng thành pháp. Nên dùng tâm ấn tâm, tâm tâm chẳng khác. Năng ấn, sở ấn đều khó khế hội, nên người được ít ỏi. Nhưng tâm tức vô tâm, đắc tức vô đắc.”

Ôi, chỉ vô tâm vô đắc, nên mới không có trước sau sai biệt. Hai mươi lăm vị Vô Học đây thật không sai biệt, vì lấy tâm ấn tâm, cho nên tâm tâm không khác vậy.

### III. LỰA RA NHỮNG CĂN KHÔNG VIÊN

Kinh :

“Tánh Biển Giác lặng khắp  
Toàn trong (lặng), Giác nguyên diệu  
Nguyên minh, chiếu sanh sở  
Sở lập, tánh chiếu vong.

*Thông rằng* : Tánh Giác nguyên diệu vốn nhiệm mầu mà hằng sáng vậy. Vì phân biệt tiền cảnh, nên nói là nguyên minh. Đã rơi vào đất ý thức, tức là tự lượng. Tự lượng lập thì cái hiện lượng tròn sáng mất. Ở trước, Đức Thế Tôn nói, vô thủy Bồ Đề Niết Bàn nguyên là thể trong sạch, cái năng sanh các duyên, theo duyên thì bỏ mất. Đây là từ trùng tụng mà ra.

Hòa thượng Phổ Minh dạy chúng rằng : “Tâm pháp của Tổ Sư rộng suốt mười phương, xưa nay hằng nhiên, pháp vốn như thế. Cái pháp như thế không mượn tu tập, mà tự thành tựu ; chẳng cần đắc, mà tự viên mãn. Tất cả hiện thành, gọi là địa bất động. Dùng mà chẳng phải có, không dùng chẳng phải không, thể mầu nhiệm trong lặng như nhiên, thường hằng chẳng biến. Thể hợp diệu dụng, ứng khắp vô vi, ảnh hiện trùng trùng, vô biên sắc tướng. Tâm không tự tánh, gặp sự trọn bày rục rở, đạo tràng bất động, khắp mười phương cõi. Như cánh giới này, chỉ sơ lược tạm cái hồi quang ; bỏ trần hiệp Giác, chẳng làm việc bóng dáng. Cái ý sự này như ngựa trên đường lớn. Hành lấy thì tức là. Giả sử chẳng hành, cũng tại trên đường. Luận bàn như vậy, vẫn còn là lời thuyết của pháp môn dạy dỗ. Nếu mà cử xương tông thừa, chỉ là nhất thời giải tán đi là tốt.

“Nếu giải tán đi bèn là vô sự, bao nhiêu cái giác hải trưng viên kia cũng đoạn dứt. Bằng không, còn ngồi trong hang ổ vô vi.”

Kinh :

“Mê vọng, có hư không  
 Nương Không, lập thế giới  
 Tưởng động thành cõi nước  
 Hay biết thành chúng sanh

Không sanh trong Đại Giác  
 Như một bọt nổi biển  
 Cõi hữu lậu vi trần  
 Đều nương Không sanh khởi  
 Bọt diệt, Không (vốn) chẳng có  
 Hướng là có ba cõi.

*Thông rằng* : Giác nói là Đại Giác, là để phân biệt với cái giác của sự hiểu biết vậy. Đại Giác như biển, không có bến bờ. Cái Tánh vốn Không, chẳng thể lấy Giác đặt tên. Có tướng thì ngay bày, không có tướng thì ẩn. Chân Tánh mà ẩn, cái Không cái Giác bèn phân. Vừa khởi cái không Kiến, liền sanh ra tướng phân, nên cõi nước trong tam giới đều nương Không mà lập. Hễ nhận cái Giác Minh bèn sanh kiến phân, nên cái hữu lậu của chúng sanh đều chạy theo hư vọng mà có ra. Tướng chẳng phải là kiến mà thành tướng, chính là do tướng lắng đọng mà kết thành. Kiến chẳng phải là tướng mà thành kiến, mà là cái trôi xoay trong ba cõi hiệp với trần mà có vậy. Cái tướng đó, cái kiến đó, sanh ra trong Đại Giác, như một bọt nước trong biển cả. Nếu trở về chỗ tột cùng của căn trôi dạt, đến chỗ chẳng sanh chẳng diệt thì bọt nước tan mất trong biển, y nhiên một Đại Giác mầu sáng. Tìm hư không còn chẳng thể được, hướng là các cõi nước vi trần ba cõi hữu tình, vô tình an lập trong hư không ư ?

Nhà sư hỏi Tổ Bách Trượng : “Hư không sanh ra trong Đại Giác như một bọt nước khởi trong biển là sao ?”

Tổ Trượng đáp : “Hư không ví dụ cho cái bọt, biển ví dụ cái Tánh. Tự Tánh linh giác chính mình, vượt cả hư không, nên nói : *Không sanh trong Đại Giác. Như bọt nổi trong biển.*”

Thiền sư Mộc Bình Đạo hỏi Tổ Lạc Phổ rằng : “Khi một bọt nước chưa sanh, làm sao rõ mạch nước ?”

Tổ Phổ nói : “Dời ghe rành thế nước. Giở chèo biết sóng mòi.”

Thầy Bình không khế hiểu, đến tham hỏi Tổ Bàn Long, hỏi lại lời trước.

Tổ Long nói : “Dời ghe chẳng rõ nước. Giở chèo tức mê nguồn !”

Liên ngộ nhập.

Tổ Đơn Hà tụng rằng :

*“Mặt trời mặt trăng cùng sáng tỏa  
Soi thuở Oai Âm chưa động lay  
Như nói trời xanh riêng có lối  
Y xưa, người gõ nhú đôi mày.”*

Dại để, chỗ thấy (kiến xứ) của Tổ Bàn Long là chỗ ẩn thân thì không dấu vết. Chỗ thấy của Tổ Lạc Phổ là chỗ không dấu vết, chẳng ẩn thân. Rõ được, chỉ là một đường, chẳng hề có khác.

Về sau, có nhà sư hỏi : “Như sao là Mộc Bình ?”

Đáp : “Chẳng nhọc búa rìu.”

Nhà sư nói : “Vì sao chẳng nhọc búa rìu ?”

Đáp : “Mộc Bình.”

Quả là soi rõ một đoạn đại sự của thuở Oai Âm chưa máy động.

Kinh :

**“Về nguồn, Tánh không hai  
Phương tiện có nhiều cửa**

Thánh Tánh, đâu cũng thông  
 Thuận nghịch đều phương tiện  
 Sơ tâm vào tam muội  
 Chậm nhanh bậc chẳng đồng.

*Thông rằng* : Trước nói “Mười phương Như Lai, nơi mười tám giới mỗi mỗi tu hành đều đắc viên mãn Vô Thượng Bồ Đề”, tức ở đây nói “Cái Thánh Tánh này không đâu mà chẳng thông, thuận nghịch đều là phương tiện” vậy. Lại nói “Như ngay đây ngộ căn viên thông liền nghịch lại cái dòng vọng nghiệp thù dật từ vô thủy. Được tùy thuận viên thông thì so với cái chẳng viên thông cách nhau như ngày với kiếp”. Tức ở đây nói “Cái sơ tâm này vào tam muội thì có nhanh chậm chẳng đồng”.

Tổ Hoàng Bá nói : “Về nguồn tánh không hai, nghĩa là thật tánh của Vô Minh tức là tánh chư Phật. *Phương tiện có nhiều cửa*, nghĩa là người Thanh Văn thấy vô minh diệt, chẳng thấy vô minh sanh, niệm niệm chứng tịch diệt, chư Phật thấy chúng sanh suốt ngày sanh mà không sanh, suốt ngày diệt mà không diệt. Không sanh không diệt tức là quả Đại thừa. Bởi thế đạo quả mãn, Bồ Đề tròn, hoa nở thế giới sanh.”

Thiền sư Khô Mộc Thành thượng đường : “Về nguồn tánh không hai. Phương tiện có nhiều cửa. Chỉ ngộ tánh-về-nguồn, lo gì cửa phương tiện. Các ông muốn rõ tánh-về-nguồn ư ?

“Lộ trụ lấy làm chuôi Bắc Đẩu, người đời chẳng nhận theo như thế. Muốn rõ cửa phương tiện ư ? Chuôi Bắc Đẩu lấy làm lộ trụ, chống trời đỡ đất cũng vừa nên. Hãy nói một câu chẳng rơi vào cửa phương tiện, nói làm sao ? Ba mươi năm sau chớ có nêu ra lầm lẫn !”

Hai vị Tôn túc đây, mỗi vị đều theo chỗ thấy mà phát huy đối với ý chỉ về nguồn thật là không-hai.

Kinh :

“Sắc tướng kết thành trần  
 Hay biết không thể thấu  
 Không thấu suốt như vậy  
 Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Theo pháp quán Thập Tướng mà vào, kết thành nội trần, nên cái tinh minh hay biết thật chẳng thể biết thấu suốt, vì bị pháp buộc vậy.

Tổ Thạch Đầu hỏi khách mới đến : “Từ đâu tới ?”

Đáp rằng : “Giang Tây.”

Tổ Đầu nói : “Thấy Đại sư Mã Tổ chẳng ?”

Đáp : “Có thấy.”

Tổ Đầu bèn chỉ một khúc củi, nói : “Mã Đại sư đâu giống như cái đó ?”

Nhà sư không đáp được. Rồi trở về đem nói lại y vậy với Ngài Mã Tổ.

Ngài Mã Tổ nói : “Ông thấy khúc củi lớn hay nhỏ ?”

Đáp rằng : “Lớn quá cỡ.”

Ngài Tổ nói : “Ông rất có sức !”

Nhà sư hỏi : “Sao vậy ?”

Ngài Mã Tổ nói : “Ông từ núi Nam Nhạc vác một khúc củi đến đây, há chẳng mạnh sao ?”

Nếu nhà sư này là *kẻ ấy*, bèn bỏ quách là phải ngay.

Kinh :

“Âm thanh trộn ngữ ngôn  
 Chỉ là vị danh cú



## Một chẳng gồm tất cả Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Ngộ thanh trần đối với người nhập theo căn tai thì chẳng đồng. Thanh là lời của Phật, căn mới là tự tâm. Nhận thanh trần ắt bám níu danh cú kia. Xoay lại cái nghe ắt rõ thấu nguồn tánh mình. Danh cú trệ vướng vào một mối, còn nguồn tánh không đâu chẳng bao quát khắp. Cho nên nghe tiếng ngộ Đạo cũng không chọn được.

Tổ Vân Cư Ứng thượng đường : “Hết thầy các ông, dầu cho học được chuyện bên Phật, thì cũng đã sớm dụng tâm lầm ! Há chẳng thấy người xưa giảng kinh được hoa trời rụng, đá gập đầu. Cũng chẳng nhằm gì chuyện tự kỷ. Những kẻ khác nhàn rồi làm sao mà định lấy cái thân tâm hữu hạn này hướng vào trong vô hạn mà sử dụng ? Như lấy gỗ vuông tra vào lỗ tròn, thế nào cũng sai hở. Nếu không có cái chuyện ấy dầu ông có thêu hoa dệt gấm cũng là vô dụng, chưa lìa khỏi thức tình. Hết thầy mọi sự phải hướng về trong-áy cùng dứt hết. Nếu còn một mảy lông phỉ bỏ chẳng sạch, bèn bị trần trối buộc, hướng chi là nhiều ? Sai một hào li, lỗi lầm như núi.

“Há chẳng nghe người xưa nói “Chỗ học chẳng sâu mâu, đều trôi theo thế tục. Sự vật trong chốn lâu son gác tía bỏ chẳng được, đều là rỉ chảy.” Cần thẳng vào trong ấy, nào nắm, nào đến, nào đi đều sạch dứt mọi sự mới là không lỗi. Như người việc việc đều rõ, vật vật đều thông, chỉ gọi là người rõ việc, rốt cuộc chẳng gọi là người tôn quý. Hãy biết rằng tôn quý tự riêng một đường. Há chẳng nghe nói “Theo cửa bước vào chẳng phải là cửa báu, cây gậy chẳng thành rồng”, ư ?”

Chỗ này có ý vị thay ! Danh cú sáng rõ thấu suốt !

Kinh :

“Hương, hợp lại, mới biết  
 Lìa ắt vốn không có  
 Chỗ biết chẳng thường hằng  
 Làm sao được viên thông ?  
 Tánh vị chẳng bỗng nhiên  
 Cần nếm mùi mới có  
 Sở giác chẳng hằng nhất  
 Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Hương, vị thì sự ly hợp chẳng thường hằng, thể chẳng cùng khắp. Bám níu hương vị cho là cửa vào, rốt chẳng tương tự gì với thể viên dung, cho nên đều không chọn được.

Nhà sư hỏi Tổ Vân Cư Ứng : “Cơm của Phật Hương Tích người nào được ăn ?”

Tổ Ứng nói : “Phải biết người được ăn, vào miệng rồi cũng nên phải ói ra !”

Lại có nhà sư hỏi Tổ Thủ Sơn Niệm : “Như sao là đường chánh tu hành ?”

Tổ Sơn nói : “Nghèo mà chẳng ăn tạp.”

Nhà sư nói : “Buông tay về nhà vậy.”

Tổ Sơn nói : “Thơm thú vị chẳng từng nghe.”

Tổ Phật Ấn thượng đường : “Ta có một cái rở ràng ấy, người người trong miệng nhai, nhai bể được rồi, cần mửa cả ra. Nhai chẳng bể được, chuyển thành thuốc độc.”

Rồi gọi : “Các vị Thiền đức, cái vị ngon bổ ấy là sao, hãy nói ra xem.”

Im chập lâu, nói :

“Y Vương đâu chẳng không phương nghĩa  
 Ngàn dặm tô hương,<sup>(1)</sup> tượng<sup>(2)</sup> chẳng quày.”

Tổ Phật Ấn cùng hai vị Tôn túc trùng trùng chú nghĩa.  
 Nếu nghe Hương này, biết Vị này tức hằng nhất cái Sở Giác.

Kinh :

“Xúc, do chỗ chạm, biết  
 Không chỗ, chẳng rõ xúc  
 Hợp lìa, tánh chẳng định  
 Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Xúc tất phải có chỗ, nên chẳng phải là nghĩa viên. Hướng là có hợp mới có xúc, lìa thì chẳng phải xúc. Xúc vì lìa cái biết, tánh nó chẳng định. Tự tánh chẳng định, sao được viên thông ?

Hòa thượng Thủy Lạo ban đầu ra mắt Ngài Mã Tổ, hỏi rằng : “Như thế nào là rõ ràng ý chỉ Tây lai ?”<sup>(3)</sup>

Thầy Lạo liền lễ bái, Ngài bèn tống cho một đập, thầy đại ngộ, đứng dậy vỗ tay ha hả cười lớn rằng : “Rất lạ lùng, rất lạ lùng ! Trăm ngàn tam muội, vô lượng diệu nghĩa chỉ hướng trên đầu một mảy lông liền rõ thấu căn nguồn !”

Về sau, dạy chúng rằng : “Từ lúc lãnh một đập của Mã Đại sư, mãi đến nay cười chẳng dứt !”

Tuy nhiên, chỗ xúc chạm ngày xưa dường vẫn còn, nào giống như chỗ thoát thẳng của Tổ Lâm Tế.

<sup>1)</sup> Tô hương : hương làm sống lại.

<sup>2)</sup> Tượng : voi.

<sup>3)</sup> Tây lai : Ý chỉ của Tổ Đạt Ma từ phương Tây lai.

Tổ Lâm Tế nói : “Tôi ở với Tiên sư Hoàng Bá hai mươi năm, ba lần hỏi đại ý Phật Pháp, ba lần bị Ngài thưởng gậy, như ngọn sào phủi sạch. Như nay lại nhớ được một gậy, có ai vì ta thi hành được ?”

Khi ấy có một vị tăng bước ra khỏi chúng, nói : “Tôi thi hành được.”

Tổ Tế cầm gậy trao cho.

Vị tăng định tiếp lấy, Tổ Tế liền đánh.

Kiểm rớt xa rồi, ông mới khắc nghe !

Kinh :

“Pháp gọi là nội trần  
 Nương trần ắt có sở  
 Năng sở chẳng dung nhập  
 Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Pháp trần chẳng có tướng, tiềm ẩn trong ý căn ; đã sa vào năng-sở bèn có phương chỗ nhất định, nên chẳng dung nhập khắp. Tuy là pháp không toàn khắp mười phương, nhưng chẳng thể cùng khắp cái phi không, nên chẳng thể viên thông.<sup>(1)</sup> Phi nghĩa là năng chẳng dung nhập sở, sở chẳng dung nhập năng, mà hai bên cùng tồn tại.

Tổ Lâm Tế nói : “Các pháp thế gian và xuất thế gian, đều không có tự tánh, cũng không có tánh sanh, chỉ có cái danh trống trơn, danh tự cũng không, ông chỉ nhận cái danh trống trơn kia cho là thật, lầm lớn vậy thay. Cho là có, đều là cảnh của y, biến,<sup>(2)</sup> mới có Bồ Đề để y theo, Niết Bàn để

<sup>1)</sup> Tròn vẹn suốt biết.

<sup>2)</sup> Y Tha Khởi Tánh và Biến Kế Sở Chấp Tánh.

y theo, giải thoát để y theo, Tam Thân để y theo, trí cảnh để y theo, giác để y theo, Phật để y theo. Ông hướng về trong cõi nước y, biến ấy tìm vật gì ? Cho đến ba Thừa, mười hai phần giáo, đều là giấy cũ chùi đồ dơ.

“Phật là thân huyễn hóa, Tổ là lão thầy tu, ông lại cho là mẹ sanh mình ư ? Ông nếu cầu Phật, liền bị ma Phật hợp hồn ; ông nếu cầu Tổ, liền bị Tổ trói chặt. Ông mà có cầu đều là khổ, chẳng bằng vô sự.”

Tin chẳng ? Nương y cái trần tất có sở, chẳng thể được viên thông vậy. Trên là chọn sáu trần để nhập, chẳng thích hợp với người sơ tâm.

Kinh :

“Cái thấy tuy rộng suốt  
Rõ trước chẳng rõ sau  
Bốn bề thiếu một nửa  
Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Cái thấy của con mắt, rõ trước chẳng rõ sau. Cái thấy của tâm chẳng phải là mắt, gọi là thấy trong thấy. Vì sao cũng thiếu nửa phần ? Chỉ vì lọt vào kiến phần, bèn mất viên thường. Cho nên căn mắt không được chọn.

Tổ Nam Tuyên tham kiến Trung Quốc sư.

Quốc sư hỏi : “Chốn nào lại ?”

Đáp rằng : “Giang Tây lại.”

Hỏi : “Lại đem được chơn Mã Tổ đến chăng ?”

Đáp rằng : “Chỉ cái ấy là phải.”

Quốc sư nói : “Cái phù trừ quỷ sau lưng !”

Tổ Tuyên liền im luôn.

Tổ Trường Khánh Lăng nói : “Thật giống như chẳng biết.”

Tổ Bửu Phước nói thêm rằng : “Xét chẳng đến cái yên ổn này của Hòa thượng.”

Tổ Vân Cư Tích nói : “Hai vị Tôn túc đây đều nâng đỡ cái sau lưng. Chỉ như Nam Tuyền im luôn là vì nâng đỡ cái trước mặt hay nâng đỡ cái sau lưng ?”

Tổ Huyền Sa chỉ vị tăng qua đời nói : “Trước mặt chạm mắt là Bồ Đề ; thần quang muôn dặm : tướng sau đánh.”

Nhân có kệ rằng :

*“Vạn dặm thần quang tướng đánh sau  
 Khi mà không đánh ngóng về đâu ?  
 Sự đã thành, ý đã thôi  
 Tin tức trong kia trọn khắp nơi  
 Người trí trong liêu bèn nắm lấy  
 Chẳng thoáng so đo bị mất rồi.”*

Hai tắc này hỗ tương bày tỏ, chỗ thấy đồng nhau, chẳng quý sao ?

Kinh :

**“Mũi thở ra vào thông  
 Giữa, khí không chỗ giao  
 Chia phân chẳng dung nhập  
 Làm sao được viên thông ?**

*Thông rằng* : Khoảng vũ trụ là một đại hô hấp vậy. Xuân, hạ thở ra ; thu, đông thở vào. Trăng sáng thở ra ; trăng tối thở vào. Trước giờ tý thở ra ; sau giờ ngọ thở vào. Con người do thở ra thở vào mà thông cùng trời đất, giống

như con cá trong nước vậy. Điều hòa hơi thở ra vào đến chỗ hiện tiền không có khí giao nhau. Các đạo gia dưỡng sanh cho là hợp với tự nhiên, chẳng hiểu cái khí mật mờ mênh mông đó, cho là chân tánh, xem cái tinh thuần ấy, cái vật thể ấy cho là thức thần. Cái chia phân tán mạn này đối với tự tánh có giao thiệp gì.

Có người hỏi Tổ Đại Châu rằng : “Thế gian có pháp vượt tự nhiên chăng ?”

Tổ Châu đáp : “Có.”

Hỏi : “Pháp nào vượt được ?”

Tổ Châu nói : “Kẻ rõ biết cái tự nhiên.”

Hỏi : “Cái nguyên khí là Đạo chăng ?”

Đáp : “Nguyên khí tự là nguyên khí ; Đạo tự là Đạo.”

Hỏi : “Nếu như thế, ắt phải có hai thứ vậy.”

Tổ Châu nói : “Biết thì chẳng có hai.”

Lại hỏi : “Thế nào là tà, thế nào là chánh ?”

Tổ Châu nói : “Tâm chạy theo vật là tà, vật theo tâm là chánh.”

Do đây mà xét, cái thuyết điều hòa hơi thở là tâm chạy theo vật. Chia phân quá chừng, hướng là được viên thông !

Kinh :

“Lưỡi, không nhập (thì) không mồi

Nhờ vị, sanh có biết

Vị mất rồi chẳng có

Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Cái nếm chẳng có căn thì không biết vị. Không có căn mà biết vị, thật là không căn cứ. Đã có căn,

bởi có vị nhập vào mà sanh cái biết. Vị mất thì biết cũng mất. Căn ấy do vị mà thành có thành không, sao được là Viên ?

Ngài Giáp Sơn ở Tổ Quy Sơn làm Điển tòa.

Tổ Quy hỏi rằng : “Hôm nay ăn món gì ?”

Ngài Giáp nói : “Hai năm cùng một xuân.”

Tổ Quy nói : “Lo việc tốt lắm !”

Ngài Giáp nói : “Rồng ở ổ phụng.”

Tổ Đầu Tử tụng rằng :

*“Gặp nhau cậy hỏi cháo chúng sanh  
 Chẳng sánh cơm thơm am Tịnh Danh  
 Khí đêm chuyển theo màu phụng đỏ  
 Rồng vàng sáng quẩn nhánh trong trăng.”*

Lại Tổ Thê Hiền Thực thượng đường, im lặng chập lâu, nói : “Hân hạnh có một mâm cơm, chẳng thể trộn tiêu, gừng. Tuy nhiên như thế, thử ăn xem nào !”

Bèn xuống pháp tòa.

Hai tắc này cũng cùng một Xuân. Ăn được rồi, mới cho là khác lưỡi biết mùi.

Kinh :

**“Thân cùng chỗ chạm đồng  
 Đều chẳng biết tròn suốt  
 Hữu hạn, không thấu suốt  
 Làm sao được viên thông ?**

*Thông rằng* : Bày rõ cái diệu xúc, chỉ cái thân hiển ra cái biết. Thuận biết mà còn sót cái thân, cũng chẳng phải là cái biết toàn vẹn. Phải biết là cái biết tròn đầy thấu suốt,



thân tâm siêu việt, không bờ không bến, mới tỏ hiểu suốt muôn pháp, chẳng nhờ thân biết. Nay thân có chạm xúc, là có giới hạn bến bờ, chẳng được viên thông vậy.

Thái sử Huỳnh Sơn Cốc ra mắt Thiền sư Tử Tâm Tân, theo chúng nhập thất.

Tổ Tân trợn mắt hỏi rằng : “Lão già Tân chết, quan học sĩ chết, thiêu thành hai đồng tro, hương chồn nào gặp nhau ?”

Ông Cốc không có lời đáp.

Tổ Tân bắt phải ra thất, nói rằng : “Chỗ hỏi đường dành cho người tham được, quan chưa ở trong đó.”

Sau ông làm Tả Quan ở Kiềm Nam, đạo lực càng mạnh. Trong chỗ không nghĩ niệm, liền rõ chỗ hỏi của Tổ Tử Tâm. Trả lời thơ rằng : “Năm xưa nhờ ơn khó nhọc nhắc nhở, mà vẫn say trong mộng, phảng phất ở trong bóng sáng. Ấy là nghi tình chẳng dứt, mạng căn chẳng đoạn, nên trông về bờ mà thối lui. Gần đây bị đổi đi làm tại Kiềm Nam, ngày nằm tỉnh giấc, bỗng nhiên nghĩ ra. Quả là bị Lão Hòa thương trong thiên hạ lửa đốt ít nhiều vậy. Chỉ có đạo nhân Tử Tâm không chịu, mới là giúp nhau đệ nhất, vạn hạnh đệ nhất vậy.”

Cho nên rõ suốt như Ông Sơn Cốc thì cái Chính Mình còn bất khả đắc, còn nói gì chỗ gặp nhau ? Chẳng đoạn dứt mạng căn, không thể có lời này.

Kinh :

“Ý căn xen loạn tưởng  
 (Tánh) Lặng nhiên rốt chẳng thấy  
 Tưởng niệm chẳng thể thoát  
 Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Ý căn đã thuộc về hiểu biết. Hiểu biết ắt tư tưởng tạp loạn nổi lên, như biển nổi sóng dào, nơi tánh lặng nhiên rốt chẳng thể thấy. Dù khiến cái hiểu biết trở về chỗ không hiểu biết, tư tưởng về chỗ không tư tưởng cũng thuộc về tướng niệm, chưa dễ giải thoát, nên chẳng thể được viên thông.

Có nhà sư hỏi Thiền Quốc sư : “Như sao là chẳng chứng một pháp ?”

Tổ đáp : “Mắc trong ngôn ngữ.”

Hỏi : “Như sao là chứng các pháp ?”

Đáp : “Say đắm làm chi ?”

Rồi bèn nói : “Chỉ như sơn tăng này, đối đáp kia như vậy, các vị Thượng tọa hiểu ra làm sao ? Chẳng phải tướng chân thật là thế ư ? Chẳng phải ngay lúc này không có một pháp nào để chứng đấy ư ? Chẳng phải rõ biết chỗ đi đến của y đấy ư ? Chẳng phải là toàn thể hiển lộ đấy ư ? Chớ am hiểu lắm ! Kiến giải thế này, gọi là nương cỏ bám cây, cùng Phật Pháp cách xa trời đất ! Giả như vấn đáp biện luận như nước chảy sông trôi cũng chỉ thành được cái tri kiến điên đảo. Nếu chỉ quý lời đáp biện luận, có gì khó đâu ? Chỉ e vô ích cho người, trở thành đối gạt. Như các Thượng tọa, chỗ học, biện luận, vấn đáp trước kia, nói đạo lý cho lắm, vì sao mà tâm nghi chẳng dừng ? Nghe phương tiện của Thánh xưa một mực chẳng hội, chỉ vì nhiều hư ít thật. Chẳng bằng các Thượng tọa ở dưới gót chân một phen nhìn ra, xem đó là đạo lý gì, có bao nhiêu pháp môn để cho các vị tự nghi tự giải. Mới biết việc học trước kia chỉ là căn nguyên sanh tử, kể sống trong ấm giới. Do đó, cổ nhân nói “Chẳng thoát kiến văn, như trăng chìm trong nước”. Vô sự, trân trọng.”

Kiến văn còn chẳng thể thoát, hướng là tướng niệm ư ? Trên đây là theo năm căn mà nhập, chẳng hợp với người sơ tâm.

Kinh :

“Nhãn thức bởi căn, trần  
 Gạn cùng, không có tướng  
 Cả tự thể không định  
 Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Cảnh thuộc tướng phần, thức thuộc kiến phần. Cái thấy của nhãn thức là căn và cảnh hợp, thức sanh ở giữa, ba thứ hòa hợp mà thành. Gạn đến gốc rễ thì cái thấy này vốn không tự thể, không có tướng gì nắm bắt được. Hòa hợp thì có, chẳng hòa hợp thì không nên nói là chẳng định. Vốn là vô định thể, sao có thể chứng viên thông ?

Sư Thần Hội, tuổi mới mười ba, từ Ngọc Tuyên đến tham hỏi Lục Tổ.

Tổ nói : “Bậc trí thức gian khổ ở xa đến, lại đem được gốc đến chẳng ? Như có gốc thì hẳn biết chủ, thử nói ra xem.”

Thầy Hội nói : “Lấy vô trụ làm gốc, thấy tức là chủ.”

Tổ nói : “Sa di này ! Sao hợp được lời nói ấy.”

Thầy Hội mới hỏi rằng : “Hòa thượng ngồi thiền là thấy hay chẳng thấy ?”

Tổ lấy gậy đánh ba cái, nói : “Ta đánh ông là đau hay chẳng đau ?”

Đáp rằng : “Cũng đau cũng chẳng đau.”

Tổ nói : “Ta cũng thấy cũng chẳng thấy.”

Thầy Hội hỏi : “Sao là cũng thấy cũng chẳng thấy ?”

Tổ nói : “Chỗ thấy của ta là thường thấy lỗi lầm nơi tự tâm ; chẳng thấy sự đúng sai tốt xấu của người, đó là cũng thấy cũng chẳng thấy. Ông nói cũng đau cũng chẳng đau là sao ? Ông nếu chẳng đau, thì đồng với gỗ đá, nếu đau thì đồng với phàm phu, liền nổi hờn giận. Trước, ông hỏi thấy hay chẳng thấy, đó là hai bên ; đau hay chẳng đau, đó là sanh diệt. Tự tánh ông còn chẳng thấy, sao dám giỡn người ?”

Thầy Thần Hội lễ bái tạ tội.

Tổ nói : “Ông bằng tâm mê chẳng thấy, thì hỏi thiện tri thức chỉ đường. Ông bằng tâm ngộ, tức tự thấy tánh, đúng pháp tu hành. Ông tự mê chẳng thấy lại đi hỏi ta thấy với chẳng thấy. Ta tự biết thấy, đâu đợi cái mê của ông. Ông bằng tự thấy, cũng chẳng đợi chuyện ta mê. Sao không tự biết tự thấy, mà hỏi ta thấy với chẳng thấy ?”

Thầy Thần Hội lại lay hơn trăm lay, xin tạ lỗi lầm, hầu hạ một bên.

Một hôm, Tổ nói với chúng rằng : “Ta có một vật, không đầu không đuôi, không danh không tự, không lưng, không mặt, các người có biết chăng ?”

Thầy Thần Hội bước ra, nói : “Đó là cội nguồn của chư Phật, Phật tánh của Thần Hội.”

Tổ nói : “Đã nói là không danh không tự, ông liền gọi là cội nguồn, Phật tánh. Ông đi mà có mái tranh che đầu, rốt chỉ thành một tông đồ tri giải.”

Nếu lúc ấy mà như Nhị Tổ : xá bái rồi y chỗ mà đứng, thì có lỗi gì ?

Kinh :

“Tâm nghe suốt mười phương  
Do nhân lớn nguyện lực

**Sơ tâm khó thể đến  
Làm sao được viên thông ?**

*Thông rằng* : Chẳng dùng tai nghe, chẳng dùng thức nghe nên nói là tâm nghe, là đã chứng quả vị, cùng Đức Quán Thế Âm nghe suốt mười phương tròn sáng không khác. Chỗ này cũng là nói "Ta cũng theo trong ấy chứng, chẳng phải chỉ duy nhất Đức Phổ Hiền". Tâm nghe rộng suốt mười phương, việc ngoài hằng sa thế giới không gì chẳng biết. Do nơi nhân địa phát tâm, hạnh nguyện cực đại, khắp cõi hư không không đâu chẳng suốt đến. Có cái nhân lớn này nên chứng đại quả ấy. Cái ấy chẳng phải đại căn đại khí thì không thể tiếp nhận đảm đương, chẳng như xoay lại cái nghe, huân tu tánh nghe, lần hồi nhập vào. Điều này người sơ tâm chưa dễ khế hợp, khó được viên thông, với các chỗ nói khác có chút khác biệt.

Thiền sư Động Sơn Lãm, ngày chỉ ngồi tịnh. Một bữa, kêu thị giả hãy xuống pháp đường, bảo kẻ kéo cây đừng làm hư thêm bực.

Thị giả ra xem, thấy chẳng có ai, trở lại thưa : "Vắng vẻ, không có bóng người nào."

Tổ Lãm lại khiến kiểm tìm. Thị giả đến thêm cúi xem, thì ra bầy kiến kéo cái cánh con chuồn chuồn, theo bực thêm đi lên.

Đây là cực tịnh nên phát ra cái linh tri vậy, nên nghe tiếng con kiến như tiếng sấm. Hướng gì cái Tâm nghe của Đức Phổ Hiền, tột cùng rộng lớn hơn ở đây biết bao ?

Kinh :

**"Quán chót mũi vốn quyền cơ  
Chỉ để nhiếp tâm trụ**

**Trụ, tâm thành có trụ  
Làm sao được viên thông ?**

*Thông rằng* : Nhiếp tâm thật là khó khăn vậy. Ban đầu thì tán loạn, chỉ sợ chẳng trụ được. Mà đã được lặng yên, lại thành có chỗ trụ. Trụ và chẳng trụ đều chẳng phải là cái bản thể của vô trụ, nên chẳng được viên thông.

Thầy Thạch Củng một ngày kia đang làm việc trong bếp.

Ngài Mã Tổ thấy, hỏi rằng : “Làm gì thế ?”

Thầy Củng đáp : “Chăn trâu.”

Ngài hỏi : “Chăn làm sao ?”

Thầy Củng nói : “Một khi vào đám cỏ, nắm mũi dắt trở lại.”

Ngài nói : “Ông thật đúng chăn trâu.”

Tổ Nam Tuyền dạy lời rằng : “Vương Lão sư này chăn có một con trâu nước đục, định hướng khe Đông đi thì chẳng khỏi lúa mạ nhà vua ; định hướng khe Tây đi cũng chẳng khỏi lúa mạ nhà vua. Sao bằng tùy phận dớp chơi chơi (ít ít), đời nào thấy được !”

Tổ Thiên Đồng nêu rằng : “Nam Tuyền chăn trâu khá là kỳ đặc ! Dầu cho chốn chốn canh giữ cũng chẳng xong. Vì sao như thế ? Vì kia tùy phận dớp chơi chơi !”

Tổ Vân Môn nói : “Hãy nói trong trâu dớp hay ngoài trâu dớp ? Ngay dù ông nói được chỗ ăn rành rẽ, tôi lại hỏi ông tìm trâu ở đâu ?”

Tổ Đại Quy gạn hỏi rằng : “Vân Môn chỉ biết tìm trâu, chẳng biết xỏ mũi !”

Đưa cây gậy lên, nói : “Ba đời chư Phật cùng lỗ mũi của Lão Hòa thượng trong thiên hạ bị cây gậy của sơn tăng nhất thời xuyên suốt ! Hãy nói lỗ mũi sơn tăng ở đâu ?”

Chập lâu, nói : “Phao tội cho người, dùng toàn tội buộc !”

Nếu nơi tất cả quyền cơ này mà xuyên suốt, thì rõ ràng tìm ra lỗ mũi, quyết định được vô thượng viên thông !

Kinh :

“Thuyết pháp, phát tiếng, câu  
Trước khai ngộ mới thành  
Câu, chữ chẳng vô lậu  
Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Căn lưỡi chỉ có thể phân biệt mùi vị, thức lưỡi mới sử dụng âm thanh, thuyết pháp thế gian và xuất thế gian để khai ngộ cho người. Nhưng việc khai ngộ chỉ dành cho người đã thành tựu trước, khi ấy cảm hóa như mưa, chẳng phải chỉ có lời nói cho ra thôi vậy. Hướng gì thể chữ thể câu, chẳng lia vắn tự, chẳng phải là pháp vô lậu. Như ngón tay chỉ mặt trăng, ngón tay chẳng phải là mặt trăng, sao có thể được viên thông ?

Tổ Pháp Nhân thượng đường, đại chúng đứng đã lâu, mới nói rằng : “Chỉ như vậy đó mà giải tán đi ! Liệu có đạo lý Phật Pháp hay không ? Thử nói xem ! Nếu không, lại đến trong ấy làm gì ? Nếu có thì trong chợ búa, chốn đông người cũng có. Nào phải đến *trong kia* ! Các ông mỗi người từng đọc bộ Hoàn Nguyên Quán, Bá Môn Nghĩa Hải, Hoa Nghiêm Luận, Niết Bàn Kinh, lăm thứ văn sách, cuốn nào trong giáo điển có cái thời tiết ấy ? Nếu có, thử đưa

ra xem. Nếu trong kinh ấy có cái lời nói ấy, thì đó là thời tiết gì, làm sao giao thiệp ? Bởi thế mà nói "Có chút xíu lời vướng nơi tâm tánh, thường làm cái trường duyên ra lo nghĩ". Cái *thật tế* ở ngay trước mắt đổi thành cái cảnh của danh tướng. Lại làm sao đổi được đây ? Nếu đã đổi đi, lại làm sao chánh được đây ? Có am hiểu chăng ? Chỉ ghi nhớ lời sách, có chỗ nào dùng được !"

Đáng tin thay, câu chữ chẳng phải là cái vô lậu, chẳng có thể được viên thông.

Kinh :

"Giữ giới chỉ buộc thân  
 Không thân, không chỗ buộc  
 Vốn chẳng khắp tất cả  
 Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Pháp Thân vô lượng, chẳng mượn ở tu hành làm ra. Cái Ứng Thân có hạn, dễ dàng tạo nghiệp, phải mượn nhờ giới luật mà kềm buộc nó. Sự kềm buộc này chỉ thi hành cho Ứng Thân, nhưng không thể dùng thông cho lý Pháp Thân, nên chẳng phải khắp tất cả. Chẳng khắp tức chẳng thể được viên thông.

Thiên sư Hoàng Bách Huệ, tuổi nhỏ xuất gia, theo nghiệp kinh luận. Nhân thọ thêm Bồ tát giới mà than rằng : "Nhiếp giữ Luật Nghi Giới của bậc đại sĩ với gốc thọ Thanh Văn Giới của ta đều "*Chỉ, Trì, Tác, Phạm*". Nhưng trong Thiên Tụ thêm bớt, cành gốc chung riêng, ý chế định lại nhiều, đều vi tế khó ngăn ngừa. Lại nữa, theo chỗ nhiếp điều thiện, chưa từng làm được ít phần. Huống làm được lợi ích cho chúng sanh ư ? Vả chẳng cái thân mạng bọt huyễn thế gian, đâu khá lưu luyến !"



Do đầy dẹp khóa giảng, muốn đem thân nhảy vào nước nuôi loài tôm cá.

Nghĩ xong, sắp bỏ đi, bỗng có hai vị Thiền giả lưu lại nói chuyện, bảo rằng : “Phương Nam cũng nhiều thiện tri thức, sao vương động chỉ nơi một góc.”

Từ đó hồi lại ý định.

Bèn đến Tổ Sơ Sơn, bạch hỏi : “*Sát na tiện đi thì thế nào ?*”

Tổ Sơn nói : “Che lấp hư không, ông làm sao đi ?”

Đáp rằng : “Che lấp hư không, chẳng bằng không đi.”

Tổ Sơn bèn thôi.

Sau đó, xuống nhà giảng tham kiến Đệ Nhất tòa.

Ngài Đệ Nhất tòa nói : “Vừa rồi lời đáp rất kỳ đặc (lạ lùng).”

Đáp rằng : “Đấy còn là nông nổi, dám mong lòng từ bi, khai thị cho kẻ ngu muội.”

Ngài Chủ tòa nói : “Trong một sát na lại có nghĩ định ư ?”

Ngay lời nói xong, tức thời đốn ngộ.

Thiền sư Nguyên Am Từ, lúc nhỏ theo Tổ Thành Đô Chánh Pháp xuất gia. Thọ giới luật rồi, đi đây đó giảng Luật. Nghe giảng kinh Viên Giác, đến chỗ “*Bốn Đại mỗi là rã, nay đây vọng thân đương ở chỗ nào ? Rốt ráo không thể, thật đồng huyễn hóa*”.

Nhờ đó tỉnh ngộ, làm bài tụng rằng :

“*Một hạt minh châu  
Giá lý trong ta  
Xoay được động được  
Phóng quang động địa.*”

Hai vị Tôn túc đây, chẳng lìa ngoài huyễn thân mà chứng Pháp Thân, có “*chẳng khắp*” gì đâu ?

Kinh :

“Thần thông : nhân đời trước  
 Quan (hệ) gì pháp phân biệt  
 Duyên niệm chẳng lìa vật  
 Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Thần thông Tiểu thừa đều là tác ý. Duyên với vật thì có, lìa vật thì không, chẳng phải lìa vật mà có thể hiển hiện, cho nên duyên với hữu niệm vậy. Đây là hệ thuộc cái thần lực thành tựu của đời trước, chứ chẳng liên quan với diệu pháp phân biệt mà được hiển hiện. Đã chấp trước vào thần thông, nên chẳng thể nói chỗ viên thông được.

Tổ Hoàng Bá ban đầu đi thăm núi Thiên Thai, gặp một nhà sư như đã từng quen, bèn cùng nhau đi. Đến khe suối nước đầy chảy mạnh, Tổ Bá chống gậy mà nghỉ. Nhà sư thúc Tổ Bá cùng qua.

Tổ Bá nói : “Mời huynh qua trước.”

Nhà sư liền để nón nổi trên mặt nước mà qua.

Tổ Bá nói : “Ta lại cùng với một anh nhãi kết đoàn, tiếc là chẳng đập cho một gậy chết phứt.”

Nhà sư ấy, còn ở giữa dòng nước, từ xa làm lễ, ca ngợi rằng : “Quá thật là Pháp Khí Đại thừa, ta chẳng theo kịp.”

Đây là thần thông của Tiểu thừa, bị Ngài Hoàng Bá quở trách.

Ngài Ma Cốc, Nam Tuyền... hai ba vị qua ra mắt Tổ Kính Sơn, giữa đường gặp một lão bà, mới hỏi : “Đường đi lối nào ?”

Đáp : “Cứ thẳng mà đi.”

Ngài Cốc nói : “Phía trước nước sâu, qua được chăng ?”

Đáp : “Chẳng ướt chân.”

Ngài Cốc lại hỏi : “Bờ trên lúa được gì mà tốt, bờ dưới lúa được gì mà xấu ?”

Đáp : “Đều bị cưa cắn chân.”

Ngài Cốc nói : “Lúa thơm ngát.”

Đáp : “Mất hơi thở.”

Ngài Cốc lại hỏi : “Bà trụ nơi nào ?”

Đáp : “Chỉ tại *trong* ấy.”

Ba vị đến quán.

Lão bà nấu một bình trà, đem đến cái chén, bảo rằng :  
“Hòa thượng có thần thông thì uống trà.”

Ba vị cùng ngó nhau.

Bà nói : “Hãy xem lão già vô dụng này tự bày thần thông đây vậy !”

Ngay đó nâng chén rót trà, rồi đi.

Các thần thông này, chẳng thể đồng với các thứ thần thông nhỏ hẹp, nên Ngài Ma Cốc, Nam Tuyên cũng chẳng thể dò nổi bờ bến.

Ở trên là theo sáu thức mà vào, người sơ tâm chẳng dễ ứng hợp.

Kinh :

“Nếu quán tánh địa đại  
Cứng độn không thông suốt  
Hữu vi, chẳng Thánh tánh  
Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Đất là cứng đọng, vốn chẳng phải tánh thông suốt, nên trì giữ địa đại, là pháp hữu vi. Đã chẳng phải quả vô vi, nên chẳng thích hợp với viên thông. Bạc Tiên đức nói, “Như người rõ được tâm, địa đại không tác đất”. Thấy được như thế, còn chỗ nào ngại ?

Tổ Bửu Phước nhân có vị tăng đứng hầu, nói : “Ông được cái tâm thô đấy.”

Vị tăng nói : “Đâu là chỗ tâm thô của con ?”

Tổ Phước cầm lên một cục đất, đưa cho vị tăng, nói : “Quăng ra ngoài cửa đi !”

Vị tăng ném xong, vào lại, hỏi : “Đâu là chỗ tâm thô của con ?”

Tổ Phước nói : “Ta thấy có tiếng đá chạm nhau đó, nên nói ông là thô tâm.”

Nếu vị tăng này bưng tỉnh ngộ, liền thông suốt Thánh tánh, tức được viên thông vậy.

Kinh :

“Nếu quán tánh thủy đại  
Móng tướng, chẳng chân thật  
Như như, chẳng thể quán  
Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Quán nước là trong mười pháp quán tướng. Chỗ thành tựu của móng tướng, há đồng chân thật ư ? Cái lý chân thật, như như chẳng đọng, chẳng mượn đến tạo tác, nên chẳng phải là chỗ để quán tướng đến được.

Nhà sư hỏi Tổ Tuyết Phong : “Suối xưa nguồn lạnh thì thế nào ?”

Tổ Phong đáp : “Trùng mắt chẳng thấy đấy.”

Hỏi : “Người uống thì sao ?”

Tổ Phong đáp : “Chẳng theo miệng vào.”

Nhà sư nói y lại với Tổ Triệu Châu.

Tổ Châu nói : “Chẳng thể theo trong lỗ mũi vào.”

Nhà sư lại hỏi : “Suối xưa nguồn lạnh thì thế nào ?”

Tổ Châu nói : “Khổ.”

Hỏi : “Người uống thì sao ?”

Tổ Châu nói : “Chết.”

Tổ Tuyết Phong nghe được, bèn nói : “Triệu Châu là  
“Cổ Phật”, ở xa hướng vọng làm lẽ.

Từ ấy chẳng có lời đối đáp.

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Dựng lập Tông Thừa, cần tay tuyệt diệu ! Tuyết Phong biện luận thật là bậc thiện tri thức của một ngàn năm trăm người. Triệu Châu dùng thủ đoạn của lão già một trăm hai mươi tuổi, chẳng ngại kỳ quái. Như nay trong chúng, tùy theo lời định ý chỉ, chê bai bác bỏ loạn xạ, vui lấp người xưa ! Nhưng gặp nhau han hỏi, hình như có tri âm, khắc cốt ghi lòng, ít gặp gương soi tỏ sáng !”

Chỗ thấy của nhà sư kia vương trệ ở chỗ trong lặng không động lay. Triệu Châu là kim dùi, thì Tuyết Phong là kim chỉ. Sao nói là chẳng đồng ư ?

Kinh :

“Nếu quán tánh hỏa đại  
Chấn tướng, chẳng (phải) thật lia  
Chẳng (phải) phương tiện sơ tâm  
Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Ngài A La Hán Hỏa Đầu nghe nói đến lửa dục mà sanh chán ghét lìa bỏ, đó là chán tướng hữu vi. Đã có ưa, chán, thì chẳng phải là chân giải thoát. Vả lại, người sơ tâm nhập đạo, kiểm chế dục chẳng bằng cùng tốt cái lý. Lý càng sáng thì dục càng tiêu. Như muốn cùng lý, thử quán xem lửa là vật gì ?

Tổ Triệu Châu nhân có nhà sư hầu bên, bèn chỉ lửa hỏi rằng : “Cái ấy là lửa, ông không được gọi là lửa, lão tăng nói rồi vậy.”

Nhà sư không đáp được.

Tổ Châu lại gấp lửa lên, hỏi : “Hội chăng ?”

Đáp : “Chẳng hội.”

Tổ Châu nói : “Ở Thơ Châu có Hòa thượng Đầu Tử, ông sang làm lễ mà hỏi, chắc sẽ vì ông nói ra. Nhân duyên khế hợp nhau, chẳng cần trở lại, chẳng khế hợp nhau, thì hãy trở về.”

Nhà sư đến Tổ Đầu Tử.

Tổ Tử hỏi : “Vừa lìa chốn nào ?”

Đáp : “Triệu Châu.”

Tổ Tử hỏi : “Triệu Châu có lời nói gì ?”

Nhà sư nêu ra lời trước.

Tổ Tử nói : “Ông hội chăng ?”

Đáp : “Chẳng hội, xin thầy bày dạy.”

Tổ Tử bèn xuống thiền sàng, đi ba bước, ngồi lại, hỏi : “Hội chăng ?”

Đáp : “Chẳng hội.”

Tổ Tử nói : “Ông về nói y lại với Tổ Triệu Châu.”

Nhà sư trở lại nói y thế với Tổ Triệu Châu.

Tổ Châu nói : “Vậy hội chẳng ?”

Đáp : “Chẳng hội.”

Tổ Châu nói : “Đầu Tử như vậy cũng chẳng qua loa lắm đâu.”

Ôi, hai vị Lão túc, phương tiện đến như thế, còn chẳng chịu ngộ, luống là ai khác ?

Kinh :

“Nếu quán tánh phong đại

Động, tính là đối đãi

Đối, chẳng (là) Vô Thượng Giác

Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Tánh của các thứ động này, đến không từ đâu, đi không về đâu, nguyên chẳng có chỗ đối đãi. Quán sát sức gió không chỗ nương, ngộ Bồ Đề Tâm tức là Vô Thượng Giác, nào đến đối có hai tướng động tĩnh gì đâu ? Chỉ vì người sơ cơ, ở trong cái động, biết cái tánh chẳng động, phân ra động với bất động, hai tướng đã có, tức là có đối đãi. Đã là đối đãi, tức sanh diệt pháp, thì xa Bồ Đề Vô Thượng lắm vậy.

Tổ Thứ Mười Bảy, Ngài Tăng Ca Nan Đề, độ cho Đồng tử Trì Giám, đặt tên lại là Già Da Xá Đa. Một hôm, nghe tiếng linh<sup>(1)</sup> gió thổi rung trên điện.

Tổ hỏi rằng : “Linh kêu ư, gió kêu ư ?”

Xá Đa nói : “Chẳng phải gió, linh kêu, tâm mình kêu vậy.”

Tổ nói : “Tâm là chi vậy ?”

---

<sup>1)</sup> Chuông nhỏ.

Xá Đa nói : “Đều tịch tĩnh vậy.”

Tổ nói : “Hay thay, hay thay ! Kế tục đạo ta, không, ông thì ai.”

Về sau, Lục Tổ nhân hai nhà sư bàn luận nghĩa gió với phước.

Một người nói : “Gió động.”

Người kia nói : “Phước động.”

Định luận chẳng dứt.

Tổ bước tới nói : “Chẳng phải gió động, chẳng phải phước động, tâm các vị động.”

Cùng với lời Ngài Xá Đa, như từ một miệng.

Tổ Tuyết Phong nêu lên lời của Lục Tổ “Chẳng phải gió động, chẳng phải phước động, tâm quý vị động”. Bèn nói : “Tổ Sư lớn bé, đầu rồng đuôi rắn, đáng cho hai mươi gậy !”

Khi ấy, Thượng tọa Đại Nguyên Phu đứng hầu bất giác nghiêng răng.

Tổ Phong nói : “Vừa rồi tôi nói thế cũng đáng ăn hai mươi gậy !”

Thiền Quốc sư thượng đường : “Phương tiện cổ thánh dường như hà sa. Tổ Sư nói “Chẳng phải gió động, chẳng phải phước động, tâm quý vị động”. Đây mới là pháp môn tâm ấn vô thượng.

“Bọn chúng ta là khách môn hạ của Tổ Sư, liệu làm sao am hiểu ý Tổ Sư ? Chớ nói : Gió, phước chẳng động, tâm ông vọng động ! Chớ nói : Chỗ động của gió phước là ở đâu ? Hoặc nói : Nương vật rõ tâm, chẳng cần nhận vật. Hoặc nói : Sắc tức là Không. Hoặc nói : Chẳng phải gió, phước động ; phải nên nhiệm mầu am hiểu. Am hiểu



như thế thì cùng với ý Tổ Sư có gì giao thiệp ? Chẳng thể chịu cho kiểu am hiểu như thế.

“Các vị Thượng tọa, nên biết rất ráo. Như ở *trong ấy* tỏ ngộ rất ráo, thì pháp môn nào chẳng rõ ? Trăm ngàn phương tiện của chư Phật nhất thời hiểu suốt, còn có chút nghi tình nào. Bởi thế, Cổ nhân nói “Một rõ ngàn thông, một mê muôn lầm”. Nay các Thượng tọa, đâu phải là ngày nay hiểu được một đoạn, ngày mai lại chẳng hiểu nữa. Chẳng phải là có một phần chuyện hưởng thượng khó hiểu, có một phần phạm phụ yếu kém chẳng hiểu được. Cái kiến giải như vậy thì có trải qua số kiếp nhiều như bụi cũng chỉ tự mệt thân khổ trí. Làm gì có chuyện ấy !”

Thiền Quốc sư nói thế, sánh với Tổ Tuyết Phong ít nhiều, cũng nên cho ăn hai chục gậy !

Kinh :

**“Nếu quán tánh không đại  
Không-trơ, chẳng phải giác  
Không biết, khác Bồ Đề  
Làm sao được viên thông ?**

*Thông rằng* : Nghiêng về cái không ắt trơ độn chẳng phải giác. Cái Chơn Không thì tức Giác, tức Không. Người sơ cơ định luận cái Không thật dễ lầm đường, nên cần phải xét biện.

Tổ Huyền Sa thượng đường : “Người đời nay chẳng tỏ ngộ cái lý Trung Đạo, vọng tự kết dính với sự, kết dính với trần, chón chón nhiễm trước, mỗi mỗi buộc trói. Dầu có chỗ tỉnh ngộ, mà trần cảnh phân vân, danh tướng chẳng thiệt. Bèn định ngưng tâm thấu niệm, nhiếp sự về không, nhắm con mắt, chứa tinh thần, vừa có khởi niệm, lập tức

phá trừ, mống tướng vừa sanh, bèn liền dè tiết. Như kiến giải này tức là rơi vào cái Không-trơ của ngoại đạo, người chết mà hồn chẳng tan, mờ mờ mịt mịt, vô giác vô tri, bịt tai mà trộm chuông, uống tự khinh, dối.

“*Trong ấy* rõ ràng thì chẳng như vậy, chẳng cà rà ngoài cửa, chẳng lẩn lút bên song. Lời lời hiện tiền, không có chỗ để thương lượng, chẳng quan hệ đến văn tự. Vốn tuyệt trần cảnh, vốn không vị thứ : tạm gọi là kẻ xuất gia, rốt ráo không tung tích. Nào là Chân Như, phàm Thánh, địa ngục, trời người, chỉ là phương thức chữa bệnh cho gã cuồng. Hư không còn chẳng cải biến, Đại Đạo há có thăng trầm ? Ngô thì đọc ngang chẳng rời Bốn Tánh. Đến vào *trong ấy*, phàm Thánh cũng chẳng có chỗ lập. Nếu hướng trong câu khởi ý, ắt chìm đắm chết người. Nếu hướng ngoài rông câu, lại sa vào Ma cõi. Như như hướng thượng, tuyệt dấu an bài. Vừa vịn lò lửa, chẳng chứa muối mòng.

“*Cái ấy* xưa nay vốn bằng phẳng, nào dùng sự tĩa trừ. Động tĩnh, nương mây chính là chân giải thoát đạo. Chẳng gượng suy tính, dựng lập là trái Chân. Như đến vào *trong ấy*, mảy lông chẳng thọ, bày ý tức sai. Dầu cho ngàn Thánh ra đời, bày ra một chữ cũng chẳng được. Trân trọng.”

Như rõ được lời Huyền Sa tức thấu đạt ý chỉ Chân Không. Cái Vô Thượng Bồ Đề cũng gượng đặt tên đó thôi. Há chẳng viên thông hiện tiền ư ?

Kinh :

“Nếu quán tánh thức đại  
Thức chẳng phải thường trụ  
Giữ tâm là hư vọng  
Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh tức là Đệ Bát Thức, vốn chẳng phải là hư vọng. Người chưa thấy tánh chẳng thể chuyển thức, chỉ bị thức chuyển, bèn dùng sự quán tưởng soi xét, thì quán cũng là thức, niệm niệm sanh diệt, chẳng phải thường trụ. Dầu cho có thể giữ tâm lắng trong chẳng động, ấy là do lực quán tưởng trì giữ, cũng thuộc về hư vọng. Há cái Diệu Trạng Tổng Trì, vốn tự vô tâm, chẳng đợi giữ cho còn mà tự không đâu chẳng còn đấy ư ?

Tổ Thứ Mười Sáu, Ngài La Hầu Đa La đến chỗ Ông Tăng Già Nan Đề, gặp ông nhập định. Tổ cùng chúng chờ xem, trải qua hai mươi một ngày mới từ định dậy.

Tổ hỏi rằng : “Thân ông định hay tâm ông định ?”

Thầy Đề đáp : “Thân tâm đều định.”

Tổ nói : “Thân tâm đều định, sao có vào ra ?”

Thầy Đề đáp : “Tuy có ra vào, chẳng mất định tướng, như vàng trong giếng, thể vàng thường tịch.”

Tổ nói : “Như vàng trong giếng, như vàng khỏi giếng, vàng không động tịnh, thì vật gì ra vào ?”

Thầy Đề nói : “Chỉ có lời nói vàng là động tịnh, đâu có vật ra vào. Chỉ có lời nói vàng ra vào, mà vàng chẳng phải động tịnh.”

Tổ nói : “Nếu vàng trong giếng, thì ra khỏi giếng là vàng nào ? Vàng nếu ra khỏi giếng, thì ở lại là vật gì ?”

Thầy Đề đáp : “Vàng như khỏi giếng, ở giếng chẳng phải vàng. Như vàng ở giếng, khỏi giếng chẳng phải vật.”

Tổ nói : “Nghĩa này chẳng phải.”

Thầy Đề nói : “Nghĩa kia chẳng rõ.”

Tổ nói : “Nghĩa này phải rớt.”

Thầy Đề nói : “Nghĩa kia chẳng thành.”

Tổ nói : “Nghĩa kia chẳng thành, nghĩa “cái ta” thành vậy.”

Thầy Đề nói : “Nghĩa cái *ta* tuy thành, pháp chẳng phải cái *ta* vậy.”

Tổ nói : “Nghĩa *ta* đã thành, *ta* không *ta* vậy.”

Thầy Đề nói : “*Ta* không *ta* thì lại thành nghĩa gì ?”

Tổ nói : “*Ta* mà không *ta*, nên thành nghĩa của ông.”

Thầy Đề nói : “Thầy nhân giả là ai, mà đắc vô ngã ấy ?”

Tổ nói : “Thầy *ta* là Già Na Đề Bà, chúng Vô Ngã ấy.”

Thầy Đề dùng kệ ca ngợi rằng :

*“Kính lễ Đề Bà sư  
 Nhân giả ra từ đó  
 Nhân giả vô ngã vậy  
 Tôi muốn người làm Thầy.”*

Tổ dùng kệ đáp rằng :

*“Bởi vì *ta* vốn là vô ngã  
 Ông cần thấy cái ngã của *ta*  
 Ông nếu muốn coi *ta* là Thầy  
 Biết *ta* chẳng phải ngã của *ta*.”*

Thầy Nan Đề tâm ý rộng nhiên, bèn câu độ thoát.

Tổ nói : “Tâm ông vốn tự tại, chẳng ràng buộc ngã-sở.”

Rồi phó bài kệ Chánh Pháp Nhãn rằng :

*“Trong Pháp, thật không chúng  
 Chẳng giữ cũng chẳng lia  
 Pháp chẳng tướng hữu vô  
 Trong ngoài chỗ nào khởi.”*

Thế nên, biết chuyển thức thành trí thì trong khoảng mấy tở. Còn không thấy cái chân thật, rốt cũng là hư vọng.

Kinh :

“Các hành đều vô thường  
 Tưởng niệm vốn sanh diệt  
 Nhân quả nay khác biệt  
 Làm sao được viên thông ?

*Thông rằng* : Căn cứ theo pháp môn niệm Phật thì niệm tức là Phật, hành tức là Phật, độc chỉ Tâm là Phật, độc chỉ Tâm làm Phật. Quả và Nhân là một. Vốn chẳng phải khác biệt. Nay Ngài Văn Thù chỉ quy về một đường hướng thượng, nên cho hành là vô thường, niệm thuộc sanh diệt, lấy đó mà cầu quả Phật thường trụ, chắc chẳng thể được.

Thiền sư Tề Kỷ nhân đạo hữu của Hội Liên Xã mời, thượng đường, nói : “Dần dần tóc bạc da mồi, cha trẻ mà con già ! Xem coi bước đi suy yếu, nghi chết Thượng tọa ngọc ! Dầu cho vàng ngọc đầy nhà, coi chừng giặc vô hình ! Há khỏi suy tàn, già bệnh, hãy nên rất lưu ý ! Mặc người ngàn chuyện khoái vui, hấn ta vẫn được tự do ! Vô thường rốt cuộc lại đến, về nhà uống trà đi thôi. Chỉ có nẻo tắt tu hành, y cũ đi vòng quanh ! Chỉ niệm A Di Đà Phật, niệm được chẳng nên chuyện !”

Lại nói : “Ái chà ! Cái con đường sống ấy đã bị Thiện Đạo Hòa thượng chỉ thẳng rõ ràng ra rồi vậy. Chính các ông sáng tối qua lại trong con đường tắt, vì sao ngay trước mặt mà lầm đi qua A Di Đà Phật. Trong ấy tiến cử được, bèn hay trừ cái chướng mê mờ diên đảo, nhổ mũi tên dụ dự, cắt lưới nghi lầm, dứt sông si ái, chặt phá rừng tâm

rậm, rửa tâm uế trước, làm thẳng ngay tâm tà vậy, dứt tuyệt tâm sanh tử. Rồi sau chuyển nhập mé kia, đỡ cao chân, hướng về chỗ Phật Tổ dẫm bước chẳng tới mà tiến một bước ! Mở miệng ra, hướng về chỗ Phật Tổ dạy dỗ chẳng tới mà nói một câu ! Gọi trở lại Thiện Đạo Hòa thượng, riêng cầu nẻo tắt tu hành ! Nếu mà cứ y theo trước, bỏ cha chạy trốn, lưu lạc phương người, dụng đồng chạm tây, khổ thay A Di Đà Phật !”

Lại còn Tổ Huỳnh Long Tân, thượng đường rằng : “Ngọc Thanh Châu bỏ vào nước đục, nước đục chẳng thể chẳng trong. Niệm Phật để vào trong tâm rối loạn, tâm loạn chẳng thể chẳng Phật. Phật đã chẳng loạn, nước đục tự trong. Nước đục đã trong, công quy về đâu ?”

Chập lâu, nói : “Mấy độ hắc phong tràn biển lớn, chưa từng nghe nói lật thuyền câu !

“Phàm trọn thu nhiếp sáu căn, tu pháp môn niệm Phật, là còn dùng nẻo đường công cán. Một phen lột thoát, nơi cái thấy này xoay cái nghe thẳng thấu nguồn tánh, bèn xa lầm lỗi.”

Thật là cái cơ tu chứng viên thông tối thượng vậy.

#### IV. NHĨ CĂN VIÊN THÔNG HƠN HẾT

Kinh :

“Tôi nay bạch Thế Tôn  
 Phật xuất cõi Ta Bà  
 Phương này, chân giáo thể  
 Thanh tịnh tại nghe thanh  
 Muốn vào Tam Ma Đề  
 Thật do cái nghe nhập.

*Thông rằng* : Thánh nhân thiết lập giáo pháp, tùy chốn chẳng đồng. Hoặc có chỗ dùng ánh sáng mà làm Phật sự, hoặc có chỗ dùng cây Bồ Đề của Phật mà làm Phật sự, cho đến dùng vườn rừng dài cao, hoặc dùng hư không, hoặc dùng sự lặng lẽ không nói, không chỉ bày, như ở cõi Phật Hương Tích, không có lời nói văn tự, chỉ lấy hư không, khiến cho người-trời được vào luật, hạnh. Cái giáo thể ở phương này, độc tại chỗ nghe tiếng. Chẳng lẫn lộn với trần cấu, cực kỳ trong sạch. Thuần là trong sạch nên dễ dàng khế nhập Tam Ma Đề. Thế giới Ta Bà này dùng cái nghe làm đương cơ vậy.

Nhà sư hỏi Tổ Huyền Sa : “Kẻ học nhân mới vào rừng Thiên, xin thầy chỉ con đường vào.”

Tổ Sa nói : “Có nghe tiếng nước suối Yến chẳng ?”

Đáp : “Nghe.”

Tổ Sa nói : “Theo trong ấy vào.”

Đáng gọi là chỉ bày thẳng suốt vậy.

Kinh :

“Lìa khổ được giải thoát  
 Lành thay Quán Thế Âm  
 Trong hàng sa số kiếp  
 Vào cõi Phật vi trần  
 Đắc sức đại tự tại  
 Vô Úy Thí chúng sanh  
 Diệu Âm, Quán Thế Âm  
 Phạm Âm, Hải Triều Âm  
 Cứu thế, yên lành thấy  
 Xuất thế, hằng thường trụ.

*Thông rằng* : Lành thay Đức Quán Thế Âm, đã lia khổ não nên hay cứu đời ắt thấy yên lành, đã giải thoát đó nên hay khiến cho người xuất thế được thường trụ. Trong hằng sa kiếp vào cõi nước nhiều như số bụi nhỏ, ba mươi hai Ứng Thân không đâu chẳng khắp. Bồ thí mười bốn pháp Vô Úy, đặc lực Đại Tự Tại, thì bốn diệu Đức không thể nghĩ bàn. Tâm Nghe chí diệu, như tiếng qua vách, thấy hóa thành một Diệu Âm vậy. Diệu ở chỗ thanh tịnh, tức gọi là tiếng Phạm Âm, Diệu ở chỗ hưởng ứng, tức gọi là Triều Âm, Diệu ở chỗ tìm thanh (cứu khổ), tức gọi là Quán Thế Âm, âm thanh thế gian chẳng thể so sánh, mà là âm thanh mâu nhiệm của Tự Tánh vậy.

Có nhà sư hỏi Tổ Quy Tông : “Như thế nào là huyền chỉ ?”

Tổ Tông nói : “Không người hiểu được.”

Hỏi : “Hương đến thì thế nào ?”

Tổ Tông nói : “Có hương liền sai.”

Hỏi : “Không hương đến thì thế nào ?”

Tổ Tông nói : “Ai cầu huyền chỉ ?”

Lại nói : “Đi đi ! Không có chỗ cho ông dùng tâm.”

Hỏi : “Há không có cửa phương tiện khiến học nhân được vào ?”

Tổ Tông nói : “Quán Âm trí lực mâu. Hay cứu thế gian khổ.”

Hỏi : “Như sao là Quán Âm trí lực mâu ?”

Tổ Tông gõ nắp đỉnh lư ba cái, hỏi : “Ông có nghe chăng ?”

Đáp : “Nghe.”

Tổ Tông nói : “Sao ta chẳng nghe ?”



Nhà sư không có lời đáp.

Tổ Tông dùng gậy đuổi xuống.

Hôm khác, thượng đường : “Hôm nay ta muốn nói Thiên !”

Các đệ tử đều đến gần phía trước.

Tổ Tông nói : “Hãy nghe hạnh Quán Âm ứng khắp các nơi chốn !”

Hỏi : “Như sao là hạnh Quán Âm ?”

Tổ Tông liền khảy móng tay, nói : “Các ông lại nghe chẳng ?”

Đáp rằng : “Nghe.”

Tổ Tông nói : “Cái lũ này, hướng *trong ấy* kiếm cái gì ?”

Liền lấy gậy đuổi ra, cười ha hả trở về phương trượng.

Tổ Quy Tông thấy rõ, một đoạn điệu âm an nhiên thường trụ của mọi người, chẳng tiếc mà trùng trùng chỉ ra, thật quá đổi tử bi.

Kinh :

“Nay kính bạch Như Lai  
 Như Quan Âm đã nói  
 Ví như người ở yên  
 Mười phương đều nổi trống  
 Mười chốn đồng thời nghe  
 Đó là viên chân thật.

*Thông rằng* : Tam muội vẹn tròn soi chiếu của Đức Quan Âm không khởi không làm, nên như người ở yên lặng, mười phương đánh trống, mười chốn đều nghe. Đâu phải bốn phần thiếu mất nửa phần. Đây là ở cảnh hiện bày đầy đủ cái Viên này vậy.

Thiền sư Hoàng Bá Duy Thăng ngẫu nhiên dùng cây quạt vỗ vào song cửa thành tiếng, bỗng nhớ lại trong kinh nói, “*Mười phương đều nổi trống. Mười chốn đồng thời nghe*”, nhân đó đại ngộ.

Về sau, Thái thú Thoại Châu phó thác cho Tổ Hoàng Long chọn lựa người trụ trì chùa Hoàng Bá.

Tổ Long nhóm chúng, nói rằng : “*Lên lầu chuông niệm tán.*<sup>(1)</sup> *Dưới chân sàng trồng rau.* Người nào nói được, sang đây trụ trì.”

Ngài Duy Thăng bước ra nói rằng : “Mãnh hổ giữa đường ngồi.”

Tổ Long rất khoái ý, bèn khiến sang đó.

Như Ngài Duy Thăng, có thể nói là tự thân chứng cái viên chân thật vậy.

Kinh :

“Mắt không qua chướng ngại  
 Mũi lưỡi cũng như vậy  
 Thân có hợp mới biết  
 Ý ngổn ngang không mới  
 Cách tường tai vẫn nghe  
 Xa gần đều nghe được  
 Năm căn đâu thể bằng  
 Đó là thông chân thật.

*Thông rằng* : Năm căn không cái nào chẳng hiệp với trần, phải hiệp rồi sau mới biết, bèn tự loạn đục. Duy chỉ thanh trần thì cách tường vẫn nghe, chẳng mất cái tự thể

---

<sup>1)</sup> Ca ngợi.

trong sạch, nên những căn không vượt qua chướng ngại không thể sánh bằng, bởi thế căn tai hiển bày sự thông vậy.

Ông Trương Vô Cấu, tạm nghỉ ở quán Tô Thị, một đêm vào cầu tiêu, đang tham cứu công án *Cây bách trước sân, bỗng nghe con ếch kêu, hốt nhiên khế nhập.*

Có bài kệ rằng :

*“Trời xuân trăng sáng, một tiếng ếch  
Đánh vỡ càn khôn chung một nhà  
Ngay lúc như đây ai hội được  
Đâu non đâu vắng có Huyền Sa.”*

Như Ông Vô Cấu, khá gọi là chứng cái thông chân thật vậy.

Kinh :

*“Tánh âm thanh, động tĩnh  
Trong (cái) nghe là có, không  
Không tiếng, gọi (là) không nghe  
Chẳng thật không tánh nghe  
Không tiếng, đã không diệt  
Có tiếng cũng chẳng sanh  
Sanh diệt đều trọn lìa  
Đó là thường chân thật  
Dầu cho trong mộng tưởng  
Không nghĩ nhưng chẳng không  
Tánh nghe ngoài suy nghĩ  
Thân tâm không bằng được.*

*Thông rằng* : Âm thanh có động có tĩnh, nên sự nghe khi có khi không. Tánh nghe thì thường trụ, chẳng do tiếng mà có sanh, chẳng phải không tiếng mà diệt mất. Lấy đâu

mà nghiệm xét ? Trong mộng tưởng nghe tiếng chày giã gạo mà cho là tiếng chuông trống, khi ngủ cũng như khi thức, chẳng có mượn đến nghĩ suy. Cái biết này đối với cái biết chẳng thường hằng có khác, nên trong sự ghi nhớ có thể thấy là nó thường hằng. Năm căn kia ở trong mộng cũng thấy cảnh rõ ràng, nhưng chưa chắc đối với cảnh trước mắt mà biết, phải có suy nghĩ mới kết thành. Nên năm căn kia suy nghĩ thì có, không suy nghĩ thì không, khi thức tỉnh đối cảnh ắt có, khi ngủ mộng đối cảnh ắt không, vướng trệ nơi thân tâm, bị căn trần trối buộc. Độc chỉ tánh của nhĩ thức chẳng đợi khi thức rồi suy nghĩ mới có, chẳng chờ khi mộng mà chẳng suy nghĩ thì không. Tánh ấy siêu việt khỏi ngoài sự suy nghĩ và chẳng suy nghĩ. Bởi thế, tánh giác quán của sự xoay lại cái nghe lìa ngoài nghĩ suy và chẳng nghĩ suy, khác hẳn với cái quán chiếu thông thường sử dụng đến suy nghĩ. Đã ra ngoài cảnh giới của nghĩ suy, nên nơi căn mà lìa căn, nên thân chẳng đến được vậy. Ở nơi thức mà lìa thức, nên tâm chẳng đến được vậy. Đây là *"Sanh diệt dã diệt, tịch diệt hiện tiền"*, chẳng gọi cái ấy là Phật Tánh chân thường sao ?

Ông Trương Vô Cấu nói với Tổ Đại Huệ rằng : "Con mỗi khi trong mộng thì thấy đọc Luận Ngữ, Mạnh Tử, như vậy là sao ?"

Tổ Huệ lấy từ kinh Viên Giác, nói : "Do bởi lặng dứt, nên Tâm như Như Lai mười phương thế giới trong đó hiển hiện, như bóng trong gương."

Ông Vô Cấu nói : "Chẳng phải là Lão sư thì không thể nghe được luận này."

Ông Vô Cấu trong chiêm bao dường như tập khí chưa trừ. Tổ Đại Huệ chỉ ra Đại Viên Cảnh Trí chẳng ngại gì tập

khí lãng xãng khởi diệt. Đáng gọi là thấu suốt rốt ráo cái  
 “*Một đường chân thường*”.

Kinh :

“Nay cõi Ta Bà này  
 Thanh luận được tỏ rõ  
 Chúng sanh mê gốc nghe  
 Theo thanh nên lưu chuyển  
 Anan tuy nhớ kỹ  
 Chẳng khởi lạc tướng tà  
 Há chẳng tùy chỗ đắm  
 Xoay dòng được thường chân  
 Anan, ông nghe kỹ :  
 Tôi nương oai lực Phật  
 Tuyên nói Kim Cang Vương  
 Như huyền, chẳng nghĩ bàn  
 Phật Mẫu, chân tam muội  
 Ông nghe hằng sa Phật  
 Tất cả pháp bí mầu  
 Trước chẳng trừ dục lậu  
 Chứa nghe thành lầm lỗi  
 Dùng nghe trì Pháp Phật  
 Sao chẳng nghe (cái) tự nghe ?

*Thông rằng* : Luận cái căn cơ của cõi này, nên chẳng rõ Tâm Tánh, phải nương theo tiếng luận giải mà được tỏ rõ, nghĩa là nhân lời nói mà ngộ Đạo, đó là sự thường vậy. Nhưng chúng sanh chẳng thấu đạt bốn nguyên, theo tiếng mà lưu chuyển, gọi đó là mê. Thế đó, chạy theo vật là tà, về gốc là chánh. Nếu có thể ngược dòng đến tột nguồn, đến chỗ chẳng sanh diệt, đó là xoay cái nghe mà chứng chân thường, chẳng theo dòng chìm đắm. Đây là pháp môn một

đường Niết Bàn của hằng sa Phật vậy. Tam Muội Kim Cang Văn Huân Văn Tu gọi là như huyền, vì không nguyện, không làm vậy. Không nguyện, không làm, thông suốt gốc nghe, chư Phật đều do đó mà xuất. Nếu có nguyện, có làm là đục lậu chẳng trừ, tuy rộng giữ các pháp môn bí mật, cũng đổi thành lầm lỗi. Chẳng phải chỉ tâm ô nhiễm, tình thức còn mới gọi là đục lậu, mà chỉ lòa mắt khởi lên niệm thấy Phật cũng gọi là tà. Nên xoay cái nghe, nghe vào Tự Tánh mới là cơ đệ nhất đối trị bệnh đa văn vậy.

Vua Tống Hiến Tông hỏi nhà sư Thiên Trúc rằng : “Đã là *Ngọn núi bay đến*<sup>(1)</sup> sao chẳng bay về ?”

Đáp rằng : “Một động chẳng bằng một tĩnh.”

Lại hỏi : “Đức Quan Âm trong tay lần chuỗi niệm gì ?”

Đáp rằng : “Niệm Đức Quán Thế Âm Bồ tát.”

Lại hỏi : “Tự niệm danh hiệu mình làm gì ?”

Đáp rằng : “Cầu người chẳng bằng cầu mình !”

Có nhà sư hỏi Thiên sư Chí Siêu : “Như sao là Phật ?”

Tổ Siêu nói : “Ông là người nào ?”

Nói rằng : “Há chẳng phải *bèn là*<sup>(2)</sup> hay sao ?”

Tổ Siêu nói : “*Bèn là* tức mất giao thiệp !”

Hai tắc này đều hợp với ý chỉ “*Nghe cái tự nghe*”.

Kinh :

“Cái nghe chẳng tự nhiên sanh

Nhân thanh có danh tự

<sup>1)</sup> Phi Lai Phong, tên riêng.

<sup>2)</sup> Tiệt thị.

Xoay nghe thoát khỏi tiếng  
 Giải thoát đâu có danh  
 Một căn đã về nguồn  
 Sáu căn thành giải thoát  
 Thấy, nghe như lò, huyễn  
 Ba cõi là không-hoa  
 Nghe lại, gốc lò trừ  
 Trần tiêu, Giác tròn sạch  
 Sạch tốt, quang thông suốt  
 Lặng chiếu trùm hư không.

*Thông rằng* : Dưới đây nói rõ đường vào bằng cách tự nghe cái tánh nghe.

Trước cần xét định cái tánh nghe này. Từ nhân duyên sanh ư ? Từ tự nhiên sanh ư ? Tánh nghe vốn chẳng phải sanh, nên chẳng phải nhân duyên hay tự nhiên sanh, đặc biệt nhân có âm thanh thì hiển nên lập ra cái tên "nghe". Nếu quay lại với cơ Phán Văn thì đến chỗ chẳng sanh diệt. Đã không có người nghe, tự không có chỗ nghe, hẳn nhiên với âm thanh chẳng quan hệ gì nhau. Cái ấy vốn thoát khỏi âm thanh, không thể trở lại gọi là cái nghe vậy. Gọi là gì ư ? Cái ấy đặt tên cho tất cả mà tất cả không thể đặt tên cho cái ấy. Chỉ có thể ví cái đó như nguồn cội mà thôi. Cho nên quay về nguồn, trở về cội, thì cái tánh nghe còn không có tên, lấy gì làm ràng buộc ? Tức ngay một căn ấy, đương thể giải thoát, nên sáu căn nhất thời trong sạch vậy. Sáu căn vốn tự trong sạch, bỗng dấy lên cái thấy, nghe mà làm cái năng, giống như tròng mắt nhìn thì sanh lò huyễn ; bỗng thấy ba cõi mà làm cái sở, như mắt lò thấy hoa đốm giữa hư không.

Lò huyễn, không-hoa vốn tự chẳng có, mà đuổi theo dòng quên trở lại, chẳng biết là hư vọng. Giờ nghe trở lại

cái gốc nghe, căn lòa trước hết diệt mất, ắt sáu trần tan biến, mà cái Bốn Giác thường hằng tròn sạch. Như mắt sáng thì hoa đốm chỗ nào nảy sanh ? Cái gọi là vẹn tròn trong sạch là chẳng đẹp bỏ muôn tượng mà căn và trần đồng đều trong sạch. Trong sạch cùng cực, thấy suốt mười phương, như ngọc lưu ly trong ngần, ngậm mặt trăng báu ở trong, thì ánh sáng có chỗ nào không thấu suốt ? Đó là ở trong sáng sạch phát ra ánh sáng, lặng mà khắp soi, tức chỗ gọi là sự chiếu soi của Nguyên Minh. Chiếu soi mà chẳng sanh cái sở, ắt lặng khắp hư không. Như mảnh mây tại khoảng trời xanh, mà biển Giác toàn vẹn lặng trong, được cái gốc nguyên diệu vậy. Muốn đại giải thoát bèn xoay lại cái nghe thì xong rồi vậy.

Tổ Hoàng Bá nói : “Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp, tức là Bồ Đề. Tâm bốn nguyên thanh tịnh đây cùng với chúng sanh, chư Phật, núi sông thế giới, có tướng, không tướng, khắp mười phương cõi, cả thấy bình đẳng, không có tướng kia, đây. Cái Tâm bốn nguyên thanh tịnh này thường tự tròn sáng, soi khắp.

“Người đời chẳng ngộ, chỉ nhận thấy, nghe, hay, biết làm Tâm, bị thấy, nghe, hay, biết ngăn che, vì đó mà chẳng thấy cái bản thể thuần túy sáng suốt. Chỉ ngay đấy vô tâm, bản thể tự hiện. Như vầng mặt trời lớn mọc lên giữa hư không, soi chiếu khắp mười phương, suốt không chướng ngại. Thế nên, người học Đạo chỉ nhận thức nơi cái thấy, nghe, hay, biết động tác nhỏ nhặt. Đẹp đi cái thấy, nghe, hay, biết thì nẻo tâm bật chẳng có chỗ vào. Chỉ ngay nơi chỗ thấy, nghe, hay, biết nhận là bốn tâm, nhưng bốn tâm chẳng thuộc thấy, nghe, hay, biết cũng chẳng lìa ngoài thấy, nghe, hay, biết. Chỉ chớ ở trong thấy, nghe, hay, biết mà khởi kiến giải, chớ ở trên thấy, nghe, hay, biết mà động



niệm, cũng chẳng lia thấy, nghe, hay, biết mà giữ pháp. Chẳng *Túc*, chẳng *Ly*, chẳng trụ, chẳng bám, dọc ngang tự tại, không đâu chẳng đạo tràng.”

Như lời Tổ Hoàng Bá, liền nơi bệnh lòa cạo chùi hết ráo. Đó cũng là một sự giúp trở lại nguồn.

Kinh :

“Xem trở lại thế gian  
Giống như việc trong mộng  
Ma Đăng Già trong mộng  
Ai giữ được hình ông ?  
Như đời, huyền sư khéo  
Huyền làm các nam nữ  
Tuy thấy các căn động  
Cốt do một máy giạt  
Máy nghỉ là lặng yên  
Các huyền thành vô tánh.

*Thông rằng* : Đã là thanh tịnh tốt cùng, ánh sáng thông suốt, lặng chiếu trùm hư không thì hư không còn bao trùm được, huống là các sự vật ở trong hư không ? Cho nên bệnh lòa hết dứt, thì không chỉ ba cõi hoa đốm xưa nay không tích, mà nào căn nào trần ở trong ba cõi đều như mộng huyền vậy. Cô Ma Đăng Già trong mộng làm sao bắt giữ hình hài người tỉnh. Tâm dù tỉnh táo, đâu thể nắm được sự vật trong mộng ? Đây là một chứng cứ về căn, cảnh vốn tự giải thoát vậy.

Bộ Liệt Tử có chép huyền sư khéo làm nên người huyền, trong đủ năm tạng, ngoài đủ năm căn, chạy nhảy diễn trò đủ thứ, y như người thật. Trò vui đã xong, người huyền lại với ái thiếp của vua, vua nổi giận. Huyền sư vội

tháo người huyện, toàn là bằng gỗ. Cái giận của vua mới tiêu tan. Cái giận của vua chẳng có ăn nhằm chi người huyện, vì người huyện vô tâm. Huyện vốn không tánh, sao có chuyện vui buồn trong ấy ! Đây cũng là một chứng cứ căn cảnh vốn tự giải thoát.

Thiền sư Ngũ Tổ Diễn dạy chúng rằng : “Hôm qua sơn tăng vào thành, thấy một rạp hát tượng gỗ múa rối, bèn đến gần trước xem. Hoặc thấy uy nghiêm lạ lùng, hoặc thấy xấu xí không chịu nổi, chuyển động đi, ngồi, xanh vàng đỏ trắng, mỗi mỗi rõ ràng. Khi xem kỹ lưỡng thì trong tấm màn xanh có người. Sơn tăng kìm giữ chẳng được, mới hỏi quý tánh ông ta.

“Người kia nói : “Lão Hòa thượng xem rồi thôi, lại hỏi tánh nào ?”

“Sơn tăng bị một câu ấy, liền chẳng có lời đối lại, không lý lẽ để trả bày. Giờ có người nào vì sơn tăng nói được chẳng ? Hôm qua trong kia lạc tiết, hôm nay trong ấy bứng gốc !”

Như hiểu được tin tức “*Bứng gốc*” này thì có thể nói là “*Máy nghĩ tức lặng yên*” vậy.

Kinh :

“Sáu căn cũng như thế  
 Vốn y một tinh minh  
 Phân thành sáu hòa hiệp  
 Một chỗ đã về nghĩ  
 Sáu dụng đều chẳng thành  
 Một niệm trần cấu tiêu  
 Thành viên minh tịnh diệu  
 Còn trần là hữu học  
 Sáng tốt tức Như Lai.

*Thông rằng* : Tổ Hoàng Bá nói rằng : “Đồng là một tinh minh (cái thuần sáng), phân làm sáu hòa hiệp. Một tinh minh ấy là Một Tâm vậy. Sáu hòa hiệp là sáu căn vậy. Sáu căn này mỗi cái cùng với trần hiệp : Mắt với sắc hiệp, tai với tiếng hiệp, mũi với hương hiệp, lưỡi với vị hiệp, thân với xúc hiệp, ý với pháp hiệp. Khoảng giữa sanh ra sáu thức, thành mười tám giới. Như rõ mười tám giới không chỗ có, gồm sáu cái hiệp thành một tinh minh. Một tinh minh là Tâm vậy. Người học đạo đều biết thế. Chỉ chẳng khởi lý giải “*Một tinh minh sáu hòa hiệp*” bèn bị pháp buộc, chẳng khế hợp bốn tâm.

“Như Lai ra đời muốn thuyết Chân Pháp Nhất Thừa. Chúng sanh chẳng tin, khởi lên bài báng, chìm trong biển khổ. Bằng trọn chẳng nói, thì rơi vào lẩn tiếc, chẳng vì chúng sanh khắp xả đạo mâu. Bèn bày phương tiện, nói có ba thừa. Thừa có lớn, nhỏ ; chỗ được có cạn sâu, đều chẳng phải là bốn pháp. Nên nói : Duy chỉ có một Đạo Nhất Thừa, dư hai thì chẳng phải Chân. Nhưng rốt cuộc chưa bày pháp Nhất Tâm. Nên với Ca Diếp cùng chia tòa ngồi, riêng phó chúc Nhất Tâm, ngoài lời mà thuyết pháp. Đây là một ngành biệt hành, nếu có thể khế ngộ bèn đến Phật địa vậy.”

Lời của Tổ Hoàng Bá đây trọn chẳng luận đến “*Còn trần là hữu học*”, đúng là khí tượng Đại thừa.

Hiệp Luận nói rằng : “Bồ tát sơ hạnh thấy cái dụng bậc trung, bởi thâm tín Chân Như nên thấy được chút ít, biết thân Như Lai là không đến, không đi, không có chỗ dứt mất, duy tâm ảnh hiện, chẳng lìa Chân Như. Nhưng Bồ tát này còn chưa lìa phân biệt vi tế vì chưa nhập vị Pháp Thân. Bồ tát tâm tịnh thấy cái dụng vi tế, như vậy mà vượt chuyển, cho đến Bồ tát Cứu Cánh Địa cái thấy mới hết.

Dụng vi tế gọi là Thân Thọ Dụng. Vì có nghiệp thức, thấy Thân Thọ Dụng. Nếu lìa nghiệp thức ắt không gì để thấy. Tất cả Như Lai đều là Pháp Thân. Pháp Thân không có sắc tướng sai biệt kia, đây, mà hỗ tương thấy vậy."

Ôi, phạm lấy cái dụng vi tế gọi là Thân Thọ Dụng, lấy sự hết cái nghiệp thức vi tế gọi là trong địa vị Bồ tát, nên nói "Còn trần là hữu học". Nếu lìa nghiệp thức ắt không gì để thấy, gọi đó là Pháp Thân Như Lai, nên kinh nói "Sáng tột tức Như Lai".

Kinh :

“Đại chúng cùng Anan  
 Xoay cơ nghe điên đảo !  
 Quày nghe, nghe tự tánh  
 Tánh thành : Vô Thượng Đạo  
 Có thể thật như vậy  
 Đây một đường Niết Bàn  
 Cửa vào hằng sa Phật  
 Chư Như Lai quá khứ  
 Pháp môn này thành tựu  
 Hiện tại các Bồ tát  
 Thấy theo, vào viên minh  
 Người vị lai tu học  
 Hãy y Pháp như thế  
 Tôi cũng trong ấy chứng  
 Chẳng riêng Quán Thế Âm.

*Thông rằng* : Cơ nghe theo ngoài buông tuồng, ắt mê gốc theo ngọn, nên gọi là đảo điên. Quày cái nghe nên xoay lại cái cơ ấy vậy. Nghe trở lại tự tánh, là ngược trần hiệp giác, nên gọi rằng chánh. Nghe tự tánh bèn nhìn thấy mặt

mũi xưa nay, thì cái tánh nghe này tiện thành Vô Thượng Bồ Đề, chân thường viên thông ; chẳng nhờ ngoài được. Đó là Đốn Môn chứng thành Vô Thượng Bồ Đề của ba đời chư Phật vậy.

Có nhà sư hỏi Tổ Trường Sa : “Thế nào là Văn Thù ?”

Tổ Sa nói : “Tường vách, ngói gạch đó vậy.”

Hỏi : “Thế nào là Quan Âm ?”

Tổ Sa nói : “Âm thanh ngôn ngữ đó vậy.”

Hỏi : “Thế nào là Phổ Hiền ?”

Tổ Sa nói : “Tâm chúng sanh đó vậy.”

Hỏi : “Thế nào là Phật ?”

Tổ Sa nói : “Sắc thân chúng sanh đó vậy.”

Hỏi : “Thế của hằng sa chư Phật đều đồng, sao lại có đủ thứ danh tự ?”

Tổ Sa nói : “Theo căn mắt trở lại nguồn gọi là Văn Thù. Theo căn tai trở lại nguồn gọi là Quan Âm. Theo tâm trở lại nguồn gọi là Phổ Hiền. Văn Thù là Diệu Quan Sát Trí của Phật. Quan Âm là Vô Duyên Đại Từ của Phật. Phổ Hiền là Vô Vi Diệu Hạnh của Phật. Ba Thánh là Diệu Dụng của Phật. Phật là chân thể của ba Thánh. Dụng thì có hằng sa giả danh. Thể thì gọi chung là Bạc Già Phạm.”

Thế nên biết, mỗi Vị nhập viên minh cùng chư Phật không khác. Nhưng căn tai thì tốt viên, nên phải lấy Quán Thế Âm làm Pháp.

Kinh :

**“Thật như lời Thế Tôn**

**Hỏi tôi các phương tiện**

**Để cứu đời rớt chót**

Người cầu xuất thế gian  
 Thành tựu Tâm Niết Bàn  
 Quán Thế Âm hơn cả  
 Còn các phương tiện khác  
 Đều là Phật oai thần  
 Nơi sự bỏ trần lao  
 Chẳng phải Pháp học thường  
 Sâu cạn đồng nghe Pháp  
 Đánh lễ Như Lai Tạng  
 Vô lậu, chẳng nghĩ bàn  
 Nguyện gia bị vị lai  
 Trong Pháp này không lỗi  
 Phương tiện để thành tựu  
 Nên dùng dạy Anan  
 Cùng đời sau chìm đắm  
 Chỉ nơi căn này tu  
 Viên thông hơn tất cả  
 Chân Thật Tâm là thế.”

*Thông rằng* : Đây là Đức Văn Thù trả lời chỗ hỏi của Phật, chọn lựa viên thông thì không gì bằng pháp môn xoay lại cái nghe của Đức Quan Âm, đáng dạy cho Ông Anan để chữa trị cái lỗi chứa lấm chuyện nghe, và cứu được cho đời mặt kiếp, dứt đi cái khổ trôi xoay. Chẳng như các phương tiện khác, tình cờ chạm nhằm một cơ duyên, phát minh việc mình, người sâu thì nhập vào chỗ vi diệu, sơ tâm chẳng bì kịp, người cạn vướng nơi dấu vết, đối với viên thông chưa hợp, trước sau đều chẳng phải là chỗ tu học lâu dài. Độc chỉ theo căn tai mà vào thì sâu cạn đều hợp nên, đáng tu học lâu dài, lại rất dễ thành tựu, phương tiện tốt cùng. Thế nên Đức Văn Thù xin Thế Tôn âm thầm gia bị thì cái tâm chân thật vì người của Ngài mới an ổn vậy.

Thiền sư Trung Hội Cừu thượng đường : “Nhân duyên cơm cháo của tôi ở chốn này, vì các anh em xướng nêu, rốt chẳng phải là thường hằng. Muốn viên thông chỗ tĩnh yếu, hãy chính nơi núi sông, đất đai cùng ông phát tỏ. Đạo ấy chân thường, cũng vốn rất ráo. Như theo cửa Văn Thù vào thì tất cả đất, cây, ngói, gạch vô vi giúp ông phát tỏ cơ yếu. Như theo cửa Quan Âm vào thì tất cả tiếng tăm, ếch nhái, trùn dế giúp ông phát tỏ cơ yếu. Như theo cửa Phổ Hiền vào thì chẳng động bước mà đến nơi. Ba cửa phương tiện này mở hoạc cho ông. Giống như lấy một mũi tên giã khuấy nước biển cả khiến cho loài cá, rồng kia biết nước là sinh mệnh. Hội chăng ? Bằng không trí nhãn mà thẩm xét chân chánh đó, tha hồ ông trăm thứ khéo hay cũng chẳng là cứu cánh.”

Lại có nhà sư hỏi Thiền sư Đạo Phổ : “Kẻ sơ tâm hậu học, mới vào từng lâm, trong cửa phương tiện, xin thầy chỉ bày.”

Tổ Phổ gõ khuôn cửa.

Nhà sư hỏi : “Hướng thượng lại có sự việc hay không ?”

Tổ Phổ nói : “Có.”

Hỏi : “Như sao là việc hướng thượng ?”

Tổ Phổ lại gõ khuôn cửa.

Ôi ! Đức Phổ Hiền nói “Tâm nghe suốt mười phương.” Đức Văn Thù nói “Ta cũng từ trong đó chứng.” Ba vị Thánh thay nhau cổ xướng khiến người theo căn tai nhập, đều dễ ứng với cơ yếu của cõi này vậy. Nếu các vị tôn túc phát minh, trước sau tiếp dẫn chỗ hướng thượng, nào từng chẳng tuân lối vết viên thông ư ? Chỉ sao người đốn chứng ít vậy ? Chứng nhập tịch diệt hiện tiền tự chẳng có dễ.

Nhưng trong Trí Độ Luận nói rằng : “Căn tai không có sự tỏ biết, nên chẳng có nghe. Nhĩ thức chỉ chốc lát, nên

chẳng thể phân biệt. Tai chẳng nghe, ý thức cũng chẳng có nghe. Vì sao thế ? Năm thức trước biết năm trần, rồi sau ý thức biết. Ý thức chẳng thể biết năm trần hiện tại, mà chỉ biết năm trần quá khứ và vị lai. Nếu ý thức có thể biết năm trần hiện tại thì người mù điếc cũng biết được thanh sắc !”

Hay thay chỗ luận này ! Thật hạp với ý chỉ tịch diệt. Thanh thì vô giác vô căn, nên “Hai tướng động tĩnh rõ ràng chẳng sanh”. Căn thì vô giác, nên “Chẳng trụ ở chỗ hết nghe”. Thức thì không có sắc, không đối đãi, không xứ sở, nên “giác, sở giác không”. Sở không, năng không, sanh diệt đã diệt, nhất niệm liền chứng. Còn với sự lần hồi thêm, lần hồi hóa, vốn chẳng phải hai đường. Nên xoay lại cái nghe mà vào dòng, đến chỗ chẳng sanh diệt, thật phải tuân theo vậy.

Kinh : Ngay đó, Ông Anan cùng cả đại chúng thân tâm suốt nhiên, đắc đại khai thị. Thấy rõ Bồ Đề cùng Đại Niết Bàn của Phật, như người nhân có việc đi xa, chưa được trở về, song đã rõ con đường về nhà.

Tất cả đại chúng trong hội, tám bộ Trời Rồng, Nhị thừa Hữu Học cùng tất cả các Bồ tát mới phát tâm, số lượng cả mười hằng hà sa đều đắc Bản Tâm, xa lìa trần cấu, được Pháp Nhân Tịnh.

Tánh Tỳ kheo ni nghe bài kệ xong, thành quả A La Hán. Vô lượng chúng sanh đều phát tâm Vô Đẳng Đẳng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Ông Anan nghiêm chỉnh y phục, ở trong đại chúng chấp tay đánh lễ. Tâm tánh trọn sáng, vừa mừng vừa tủi, vì muốn lợi ích cho khắp các chúng sanh đời sau, cúi đầu bạch Phật : “Con nay đã ngộ pháp môn thành Phật, trong đó tu hành, không còn nghi hoặc. Con thường nghe Như



Lai nói lời thế này : Minh chưa được độ, trước đã độ người, đó là sự phát tâm của các Bồ tát. Tự giác đã tròn, thường giác cho người, đó là sự ứng thế của chư Như Lai.

“Con tuy chưa được độ, nguyện độ tất cả chúng sanh đời mạt thế. Thừa Thế Tôn, các chúng sanh ấy cách Phật ngày càng xa, nghe tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng ; nếu muốn họ nhiếp tâm vào Tam Ma Địa, làm sao khiến họ an lập đạo tràng, lìa các ma sự, trong Bồ Đề Tâm được không thoái khuất ?”

*Thông rằng* : Vô Đẳng Đẳng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tức là Tối Thượng thừa vậy. Không vật gì bằng mà hay bình đẳng cùng vật, nên gọi là Vô Đẳng Đẳng. Đã lìa phiền não nên gọi là Phật Bồ Đề. Đã lìa sanh diệt nên gọi là Đại Niết Bàn. Vô lượng chúng sanh đều biết ở nơi chỗ này phát tâm, rõ biết phiền não chẳng phải là nhà, mà Tánh Giác là nhà vậy. Rõ biết sanh diệt chẳng phải là nhà mà Niết Bàn là nhà vậy. Pháp môn xoay lại cái nghe, tự vào dòng, mất cái sở, đến chỗ tịch diệt hiện tiền, trong đó tu hành, được con đường đạo viên thông nhiệm mầu. Thật là rõ ràng như đường chỉ trong bàn tay.

Ông Anan tuy chưa tự độ, chưa dứt hết hai thứ phân đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử mà đến bờ kia, nhưng muốn độ chúng sanh đời sau đều được vào chánh định, chẳng bị ma quấy rối. Vì ma sự rất nhiều, phòng ngừa chẳng dễ. Như Tánh Tỳ kheo ni, nếu không được thần chú Như Lai làm sao được tâm dâm liền ngừng thành A La Hán. Năm mươi thứ ám ma ở đoạn sau đều để đáp chỗ hỏi này, lại khiến rõ ràng con đường về nhà vậy.

Thiền sư Thủ Sơn Niệm dạy chúng rằng : “Lão tăng định muốn về quê, có người nào theo được ?”

Khi ấy có nhà sư hỏi : “Chẳng hay khi nào Hòa thượng đi về ?”

Tổ Niệm nói : “Đợi cho có bạn thì nói với ông.”

Nhà sư hỏi : “Không có bạn việc ấy thế nào ?”

Tổ Niệm nói : “Trọn ngày chẳng gặp ai, rõ ràng không biết chỗ !”

Nhà sư hỏi : “Bỗng gặp một người thì lại thế nào ?”

Tổ Niệm nói : “Con mê chẳng về nhà, mất rồi đường lúc đến.”

Nhà sư hỏi : “Xin thầy chỉ cái đường về quê.”

Tổ Niệm nói : “Rồng ẩn cây khô, chẳng còn nương dựa.”

Nhà sư hỏi : “Khi nào Hòa thượng lại trở lại ?”

Tổ Niệm nói : “Một đi chẳng tri âm, sáu nước không tin tức.”

Nhà sư hỏi : “Chính lúc đang về thì thế nào ?”

Tổ Niệm nói : “Độc xướng khúc nhà Hồ,<sup>(1)</sup> không người hòa cho nổi !”

Nhà sư hỏi : “Lúc ấy bỗng gặp tri âm thì thế nào.”

Tổ Niệm nói : “Đầu non người-đá xúm vỗ tay. Bên suối lão quê cười ha hả.”

Nhà sư hỏi : “Về nhà rồi trở lại, việc ấy thế nào ?”

Tổ Niệm nói : “Tám nước dâng áo lễ, bốn tướng không cải đổi.”

Nhà sư hỏi : “Chẳng rõ ở vị thứ nào ?”

Tổ Niệm nói : “Văn Thù chẳng tọa Kim Đài Điện, tự có tiêu dao nhánh trúc lay.”

---

<sup>1)</sup> Ấn Độ, để chỉ dòng Phật.

Xem Tổ Niệm Pháp Hoa<sup>1)</sup> tỏ lại chỉ qua, gõ rao tự tại. Thật y cái khí vị của Tổ Ngưỡng Sơn.

Kinh : Bấy giờ Đức Thế Tôn ở trong đại chúng khen ngợi Ông Anan : “Hay lắm, hay lắm, như chỗ ông hỏi về an lập đạo tràng, cứu vớt chúng sanh chìm đắm trong đời mạt kiếp, nay ông hãy nghe cho rõ, Ta vì ông nói ra.”

Ông Anan cùng cả đại chúng vâng nghe lời dạy.

Phật bảo Ông Anan : “Ông thường nghe trong Luật Tạng của Ta tuyên nói ba nghĩa quyết định của sự tu hành, đó là : Nhiếp tâm là Giới, nhân Giới sanh Định, nhân Định sanh Huệ. Ấy gọi là ba Vô Lậu Học.

*Thông rằng* : Ở trước nói hai nghĩa quyết định. Một là xét cái Tâm Nhân Địa. Hai là lựa chọn Căn Viên Thông, trở lại cùng tột dòng căn, đến chỗ chẳng sanh diệt ; thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề, chẳng phải luận gì đến cái học Giới Định Huệ. Đây là một môn siêu xuất, con đường Xa Ma Tha nhiệm mầu của mười phương Như Lai để tiếp người thượng thượng căn vậy. Trong đó nói “căn và trần chẳng sánh hợp”, chưa từng không có Giới. “Nhu lỏng nước dơ”, chưa từng không có Định. “Ở trong rục rở phát sáng”, chưa từng không có Huệ. Chỉ chẳng dùng Giới Định Huệ tự trói buộc, nên là Đệ Nhất Nghĩa Đế.

Nay lại trước hết nói rõ nơi Giới, mà nên bày bốn Cấm trong Luật là để tiếp người trung-hạ căn. Để phòng ngừa Ma, không thể không nghiêm về Giới. Tiểu thừa thì vâng theo Pháp là Giới, đối trị thô thiển cái ngọn. Đại thừa nhiếp tâm là Giới, dứt trừ tinh vi gốc rễ. Giới nơi Pháp thì không

<sup>1)</sup> Thường niệm kinh Pháp Hoa.

phạm nơi thân mà thôi, Giới nơi Tâm thì không phạm cả trong tư tưởng. Giới châu (tròn sáng như ngọc) là chuyển Thức thành Trí, không năm Ấm, phá năm Trược vậy. Còn có ma sự nào để lo sợ ư ?

Đức Lục Tổ dạy chúng rằng : “Pháp môn này của ta lấy Định Huệ làm gốc. Đại chúng chớ mê, nói Định Huệ khác nhau. Định Huệ một thể, chẳng phải hai. Định là Thể của Huệ, Huệ là Dụng của Định. Ngay trong Huệ, Định ở tại Huệ. Ngay trong Định, Huệ ở tại Định. Như rõ nghĩa này, tức là cái học Định Huệ bình đẳng. Các người học Đạo, chớ nói trước Định mới phát Huệ, trước Huệ rồi phát Định, mỗi cái khác nhau. Thấy ra như vậy hóa ra Pháp có hai tướng. Miệng nói lời lành, trong tâm chẳng lành thì không có Định Huệ, vì Định Huệ chẳng đồng đều. Nếu tâm và miệng đều lành, trong ngoài một thứ thì Định Huệ đồng đều. Tự ngộ tu hành, chẳng vướng nơi tranh cãi. Nếu tranh trước sau là đồng với người mê, chẳng dứt hơn thua là thêm ngã pháp, chẳng lia bốn tướng. Thiện tri thức, Định Huệ giống như đèn và ánh sáng. Có đèn thì sáng, không đèn thì tối. Đèn là Thể của ánh sáng, ánh sáng là Dụng của đèn. Danh tuy có hai, Thể vốn đồng nhất.”

Ở đây, Đức Lục Tổ tuy bày rõ Định Huệ nhất thể, mà trong đó nói tâm, miệng đều lành, trong ngoài như một thứ, Định Huệ bèn đồng đều, thì Giới cũng đã có trong ấy vậy.

Một hôm, Tổ nói với Chí Thành rằng : “Chỗ thuyết pháp của ta, chẳng lia Tự Tánh. Lia thể thuyết pháp, gọi là tướng thuyết, vẫn thường mê Tự Tánh. Phải biết hết thủy muôn pháp đều từ Tự Tánh khởi dụng. Đó là pháp Giới Định Huệ chân thật.

Hãy nghe kệ ta :

“*Tâm địa không trái (phi) : Tự Tánh Giới  
 Tâm địa không si : Tự Tánh Huệ  
 Tâm địa không loạn : Tự Tánh Định  
 Chẳng tăng chẳng giảm : tự Kim Cang  
 Thân đến thân đi : hằng Tam Muội.*”

Thầy Thành nghe kệ tỉnh ngộ, bèn trình một bài kệ :

“*Năm uẩn huyễn thân  
 Huyễn đâu cứu cánh ?  
 Hưởng đến Chân Như  
 Pháp lại chẳng tịnh !*”

Tổ bằng lòng.

Đó là chỗ thuyết Giới Định Huệ của Tối Thượng thừa, đều là lời trong nhà, đối với lời khác ở ngoài cửa, cách nhau như trời với đất.

Kinh : “Anan, nhiếp tâm thế nào thì gọi là Giới ?

“Nếu chúng sanh lục đạo của các thế giới tâm họ chẳng dâm, ắt chẳng sanh theo dòng sanh tử nối tiếp nhau. Ông tu pháp chánh định cốt để ra khỏi trần lao, nếu lòng dâm không trừ thì không ra khỏi cảnh ma được. Dầu có nhiều trí thiền định hiện tiền, mà không đoạn lòng dâm, hấn lạc vào ma đạo : hạng trên thành ma vương, hạng giữa thành ma dân, hạng dưới thành ma nữ. Các chúng ma kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng là thành Đạo Vô Thượng. Sau khi Ta diệt độ, trong đời mạt pháp, nhiều bọn ma này lấy lưng trong thế gian, lan rộng hành vi tham dâm, giả làm thiện tri thức, khiến các chúng sanh sa vào hầm ái kiến, bỏ mất con đường Bồ Đề.

“Ông dạy người đời tu Tam Ma Đề : trước phải dứt lòng dâm. Đó là lời dạy rõ ràng trong sạch, chỗ quyết định thứ nhất của chư Như Lai Tiên-Phật Thế Tôn.

“Thế nên, Anan, nếu không đoạn lòng dâm mà tu thiền định thì cũng như nấu cát đá mà muốn thành cơm, trải trăm ngàn kiếp cũng chỉ gọi là cát nóng. Vì sao thế ? Vì nói là cát đá mà thành, chẳng phải gốc là cơm vậy. Ông dùng thân dâm cầu diệu quả Phật, dầu được diệu ngộ cũng đều là gốc dâm, căn bản thành dâm, xoay chuyển trong ba đường sanh tử, hẵn không ra khỏi, đường nào mà tu chứng Niết Bàn của Như Lai ? Hẳn phải khiến cho cái cơ dâm, dù thân hay tâm, đều đoạn dứt, cho đến tánh lia dứt cũng không còn, thì đối trong Bồ Đề của Phật mới có thể trông mong.

“Như Ta nói đây, gọi là lời Phật ; chẳng như đây nói tức lời Ba Tuần.

*Thông rằng :* Chúng sanh trong lục đạo, sanh tử nối tiếp nhau, kia yêu lòng đây, đây mến cái sắc kia, đời đời kiếp kiếp thường bị ràng buộc. Duy cái dâm là gốc rễ bắt đầu. Cái thấy phát minh thì sắc phát khởi, thấy có thì tướng thành, khác với chỗ thấy thành ghét, cùng với chỗ tướng thành thương. Một tướng niệm, gốc ái khởi động trước hết nên lấy cấm dâm làm đầu. Chẳng bỏ dâm mà tu thiền định, dầu được diệu ngộ chỉ ích cho cơ dâm, nên rốt cuộc chẳng thành Phật mà thành quyến thuộc của Ma. Ma cũng có thần thông biến hóa, cũng có thể nói Đạo Vô Thượng, chỉ vì nghiệp dâm chẳng trừ, phước ma đến lúc hết, rốt lại trôi lăn trong ba đường khổ. Sự dâm phát lên có cơ, mà tâm là cội gốc, nên gọi là tâm dâm. Tâm mà chẳng động thì cơ tự chẳng phát, nên nhiếp tâm giữ giới luật, trước đoạn dứt lòng dâm, gọi là tánh đoạn dứt. Còn tánh đoạn dứt thì chưa lia đối trị. Sự đối đãi còn sờ sờ thì cơ dâm còn ẩn phục. Hẳn tánh đoạn dứt cũng không mới là đoạn diệt chân thật vậy.

Dâm là căn nguyên phiền não, lia đứt nó thì Bồ Đề mới có thể trông mong. Chỉ có dâm là gốc rễ sanh tử, đoạn đứt nó thì Niết Bàn có thể chứng. Nói là đoạn lia như chặt lia chân tay, chẳng dùng lại được. Cái dâm mà đoạn lia, tức là lấy cái chẳng sanh chẳng diệt làm Tâm Nhân Địa, nên đắc chánh định. Chẳng có như thế, nấu cát mà thành cơm làm sao có chuyện ấy được !

Kinh Pháp Hoa nói rằng “Chẳng thể đối với thân người nữ, giữ tướng hay sanh dục tướng mà thuyết pháp cho, cũng chẳng ưa thích thấy. Như có vào nhà, chẳng có truyện trò với người thiếu nữ, trinh nữ, đàn bà góa, cũng chẳng gần với năm loại người bán nam bán nữ, rồi thành thân thiết. Chẳng vào nhà họ một mình. Nếu có nhân duyên cần phải vào một mình, chỉ một lòng niệm Phật. Nếu vì người nữ nói pháp, chớ cười lộ răng, chẳng bày hở ngực. Cho đến vì nói pháp còn chẳng thân mật, huống lại có sự gì khác. Chẳng thích nuôi đệ tử nhỏ tuổi, Sa di ấu thơ, cũng chẳng ưa kẻ đồng môn. Thường thích ngồi thiền, ở nơi vắng vẻ, tu nhiếp tâm mình.”

Đó là phép tắc của Tiên-Phật Thế Tôn như vậy.

Xưa, Đức Nhị Tổ thường trà trộn ở chốn thanh lâu quán rượu, người ta cười cợt.

Tổ nói : “Ta tự điều tâm, nào liên can gì việc người.”

Chẳng phải là người thật ra thoát, làm sao xuống bùn vào nước ?

Thiền sư Bách Trượng Duy Chính thượng đường : “Hòa thượng Nham Đầu lấy ba đồng tiền tìm được bà vợ chỉ biết mò tôm vớt ốc, nhưng lại chẳng biết sanh trai nuôi gái ! Cho đến như nay môn phong đứt tuyệt. Muốn biết vợ Khoát

Công<sup>(1)</sup> chẳng ? Bách Trọng ngày nay chẳng tiếc môi mép, giải rõ cho các ông : chuyện lấy cây trâm cưới vợ đời ít có. Quần vải vẫn còn là y phục thuở lấy chồng. Kỳ thay, lại gọi đó là vợ lão Khoát Công, nguyên lai cùng với mặt mũi Khoát Công tương tự !”

Lại có nhà sư hỏi Tổ Trấn Sơn : “Như sao là gia phong<sup>(2)</sup> Hòa thượng ?”

Tổ Trấn nói : “Túi gấm đầy hương bạc, gió thổi thơm ngập đường.”

Tổ Nham Đầu nghe được, bảo một nhà sư đến nói : “Truyện kể mười tám chi, thờ Phan Lang tốt lắm.”

Tổ Nham Đầu tự nói thiên-phong-lưu, còn Tổ Duy Chính mượn sự chỉ dấu của Tổ Nham Đầu, phong lưu càng lắm. Đều là hoa sen tháng Chạp vậy.

Kinh : “Anan, lại các chúng sanh lục đạo trong các thế giới lòng chẳng giết hại, ắt chẳng theo dòng sanh tử nối tiếp nhau. Ông tu pháp chánh định cốt để ra khỏi trần lao, nếu lòng sát không trừ, thì không thể ra khỏi trần được. Dầu có nhiều trí thiên định hiện tiền mà không đoạn dứt sự giết hại h lẫn lạc vào thân đạo, người bậc trên làm đại lực quý, bậc giữa thì làm phi hành dạ xoa và các loại quỷ soái, bậc dưới thì làm địa hành la sát. Các quỷ thần ấy cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng là thành Đạo Vô Thượng. Sau khi Ta diệt độ, trong đời mạt pháp nhiều thứ quỷ thần này lấy lừng trong thế gian, tự nói ăn thịt cũng được Đạo Bồ Đề.

<sup>1)</sup> Thiên sư Nham Đầu Toàn Khoát.

<sup>2)</sup> Thói nhà.



“Anan, Ta bảo hàng Tỳ kheo ăn năm thứ tịnh nhục, thịt ấy đều do thần lực Ta hóa sanh, vốn không có mạng căn. Bà La Môn các ông, đất đai phần nhiều nóng, ướt, lại thêm cát đá, rau cỏ không sanh, Ta dùng sức Đại Bi gia bị, nhân tâm đại từ bi giả gọi là thịt, các ông cũng nếm được vị ấy.

“Làm sao sau khi Như Lai diệt độ, người ăn thịt chúng sanh mà gọi là Phật tử ! Các ông phải biết, những người ăn thịt đó, đâu có được tâm khai mở, giống như Tam Ma Đề, đều là đại la sát, quả báo hết rồi phải chìm đắm trong bể khổ, chẳng phải đệ tử Phật. Những người như vậy, giết nhau, nuốt nhau, ăn nhau không dứt, làm sao ra được khỏi ba cõi ?

“Ông dạy người đời tu Tam Ma Đề, thứ đến, phải lìa dứt sự sát sanh, đó là lời dạy rõ ràng trong sạch, chỗ quyết định thứ hai của Như Lai Tiên-Phật Thế Tôn.

“Thế nên, Anan, nếu chẳng dứt sự giết hại mà tu thiên định thì cũng như có người tự bịt tai mình, cất tiếng kêu lớn mà mong người khác không nghe, bọn đó gọi là muốn ẩn thì càng lộ. Hàng Tỳ kheo trong sạch, cho đến các vị Bồ tát, đi trên đường rẽ, không dẫm cỏ non, hướng lấy tay nhỏ. Làm sao trong tâm đại bi mà lấy máu thịt của các chúng sanh làm đồ ăn ?

“Nếu các hàng Tỳ kheo không mặc những đồ tơ lụa, lượt là phương Đông và không dùng những giày dép, áo lông hay các thứ sữa, phó-mát, đề hồ, các Tỳ kheo đó đối với thế gian thật thoát khỏi sự báo đền nợ nghiệp, chẳng đi vào trong ba cõi. Vì sao thế ? Dùng bộ phận thân thể chúng sanh là có duyên nợ với chúng sanh, như con người ăn trăm thứ mẽ cốc của đất thì chân không lìa khỏi đất. Quyết phải khiến cho thân tâm đối với bộ phận hay thân

thể chúng sanh đều không mặc, không ăn, những người như thế, Ta mới gọi là thật giải thoát.

“Như Ta nói đây, gọi là lời Phật ; chẳng như đây nói, tức là lời Ba Tuần.

*Thông rằng* : Trong mười hai năm sau khi Phật thành Đạo thì chưa đặt định giới luật, tạm cho Tỳ kheo ăn năm thứ tịnh nhục. Sau đó, nhân đám Lục Quân Tỳ kheo cố tình giết hại để ăn, từ đây đặt định luật phải vĩnh viễn dứt trừ giết hại. Trong các kinh nói năm thứ tịnh nhục là không thấy, không nghe, không nghĩ, cùng là chim chết già, tự chết. Ở đây, nói năm thứ tịnh nhục là do thần lực hóa sanh, cũng giống như ở Ngũ Đài Sơn có một loại thịt bằng thảo mộc, vốn không có mạng căn, nên gọi là tịnh. Con người không bỏ đi sự giết hại, vì để ăn mặc vậy. Nếu mặc áo lông, tơ, sợi của chúng sanh, và ăn máu thịt chúng sanh, đều vì duyên nợ đó chưa thể giải thoát thật sự, muốn ra khỏi ba cõi sao được ?

Như con người trong kiếp ban đầu, hình thể có ánh sáng vàng, chân như dẫm trên mây. Nhân vì ăn chất bổ báo của đất là lúa thơm, nên thân thể cứng nặng, chân chẳng rời đất, cũng vì duyên nợ với đất. Cho nên tu thiền tập định, vốn để tránh tội, trái lại làm điều giết hại, có khác gì bịt tai mà trốn tránh người, đáng ra phải nín hơi thì lại kêu lớn tiếng. Muốn khỏi luân hồi, làm gì có chuyện ấy được. Dầu cho có được thiền định, cũng là tà định của quỷ thần. Cái tà định của quỷ thần tương tự như cái thiền định, nên nói “*Giống như Tam Ma Đề*”, rốt lại phải lạc vào Thần Đạo. Thân thể là loại máu thịt, bộ phận thân thể là loại da lông vậy. Thân chẳng ăn, mặc các thứ ấy, đều do tâm ngăn cấm, nên lấy nhiếp tâm làm giới. Nếu là người

dại giải thoát, không tuân giữ luật này, phải riêng có đây đủ “*một con mắt lẻ*”.

Hòa thượng Hiện Tử, chẳng rõ người xứ nào, từ lúc được ấn tâm ở Tổ Động Sơn bèn chung lộn với thế tục ở Môn Xuyên, mùa Đông mùa Hạ chỉ mặc một áo, hàng ngày nơi bờ sông lượm lật tôm sò để nuôi bụng, ban đêm về ở trong miếu-dốt-giấy-vàng-bạc Bạch Mã.

Thiền sư Hoa Nghiêm Tịnh muốn biết chân, giả. Vào ẩn trước trong miếu-dốt-giấy-vàng-bạc.

Đến khuya, Hiện Tử trở về.

Tổ Nghiêm nắm đứng lại, nói : “Như sao là ý Tổ Sư từ Tây sang ?”

Liên đáp : “Đài mâm rượu trước thần.”

Tổ Nghiêm nói : “Quả thật, đồng sanh căn với ta.”

Không ai biết cuộc đời về sau thế nào.

Đây gọi là *dị loại trung hành*<sup>(1)</sup> vậy.

Tổ Nam Tuyên nhân hai bên nhà Đông, nhà Tây tranh nhau con mèo. Tổ Tuyên bắt gặp, rao bảo với chúng rằng : “Nói được thì cứu được con mèo, nói chẳng được thì chém bỏ vậy.”

Trong chúng không có lời đối đáp. Tổ Tuyên liền chém.

Tổ Triệu Châu từ ngoài về, Tổ Tuyên nêu lại chuyện lúc này.

Tổ Châu liền cởi chiếc dép cỏ để lên đầu mà đi ra.

Tổ Tuyên nói : “Lúc ấy mà có ông thì cứu được con mèo rồi.”

---

<sup>1)</sup> Đi trong các loài khác.

Lại Tổ Tuyết Phong, đang cùng đại chúng làm ruộng, thấy một con rắn, lấy gậy khêu lên.

Rồi kêu chúng rằng : “Xem đây này !”

Bèn lấy dao chặt làm hai khúc.

Huyền Sa lấy gậy hất ra sau lưng chẳng thèm ngó lại. Cả chúng ngạc nhiên.

Tổ Phong nói : “Tài thay !”

Tổ Tuyết Phong thần dụng y tợ Tổ Nam Tuyền. Ngài Huyền Sa chẳng chút gì ngó lại, y cách Ngài Triệu Châu !

Tổ Tuyền thì nói : “Lúc ấy có ông thì cứu được con mèo rồi !”

Tổ Phong thì nói : “Tài thay !”

Cha con hai nhà ấy tiết tấu thành tự, như một ấn mà ấn ra. Chỗ tụng của hai Ngài Tuyết Đậu, Thiên Đồng cũng là y dạng vẽ hồ lô.<sup>(1)</sup>

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Hai nhà đều dẹp hết thiên hòa  
Dấy lên khói bụi ngại gì phiền  
Nhờ được Nam Tuyền đưa cử lệnh  
Một đao hai khúc mặc tình nghiêng.”*

*“Công án nên chẳng hỏi Triệu Châu  
Trường An thành nội mặc nhàn du  
Đầu mang dép cỏ không người hiểu  
Về trong nhà núi tức yên thôi.”*

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

---

<sup>1)</sup> Trái bầu.

“Hai nhà mây nước lấm phiền hà  
 Vương lão sư tăng nghiệm chánh tà  
 Dao bén chặt lia đều mất dấu  
 Thiên cổ bảo người mến tác gia.”

“Đạo này chưa mất, tri âm khá khen !  
 Đẽo núi thấu biển, hê, chỉ tôn Đại Vũ  
 Đội đá vá trời, hê, riêng hiền Nữ Oa  
 Triệu Châu riêng có chỗ sanh nhai  
 Dếp rơm đầu đội có chi sai  
 Đến trong chỗ khác toàn soi tỏ  
 Chỉ cái vàng ròng chẳng lẫn sa (cát).”

Đây là hai, ba lão nhà nghề<sup>(1)</sup> dùng sát sanh làm Phật sự. Ấy là cảnh giới bậc đại nhân, nên người tầm thường chẳng thể đo lường.

Kinh : “Anan, lại các chúng sanh lục đạo trong các thế giới lòng chẳng trộm cắp, ắt chẳng theo dòng sanh tử nối tiếp nhau. Ông tu pháp Chánh Định cốt để ra khỏi trần lao, nếu lòng trộm cắp chẳng trừ, thì không ra khỏi trần được. Dầu có nhiều trí thiền định hiện tiền mà không đoạn dứt sự trộm cắp, hấn lạc vào tà đạo : hạng trên là tinh linh, hạng giữa là yêu mỹ, hạng dưới là người tà bị tà mỹ nhập vào.

“Các đám tà kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng là thành Đạo Vô Thượng. Sau khi Ta diệt độ, trong đời mạt pháp, lấm thứ yêu tà đó lấy lừng trong thế gian, lén núp gian dối, xưng là thiện tri thức. Mỗi kẻ tự xưng đã được pháp siêu nhân, lừa gạt người không biết, dọa

<sup>1)</sup> Tác gia.

dẫn khiến mất lòng tin, chúng qua đến đâu cửa nhà hao tán.

“Ta dạy hàng Tỳ kheo theo pháp khát thực để bỏ lòng tham, thành Đạo Bồ Đề. Các hàng Tỳ kheo không tự nấu ăn, gởi cái sống thừa nương tạm nơi tam giới, thị hiện một lần đi về, đi rồi không trở lại. Làm sao bọn giặc mượn y phục của Ta buôn bán Như Lai, tạo đủ thứ nghiệp mà đều gọi là Phật pháp, lại chê bai các Tỳ kheo xuất gia đầy đủ giới luật là đạo Tiểu thừa ; do chỗ làm cho nghi lầm vô lượng chúng sanh, mà đọa địa ngục Vô Gián.

“Như sau khi Ta diệt độ, nếu có Tỳ kheo phát tâm quyết định tu Tam Ma Đề, ở trước hình tượng Như Lai, chính mình thắp một ngọn đèn, đốt một ngón tay hay ở trên thân đốt một điểm hương, Ta nói người ấy nợ cũ từ vô thủy trong một thời trả hết, đời đời cáo biệt thế gian, vĩnh viễn thoát khỏi các lậu. Người ấy tuy chưa rõ liền con đường Vô Thượng Giác, nhưng đối với Phật pháp đã có tâm quyết định. Nếu không làm được cái nhân xả thân nhỏ mọn ấy, dầu có thành Đạo vô vi, cũng phải sanh lại làm người, trả hết nợ cũ, như chuyện ăn lúa-ngựa của Ta,<sup>(1)</sup> thật không sai khác.

“Ông dạy người đời tu Tam Ma Đề, sau nữa phải đoạn dứt lòng trộm cắp, đó là lời dạy rõ ràng trong sạch, chỗ quyết định thứ ba của chư Như Lai Tiên-Phật Thế Tôn.

“Thế nên, Anan, nếu chẳng dứt trừ trộm cắp mà tu thiền định thì cũng như người rót nước vào chén thủng,

---

<sup>1)</sup> Đức Phật nhận lời thỉnh cầu của Vua Bà La Môn A Kỳ Đạt, an cư nhập Hạ trong nước này. Trong ba tháng Phật và năm trăm đệ tử cùng nhau ăn cơm lúa ngựa. Đây là một trong thập nạn của Phật.

mong cho được đầy, dầu trải qua số kiếp nhiều như bụi, rốt chẳng thể đầy. Như các Tỳ kheo, ngoài y bát ra, may mắn không tích trữ, xin bữa ăn có dư thì bố thí cho chúng sanh đói ; nơi nhóm hội lớn, chấp tay vái chào đại chúng, có người đánh mắng cũng đồng như khen ngợi, quyết tự buông bỏ thân tâm, máu xương thân thịt chung với chúng sanh, không đem lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ hiểu của mình, làm lầm lạc người mới học, thì Phật ấn chứng cho người ấy thật được tam muội.

“Như Ta nói đây, gọi là lời Phật ; chẳng như đây nói, tức lời Ba Tuần.

*Thông rằng* : Tham mà chẳng ngừng hẳn đến chỗ lên cấp. Trộm cắp vật của người để nuôi thân mình, hại chỉ ở thân mà thôi, cho nên thấp đèn đốt tay hẳn có thể đèn xong. Còn buôn bán lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai, lấy làm chỗ hiểu của mình để lầm lạc người mới học, đó là kẻ trộm cắp pháp vậy, hại này không kể xiết, bởi trong lòng khẩn khít cái tự ái, muốn có riêng sở trường, chưa thể tự buông bỏ. Bỏ thân dễ, bỏ tâm khó. Phải khiến thân tâm đều xả bỏ thì tâm trộm cắp ắt trừ, thế mới nói được là thật đắc tam muội vậy.

Xưa, có Bà La Môn<sup>(1)</sup> họ Hắc vận thần lực, vui vẻ dùng hai tay đỡ lên cao hai cây bông ngô đồng đến cúng dường Phật.

Đức Phật gọi lớn : “Tiên nhơn !”

Người Bà La Môn ứng tiếng “ạ.”

Phật bảo : “Buông bỏ đi !”

Người Bà La Môn liền buông một cành bông bên tay trái.

---

<sup>1)</sup> Bà La Môn xứ này gọi là Tịnh Duệ, nòi giống trong sạch.

Phật lại gọi lớn : “Tiên nhơn, buông bỏ đi !”

Người Bà La Môn lại liền buông một cành bông bên tay phải.

Phật lại gọi : “Tiên nhơn, buông bỏ đi !”

Người Bà La Môn nói : “Bạch Thế Tôn ! Nay con hai tay đều không, Ngài còn dạy buông bỏ cái gì ?”

Phật nói : “Ta chẳng dạy ông buông bỏ cây bông đi. Ông phải buông bỏ ngoài sáu trần, trong sáu căn, giữa sáu thức, buông bỏ hết một lượt. Cái chỗ không có gì để buông bỏ chính là chỗ khởi sanh tử của ông.”

Người Bà La Môn ngay nơi lời ngộ Vô Sanh Nhẫn.

Thiền sư Hoàng Long Duy Thanh được ấn tâm ở Tổ Hối Đường, thường vì người nói : “Người học Đạo ngày nay chưa thoát khỏi sanh tử, bệnh ở tại chỗ nào ? Bệnh ở lòng trộm cắp chưa chết vậy. Nhưng đó không phải là tội của người ấy, mà là tội của ông thầy vậy. Như Hán Cao Đế đối gạt Hàn Tín mà giết đi thì Hàn Tín tuy chết mà tâm nào có chết ? Người học Đạo đời xưa, ngay lời nói thoát sanh tử. Công hiện tại chỗ nào ? Vì lòng trộm cắp đã chết vậy. Nhưng chẳng phải người học tự có thể đâu, chính do ông thầy kèm kẹp đập phá kín nhiệm vậy. Như Lương Võ Đế ngụ tại sân châu, thấy Hầu Cảnh chẳng động âm hơi, lòng Hầu Cảnh đã khô kiệt không còn gì cả vậy. Chỗ nói của các phương, chẳng phải không đẹp để nhưng nói cho cùng thì như Triệu Xương<sup>(1)</sup> vẽ hoa, hoa tuy giống thật nhưng chẳng phải là hoa thật !”

Đây đáng làm giới răn kẻ buôn bán Như Lai.

---

<sup>1)</sup> Người xứ Kiến Nam, đời Tống, thiện nghệ về nghề vẽ bông, trái, cỏ cây, bướm, ong... sắc màu, nét vẽ trông y như thật.



Kinh : “Anan, chúng sanh lục đạo trong thế giới như thế, tuy thân tâm không có sát, đạo, dâm ba hạnh đã tròn nhưng nếu có đại vọng ngữ thì tam ma đề không được thanh tịnh, thành ma ái kiến, mất giống Như Lai. Đó là chưa được mà nói được, chưa chứng nói là chứng. Hoặc cầu sự tôn trọng tốt bậc của thế gian, bảo người khác rằng “Tôi nay đã đắc quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, đạo A La Hán, thừa Bích Chi Phật, Tam Hiền hay Bồ tát Thập Địa”, trông mong người kia lễ sấm, tham sự cúng dường. Đó là những kẻ nhất-điên-ca, tự diệt giống Phật, như người lấy dao chặt cây Đa La ; Phật nói người ấy mất hẳn căn lành, không còn chánh tri kiến, chìm trong ba biển khổ, chẳng thành tam muội.

“Ta bảo các hàng Bồ tát và A La Hán, sau khi Ta diệt độ, Ứng Thân sanh vào đời mạt pháp, mang đủ thứ hình, độ người chìm đắm. Hoặc làm Sa môn, cư sĩ áo trắng, vua chúa, quan lại, đồng nam, đồng nữ như thế cho đến người dâm nữ, quả phụ, người gian dối, trộm cắp, người đồ tể, buôn bán, cùng họ đồng sự, khen ngợi Phật Thừa, khiến cho thân tâm họ vào tam ma địa, nhưng rốt ráo chẳng tự nói ra tôi thật là Bồ tát, thật là A La Hán, khinh xuất nói với người chưa học, làm tiết lậu mật nhân của Phật. Chỉ trừ ra đến lúc lâm chung, hoặc chẳng thâm có lời di chúc. Làm sao hạng người ấy có thể rời gạt chúng sanh để thành đại vọng ngữ.

“Ông dạy người đời tu Tam Ma Đề, sau hết phải đoạn trừ các đại vọng ngữ, đó là lời dạy rõ ràng trong sạch, chỗ quyết định thứ tư của chư Như Lai Tiên-Phật Thế Tôn.

“Thế nên, Anan, nếu không đoạn dứt được đại vọng ngữ thì như khắc phân người làm ra hình cây Chiên Đàn,

muốn có hương thơm, thế nào có chuyện ấy. Ta dạy hàng Tỳ kheo, trực tâm là đạo tràng, trong bốn oai nghi, tất cả hành vi, còn không chút hư dối, hướng sao tự xưng đắc pháp thượng nhân, ví như người hèn mạt tự xưng bậy là đế vương, tự chuốc lấy sự tru diệt. Hướng là bậc Pháp Vương, làm sao đặt bày hư vọng ? Nhân địa chẳng chân, quả phải quanh co, thế mà cầu Phật Bồ Đề, như người cần rốn, muốn thành tựu cái gì ? Như các Tỳ kheo, tâm như dây đàn thẳng, mỗi mỗi chân thật mà vào tam ma địa, vĩnh viễn không có ma sự. Ta ấn chứng người ấy thành tựu Tri Giác Vô Thượng của Bồ tát.

“Như Ta nói đây, gọi là lời Phật ; chẳng như đây nói, tức là lời Ba Tuần.

*Thông rằng* : Thân, khẩu, ý đầy đủ mười nghiệp. Thân nghiệp là dâm, sát, đạo. Ý nghiệp là tham, sân, si. Khẩu nghiệp là ác khẩu, lưỡng thiệt, ý ngữ, vọng ngữ. Thân tâm không có hành động sát, đạo, dâm có thể tin là không có ác khẩu, lưỡng thiệt, ý ngữ. Duy cái đại vọng ngữ dường là còn đấy. Vì sao thế ? Trong không có tâm sát, đạo, dâm, ngoài không có việc sát, đạo, dâm, ba hạnh đã tròn, trong ngoài thanh tịnh, đời chẳng có nhiều. Nhưng xét theo Tối Thượng thừa, chưa là kỳ lạ. Bởi căn si kia khó trừ, nên trong tam ma địa, vẫn còn ái kiến. Mới bèn nói láo, xưng là đã chứng được Thập Địa, hay Tam Hiền là Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, cho đến Bích Chi Phật, Bốn Thánh Quả. Ý đồ tham sự cúng dường, tức là ái ma. Cho là vào bậc Thánh, tức là kiến ma.

Ở trước nói là hàm ái kiến, là tâm vướng mắc nơi cảnh, mất đường Bồ Đề, là chẳng giã sạch mầm móng vậy. Ở đây nói về ma ái kiến, tâm kẹt nơi pháp, mất giống Như

Lai, là người giúp cho mầm giống lớn lên vậy. Người chẳng giẫy sạch mầm giống mà hồi tâm hướng Đạo, còn được Bồ Đề. Người giúp mầm giống thêm lớn, chiếm ngôi đế xứng vương, tự ôm lấy sự tru diệt, nên cái hại thật là quá lắm. Nói rằng yếu chỉ, hiểu biết sai lầm mà cho là cực tặc, khiến cho chúng sanh chẳng còn biết có việc hướng thượng, nên làm tiêu mất hạt giống Phật. Chuyện đại vọng ngữ há không nên răn cấm ư? Như người trong quả vị, Ứng Thân hiển hóa còn chẳng dám coi thường tiết lậu mật nhân, tự nói ra chỗ đắc.

Như Hòa thượng Pháp Hoa Chí Ngôn,<sup>(1)</sup> sắp hóa (tịch), gọi người nói : “Ta từ vô lượng kiếp đến nay, thành tựu qua nhiều quốc độ, phân thân xiển dương giáo hóa, nay trở về Nam !”

Nói xong, nằm nghiêng bên phải mà tịch.

Ông Tập Tiên Vương Chất hỏi Tổ Pháp Hoa : “Như sao là ý Tổ Sư từ Tây sang ?”

Tổ nói :

*“Trong bóng núi xanh suối lam khởi  
Tháp báu cao ngâm lay gió mai.”*

Lại nói : “Mời Thầy Pháp Hoa đốt hương.”

Tổ nói : “Chưa từ trai-giới kiếm. Chẳng hướng phía Phật cầu.”

Hoặc hỏi : “Sư là phàm ư, là Thánh ư ?”

Bèn đỡ tay lên, nói rằng : “Tôi chẳng trụ trong ấy.”

---

<sup>1)</sup> Tổ Thứ Sáu trong phái Thiên Thai ở Đông Độ, hiệu Trí Oai Thiền sư. Lập Thiền lâm ở Thái Châu, Phổ Thông Sơn nơi có tên Pháp Hoa, kẻ học thiền có 300 người, kẻ nghe giảng có 700 người. Do đó gọi hiệu là Pháp Hoa Tôn giả.

Xem người ở trong quả vị, lời lẽ riêng khác, nào làm chuyện đối vọng.

Nhà sư hỏi Tổ Dược Sơn : “Như sao là cái rất báu trong Đạo ?”

Tổ Sơn nói : “Chẳng cong nịnh.”

Hỏi : “Khi chẳng cong nịnh thì sao ?”

Tổ Sơn nói : “Nghiêng nước (quốc) chẳng đổi.”

Đức Tịnh Danh nói rằng : “Trực tâm là đạo tràng, vì không hư giả.”

Tâm như dây đàn thẳng tắp, mỗi mỗi chân thật, thì không chỉ vĩnh viễn không có ma sự, mà đối với Tri Giác Vô Thượng cũng như thế thành tựu. Giới đại vọng ngữ này sau khi ba hạnh đã tròn, thấu nhiếp nó ắt thành Tri Giác Vô Thượng, còn chẳng giữ ắt chìm ba biển khổ. Giới này duyên với thân tâm trong sạch thì sức mạnh cực lớn. Một niệm chẳng giới thì sự trong sạch của thân tâm chẳng còn thiện dụng, mà là ác dụng, cái ác ấy là muốn khác người vậy. Nên sự giới cấm càng phải nhiệm mật.

Trước đã nói “*Nhiếp tâm là giới, nhân giới sanh định, nhân định phát huệ, đó là ba vô lậu học*”. Bây giờ chỉ nói rõ ràng bốn cấm giới, mà chẳng nói đến định, huệ. Sao thế ? Ngay trong giới thì định huệ đã tự sẵn, vốn là một thể, vốn không có thứ lớp trước sau.

Như nói rằng “*Ông dạy người đời tu Tam Ma Đề*”, thì nào không từng lấy định huệ làm gốc. Đến chỗ nói, “*Phật ấn chứng người ấy thật được Tam Muội*”, thì đó là bằng chứng rõ ràng của sự “*Nhân giới sanh định*” vậy.

Lại nói rằng “*Ta ấn chứng người ấy thành tựu Tri Giác Vô Thượng của Bồ tát*” thì đó là bằng chứng rõ ràng “*Nhân*

*định phát huệ*" vậy. Cho nên ngay nơi giới là định huệ tự tại, chẳng phải riêng cầu cái gọi là định huệ vậy.

Ba Vô Lậu Học này chỉ bậc A La Hán chứng được. Người chứng Đạo này là Giết giặc, là Vô Sanh, là Ứng Cúng, là Làm Ma sợ, không đủ nói hết.

Ba Tuần là tên của Vua Ma, đây nói là kẻ ác.



## PHỤ LỤC

Kinh Lăng Nghiêm, Quyển VI, nói rằng “Từ Văn, Tư, Tu vào Tam Ma Địa. Ban đầu ở trong cái nghe, vào dòng mất sở. Chỗ vào đã lặng, hai tướng động tĩnh rõ ràng chẳng sanh. Như thế tăng dần, cái nghe và chỗ nghe hết, cũng không trụ vào cái hết nghe này, thì cái giác và chỗ giác đều không. Cái *không giác* cùng tột tròn vẹn, thì *năng không* và *sở không* đều diệt. Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền.”

Đây là cửa vào Đạo của Bồ tát Quán Thế Âm, lý rất tinh thâm, ngôn ngữ luận bàn chẳng tới nổi.

Tôi tình cờ cùng Pháp sư Càn đàm luận, thấy có ý vị, nhân thuật ra đây.

Chỗ nói rằng “*Từ Văn, Tư, Tu mà vào Tam Ma Địa*” là nói từ việc “*Xoay lại cái nghe*” mà suy xét (Tư) ; từ *xoay lại cái nghe* mà Tu. Tức từ *xoay lại cái nghe* mà thể nhập, cho đến địa Chánh Định chẳng sanh chẳng diệt. Tam Ma Địa này vốn không động lay, lặng trong thường tịch. Chỉ vì cảm theo thanh trần, nên cái căn nghe dính che tánh trong lặng mà khởi ra, cho đến nghe tiếng rồi đuổi theo tiếng, trôi lăn mà quên trở lại, cách lia hẳn với Tam Ma Địa rồi vậy.

Như chỉ từ Văn, Tư, Tu mà vào, thì tánh Nghe tức là Lý, Tư là Trí, Tu là Hạnh. Ba đức Lý, Trí, Hạnh viên dung, cùng đến một lúc. Cho nên, hễ xoay lại cái nghe thì Tư (suy xét) đã ở trong ấy rồi ; hễ xoay lại cái nghe thì Tu đã ở trong ấy rồi. Cái thánh huệ Tư, Tu từ chỗ xoay lại cái nghe mà sanh, bước bước về Chân, địa địa tăng tiến, như văn đoạn sau nói rõ, đó là thứ tự vào Tam Ma Địa.

Ban đầu, ở trong cái nghe, ngược dòng mà xuôi vào : chẳng vào thanh trần mà vào dòng Thánh, tức cùng Tự Tánh nương nhau, ngoài mất đi cái sở.

Phàm cảm nhận thanh trần hẳn phải có cái sở, nay tuy mất cái sở, còn chưa vắng lặng được. Đang khi tiếng động, thì thấy có tướng động mà muốn cho mất đi. Đang khi tiếng im lặng thì thấy có tướng tĩnh mà muốn theo trụ vào. Hai tướng động tĩnh rõ ràng nên chưa có thể vắng lặng. Tuy từ chỗ mất đi cái sở mà nhập vào cho đến chỗ tịch nhiên, mà cái động tự nó động, ta chẳng biết cái động ấy, thì tướng động nào có tự sanh ? Cái tĩnh ấy là tự tĩnh, ta chẳng biết cái tĩnh, thì tướng tĩnh nào tự có sanh ? Mất cái sở đến cùng cực, thì không chỉ tướng động bất khả đắc, mà tướng tĩnh cũng bất khả đắc vậy.

Hai tướng động tĩnh đó là chỗ duyên ra của cái căn nghe, nên là cái cảnh sở văn. Hai tướng chẳng sanh, rõ ràng sáng tỏ, đó cũng là cái căn năng văn. Mất cái sở văn thì dễ, mà mất cái năng văn thì khó. Như thế tăng dần, đi tới chẳng ngừng, đã mất cái sở, lại mất cái năng, thì cả sở văn và năng văn đều hết sạch. Sở văn (chỗ nghe) là thanh trần. Từ chỗ mất cái sở lần lần cho đến khi sở văn hết, rốt không có gì để nghe nữa, ắt thanh trần tiêu mất vậy. Năng văn là cái căn nghe. Từ vào dòng lần lần cho đến chỗ năng văn hết, rốt không còn cái nghe ắt căn nghe tiêu mất. Căn, trần đều mất, quay về chỗ dứt tận. Có tướng hết để được, tức là *chấp không*. Nếu trụ nơi không, thì tuy được sở giác không mà chưa được năng giác không vậy. Nay ngoài hết sạch các trần, trong hết sạch căn nghe, như vậy chỗ hết nghe cũng không trụ bám, thì không chỉ sở giác không mà năng giác cũng không.

Sở giác không, là nhân vô ngã. Năng giác không, là pháp vô ngã. Chứng Nhân vô ngã dễ, chứng Pháp vô ngã khó. Phải lấy cái Chân Không Đại thừa mà *không* thì năng giác mới không. Có cái *không* để không cái Giác, thì cái không chưa được toàn vẹn. Có cái Giác để giác cái không thì cái Giác chưa được viên dung. Độc chỉ lấy cái Không mà không cái Giác, cùng quên đi cái Không, lấy cái Giác mà giác cái Không, cùng quên đi cái Giác mới có thể gọi là Viên Dung vậy.

Nhưng như vậy còn chưa cùng cực. Cùng cực thì Không tức là Giác, cầu tướng Không chẳng thể có. Giác tức là Không, cầu tướng Giác chẳng thể có. Đó là Giác mà không có giác, Không mà không có không, nên mới là toàn vẹn rốt ráo. Độc chỉ Giác cùng cực tròn đầy, nên không có tướng giác để đắc, thì cái sở không diệt. Độc chỉ Không cùng cực, tròn đầy, nên không có tướng không để đắc, thì cái năng không cũng diệt. Sở không diệt, đó là pháp không. Năng không diệt, đó là không không. Năng không, sở không đều chẳng sanh, mới gọi là "*Sanh diệt dã diệt*" vậy.

Còn tiếng thì có tiếng sanh, tiếng diệt. Còn cái nghe thì có cái nghe sanh, cái nghe diệt. Còn cái Giác thì có cái Giác sanh, cái Giác diệt. Còn cái Không, thì có cái Không sanh, cái Không diệt. Đều là chưa lìa sanh diệt. Nay nhân không, pháp không, mà lại không không, phạm các thứ thuộc về sanh diệt đều đã diệt hết. Đó là chẳng sanh, chẳng diệt, một tánh Chân Như hiện bày trước mắt. Ôi, một tánh Chân Như sở dĩ chẳng hiện tiền, đều là do các pháp sanh diệt che khuất. Nay một máy tơ sạch ráo, Chân Thể lộ bày, vốn tự tịch nhiên, vốn không có diệt, chẳng phải diệt dứt rồi sau mới diệt, nên gọi là Tịch Diệt.



Cái tánh tịch diệt này tùy chỗ hiển bày, chẳng cầu là tiếng mà tiếng tắt tự tịch diệt, chẳng cầu là nghe mà cái nghe tự tịch diệt, chẳng cầu là giác mà giác tự tịch diệt, chẳng cầu là Không mà Không tự tịch diệt. Tịch diệt hiện tiền, chỗ nào chẳng Không ư ?

Tam Ma Địa này, tức Đại Định Thủ Lăng Nghiêm, nên pháp môn Phản Văn, Xoay Lại Cái Nghe, là cương lĩnh bộ kinh này.

Đã được tịch diệt hiện tiền, phát khởi từ bi diệu dụng, thì há có pháp nào khác để độ người ư ? Đời có người chưa được nhân không thì nói nhân không để độ. Đời có người chưa được pháp không thì nói pháp không để độ. Đời có người chưa được không không thì nói không không để độ. Cần yếu là về chỗ tịch diệt hiện tiền mà thôi vậy.

Đây là Nhất Tâm của Phật Phật, chẳng phải riêng gì Đức Quan Âm !

Chứng Đạo Ca của Ngài Vĩnh Gia nói :

*“Tâm là căn, pháp là trần  
Cả hai như dấu vết trên gương  
Vết như hết sạch, quang bày hiện  
Tâm pháp đều vong, Tánh tức Chân.”*

Đại ý là vậy.

